

QUAN HỆ GIỮA VIỆT NAM VÀ HOA KỲ

1945 – 1967

IV-A-2

VIỆN TRỢ CHO PHÁP TẠI ĐÔNG DƯƠNG

1950 – 1954

Lời người dịch:

Sau khi dịch Bí Mật Ngũ Giác Đài Phần I, II, III và IV-B-5, tôi lắng đọng với nỗi buồn không dịch chi cả suốt mấy tháng nay. Buồn vì gửi đâu cũng không mấy nơi đăng dù đó là một phần (vì còn dịch tiếp) sự thực vì sao Đất Nước chúng ta bị chia hai, hàng triệu người dân Việt ngã xuống, thương vong, tàn phá vô cùng mà sao thiên hạ lơ là đến thế. Thôi, buồn thì buồn, dịch thì cứ dịch. Không đăng thì ta đọc một mình, ai quan tâm thì ta gửi. Đơn giản cuộc đời cho dễ sống. Tình yêu cho Tổ Quốc quê hương, mỗi người một cách thể hiện và nhìn nhận.

Năm 1945, không ít hơn tám lần, ông Hồ Chí Minh đã liên lạc với Tổng Thống Mỹ để yêu cầu Hoa Kỳ công nhận Độc Lập cho Việt Nam hay ít nhất là đưa Việt Nam vào giám hộ quốc tế như Mỹ đã giám hộ Phi Luật Tân. Đây là một sự kiên hết sức quan trọng, không những quan trọng ở chỗ tôi cho rằng ý đồ chính trị của ông Hồ muốn Việt Nam ngã về phía Tự Do (Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của nước Mỹ và Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền năm 1791 của cách mạng Pháp ngay khi mở đầu bản Tuyên ngôn Độc lập[theo ông Bùi Tín] là bằng chứng). Quan trọng là ở chỗ ông Hồ đã tự mình

đóng dấu ấn “không trung kiên” mà sau này khi Việt Minh phải ngã vào vòng tay của khối Cộng Sản thì dấu ấn đó sẽ không bao giờ Mao Trạch Đông bỏ qua.

Khi đã “bao thầu” cho Việt Minh đánh Pháp thì Tàu không thể gạt Hồ Chí Minh ra ngoài vì uy tín của ông Hồ quá lớn, để yên cho ông Hồ và Việt Minh trọn quyền hành động là không thể có, vì Tàu vừa là kẻ xuất chi vừa là kẻ mưu đồ Đại Hán. Cái logic chính trị là Tàu sẽ tiếp tục ủng hộ ông Hồ nhưng không chế kiểu vòng Kim Cô của Phật Bà Quan Âm. Cài cắm chung quanh ông Hồ vài Lê Chiêu Thống [Hoàng Văn Hoan chẳng hạn] đủ để khuynh đảo Bộ Chính Trị và đủ để tiến hành các động tác có lợi cho Tàu (đẩy nguy cơ chiến tranh với khối Tư Bản ra khỏi Tàu để có đủ thời gian yên ổn mà xây dựng). Cách làm này nhà chính trị nào cũng làm, không cần cao kiến để hiểu. Có lẽ ngày nay, thể chính trị đó cũng không gì khác, chỉ khác là không còn một nhân vật trung tâm.

Bí Mật Ngũ Giác Đài phần IV-A-2 (tôi dịch trước phần IV-A-1 vì nó trực tiếp đến quyết định của Mỹ tham gia vào chiến tranh Đông Dương) một lần nữa cho thấy Thực Dân Pháp tham lam, ngu xuẩn và gian dối là tác nhân quan trọng nhất đã đưa Việt Nam vào thế tương tàn nội da xáo thịt. Dịch, đọc mà thương cho nước Mỹ: quyết tâm mạnh mẽ của họ thúc đẩy Pháp trao trả Độc Lập cho Việt Nam đã bị Pháp thao tác (manipuler) cài vào thế bí và Pháp không giao Độc Lập cho Việt Nam, kịp thời để chủ nghĩa Dân Tộc đủ thời gian phát triển và lớn mạnh để có được lòng dân, đủ để thành một lực lượng có tiếng nói quan trọng trong lòng Dân Tộc.

Người Mỹ can thiệp vào chiến tranh Đông Dương nhưng tránh không đưa quân vào. Vì sao? Kinh phí chiến tranh lớn? sợ đụng đầu trực tiếp với Trung Cộng? Nhưng vì sao họ đã loại Tổng Thống Ngô Đình Diệm để rồi mang hàng triệu lính vào rồi bỏ đi sau khi đã mất hơn 58 ngàn thanh niên ở đó? Vì TT Diệm muốn cởi bỏ vòng Kim Cô? vì muốn cách ly hai tay to đầu Cộng Sản, hay vì đã tới lúc Mỹ phải làm như vậy để xâm nhập thị trường hơn một tỉ dân Tàu? Dù trong thế trận nào đi nữa giữa các cường quốc, một dân tộc nhược tiểu chỉ có con đường chịu trận.

Ngày nay, theo Mỹ thì sợ Tàu đánh, Mỹ che rồi Mỹ bỏ kiểu VNCH, theo Tàu thì sợ nó cho món “nô lệ ngàn năm” gặm một nhĩ. “Sống chung với lũ”, đảng Cộng Sản Việt Nam đang rằm rì với nhau đó là giải pháp trước nguy cơ xung đột với Tàu. Ngày xưa ông Hồ bảo “ta trăm lần, ngàn lần chịu ơn Trung Quốc”, lập tức câu nói thành một thứ mệnh lệnh cho đảng viên (và đảng viên lại đề lên dân) vòng tay vâng dạ với Tàu. Nói gì nghe đấy bảo gì làm đấy. Suy nghĩ cho kỹ các ông cộng sản Việt Nam ơi, Tổ Quốc là trên hết đấy.

Nguyễn Quốc Vĩ

Tóm Lược

Quyết định của Hoa Kỳ cung cấp viện trợ quân sự cho Pháp và các nước Đông Dương... đã đạt được một cách không chính thức trong tháng Hai / tháng Ba năm 1950, được Tổng thống chấp nhận tài trợ vào ngày 01 tháng 5 năm 1950, và được công bố ngày 08 tháng 5 năm đó. Quyết định này được thực hiện mặc dù mong muốn của Hoa Kỳ là tránh tham gia trực tiếp vào một cuộc chiến tranh thuộc địa, và mặc dù Hoa Kỳ đã nhận biết về tình hình chính trị-quân sự của Pháp ở Đông Dương là xấu và ngày càng trở nên tệ hại. Hơn thế nữa, những dự đoán cho rằng viện trợ Hoa Kỳ sẽ tạo được một sự khác biệt đáng kể trong diễn biến của chiến tranh Đông Dương đã được đánh giá cao.

Tình huống mà quyết định này đã được thực hiện hoàn toàn bị chi phối bởi việc lần chiếm và củng cố quyền lực ở Trung Quốc bởi Cộng sản. Lực lượng Quốc Gia Trung Quốc đã rút khỏi Trung Hoa Lục Địa và quân đội Trung Cộng đã đến sát biên giới Đông Dương vào cuối năm 1949. Thời kỳ này là đỉnh điểm của Hoa Kỳ lo ngại về việc Trung Cộng có thể can thiệp trực tiếp vào Đông Dương. NIE số 5 ngày 29 tháng 12 1950 nêu rõ [*NIE National Intelligent Estimate – Ước tính Tình Báo Quốc Gia*]:

"Việc quân Trung Cộng trực tiếp can thiệp có thể xảy ra bất cứ lúc nào... gần như chắc chắn việc đó sẽ xảy ra mạnh mẽ bất cứ khi nào Việt Minh có nguy cơ thất bại quân sự trong việc đánh đuổi Pháp ra khỏi Đông Dương, hoặc chính phủ Bảo Đại đạt được thành công trong việc phá hoại sự viện trợ [của quần chúng] cho Việt Minh".

Lý do của quyết định là quan điểm của Hoa Kỳ cho rằng việc Liên Xô bành trướng vùng kiểm soát bởi chủ nghĩa cộng sản ở Châu Á và ở Châu Âu đã đòi hỏi, vì lợi ích an ninh của Hoa Kỳ, phải có một sự ngăn chặn [Cộng Sản] ở Đông Dương. Lý thuyết domino là khá nổi bật. Vào ngày 6 tháng Ba 1950, Bộ trưởng Quốc phòng đã viết cho Tổng Thống như sau: *"Chọn lựa mà Hòa Kỳ phải đối mặt hoặc phải viện trợ các chính quyền hợp pháp ở Đông Dương hoặc phải đối mặt với sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản trên phần còn lại của khu vực lục địa Đông Nam Á và có thể cả về phía Tây ..."* Mặc dù đã có tuyên bố như thế, một đề xuất lại được mọi người chấp nhận rằng *"bất kể hiện nay Hoa Kỳ đang cam kết một viện trợ quân sự nhất định cho Trung Quốc [phe Quốc Gia của Tưởng Giới Thạch], Hoa Kỳ sẽ không cam kết bất kỳ một lực lượng vũ trang nào để bảo vệ Đông Dương chống lại xâm lược công khai từ nước ngoài, theo như hoàn cảnh hiện tại."*

Quyết định bắt đầu viện trợ quân sự cho Pháp và các nước Đông Dương đã không được thành hình với những ảo tưởng về một hy vọng lớn. Trong tháng 4 năm 1950, Tham Mưu Trưởng Liên Quân đã không tiến xa hơn việc nói rằng viện trợ được nhanh chóng bàn giao sẽ không tạo được gì nhiều hơn là đưa ra một "khả năng thành công." Tháng 7 năm 1950, Tướng Erskine, sau khi hoàn thành công tác được Tổng Thống giao phó [thăm tra] ở Đông Dương, đã báo cáo rằng "số lượng viện trợ và phạm vi của sự hỗ trợ, đến nay theo yêu cầu của người Pháp là không đủ để đáp ứng nhu cầu của tình hình." Tất cả mong đợi của Hoa Kỳ dường được củng cố bởi niềm tin của Tham Mưu Trưởng Liên Quân là "mục tiêu của Hoa Kỳ ở châu Á chỉ có thể đạt được qua sự thành công cuối cùng ở Trung Quốc."

Kết quả của quyết định trên là pha trộn. Mặc dù việc thực hiện quyết định *[viện trợ quân sự]* phần nào đạt thành công là ở chỗ nó cho phép người Pháp tiếp tục chiến dịch quân sự ở Đông Dương đến thời điểm Hiệp định Genève, viện trợ quân sự đến lúc ấy là một thất bại to lớn cho một công cụ chính sách của Hoa Kỳ: không đảm bảo được cho Pháp một thành công quân sự, tạo lợi thế để ảnh hưởng đến tình hình chính trị, cũng không ngăn cản được việc miền Bắc Việt Nam mất vào tay cộng sản tại Giơ-ne-vơ.

Cơ quan MAAG Indochina của Hoa Kỳ đã không thể thực hiện được gì ngay cả những chức năng hạn chế đã được giao phó. Người Pháp không bao giờ háo hức với các cố vấn Hoa Kỳ, họ đã thành công trong việc hạn chế các chức năng của MAAG chỉ trong việc nhận đơn đặt hàng mang tính chất như những giao dịch thương mại. (MAAG: **Military Assistance Advisory Group**). *[mà người cung cấp phải theo điều kiện của người mua]*.

Góp phần vào quyết định ban đầu của Hoa Kỳ về việc viện trợ cho Pháp, và làm hạn chế hiệu quả của các chương trình viện trợ của Hoa Kỳ, là (1) đưa ra các điều kiện tiên quyết không thể thực hiện khi quyết định viện trợ cho Pháp, (2) Hoa Kỳ có khuynh hướng chấp nhận một cơ hội thành công mong manh mà không đặt nặng vào những biện pháp thay thế, (3) việc xem nhẹ các lựa chọn thay thế dẫn đến những quyết định lòng vòng nhằm tăng sức cho các chính sách hiện có, (4) những thất bại liên tục trong những thương lượng hiệu quả giữa Hoa Kỳ với Pháp, và (5) bộ máy hoạch định chính sách Hoa Kỳ dễ bị tổn thương vì sự giả mạo, đặc biệt là về việc Hoa Kỳ cả tin sẵn sàng chấp nhận những thông tin từ Pháp chỉ có giá trị trên bề mặt và rất đáng nghi là có những vết tích "màu đỏ" bên trong.

Quyết định viện trợ cho Pháp và các nước Đông Dương là trọng tâm cho cuộc thảo luận này, nó chỉ là một trong số hàng trăm vấn đề mà Chính phủ Hoa Kỳ bận tâm trong thời gian mà nó được xem xét - **sự sụp đổ của Trung Quốc và chiến tranh Triều Tiên** - và có lẽ nó đã không được những người làm chính sách xem như một trong các quyết định quan trọng của họ. Không có bằng chứng của bất kỳ quan chức cao nào của Hoa Kỳ đưa ra bất kỳ ý kiến nào cho rằng ngưỡng cam kết quan trọng đã bị vượt qua. Đã

có, tuy nhiên, nhiều người cho rằng lập trường quan trọng của Hoa Kỳ về việc chống chủ nghĩa Thực Dân đang bị huỷ hoại. Những tiếng nói (cơ bản là từ công chúng) đã bị át đi bởi những người ủng hộ việc phải đối phó với vấn đề an ninh trước mắt. Tâm quan trọng của quyết định là khi Hoa Kỳ đã phải đối mặt với một sự lựa chọn rõ ràng giữa chính sách chống chủ nghĩa Thực Dân và chính sách chống Cộng Sản, họ đã chọn cái sau. Và, mặc dù quyết định này đã không được Hoa Kỳ nhận thức sâu xa hơn là một sự "tham gia" ở Đông Dương, nhưng nó đã đánh dấu một bước đi cụ thể đầu tiên theo hướng đó.

IV-A-2

VIỆN TRỢ CHO PHÁP TẠI ĐÔNG DƯƠNG: 1950 – 1954

Mục Lục

- 1. Hoa Kỳ và chiến tranh thuộc địa của Pháp**
- 2. Ngăn chặn của chủ nghĩa cộng sản**
- 3. "Đường ngăn chặn" và "Lý thuyết Domino"**
- 4. Nhận thức về các mối đe dọa từ Cộng sản Trung Quốc**
- 5. Nhận thức tình hình ở Việt Nam**
 - a. Tình hình quân sự
 - b. Tình hình kinh tế và chính trị
 - c. Mục tiêu của Pháp trong Việt Nam
 - d. Pháp quyết tâm duy trì tại Việt Nam
- 6. Quyết định Viện trợ cho Pháp và các nước Đông Dương**

- a. Pháp yêu cầu trợ giúp
- b. Đoàn Công Tác Griffin
- c. Quan điểm của J.C.S (Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân)
- d. Tổng thống Phê duyệt
- e. Đoàn Công Tác Erskine
- f. JCS đánh giá lại

7. MAP cho Đông Dương

- a. Tầm quan trọng
- b. Hiệu quả

8. Phê bình

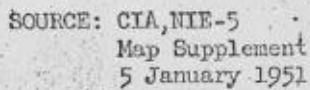
- a. Đánh giá sai về Pháp
- b. Chấp nhận cơ hội mong manh
- c. Chính sách lòng vòng
- d. Thương lượng yếu kém
- e. Không đúng sự thật
- f. Không cân nhắc chi phí

Phần chú thích

DISSIDENT ACTIVITIES IN INDOCHINA

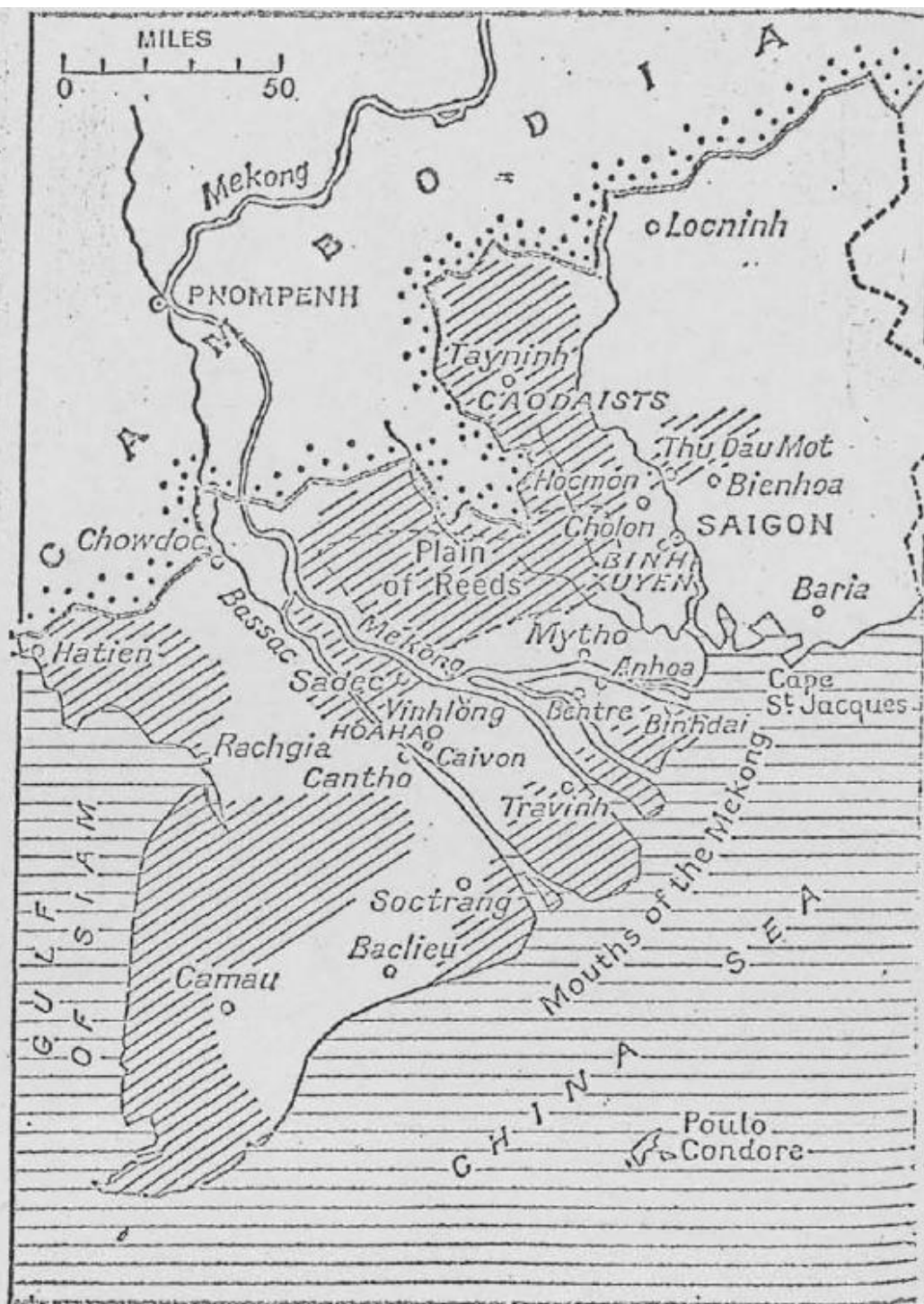
111

Areas in which Communist-instigated guerrilla attacks have recently occurred.



SD

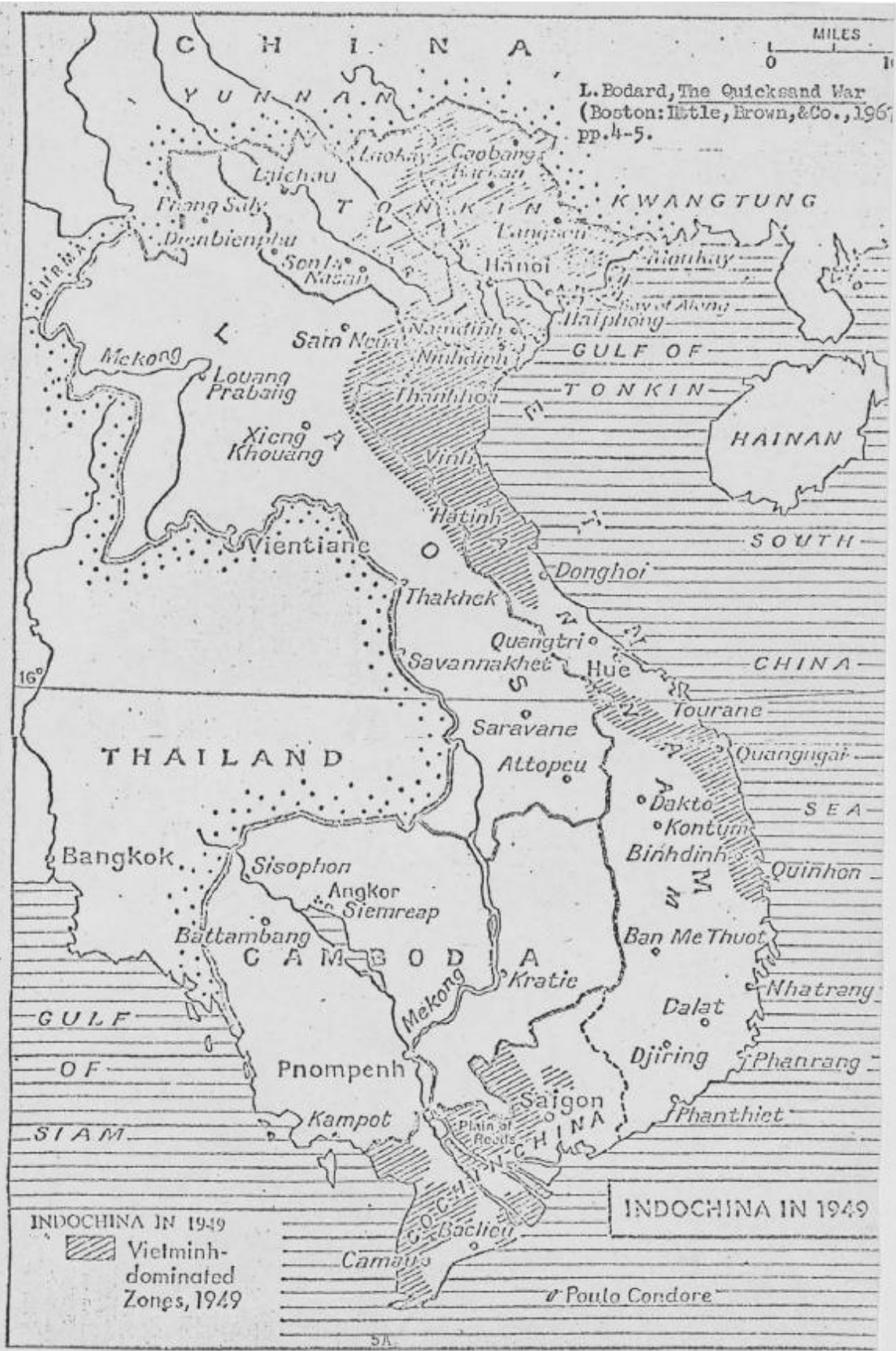
SECRET

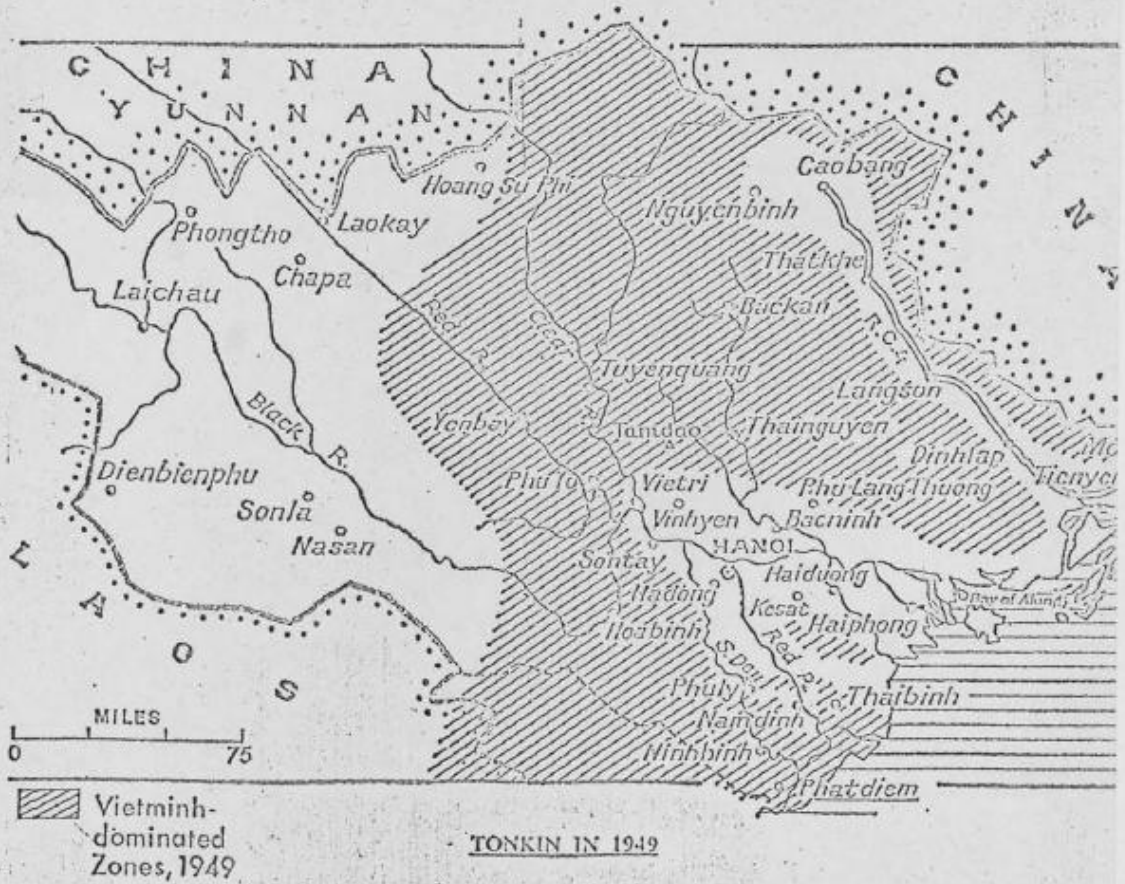


COCHINCHINA IN 1949

 Vietminh-dominated Zones, 1949

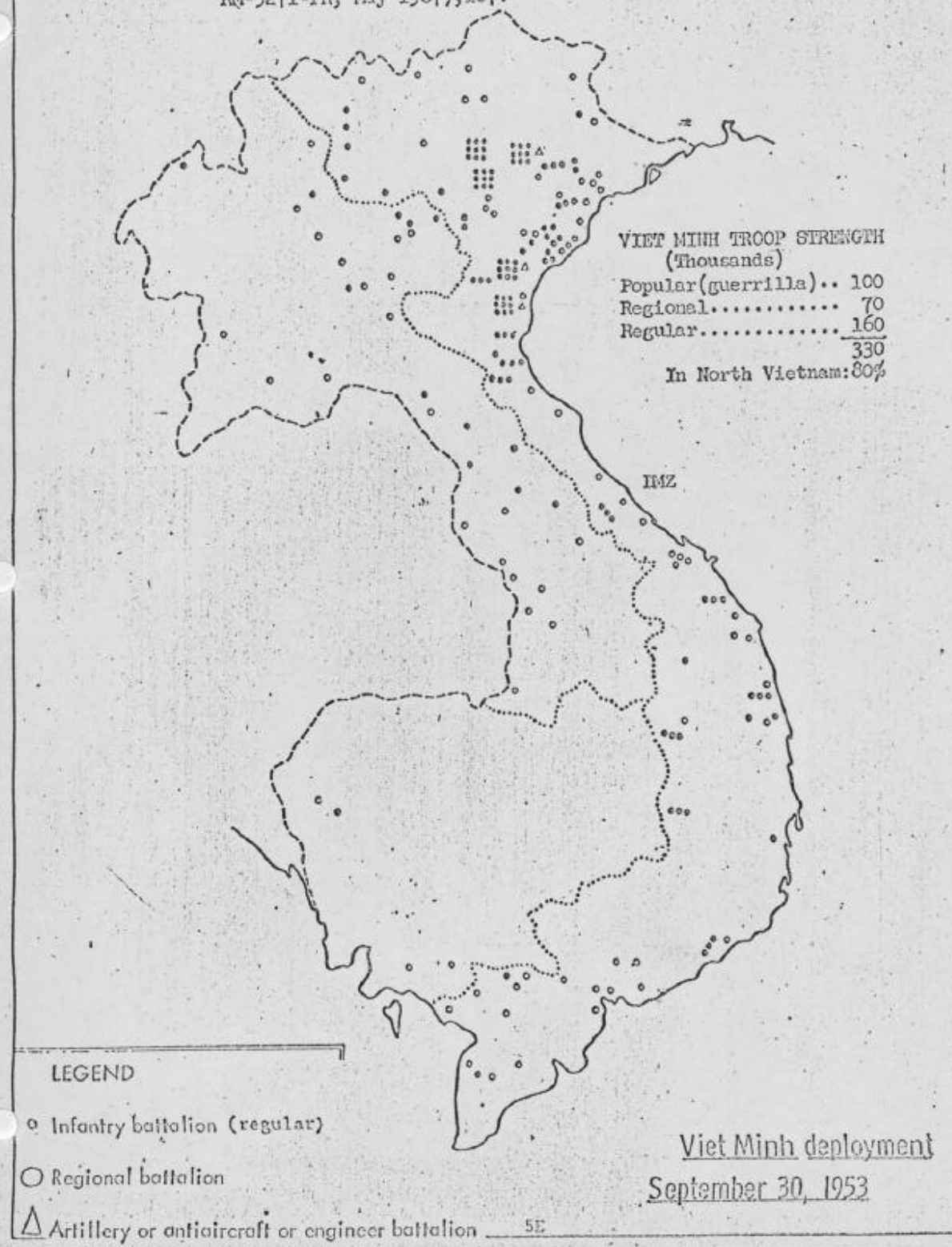
Source: L. Bodard,
The Quicksand War
 (Boston: Little, Brown & Co.
 1967), 30.





Source: L. Bodard, The Quicksand War (Boston: Little Brown & Co., 1967), 22

Source: V.J.Croizat, trans., A Translation from the French:
Lessons of the War in Indochina (Santa Monica: RAND Corp.,
 RM-5271-PR, May 1967), 107.



Dẫn nhập: Hoa Kỳ và chiến tranh thuộc địa của Pháp

Bởi vì giai đoạn đầu của cuộc chiến tranh Đông Dương (1946-1949) là một nỗ lực công khai của người Pháp để tái khẳng định quyền hạn và kiểm soát thuộc địa Đông Dương của họ, Hoa Kỳ, mặc dù biết rằng nguồn tiền dành cho European Recovery Program (ERP: chương trình Tái Thiết Âu Châu) đã được gián tiếp sử dụng để tài trợ cho chiến tranh, đã từ chối ủng hộ trực tiếp cuộc chiến tranh đó. Tuy nhiên, hành động Hoa Kỳ mà thực hiện để đảm bảo một vị trí trung lập - từ chối bán vũ khí cho Pháp để sử dụng ở Đông Dương, từ chối vận chuyển quân, vũ khí, đạn dược " đến hay từ vùng Đông Ấn Hà Lan [*vùng thuộc địa của Hà Lan nay là Nam Dương*] hoặc các nước Đông Dương thuộc Pháp" **1/** - kèm theo các tuyên bố công khai và riêng tư về tình cảm chống thực dân, đã tạo thành, ít nhất là trong mắt người Pháp, một chính sách thù địch với lợi ích của Pháp ở Đông Dương. **2/** Vì vậy, đầu năm 1947, Bộ Ngoại giao đã cố gắng để trấn an Chính phủ Pháp, và để làm cho chính sách và hành động của Hoa Kỳ hấp dẫn hơn với họ:

*"... Mặc dù có thể đã có bất kỳ sự hiểu lầm đã phát sinh trong tâm trí người Pháp về lập trường của chúng tôi liên quan đến Đông Dương, họ phải đánh giá cao rằng chúng tôi đã hoàn toàn công nhận vị thế chủ quyền của Pháp ở khu vực đó và chúng tôi làm không muốn để nó được hiểu rằng chúng tôi đã có bất kỳ nỗ lực nào làm suy yếu vị thế này của Pháp, và người Pháp nên biết rằng mong muốn của chúng tôi là giúp đỡ và chúng tôi sẵn sàng viện trợ bằng bất kỳ cách nào thích hợp để chúng ta có thể để tìm ra giải pháp cho vấn đề Đông Dương. Cùng lúc, chúng tôi không thể nhắm mắt trước một thực tế là có hai mặt của một vấn đề này và các báo cáo của chúng tôi cho thấy cả một sự thiếu hiểu biết của Pháp đối với phía bên kia (ở Sài Gòn nhiều hơn là ở Paris) và sự tiếp tục tồn tại đây nguy hiểm và lỗi thời của một khung cảnh và những biện pháp thuộc địa trong khu vực ..." **3/***

Cả viện trợ trực tiếp hay gián tiếp cho nỗ lực của Pháp ở Đông Dương đã không được coi là "thích hợp", tuy nhiên, cho đến khi người Pháp đã có những bước đi cụ thể để trao quyền tự chủ cho Lào, Campuchia, và Việt Nam, Hoa Kỳ đã chuẩn bị để viện trợ "giải pháp Bảo Đại" cho Việt Nam khi nào và nếu Bảo Đại đã giành được độc lập chân chính. Hoa Kỳ cảnh báo Pháp là Hoa Kỳ chống cách giải quyết là lập ra một "chính phủ bản địa [đứng đầu là Bảo Đại] mà không kêu gọi được lòng dân [*Việt Nam*], nó có thể trở thành hầu như là một chính phủ bù nhìn, tách rời với người dân và [*chính phủ đó*] chỉ hiện hữu bởi sự hiện diện của các lực lượng quân đội Pháp". 4/

Trong tháng Ba năm 1949, trong cái gọi là Hiệp định Elysée mà Pháp ký kết với Bảo Đại chấp nhận Việt Nam, Campuchia và Lào được "độc lập trong Liên hiệp Pháp" 5/ Mặc dù đã có nhiều yêu cầu mạnh mẽ của Hoa Kỳ, Hiệp định Elysée vẫn là một lời hứa trống rỗng và khó xác định của Pháp trong mười một tháng. Trong thời gian đó, các lực lượng Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch đã bị đánh bật khỏi Trung Hoa đại lục, và vào tháng Mười Một, quân đoàn của Mao đã đến biên giới Đông Dương. Tháng Giêng 1950, Hồ Chí Minh đưa ra lời tuyên bố chính phủ của ông là "chính phủ hợp pháp duy nhất của người Việt Nam" và cho biết ông sẵn sàng hợp tác với bất kỳ quốc gia nào công nhận chính phủ của ông trên cơ sở "bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau về chủ quyền và lãnh thổ quốc gia [của Việt Nam]". 6/

Cộng sản Trung Quốc đáp ứng ngay với sự công nhận, tiếp theo là Liên Xô. Tại Pháp, có một cuộc tranh luận mạnh trong Quốc hội giữa những người ủng hộ cánh tả về một thỏa thuận ngừng bắn ngay lập tức với Việt Minh, và những người ủng hộ Chính phủ phê chuẩn Hiệp định Elysée. Ngày 02 Tháng Hai 1950, Chính phủ Pháp thắng thế, và Hiệp định Elysée được chính thức phê chuẩn. Trong hoàn cảnh lúc đó, Hoa Kỳ xác định rằng hành động này của Pháp đã đáp ứng các yêu cầu tối thiểu của họ do những tiến bộ hiển nhiên của Pháp đối với quyền tự chủ của Việt Nam. Ngày 03 tháng 2, Tổng thống Truman phê duyệt công nhận nước Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia. 7/ Trong vòng ba tháng sau đó Hoa Kỳ quyết định mở rộng viện trợ kinh tế và quân sự cho những quốc gia mới thành lập. Ngày 08 tháng 5 năm 1950, Bộ trưởng Ngoại giao đã thông báo rằng:

*"Với niềm tin rằng không một nền độc lập quốc gia, một tiến trình dân chủ nào có thể được tồn tại trong bất kỳ khu vực thống trị nào của đế quốc Liên Xô, Chính phủ Hoa Kỳ cho rằng trong tình hình như vậy cần phải đảm bảo viện trợ kinh tế và trang thiết bị quân sự các nước Đông Dương và nước Pháp để giúp khôi phục sự ổn định và cho phép các nước này theo đuổi việc phát triển nền dân chủ hòa bình của họ. " **8/***

Sự tham gia của Hoa Kỳ vào cuộc chiến tranh Việt Nam có nguồn gốc từ quyết định của họ về việc cung cấp viện trợ cho Pháp và các nước Đông Dương, và sự hình thành cơ quan MAAG Indochina. Vì vậy, việc tìm hiểu về lý do, hình thức thực hiện, và các hiệu ứng của quyết định trên là đặc biệt quan trọng.

1. Ngăn chặn của chủ nghĩa Cộng Sản

Sự thất vọng và mối quan tâm ngày càng tăng của Hoa Kỳ trong thời kỳ sau Thế chiến II là sự bành trướng của Liên Xô ở Châu Âu, được tăng thêm bởi nỗi sợ hãi cộng sản, đã cấu thành các giai điệu của chính sách của Hoa Kỳ đối với các quốc gia Châu Á cộng sản trong giai đoạn 1948-1950. Theo như tuyên bố trên đây của Bộ Trưởng Ngoại Giao, đây là những ngày của "khối Cộng sản thuần nhất" được Liên Xô thống trị. Báo cáo của Hội đồng An ninh Quốc gia về chính sách năm 1949 tuyên bố rằng:

*"Liên Xô bây giờ là một cường quốc Châu Á số một với việc đang mở rộng ảnh hưởng và đang mở rộng lợi ích trên khắp lục địa Châu Á và vùng Thái Bình Dương. Kể từ sự thất bại của Nhật Bản... Liên Xô đã có thể để củng cố vị trí chiến lược của họ cho đến lúc các cơ sở quyền lực của Liên Xô ở Châu Á bao gồm không chỉ vùng Viễn Đông của Liên Xô, mà còn cả Trung Quốc ở phía bắc của Vạn Lý Trường Thành, Bắc Triều Tiên, vùng đảo Sakhalin, và Kuriles. " **9/***

Vấn đề đầu là cách tốt nhất để chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản ở châu Á đã được nâng lên tầm mức khủng hoảng vì sự "mất" Trung Quốc. Một cuộc tranh luận rộng lớn và gay gắt ở bình diện quốc gia về chính sách đối ngoại đã được

khuấy động, và đã xảy ra giữa sự lo sợ ngày càng tăng của công chúng về sự thâm nhập, gián điệp, và lật đổ của cộng sản ở Châu Âu và kể cả chính Hoa Kỳ. Tại Quốc Hội, một nhóm đặc biệt năng động và lớn giọng chủ trương tăng viện trợ cho Quốc Dân Đảng Trung Quốc là lực lượng vẫn còn được nhiều người cho rằng, ngay cả trong những ngày cuối [*tàn quân*] này, vẫn là bức tường thành ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản ở Châu Á. **10/** Mặc dù không có sự nhấn mạnh lớn nào cho Đông Dương vào năm 1949, tài liệu của NSC [Hội Đồng An Ninh Quốc Gia] đã thảo luận về tầm quan trọng của cuộc chiến Pháp-Việt Minh, và sự liên kết trong tương lai của Đông Dương với phần còn lại của thế giới:

*"Trong mọi trường hợp, cuộc đấu tranh "dân tộc-thuộc địa" đều cung ứng một môi trường màu mỡ cho các hoạt động lật đổ của cộng sản, và bây giờ chuyện đã rõ ràng rằng Đông Nam Á là mục tiêu của một cuộc tấn công phối hợp mà điện Kremlin là đạo diễn đang tìm cách giành quyền kiểm soát khu vực Đông Nam Á, điện Kremlin thúc đẩy một phần bởi một tham vọng có được các nguồn tài nguyên của Đông Nam Á và các tuyến giao thông, và ngăn chặn chúng ta. Tuy nhiên, các lợi ích chính trị tích lũy khi mà Liên Xô áp đặt được chủ nghĩa Cộng Sản lên toàn khu vực Đông Nam Á cũng không kém phần quan trọng. Sự lan rộng của cộng sản ở Trung Quốc tiêu biểu cho một thất bại đau thương cho chính trị của Hoa Kỳ: nếu khu vực Đông Nam Á cũng bị cộng sản tràn ngập, chúng ta sẽ phải chịu đựng một thất bại chính trị to lớn mà những dư chấn của nó sẽ được cảm nhận trong suốt phần còn lại của thế giới, đặc biệt là ở Trung Đông và sau đó là nguy cơ cho Úc. **11/***

Điều chính xác là việc lan rộng của chính quyền cộng sản trên khắp nước Trung Hoa được đề cập trên đây đã dẫn đến việc nhấn mạnh về Đông Dương trong chính sách của Hoa Kỳ vào cuối năm 1949 và năm 1950.

Sau những chiến thắng Cộng sản Trung Quốc năm 1949 và quân đội Trung Cộng đã chuyển động đến biên giới Đông Dương vào tháng Mười năm đó, NSC 64 (07 tháng 2 1950) kết luận rằng Bộ Ngoại Giao và Bộ Quốc phòng cần ưu tiên chuẩn bị một chương

trình bao gồm tất cả các biện pháp áp dụng thiết kế để bảo vệ lợi ích an ninh của Hoa Kỳ ở Đông Dương. **12/** Cùng ngày, **13/** sau khi Cộng sản Trung Quốc (ngày 18 tháng 1) và Liên Xô (ngày 30 tháng 1) công nhận của chế độ Hồ Chí Minh, **14/** Hoa Kỳ công bố công nhận của Chính phủ Bảo Đại. Đến lúc đó, Hoa Kỳ vẫn đứng giữa, lưỡng lự trước sự lựa chọn hoặc viện trợ cho Pháp là một nước bạn *[nhưng]* thực dân, tham gia vào việc tái lập quyền lực của họ, hoặc viện trợ cho Việt Minh, một phong trào đấu tranh dành Độc Lập do Cộng Sản chế ngự như thế sẽ đi vào thế chống đối lại đồng minh Châu Âu của mình. Tiến thoái lưỡng nan này đã được giải quyết bởi sự chiến thắng của Trung Cộng *[phe Mao]* đối với Trung Hoa Quốc Gia *[phe Tưởng]*, và mối đe dọa *[cộng sản hóa]* ở Đông Dương. Chính sách viện trợ cho Pháp và các nước Đông Dương được coi là phù hợp trong việc xây dựng một nền dân chủ chống thực dân: **viện trợ cho chủ nghĩa Dân Tộc và Độc Lập, đối kháng với những âm mưu bành trướng của Quốc Tế Cộng Sản.**

2. "Đường ngăn chặn" và "Lý thuyết Domino"

Logic trong sự thay đổi chính sách của Hoa Kỳ được tìm thấy không chỉ ở mối đe dọa trực tiếp tới khu vực Đông Nam Á bởi Cộng sản Trung Quốc (và Liên Xô), mà còn nằm trong một khái niệm chiến lược rộng lớn hơn của một **phòng tuyến ngăn chặn**, và qua những sắp xếp lý luận ban đầu đã đưa đến ý niệm mà sau này được biết đến như "lý thuyết domino". Những thảo luận về phòng tuyến ngăn chặn tập trung về nơi mà phòng tuyến đã được rút ra: Đông Dương, và, sau đó là Hàn Quốc, về phía của Thế Giới Tự Do. **15/** Khái niệm "domino" đã được Tướng Claire Chennault, một trong số nhiều người khác, khởi xướng, khi bàn cãi liên quan đến Trung Hoa Quốc gia. **16/** lý thuyết "domino" áp dụng cho Đông Dương đã củng cố cho quyết định chỉ định nơi để vạch đường ngăn chặn. Cả hai ý tưởng đã được thể hiện bởi các Tham Mưu Trưởng Liên Quân trong một bản ghi nhớ vào năm 1950 gửi đến Bộ trưởng Quốc phòng đánh giá "tầm quan trọng chiến lược, trên quan điểm quân sự của khu vực Đông Nam Á":

"c. Đông Nam Á là một phân đoạn quan trọng trong phòng tuyến ngăn chặn Cộng Sản trải dài từ Nhật Bản về phía nam, và chung quanh bán đảo Ấn Độ... An ninh của ba khu vực lớn, chính, không cộng sản trong vùng này của thế giới - Nhật Bản, Ấn Độ và Úc – tùy thuộc rất lớn vào việc khu vực Đông Nam Á không bị mất vào tay Cộng Sản. Nếu khu vực Đông Nam Á bị mất, ba khu vực cơ bản này sẽ có xu hướng bị cách biệt với nhau;

"d. Sự sụp đổ của Đông Dương chắc chắn sẽ dẫn đến sự sụp đổ của các nước trên lục địa khác của khu vực Đông Nam Á...

"e. Sự sụp đổ của khu vực Đông Nam Á, sẽ dẫn đến ngăn cản hầu như hoàn toàn việc Hoa Kỳ tiếp cận vùng bờ biển Thái Bình Dương của châu Á...

"f. ... Việc Liên Xô nắm giữ tất cả các con chủ bài chính trong cuộc chiến tranh tiềm năng ở Châu Á có thể trở thành một yếu tố có ảnh hưởng quyết định đến cán cân quyền lực giữa Hoa Kỳ và Liên Xô...

"g. Một vị trí thống trị trên vùng Viễn Đông của Liên Xô cũng sẽ đe dọa vị trí của Hoa Kỳ tại Nhật Bản... tính khả thi trong việc giữ chân các cơ sở của Hoa Kỳ trên các hòn đảo ngoài khơi như vậy, có thể sẽ bị hủy hoại. **17/**

Lý thuyết này, cho dù nhiều hay ít đã được hoàn toàn khớp nối, đã xuất hiện trong các tài liệu của NSC liên quan của thời kỳ chiến tranh Đông Dương, và là nguồn cội cơ bản của tất cả các quyết định chính sách chủ yếu của Hoa Kỳ đã được thực hiện liên quan đến khu vực.

3. Nhân thức của Hoa Kỳ về các mối đe dọa từ Công sản Trung Quốc

Trong ngôn từ của NSC 64 (tháng Hai, 1950), "Sự hiện diện của quân đội Cộng sản Trung Quốc dọc theo biên giới Đông Dương đã làm cho việc vận chuyển vũ khí, vật liệu và quân đội một cách tự do từ Trung Cộng đến khu vực phía Bắc của Bắc Bộ, vùng lãnh thổ hiện nay được điều khiển bởi Hồ Chí Minh. Đã có những bằng chứng rõ ràng về việc

chuyển vận vũ khí. " **19/** NIE 5 đã giữ lại một phần [*bằng chứng*], và sau đó quyết định giúp Pháp đã được xem xét lại, rằng: "Chế độ Cộng sản Trung Quốc đã trang bị, đào tạo, viện trợ kỹ thuật cho Việt Minh". Nguồn tin chính thức của Pháp báo cáo rằng một số lượng quân Trung Cộng đã xuất hiện ở Bắc Kỳ... **20/** Can thiệp trực tiếp của quân Trung Cộng có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Điều đó gần như chắc chắn sẽ xảy ra một cách mạnh mẽ một khi Việt Minh bị nguy hiểm hay thất bại trong việc loại Pháp ra khỏi Đông Dương, hoặc khi chính phủ Bảo Đại thành công trong việc phá vỡ sự ủng hộ [của dân chúng] cho Việt Minh. **21/** Báo cáo NIE 5 xuất hiện vào ngày 29 Tháng 12 năm 1950.

Mặc dù mỗi đe dọa can thiệp từ Cộng sản Trung Quốc đã được chờ đợi, việc này đã không lần nào lại đạt mức cường độ như thế và không lần nào trong thời gian còn lại của chiến tranh - xác suất được ước tính về sự can thiệp đó liên tục giảm sau công bố của NIE 5 – những ước tính trong suốt giai đoạn đó cho thấy Cộng sản Trung Quốc vẫn tiếp tục cung cấp vũ khí quân sự, trang thiết bị, và đào tạo cho Việt Minh, và sự tồn tại của tiềm năng can thiệp trực tiếp của Cộng sản Trung Quốc. [*Trung Cộng*] Tránh không có tham chiến trực tiếp để có thể tránh làm cho Việt Minh oán giận hoặc kháng cự lại sự can thiệp trực tiếp của Trung Quốc.

Tóm lại, Hoa Kỳ nhận thấy mỗi đe dọa lớn từ Trung Quốc tại thời điểm quyết định viện trợ cho Pháp và các nước Đông Dương được thực hiện; việc Cộng sản Trung Quốc có thể can thiệp tại thời điểm quyết định này được khẳng định là đánh giá có xác suất cao, xác suất này sau đó đã giảm đi nhanh chóng, và nó nằm ở mức độ thấp trong thời kỳ chiến tranh Hàn Quốc. Người ta tin rằng người Trung Quốc đã viện trợ cho Việt Minh trong suốt thời gian cuối năm 1949-1954.

4. Nhân thức về tình hình ở Việt Nam

Ngày 05 tháng Tư năm 1950, Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân, đề cập về các thẩm định tình báo, đã đưa ra cho Bộ trưởng Quốc Phòng quan điểm của họ rằng "tình hình ở Đông Nam Á đã xuống cấp", và rằng, nếu tiếp tục "*mà không có sự trợ giúp của Hoa Kỳ, sự suy giảm này sẽ còn tăng tốc.*" **22/** (Các hàm ý cho rằng viện trợ của Hoa

Kỳ sẽ dẫn đến việc cải thiện tình hình hiện nay là không thể phát hiện được trong tuyên bố này mà câu cú chữ nghĩa đã được đưa ra một cách cẩn thận). Các Tham Mưu Trưởng còn đi đến nhận định rằng: "*Nhìn chung, những điều kiện cơ bản về chính trị và kinh tế ổn định trong lĩnh vực này, cũng như các điều kiện về an ninh quân sự và nội an, là không đạt yêu cầu. Những yếu tố này có liên quan chặt chẽ với nhau, và chắc chắn rằng, từ quan điểm lâu dài của sự ổn định chính trị và kinh tế là yếu tố dẫn đạo. Mặt khác, tình hình quân sự ở một số khu vực, đặc biệt là Đông Dương, là khẩn cấp.*"

NIE 5 là báo cáo đánh giá tình hình cao nhất về Việt Nam gần nhất vào thời gian mà Hoa Kỳ quyết định viện trợ Pháp và các nước Đông Dương. Đánh giá vị trí Pháp là đang bị đe dọa bởi Việt Minh một cách "khẩn cấp", "và rất "mong manh." **23/** Kết hợp các chi tiết trong tài liệu này với các báo cáo và những chi tiết trong các tuyên bố và tài liệu tình báo cùng thời của Hoa Kỳ với NIE 5, các hình ảnh sau đây xuất hiện:

a. Tình hình quân sự

- (1) Các khu vực kiểm soát của Pháp-Việt Minh - xem bản đồ
- (2) Tương quan lực lượng - tỷ lệ Pháp giữa 1,5 và 1,6 đối với 1 Việt Minh; nhưng về quân chính quy ở đồng bằng sông Bắc Bộ, tỷ lệ này đã bị đảo ngược - khoảng 1,15 Việt Minh cho 1 Pháp (NIE 5).
- (3) Thiết bị - Pháp trong tình trạng ưu thế, nhưng Việt Minh đạt cải thiện do viện trợ của Trung Quốc.
- (4) Tính di động - Việt Minh cơ động; Pháp bám quanh các trục lộ.
- (5) Chiến lược - Pháp chiến lược thiếu tính tấn công, nặng phòng thủ, với các giá trị đáng nghi ngờ.

(6) Tình trạng của Quân Đội Quốc Gia Việt Nam - về cơ bản là không có, "Pháp chỉ có một cơ may rất nhỏ để có thể duy trì vị trí quân sự của họ đủ lâu" **24/** để xây dựng một đội quân như vậy.

(7) Khả năng tương đối - nguy cơ một thất bại quân sự lớn của Pháp đối diện với Việt Minh ở Bắc Kỳ trong vòng 6-9 tháng. Việc này sẽ gây nguy hiểm cho Pháp trong phần còn lại của Việt Nam, Lào, và Campuchia.

b. Tình hình kinh tế và chính trị

Tài lực của Pháp bị chảy cạn, thực tế ít có hoặc không có chính phủ Quốc Gia nào lãnh đạo, chế độ Bảo Đại ít được lòng dân **25/**, tình hình chính trị và kinh tế nói chung là yếu kém.

c. Mục tiêu của Pháp trong Việt Nam

Sự chậm chạp và kinh chống của Pháp trong những năm qua trong việc tạo ra một chính phủ Việt Nam quốc gia và một quân đội quốc gia (ngày 08 tháng 3 năm 1949, thỏa thuận chỉ được Pháp phê duyệt [*mấy tháng sau*] vào ngày 02 tháng 2 năm 1950), và sự chậm chạp còn tiếp tục trong việc chuyển giao bộ máy hành chính cho người Việt Nam kiểm soát, đã cho thấy sự [Pháp] bỏ cuộc, từ bỏ mục tiêu thuộc địa, là miễn cưỡng.

d. Pháp quyết tâm duy trì tại Việt Nam

"... Có nhiều cơ sở để đặt vấn đề về ý định của Pháp là vẫn muốn ở lại Đông Dương." **26/** Như vậy, nhận thức của Hoa Kỳ về tình hình tại Việt Nam trong năm 1950 nói chung là ảm đạm, tuy đã có chút ánh sáng ở cuối đường hầm. Nay khi nhìn lại, nhận thức ấy có vẻ như hợp lý chính xác.

6. Quyết định Viên trợ cho Pháp và các nước Đông Dương

a. Pháp yêu cầu trợ giúp

Hoa Kỳ vội vã tham gia vào tình hình Đông Dương đang ảm đạm khi mà, vào ngày 16 Tháng 2 năm 1950, Pháp yêu cầu Hoa Kỳ viện trợ quân sự và kinh tế để tiếp tục chiến tranh Đông Dương. Pháp đã gửi yêu cầu của họ sau khi quyết định "thông báo cho Chính phủ Hoa Kỳ một cách đầy đủ và thẳng thắn về tình hình cực kỳ nghiêm trọng ở Đông Dương..."

"Sự thật của vấn đề là các nỗ lực ở Đông Dương là làm tiêu hao Pháp đến mức là cần thiết phải có một chương trình viện trợ dài hạn và nó chỉ có thể đến từ Hoa Kỳ. Nếu không... rất có khả năng Pháp có thể bị buộc phải xem xét lại chính sách của mình với quan điểm là cắt giảm tiêu hao và rút khỏi Đông Dương... nhìn vào tương lai rõ ràng là... Pháp không thể tiếp tục vô thời hạn để chịu gánh nặng này một mình nếu các viện trợ [từ Trung Cộng] cho Hồ Chí Minh dự kiến vẫn tiếp tục tăng... Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, hiện nay Chính phủ Pháp cũng phải đối mặt với nhu cầu cắt giảm các lực lượng Pháp ở Đông Dương ít nhất 25.000 người không chỉ vì lý do ngân sách, nhưng bởi vì số người cần thiết đã được bổ sung vào các chương trình quốc gia của quân đội Pháp. " 27/

Tuy nhiên, trong lời kêu gọi viện trợ này, che đậy bằng một tấm màn mỏng mong manh các luận điệu mạnh mẽ về việc rút quân [Pháp] và việc bảo vệ Châu Âu (một ngày sau khi quan hệ [Ngoại Giao] Hoa Kỳ-Bun-ga-ri bị cắt đứt), được kèm theo một mong muốn sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của Hoa Kỳ đòi Pháp phải tuyên bố về sự "tiến hóa tự nhiên" của các chính phủ các nước Đông Dương, hoặc nếu không, Pháp cần phải làm sáng tỏ ý định của mình đối với Đông Dương.

Ngày 27 tháng 2, báo cáo của Bộ Ngoại Giao về lập trường của Hoa Kỳ đối với Đông Dương đã được nộp cho Hội Đồng An Ninh Quốc gia để xem xét. Ban hành ngày 27 tháng 2, báo cáo NSC 64 kết luận rằng:

"10. Điều quan trọng đối với lợi ích an ninh của Hoa Kỳ rằng tất cả các biện pháp khả thi phải được thực hiện để ngăn chặn việc tiếp tục mở rộng của Cộng sản

ở Đông Nam Á. Đông Dương là một khu vực quan trọng của Đông Nam Á và ngay lúc này đang bị đe dọa.

"11. Các nước láng giềng là Thái Lan và Miến Điện dự kiến là sẽ rơi vào vòng thống trị của Cộng Sản nếu Đông Dương có một chính phủ bị Cộng sản kiểm soát. Sự cân bằng của khu vực Đông Nam Á sau đó sẽ bị mối nguy hiểm nghiêm trọng.

*"12. Vì vậy, Bộ Ngoại Giao và Bộ Quốc phòng nên chuẩn bị, như là một vấn đề ưu tiên, một chương trình gồm tất cả các biện pháp khả thi được thiết kế để bảo vệ lợi ích an ninh của Hoa Kỳ ở Đông Dương. **28/***

Để "tạo điều kiện" cho Bộ Quốc phòng trong việc xem xét quyết định NSC 64, Phó Bộ Trưởng Ngoại giao Dean Rusk đã cung cấp cho Thiếu Tướng James H. Burns OSD một bản tóm lược về Chính sách của Bộ Ngoại Giao về Đông Dương và Đông Nam Á:

"Bộ Ngoại Giao tin rằng, trong những hạn chế bị áp đặt bởi các cam kết hiện có và các ưu tiên chiến lược, các nguồn lực của Hoa Kỳ nên được triển khai để bảo vệ Đông Dương và Đông Nam Á chống lại sự xâm lấn thêm nữa của Cộng Sản. Vì vậy, Bộ Ngoại giao đã đưa ra tất cả các nguồn tài nguyên chính trị của mình để bảo đảm cho mục tiêu đó. Bộ Ngoại Giao hiện đang trong quá trình khẩn trương tìm ra thêm các nguồn lực kinh tế để xử dụng chúng một cách hữu hiệu vào các hoạt động tương tự.

*"Hiện nay, theo ý kiến của Bộ, vấn đề có tính khẩn cấp lớn nhất mà Bộ Quốc Phòng cần đánh giá các khía cạnh chiến lược của tình hình và xem xét, từ quan điểm quân sự, bằng cách nào tốt nhất Hoa Kỳ có thể góp phần trong việc chống lại lấn chiếm hơn nữa của Cộng sản trong khu vực đó". **29/***

Trong một bản ghi nhớ gửi cho Tổng thống ngày 06 Tháng 3 năm 1950, Bộ Trưởng Quốc phòng mô tả những chọn lựa cho Hoa Kỳ như sau:

"Người Pháp không thể hủy bỏ cam kết của họ ở Đông Dương và việc viện trợ ba nước Đông Dương là một động thái nhằm đạt được sự ổn định chính trị không cộng

*sản... Cái lựa chọn mà Hoa Kỳ phải đối đầu hoặc là viện trợ cho các chính phủ hợp pháp ở Đông Dương hoặc phải đối mặt với sự bành trướng của chủ nghĩa Cộng Sản trên phần còn lại của khu vực lục địa Đông Nam Á và có thể [cả các khu vực] về phía Tây... **30/***

b. Đoàn Công Tác Griffin

Trong khi chờ đợi quan điểm chính thức của các Tham Mưu Trưởng Liên Quân và các Bộ quân sự [*Hải, Lục, Không Quân*] về lựa chọn của họ đối với các lựa chọn được đưa ra, **31/** Bộ Ngoại Giao gửi đến Viễn Đông Đoàn Công Tác Griffin có nhiệm vụ điều tra khảo sát để "phòng chừng giá phí của các viện trợ cần thiết " **32/** ở Đông Dương (trong số các nước khác). Khi đoàn khởi hành lên đường, 5 tháng đã trôi qua kể từ khi phe Quốc Gia ở Trung Hoa bại trận, và đứng đầu là phó Trưởng đoàn Cơ Quan Viện Trợ Hoa Kỳ ở Trung Hoa đại lục, có lẽ Đoàn Công Tác Griffin là nhằm đến việc tránh cho Bộ Ngoại giao bị chỉ trích nhiều hơn nữa về chính sách Châu Á của họ cũng như làm thế nào để xác định được các nguồn lực kinh tế của Hoa Kỳ có thể được sử dụng hiệu quả ở khu vực Đông Nam Á.

Ngày 22 tháng 3, báo cáo của đoàn công tác Griffin đề nghị Hoa Kỳ viện trợ cho một chương trình phục hồi chức năng nông thôn, cung cấp số lượng hạn chế hàng hóa và thiết bị công nghiệp, và một chương trình viện trợ kỹ thuật. Những biện pháp này được ước tính trị giá \$ 23.500.000 cho giai đoạn cho hết tháng Sáu, 1951. Đoàn công tác cũng đề nghị một "cú sốc tâm lý với những chuyến tàu chở vật liệu viện trợ quân sự trong tương lai ngay lập tức" **33/** như một biện pháp để nhấn mạnh sự cam kết của Hoa Kỳ với những người đang trong bối cảnh đó.

c. Quan điểm của J.C.S (Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân)

Ngày 05 tháng 4, đáp ứng yêu cầu của Bộ trưởng Quốc Phòng, các Tham Mưu Trưởng Liên Quân đã nêu lên các biện pháp và các khuyến nghị kèm theo, đứng trên quan điểm quân sự của Hoa Kỳ, để có thể ngăn chặn việc lan rộng của cộng sản ở Đông

Nam Á. Sáu điểm quan trọng nhất được đưa ra bởi các Tham Mưu Trưởng là những điểm sau đây:

(1) khuyến nghị sớm thực hiện các chương trình viện trợ quân sự cho Đông Dương và các nước khác ở khu vực Đông Nam Á, với kinh phí đã được phân bổ cho các nước trong khu vực Đông Nam Á, sẽ được chuyển giao vào thời điểm sớm nhất và được tăng cường như là một vấn đề cấp bách với kinh phí từ phần chưa phân bổ của Quỹ Khẩn Cấp của Tổng thống. Cho năm tài chính tiếp theo, ước tính khoảng 100 triệu USD sẽ được yêu cầu cho phần quân sự của chương trình này.

(2) Qua kinh nghiệm về viện trợ quân sự ở Trung Quốc, Tham Mưu Trưởng Liên Quân đòi hỏi rằng các chương trình viện trợ phải chịu, trong bất kỳ trường hợp nào, các điều kiện sau đây:

"a. Viện trợ quân sự của Hoa Kỳ không được cấp một cách vô điều kiện, đúng hơn là nó phải được kiểm soát cẩn thận và chương trình viện trợ phải được tích hợp với các chương kinh tế và chính trị;

"b. Các thiết bị quân sự viện trợ phải được trước tiên duyệt xét bởi một sĩ quan chỉ định bởi Bộ Quốc phòng và người này phải có nhiệm sở ngay trong nước nhận viện trợ. Tất cả các yêu cầu viện trợ phải được người này xét thuận về tính khả thi và có sự phối hợp thỏa đáng trong các hoạt động quân sự cụ thể. Phải hiểu rõ ràng là viện trợ quân sự chỉ được xem xét trong khung các kế hoạch hoạt động quân sự, chỉ được phê duyệt bởi các đại diện của Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ đang làm nhiệm vụ ở nước thụ hưởng. Hơn nữa, phù hợp với các thủ tục hiện hành, quyết định chính thức cuối cùng của tất cả các chương trình cho *[viện trợ]* quân trang, thiết bị sẽ phải tùy thuộc vào các Tham Mưu Trưởng Liên Quân".

(3) Việc thành lập một Hội Đồng Viện Trợ Cho Đông Nam Á là cần thiết

(4) "Các Tham Mưu Trưởng Liên Quân nhận thức rõ ý nghĩa chính trị liên quan đến viện trợ quân sự vào Đông Dương. Tuy nhận thức này được đánh giá cao, các lực

lượng vũ trang của Pháp vẫn còn *[hiện diện]* trên chiến trường này và nếu họ rút đi trong năm nay do những tính toán chính trị, chế độ Bảo Đại có lẽ sẽ không thể tồn tại, ngay cả với sự trợ giúp của Hoa Kỳ. Nếu Hoa Kỳ có thể đòi hỏi Độc Lập cho Việt Nam và một lịch trình Pháp rút quân theo từng giai đoạn ra khỏi quốc gia [Việt Nam] đó, thì điều này có thể cải thiện tình hình chính trị. Dự kiến là Pháp có thể phản đối, và chắc chắn sẽ gây sự chậm trễ trong một chương trình như vậy.. Tuy nhiên, điều kiện tại Đông Dương là không ổn định và tình hình dường như xấu đi nhanh chóng đến nỗi các yêu cầu cấp thiết, ít nhất là những tác động tâm lý của viện trợ quân sự và kinh tế ban đầu sẽ bị chìm lấp. Tham Mưu Trưởng Liên Quân, do đó, đề nghị cung cấp viện trợ quân sự cho Đông Dương vào ngày thuận lợi sớm nhất để thực hiện hành động của Tổng thống đã phê duyệt về việc phân bổ 15 triệu USD cho Đông Dương và kèm theo một phần tương ứng bằng viện trợ kinh tế và chính trị đã được lập trình trên cơ sở tạm thời mà không làm ảnh hưởng đến mô hình các chính sách liên quan đến các viện trợ bổ sung về quân sự, chính trị và kinh tế có thể sẽ được phát sinh sau này. "

- (5) "... Tham Mưu Trưởng Liên Quân đề nghị thành lập ngay lập tức một nhóm nhỏ", Nhóm Viện Trợ Quân Sự của Hoa Kỳ ở Đông Dương... Tham Mưu Trưởng Liên Quân mong đợi các thành viên cấp cao của nhóm này sẽ ngồi chung tham khảo ý kiến với các giới chức quân sự đại diện cho Pháp và Việt Nam và có thể, của Lào và Cam-pu-chia. Ngoài yêu cầu sàng lọc các yêu cầu viện trợ về các trang thiết bị, Tham Mưu Trưởng Liên Quân cũng dự kiến là có được sự đảm bảo về việc phối hợp đầy đủ các kế hoạch và những nỗ lực quân sự của các lực lượng Pháp và Việt Nam và sẽ giám sát việc phân bổ các trang thiết bị ".
- (6) "Tham Mưu Trưởng Liên Quân tin tưởng vào khả năng thành công của một chương trình nhanh chóng phối hợp viện trợ quân sự, chính trị, kinh tế của Hoa Kỳ cho khu vực Đông Nam Á, và cho rằng một thành công như vậy cũng có thể dẫn đến những sáng kiến khác trong cuộc đấu tranh trong khu vực chung."

Điểm cuối cùng của những điểm trên rõ ràng là nền tảng cho sự cam kết của bất kỳ chương trình viện trợ nào, nhưng trong biên bản ghi nhớ của Tham Mưu Trưởng Liên Quân, chỉ xuất hiện như là phần kết luận của đoạn văn (đoạn 15) là đề xuất thành lập một nhóm trợ giúp quân sự ở Đông Dương, và sau đó được cụ thể gài cắm vào chuyện "mục tiêu của Hoa Kỳ ở châu Á chỉ có thể đạt được với sự thành công cuối cùng ở Trung Quốc." Đáng nói hơn, tuy nhiên, đây là một phát biểu hiểm hoi mang một dự đoán rõ ràng về sự thành công được tìm thấy trong các tài liệu có liên quan trực tiếp đến quyết định viện trợ cho Đông Dương. Những báo cáo trực tiếp về tính hiệu quả có thể có của chương trình viện trợ của Hoa Kỳ trong thời kỳ này thường là vắng mặt, các báo cáo thường gián tiếp theo kiểu áp đặt ("chúng ta phải làm chuyện X nếu muốn Châu Á được cứu"), hoặc theo kiểu bi quan – áp đặt (nếu chúng ta không làm chuyện X, Châu Á sẽ bị mất "). Không một đảm bảo thành công quân sự nào được đưa ra; và các tính toán trong quá trình ra quyết định thì liên quan đến việc cân nhắc xác suất thành công so với các chi phí của sự thất bại của các chương trình của Hoa Kỳ trong giai đoạn 1950 không phải là những điều hiển nhiên, nhưng không may, chúng lại xuất hiện trong các tài liệu có sẵn.

e. Tổng thống Phê duyệt

Ngày 01 Tháng 5 năm 1950, Tổng thống Truman đã phê duyệt việc phân bổ 10.000.000 \$ cho Bộ Quốc Phòng để trang trải cho các lô hàng đầu gồm các hạng mục viện trợ quân sự cần thiết cho Đông Dương. 35/ như vậy trở thành quyết định đầu tiên rất quan trọng liên quan đến việc can thiệp quân sự của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Vào ngày 08 Tháng Năm, Bộ Trưởng Ngoại Giao, trong một tuyên bố tại cuộc họp cấp bộ trưởng ở Paris, tuyên bố việc Hoa Kỳ sẽ viện trợ cho các nước Đông Dương và Pháp. Ngày 24 tháng Năm, chính phủ Pháp và các nước Đông Dương được thông báo về ý định của Hoa Kỳ về việc thiết lập một cơ quan viện trợ kinh tế cho nước Đông Dương, đánh dấu việc thực hiện các đề xuất của Phái đoàn Griffin.

Ngày 27 Tháng Sáu 1950, Tổng thống Truman, công bố sự khởi đầu của cuộc chiến tranh Triều Tiên, cũng nói rằng ông đã "chỉ đạo tăng tốc cung cấp viện trợ quân sự cho các lực lượng của Pháp và các nước ở Đông Dương và gửi một phái đoàn quân sự để có các quan hệ để làm việc chặt chẽ với các lực lượng đó. " **36/** Khái niệm một nhóm tư vấn viện trợ quân sự cũng đã được chấp thuận, mặc dù Tổng thống đã không đề cập đến MAAG trong tuyên bố công khai của mình. **37/** Ngoài ra, trong tháng Sáu, theo khuyến nghị của Tham Mưu Trưởng Liên Quân, một Ủy Ban Chính Sách Viện Trợ Cho Khu Vực Đông Nam Á được thành lập.

f. Đoàn Công Tác Erskine

Phái bộ quân sự được Tổng thống cử đi và đứng đầu là Thiếu tướng Graves B. Erskine, TQLC, đã đến Sài Gòn ngày 15 tháng 7 và đã báo cáo những tìm hiểu của họ ngày 05 tháng Tám. Tướng Erskine báo cáo rằng một giải pháp lâu dài của cuộc khủng hoảng Đông Dương đã vượt ra ngoài chỉ bởi đơn thuần bằng các hành động quân sự, cốt lõi của vấn đề là một sự hận thù sâu xa và mất lòng tin vào người Pháp bởi người dân, làm ngăn cản việc hợp tác của dân chúng trong việc tiến hành cuộc chiến. Phái bộ cũng báo cáo rằng số tiền viện trợ và tầm cỡ của sự viện trợ như vậy, theo yêu cầu của người Pháp đến nay là không đủ để đáp ứng nhu cầu của tình hình. **38/**

Các đơn vị đầu tiên của MAAG Hoa Kỳ đã được bổ nhiệm cho Đông Dương vào ngày 03 tháng Tám năm 1950, Chuẩn Tướng Francis G. Brink, Hoa Kỳ, đảm nhiệm Trưởng nhóm đầu tiên của MAAG vào ngày 10 tháng 10. Nhiệm vụ của MAAG được giới hạn vào công tác cung cấp các trợ giúp vật chất cho lực lượng Pháp và gián tiếp cung cấp viện trợ quân sự cho các lực lượng của các nước Đông Dương. Tướng Brink nhận lệnh không được tham gia vào việc cố vấn hay huấn luyện cho quân đội bản địa. Nhưng ngay từ đầu, Pháp đã hạn chế một cách nghiêm ngặt các cuộc thanh tra của MAAG về việc sử dụng cuối cùng *[các đồ viện trợ]* vào một số lượng nhỏ các lần thăm đã được *[người Pháp]* cẩn thận quy định. **39/**

g. JCS đánh giá lại

Sau quyết định ban đầu về việc cung cấp viện trợ cho Pháp và các nước Đông Dương đã được thực hiện, sự hình thành của một phái bộ kinh tế được công bố, chuyển hàng đầu tiên mang vũ khí và trang thiết bị đã đến Đông Dương, và cơ quan MAAG đã được phê duyệt và đang trong quá trình hình thành, nhiều mối quan tâm đã dần nổi lên liên quan đến tính đúng đắn của những động thái này. Tham Mưu Trưởng Liên Quân một lần nữa đã yêu cầu Bộ trưởng Quốc Phòng xây dựng một lập trường hành động trong tương lai của Hoa Kỳ đối với Đông Dương, và khu vực Đông Nam Á. Ủy Ban Chính Sách Viện Trợ Cho Đông Nam Á (SEAAPC: South East Asia Aid Policy Committee) công bố, ngày 11 tháng 10 năm 1950, bản dự thảo "Đề xuất bản Tuyên Bố về Chính sách của Hoa Kỳ về Đông Dương. " Những tuyên bố SEAAPC cũng đưa ra thêm một hướng mới bổ túc cho chính sách viện trợ của Hoa Kỳ: *"Bất kể cam kết của Hoa Kỳ về việc cung cấp một số viện trợ quân sự cho Đông Dương, Hoa Kỳ sẽ không cam kết bất kỳ lực lượng vũ trang nào để bảo vệ Đông Dương chống xâm lược công khai nào từ nước ngoài, theo như hoàn cảnh hiện nay. "* **40/** Tài liệu này cũng khuyến khích viện trợ của Hoa Kỳ *" sẽ nhanh chóng đẩy mạnh sự hình thành của một quân đội quốc gia mới của ba nước Đông Dương "*, và biên bản ghi nhớ được gửi đến Bộ Trưởng Ngoại Giao và Bộ Trưởng Quốc Phòng đề nghị rằng nếu có các cuộc đàm phán được tiến hành với Pháp, đại diện Hoa Kỳ nên:

"... Đảm bảo việc Pháp chấp nhận các điều kiện theo đó có đính kèm việc mở rộng viện trợ của Hoa Kỳ vào việc xây dựng các quân đội quốc gia ở Đông Dương: (1) Lực lượng Liên Quân Pháp không sẽ triệt thoái khỏi Đông Dương cho đến quân đội các nước Đông Dương được huấn luyện đầy đủ và sẵn sàng hành động có hiệu quả để thay thế [cho Pháp] (2) Pháp sẽ không giảm chi tiêu cho vùng Đông Dương dưới mức 1950 trong thời kỳ viện trợ quân sự của Hoa Kỳ đã yêu cầu, (3) dự án các quân đội quốc gia sẽ có sự chấp thuận của chính phủ của ba nước Đông Dương; (nếu) Cao Ủy Đông Dương, Bộ Tư Lệnh [quân sự] Pháp [tại Đông Dương], và ba nước Đông Dương sẽ duy trì quan hệ tư vấn

đầy đủ với các Sứ Quán và MAAG trong suốt thời gian hình thành của các quân đội ấy".

Kết quả định giá lại của Tham Mưu Trưởng Liên Quân xuất hiện ngày 27 tháng 10: viện trợ quân sự nên tiếp tục trên cơ sở giải quyết nhanh. Một lần nữa, luận cứ quyền tự chủ thực sự và một chính phủ tự trị phải được trao cho nhân dân Đông Dương để cải thiện nguyên nhân cơ bản cho sự suy thoái về an ninh tại Đông Dương: đó là sự thiếu sự ủng hộ của nhân dân dành cho các cơ quan chính quyền. 41/ Nhưng nhận định rõ ràng và đầy đủ nhất của các Tham Mưu Trưởng Liên Quân về tình hình tổng quát vào thời kỳ cuối năm được tìm thấy trong tài liệu NSC 64/1, 42/ một tài liệu ký ngày 28 tháng 11 bởi các Tham Mưu Trưởng trong đó họ đã căn cứ trên một báo cáo của Tướng Brink 43/ và một dự thảo của Ủy Ban Chính Sách Viện Trợ Cho Đông Nam Á ngày 11 tháng 10. Trong thực tế, công bố về những mục tiêu ngắn-và-dài hạn chứa trong NSC 64/1 này đã được duy trì làm cơ sở cho chính sách của Hoa Kỳ về Đông Dương trong suốt thời gian chiến tranh Đông Dương của Pháp.

" MỤC TIÊU NGẮN HẠN

"a. Hoa Kỳ nên hành động, như là một vấn đề cấp bách, với tất cả phương tiện có thể sử dụng được của Hoa Kỳ ngoại trừ các lực lượng quân sự, để bảo vệ Đông Dương không lọt vào tay Cộng Sản.

"b. Bao lâu mà tình hình như hiện nay còn tồn tại, Hoa Kỳ nên tiếp tục đảm bảo rằng trách nhiệm chính cho việc khôi phục hòa bình và an ninh ở Đông Dương là thuộc về Pháp.

"c. Hoa Kỳ cần phải tìm cách phát triển các chương trình viện trợ quân sự cho Đông Dương dựa trên một kế hoạch quân sự tổng thể được chuẩn bị bởi người Pháp, với sự đồng tình bởi các nước Đông Dương, và có thể chấp nhận được cho Hoa Kỳ.

"(1) Cả hai việc kế hoạch và chương trình phải được xây dựng và triển khai thực hiện như là một vấn đề cấp bách. Nó phải được hiểu rõ ràng, tuy nhiên,

rằng Hoa Kỳ chỉ chấp nhận kế hoạch được giới hạn vào việc viện trợ hậu cần mà Hoa Kỳ có thể đồng ý cung cấp. Viện trợ được cung cấp theo chương trình nên được trao cho người Pháp ở Đông Dương và các nước Đông Dương. Việc phân bổ viện trợ quân sự của Hoa Kỳ giữa Pháp và quân đội các quốc gia Đông Dương phải được chấp thuận bởi Pháp và các cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ ở Đông Dương"

"(2) Lòng dân Đông Dương ủng hộ Chính phủ là yếu tố cần thiết để giải quyết thuận lợi vấn đề an ninh của Đông Dương. Vì vậy, như là một điều kiện để gia tăng viện trợ quân sự cần thiết cho Đông Dương trong việc thực hiện một kế hoạch quân sự tổng thể được thỏa thuận, Chính phủ Hoa Kỳ phải có được sự đảm bảo từ Chính phủ Pháp rằng:

(a) Một chương trình nhằm viện trợ cho một chính phủ tự trị của Đông Dương trước sau cũng sẽ được thành lập dù nó nằm bên trong hoặc bên ngoài Liên hiệp Pháp, sẽ được phát triển, công bố, và bắt đầu thực hiện cùng một lúc để tăng cường tinh thần quốc gia của Đông Dương trong việc đối kháng lại chủ nghĩa Cộng sản.

(b) quân đội quốc gia các nước Đông Dương sẽ được tổ chức như là một vấn đề cấp bách. Trong khi đó cũng thật nghi ngại rằng việc xây dựng các quân đội [*quốc gia*] có thể không hoàn thành được trong thời gian mong muốn để đóng góp đáng kể vào tình hình quân sự hiện nay, những lợi ích trực tiếp về chính trị và tâm lý thu được từ diễn trình này sẽ là tuyệt vời và do đó sẽ cho thấy những kết quả ngay lập tức, mặc dù một cách gián tiếp, là những lợi ích quân sự.

(c) Trong khi chờ sự hình thành và đào tạo quân đội quốc gia Đông Dương thành một đơn vị có hiệu năng, và như là một biện pháp khẩn cấp tạm thời, Pháp sẽ điều động thêm đủ lực lượng vũ trang vào Đông Dương để bảo đảm rằng việc khôi phục hòa bình và an ninh trong nước

tại quốc gia đó sẽ được thực hiện phù hợp với thời gian biểu của kế hoạch tổng thể về quân sự của cả Đông Dương.

(d) Pháp sẽ thay đổi khái niệm chính trị và quân sự ở Đông Dương:

- i. Loại bỏ các chính sách của chủ nghĩa thực dân.
- ii. Cung cấp sự giám hộ thích hợp cho các nước Đông Dương.
- iii. Bảo đảm một cấu trúc chỉ huy quân sự thuận lợi, không bị cản trở bởi những can thiệp chính trị, được thành lập để tiến hành các hoạt động quân sự có hiệu quả và phù hợp...

"(3) Vào một thời điểm thích hợp, Hoa Kỳ phải tiến hành các cuộc kiểm tra để xem các điều kiện quy định tại điểm c (2) trên đây đã được thực hiện một cách đầy đủ.

"d. Hoa Kỳ nên thực hiện tất cả các biện pháp chính trị và ngoại giao cần thiết để có được sự công nhận các nước Đông Dương bởi các quốc gia không Cộng sản khác ở Đông Nam Á và Nam Á.

"e. Trong trường hợp xảy ra các cuộc tấn công công khai được tổ chức bởi lực lượng Cộng sản Trung Quốc đối với Đông Dương, Hoa Kỳ không nên cho phép mình trở thành kẻ tham gia vào một cuộc chiến toàn diện với Cộng sản Trung Quốc, nhưng nên phối hợp với Vương quốc Anh để viện trợ cho Pháp và các nước Đông Dương với tất cả mọi phương tiện nhưng không sử dụng lực lượng quân sự của Hoa Kỳ. Sự viện trợ này bao gồm việc tăng cường một cách thích hợp chương trình viện trợ quân sự đang có và nỗ lực để được các nước lân cận trong khu vực Đông Dương cam kết các lực lượng vũ trang để chống lại sự xâm lăng.

"f. Hoa Kỳ ngay lập tức phải xem xét lại chính sách về Đông Dương của mình bất cứ khi nào xuất hiện việc Chính phủ Pháp có thể từ bỏ vị trí quân sự của mình tại quốc gia này hoặc Pháp có kế hoạch để đưa vấn đề Đông Dương Quốc ra Liên Hiệp Quốc. Trừ khi tình hình trên Thế Giới nói chung, và đặc biệt là Đông Dương,

bị thay đổi cụ thể, Hoa Kỳ cần phải tìm cách thuyết phục Pháp từ bỏ việc đưa vấn đề Đông Dương ra trước Liên Hiệp Quốc.

"g. Bởi vì giải pháp do Hoa-Kỳ tài trợ, 'Liên Minh Vì Hòa Bình', đã được thông qua bởi Đại Hội Đồng Liên Hiệp Quốc, và tình huống phát triển ở Đông Dương một cách tương tự như ở Hàn Quốc, trong đó lực lượng [*quân sự*] của Liên hợp quốc đã được yêu cầu. Khi đó Hoa Kỳ sẽ có thể cung cấp, như một nghĩa vụ đạo đức, các lượng vũ trang của mình để tham gia vào lực lượng quân sự dưới danh nghĩa đã được chỉ định của Liên Hiệp Quốc. Do vậy, việc đó nằm trong lợi ích của Hoa Kỳ để lấy một hành động như vậy ở Đông Dương cũng như tránh cho Liên Hiệp Quốc khỏi phải đưa ra các điều khoản của nghị quyết, 'Liên Minh Vì Hòa Bình'..."

JCS [*Tham Mưu Trưởng Liên Quân*] cũng đã đề xuất các mục tiêu dài hạn, đôn đốc việc phát triển một khả năng chiến tranh du kích ngầm, một chương trình chiến tranh tâm lý ("để chứng minh những điều xấu xa của Chủ Nghĩa Cộng Sản.... và cảnh báo... sự tái hiện của chủ nghĩa Đế Quốc Trung Hoa" [*ta gọi là chủ nghĩa Đại Hán*]), và thúc đẩy một hiệp ước an ninh khu vực thích hợp. Những khái niệm này cấu thành trung tâm của một nghiên cứu của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia ngày 28 tháng 12. **44/** Quyết định cung cấp viện trợ ban đầu đã được xác nhận sau khi đã được kiểm tra đi kiểm tra lại liên tục trong gần một năm, và vẫn là cơ bản cho chính sách của Hoa Kỳ trong suốt phần còn lại của chiến tranh.

7. MAP cho Đông Dương (MAP: Military Assistance Program)

a. Tầm quan trọng

Chương trình viện trợ của quân đội Hoa Kỳ cho Pháp và các nước Đông Dương được thực hiện nhanh chóng, so với những cam kết chính của Hoa Kỳ trong chiến tranh Triều Tiên. Trong một phán quyết vội vã về kết quả, một báo cáo về tiến độ thực hiện của NSC 64 (ngày 15 tháng 3, 1951) nói rằng " Viện trợ quân sự của Hoa Kỳ được trang bị

cho các lực lượng các nước Đông Dương và cho quân đội Liên Hiệp Pháp có thể là yếu tố quyết định trong bảo vệ khu vực chống lại sự xâm lăng của Cộng sản " 45/ Thông qua năm 1952 và vào năm 1954 các lô hàng MDAP vào Đông Dương tăng nhanh chóng 46/ Cho đến ngày 3 tháng 2 năm 1953, Hoa Kỳ đã vận chuyển 137.200 tấn Anh vật liệu (224 tàu loại chở hàng); Tháng 7 năm 1954, khoảng 150.000 tấn Anh (*) đã được gửi đi, bao gồm cả 1800 xe chiến đấu, 30.887 xe cơ giới vận tải, 361.522 vũ khí nhỏ và súng máy, 438 tàu hải quân, 2 tàu sân bay thời Thế giới II, và khoảng 500 máy bay. Cho đến lúc ký kết các hiệp định Geneva vào tháng Bảy năm 1954, Hoa Kỳ đã cung cấp viện trợ cho Đông Dương một chi phí cơ bản là \$ 2,600 triệu. 47/ Tuy nhiên, Pháp đã phản đối việc giao hàng "chậm chạp" và những "can thiệp" của MAAG về các yêu cầu của Pháp lại tái diễn, và đạt đỉnh trong những ngày khủng hoảng năm 1954. Tuy nhiên, thực sự các khiếu nại này có thể phản ánh ít về sự thiếu sót của Hoa Kỳ hơn là việc Pháp oán giận đối những nỗ lực của Hoa Kỳ để tư vấn, rà soát, kiểm tra và xác minh, và hoàn toàn thất vọng. Hơn nữa, sự thay đổi bất thường của hệ thống hậu cần Pháp không chỉ làm công việc MAAG khó thực hiện hơn, mà hơn nữa còn làm cản trở nguồn cung cấp đến cho chiến trận.

(*) [*một tấn Anh theo hệ đo lường của Anh = 1016kgs, một tấn theo hệ đo lường của Pháp là 1000kgs*]

b. Hiệu quả

Mặc dù đã có các điều kiện theo đó Hoa Kỳ viện trợ cho Pháp và các nước Đông Dương, trong suốt thời gian của cuộc chiến tranh Đông Dương, MAAG chỉ là một nhóm nhỏ lo việc cung cấp viện trợ (gồm 70 [*nhân viên*] vào năm 1950, 342 năm 1954) mà tác động của họ ảnh hưởng lên quyết định của Hoa Kỳ là hơn rất nhiều so với [*tác động lên*] người Pháp. Người Pháp không bao giờ háo hức để cho Hoa Kỳ tư vấn, họ không chỉ thành công trong việc hạn chế các chức năng của MAAG vào việc đặt hàng [*viện trợ*] mang ý nghĩa thương mại, nhưng trên thực tế -- thông qua việc các quan chức [Pháp] đã khéo léo tạo áp lực lên MAAG - đôi khi đẩy MAAG vào vị trí người nhận mệnh lệnh quân sự của họ. Dữ liệu hiện có không cho phép đánh giá chi tiết về hiệu quả của MAP [*MAP: Military Assistance Program: Chương Trình Viện Trợ Quân Sự*], nhưng có vẻ

rõ ràng rằng những hạn chế của Pháp đã áp đặt lên MAAG của Hoa Kỳ đã làm cơ quan này trở nên hoàn toàn bất lực **48/**

Tuy nhiên, bất kỳ đánh giá nào về hiệu quả của các chương trình viện trợ của Hoa Kỳ một cách đơn giản và trực tiếp đến kết quả của cuộc chiến rõ ràng là không phù hợp. Hầu hết, Hoa Kỳ không kỳ vọng cao. Theo lời của Đại sứ Hoa Kỳ đến Pháp vào tháng Hai, 1950, "*Khách quan mà nói, bất kỳ chương trình viện trợ từ bên ngoài đều mang tính cách thứ yếu và sự thành công của nó hoàn toàn phụ thuộc cho vào sự vững chắc của các cơ sở -- trong trường hợp này, là sự vững chắc của chính sách và hành động của người Pháp ở Đông Dương*" **49/** Quyết tâm của Pháp chống lại lời khuyên của Hoa Kỳ đã không tương xứng với quyết tâm của họ trong việc trao trả Độc Lập cho Việt Nam, hoặc nếu không thì họ đã đáp ứng được tình hình trầm trọng ở Đông Dương. Do đó, như Hoa Kỳ dường như đã dự kiến, Pháp tiếp tục xa rời một kết quả thuận lợi trong cuộc chiến Đông Dương, ngay cả với vật liệu và viện trợ tài chính của Hoa Kỳ, viện trợ của Hoa Kỳ giúp cho Pháp phát động một cuộc chiến quân sự trong khi Pháp đã thua cuộc chiến tranh chính trị ở Sài Gòn và Paris. (Thất bại quân sự tại Điện Biên Phủ quan trọng chủ yếu là đã tác động tâm lý và chính trị lên Pháp, và đã được giải thích trong các đánh giá tình báo của Hoa Kỳ) **50/**

Nếu dùng kết quả cuộc chiến tranh để đánh giá hiệu quả chương trình Hoa Kỳ là một sai lầm, và nếu hiệu quả của MAP và MAAG không thể được phân tích được một cách có ý nghĩa, chuyện còn lại [*để làm*] là việc đánh giá mức độ mà Pháp đã đáp ứng các điều kiện mà viện trợ được giao cho họ, mà có lẽ điều này đã tác động trực tiếp trên các mục tiêu chính trị của Hoa Kỳ:

- (1) Mục tiêu của của Hoa Kỳ là muốn bảo đảm rằng "trách nhiệm chính cho việc khôi phục hòa bình và an ninh ở Đông Dương là thuộc về Pháp" phải được hoàn thành, trong thực tế, mục tiêu này đã được khẳng định bởi người Pháp. Một mặt, lực lượng quân đội Hoa Kỳ đã không bao giờ trực tiếp tham gia trong cuộc chiến tranh Đông Dương. Mặt khác, người Pháp, trong việc thực hiện trách

nhiệm chính này, đã dành đặc quyền để xác định chính sách và sự tự do để từ chối lời cố vấn của Hoa Kỳ. "Đòn bẩy" của Hoa Kỳ là tối thiểu.

(2) Các điều kiện của chương trình viện trợ là "một kế hoạch khẩn trương do Pháp chuẩn bị cho các nước Đông Dương và Hoa Kỳ có thể chấp nhận được" đã bi thất vọng theo nhiều cách. Ngay từ đầu, đã không có một kế hoạch tổng thể được trình bày, và những phần của kế hoạch hiện tại mà nhà chức trách Hoa Kỳ đã bí mật có được (ví dụ như kế hoạch bình định Allessandri cho đồng bằng sông Bắc Bộ) là không thể chấp nhận được trong suy nghĩ của Hoa Kỳ. Thứ hai, khi kế hoạch Letourneau-Allard và Navarre cuối cùng đã được chuẩn bị (vào năm 1953, ba năm sau khi Hoa Kỳ quyết định rằng một kế hoạch là một điều kiện tiên quyết cần thiết đối với viện trợ), một số nhà quan sát Hoa Kỳ nhận ra rằng đó chỉ là những khái niệm hơn kế hoạch. Hoa Kỳ chấp nhận các kế hoạch và đã nhiều miễn cưỡng khi cấp \$ 385 triệu viện trợ bổ sung có thể định ra được. **51/** Cuối cùng, kế hoạch, một khi "được chấp nhận", đã không được mạnh mẽ thực hiện. **52/**

(3) Người Pháp đã đáp ứng trên hình thức các điều kiện [*viện trợ*] là họ đảm bảo rằng họ sẽ trao một quyền tự quản cho Đông Dương, và hình thành các quân đội quốc gia cho các nước Đông Dương. Nhưng rõ ràng trong suốt cuộc chiến tranh, bất kể số tiền viện trợ của Hoa Kỳ được chi ra, các tuyên bố về ý định của Pháp đã được đưa một cách miễn cưỡng, và hiếm khi có những hành động tiếp theo. Chiến tranh Đông Dương thuộc Pháp đã bị mất trước khi Việt Nam được hưởng một nền Độc Lập chân chính.

(4) Mặc dù Pháp đã mở rộng lực lượng của mình ở Đông Dương, các lực lượng này đã không bao giờ đủ cho công việc. Pháp chưa bao giờ sử dụng những tân binh vào Đông Dương. Pháp liên tục đề cập đến thế trận quốc phòng Châu Âu của mình trong lời giải thích. Trong ít nhất một trường hợp, nhân sự Hoa Kỳ đã được yêu cầu (ví dụ như cơ khí máy bay), và 200 đã được cung cấp, trong khi họ đang có một dự trữ nhân sự cùng loại đang tồn tại ở Pháp.

(5) Những báo cáo ngược lại cho thấy là không đứng vững, người Pháp đã không cải thiện tâm chủ nghĩa trọng thương hoặc chính sách thuộc địa [*của họ*], hoặc cung cấp "sự giám hộ thích hợp" cho các nước Đông Dương; họ cũng không phát triển một cấu trúc chỉ huy nào phù hợp với Hoa Kỳ.

(6) "kiểm tra để đảm bảo các điều kiện [*viện trợ*] được đáp ứng" của Hoa Kỳ đã được thực khi nào tình thế đáp ứng [*cho điều kiện viện trợ*], và hoặc [*kiểm tra*] lớn, ít và tần suất được thực hiện tùy theo ý thích của người Pháp và theo các chi tiết kỹ thuật do họ quyết định.

(7) Người Pháp đã chọn không đưa vấn đề Đông Dương ra trước Liên Hiệp Quốc. Chắc chắn chương trình viện trợ của Hoa Kỳ đã đưa đến quyết định này, dù không rõ ràng là điều đó đã là hay không là một yếu tố quyết định.

Hiệu quả của chương trình viện trợ Hoa Kỳ như là một công cụ của chính sách của Hoa Kỳ - là khá trệt qua một bên so từ kết quả của chiến tranh - được như vậy khá thấp.

8. Phê bình

Như trong phần trước của bài viết này đã gợi ý, Hoa Kỳ đã bị thuyết phục dẫn thân vào chiến tranh Đông Dương bởi nhận thức, sau sự sụp đổ của Trung Hoa Dân quốc, nhu cầu tổ chức một phòng tuyến chống lại cộng sản. Đường vạch chiến lược ở biên giới Trung Quốc-Đông Dương này đã được củng cố bởi niềm tin rằng sự sụp đổ của Đông Dương chắc chắn sẽ dẫn đến sự sụp đổ của các nước khác trên đất liền của khu vực Đông Nam Á, và sự sụp đổ của khu vực Đông Nam Á hầu như sẽ kết liễu trong việc khả năng tiếp cận Hoa Kỳ các vùng ven biển Thái Bình Dương của Châu Á bị hoàn toàn chấm dứt. Triển vọng cho một chiến thắng Pháp ở Đông Dương được đánh giá trong các tài liệu tình báo lúc đó của Hoa Kỳ là yếu kém, tuy nhiên, viện trợ quân sự và kinh tế của Hoa Kỳ cung cấp Pháp và các nước Đông Dương với niềm tin rằng, việc phối hợp nhanh chóng các chương trình quân sự, chính trị, và viện trợ kinh tế của Hoa Kỳ sẽ đưa đến một số tiềm năng giúp Pháp có thể thành công trong việc đạt được thể chủ động

chiến tranh trong khu vực đó. Sáu điểm chính của phê bình về chính sách của Hoa Kỳ như sau:

a. Đánh giá sai về Pháp

Các nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ dường như đã nhận ra rằng các điều kiện mà họ áp đặt lên người Pháp đã không thể thực hiện được ở một mức độ nào đó. Tuy nhiên, họ tin rằng điều kiện tiên quyết là cần thiết và có thể viện trợ trong việc thuyết phục người Pháp để thay đổi cách thức thuộc địa của họ và theo đuổi cuộc chiến tranh với phương pháp Hoa Kỳ, chuyên cần và năng nổ. Người Pháp, từ lâu được chú ý về trình độ và độ chính xác trong logic, không cần Descartes để nhận ra rằng Hoa Kỳ vì đâu đã yêu cầu Pháp (1) lấy hoàn toàn trách nhiệm cho cuộc chiến tranh Đông Dương, và đặc biệt trong chiến đấu và chấp nhận thương vong trong cuộc chiến tranh đó; (2) theo "sự hướng dẫn" và "tư vấn" của Hoa Kỳ về việc thực hiện trách nhiệm này của Pháp, và (3) chiến đấu trong cuộc chiến, được cho rằng là sẽ kết thúc thành công, tiến tới xóa bỏ việc kiểm soát [đô hộ] Đông Dương. Sự sẵn sàng của Pháp chịu trách nhiệm chiến tranh, không có gì đáng ngạc nhiên rằng họ đã ngần ngại, hay vào lúc tốt nhất, chấp nhận mệnh đề (2) và (3). Mặc dù tuyên bố của Pháp về vai trò của họ trong cuộc chiến chống cộng sản, có rất ít lý do để tin rằng họ coi cuộc chiến tranh Đông Dương dưới cùng một ánh sáng như Hoa Kỳ đã nhìn cuộc chiến tranh Triều Tiên. Thay vào đó, hành vi của họ giống như của cường quốc thuộc địa khác, những nước đã chiến đấu để giữ lại các thuộc địa vì các lợi nhuận thu được ở đó.

b. Chấp nhận cơ hội mong manh

Nếu các nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ công nhận sự mong manh của cơ hội thuyết phục được Pháp chấp nhận ba đề nghị ở trên, có thể họ đã đã tìm các hướng hành động khác nhau ở Đông Dương. Như vậy, khả năng thành công (như trái ngược với xác suất) là quan tâm chính của họ, và việc đánh giá quá cao đòn bẩy [viện trợ] Hoa Kỳ

nhằm tạo ảnh hưởng dẫn đến một kết quả thuận lợi, *[vì thế]* các giải pháp thay thế đã không được xem xét.

c. Chính sách lòng vòng

Việc loại bỏ các lựa chọn thay thế, ở cả hai cấp chung và riêng rẽ (xem Ghi chú số 48 về một ví dụ cho việc này), đã dẫn đến một sự lòng vòng và tăng cường *[gia cố]* các chính sách hiện có, liên tục bị buộc phải lựa chọn giữa "xấu" và "tốt" **53/**

d. Thương lượng yếu kém

Sau khi thực hiện một đường lối chính sách cứng rắn với Pháp, Hoa Kỳ đã thất bại trong việc thương lượng có hiệu quả. Như vậy, trong hoàn cảnh *[Pháp]* không hoàn toàn thắng thế ở Việt Nam trong nhiều thời gian tiếp nối, Hoa Kỳ vẫn tiếp tục cung cấp viện trợ bất kể các điều kiện tiên quyết bị vi phạm, hơn nữa, điều kiện tiên quyết đối với viện trợ lại không được sửa đổi. Mà không sửa đổi thì các điều kiện trở nên tồi tệ hơn cả vô nghĩa: di chúc hiện hành cho sự bất lực của Hoa Kỳ, chỉ được công nhận khi nào và làm thế nào theo như người Pháp đã chọn. Hoa Kỳ đã trở thành hầu như là một tù nhân của chính sách riêng của mình. Ngăn chặn cộng sản, mối bận tâm của người Pháp trong mối quan hệ với Châu Âu sau chiến tranh với NATO, EDC *[European Defense Communities: Cộng Đồng Phòng Thủ Âu Châu]*, và mối đe dọa của Liên Xô ở phương Tây, kết hợp với một nỗi sợ hãi, dựa trên chiến lược Thế Chiến II, việc Pháp rút quân khỏi Đông Dương sẽ gây nguy hiểm cho Hoa Kỳ tại Hàn Quốc, tất cả *[mấy điều trên]* buộc Hoa Kỳ tiếp tục viện trợ. Tuy nhiên, không một trong những quan tâm nào trên đây là cản trở không cho việc sửa đổi chiến lược thương lượng của Hoa Kỳ.

e. Không đúng sự thật

Bộ máy hoạch định chính sách của Hoa Kỳ là rất dễ bị tổn thương do mạo tín, ít nhất là ba vấn đề: (1) thế rất mạnh phải có của Hoa Kỳ liên quan đến cộng sản là một quan

điểm thường trực của Hoa Kỳ, không phải lúc nào cũng bị phản đối, của các phe phái hô hoán "*[làn sóng]* đỏ" và do đó đã thao tác Hoa Kỳ, (2) sự phụ thuộc vào các nguồn tin tình báo chính thức của Pháp và các thông tin khác là có khả năng sai lệch, (3) sự phụ thuộc vào kỹ thuật thu thập thông tin từ giới chức cao đã được sử dụng như một đầu vào trực tiếp vào việc quyết định chính sách đã chứng minh là không đạt yêu cầu.

54/

f. Không cần nhắc chi phí

Cuối cùng, có rất ít dấu hiệu cho rằng các nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ, mà suy nghĩ của họ bị chi phối bởi mục tiêu ngăn chặn nguyên khối đá cộng sản, phải đối mặt với chi phí để thắng cuộc chiến tranh Đông Dương, ngay cả việc trực tiếp can thiệp của Hoa Kỳ đã được xem xét. **55/** Cũng không có bằng chứng cho rằng đã có những quan tâm về các chi phí hữu hình và vô hình của viện trợ quân sự của Hoa Kỳ cấp cho một cường quốc đang thua trong cuộc chiến, bao gồm cả những tác động tiềm năng về thể đứng của Hoa Kỳ ở châu Á. Và cuối cùng, tài liệu sẵn có cũng không tiết lộ bất kỳ nghiên cứu nào về khái niệm chi phí chìm *[không tên]*. Có, tất nhiên, những tiếng nói trong bãi đất hoang. Một biên bản ghi nhớ không ký tên, không ghi ngày tháng đã đặt ra tám câu hỏi quan trọng để được trả lời bởi NSC trong thời gian mùa xuân năm 1954. **56/** Bình luận về bốn câu hỏi sau đây, liên quan đến thời gian mà chúng đã được đặt ra, là không cần thiết:

-- Khu vực Đông Nam Á quan trọng thế nào với lợi ích an ninh của Hoa Kỳ? Liệu phân tích trong NSC 5405 là vẫn còn hiệu lực? Liệu khu vực ấy đủ quan trọng để mình chiến đấu cho nó không?

-- Đông Dương quan trọng thế nào trong việc bảo vệ khu vực Đông Nam Á? "Lý thuyết domino" có giá trị không? Liệu Đông Dương đủ quan trọng để để mình chiến đấu cho nó không? Nếu không, hậu quả chiến lược của việc mất tất cả hoặc một phần của Đông Dương là gì?

-- Nếu các can thiệp của Hoa Kỳ vào Đông Dương, liệu chúng ta có thể tin tưởng vào sự hỗ trợ của người bản xứ không? Liệu chúng ta có thể chiến đấu như một đồng minh của Pháp và tránh được sự kỳ thị của chủ nghĩa Thực Dân?

-- Có hay không một khái niệm chiến lược cho việc tiến hành chiến tranh ở Đông Dương, theo đó có một hứa hẹn cho một sự thành công sớm...?

Các quyết định của Hoa Kỳ để viện trợ cho Pháp và các nước Đông Dương trong chiến tranh Đông Dương thường được xử lý một cách sơ sài trong lịch sử hiện nay, nếu có. Tuy nhiên, cả hai việc lấy quyết định và thực hiện là có ý nghĩa và tương tự đáng kể như những kinh nghiệm sau này của Hoa Kỳ tại Việt Nam.

Phần chú thích

IV. A. 2. FOOTNOTES

1. Department of State Circular to certain American diplomatic and consular officers, January 23, 1946. The association of the Netherlands East Indies with French Indochina could not have been lost on the French.
2. Department of State, Office of Far Eastern Affairs, Memo for Mr. Acheson from J.C.V., January 8, 1947.
3. Department of State outgoing telegram to AMEMB Paris 431, February 3, 1947 (SECRET).
4. Department of State outgoing telegram to AMEMB Paris 145, January 17, 1949 (SECRET).
5. Joseph Buttinger, Vietnam: A Dragon Embattled (New York: Praeger, 1967, 2 vols), II, pp. 706-707.
6. Bernard B. Fall, ed., Ho Chi Minh on Revolution (New York: Praeger, 1967), pp. 197-198.
7. Memorandum for the President from the Secretary of State, February 2, 1950.
8. Department of State Bulletin, May 22, 1950.
9. NSC 48/1, Report by the Executive Secretary, December 23, 1949, p. 3 (TOP SECRET).

10. Cf. McCarran bill, introduced February 25, 1949, to provide \$1.5 billion loan to Nationalist China, subsequent Bridges call for investigation of U.S.-China policy.
11. NSC 48/1, p. 13.
12. NSC 64, Report by the Department of State, February 7, 1950, p. 3(TOP SECRET).
13. Quốc Hội Pháp phê chuẩn dự luật thành lập các nước Đông Dương có hiệu lực ngày 29 tháng 1 năm 1950. Những lý do để được công nhận được Bộ trưởng Ngoại giao được trình cho Tổng thống là những khuyến khích cho ước vọng của lãnh đạo của các quốc gia không cộng sản; thành lập chính phủ không cộng sản ổn định trong khu vực tiếp giáp với Cộng sản Trung Quốc, viện trợ Pháp, phát biểu sự không hài lòng với chiến thuật của cộng sản. *Bộ Ngoại giao, Bản ghi nhớ cho Tổng thống từ Bộ Trưởng Ngoại Giao, chủ đề "Công nhận Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia", 02 tháng hai năm 1950.*
14. Việc đưa tuyên bố của Ngoại trưởng Acheson ngày 01 tháng 2 vào đoạn đầu của Thông Báo báo chí của Bộ Ngoại Giao ngày đó: "Việc Điện Cẩm Linh công nhận phong trào cộng sản Hồ Chí Minh ở Đông Dương như là một sự ngạc nhiên. Sự công nhận của Liên Xô với phong trào này nên loại bỏ bất kỳ ảo tưởng về "bản chất dân tộc chủ nghĩa" của mục tiêu mà Hồ Chí Minh nhắm tới và nên tiết lộ màu sắc thực sự của Hồ như là kẻ thù sinh tử cho nền Độc Lập của Đông Dương..."
15. Như Tổng thống Truman sau đó đã viết về quan điểm của ông về hoạt động của Trung Quốc trong tháng 11 năm 1950, "Tình hình ở Hàn Quốc... là không phải là trường hợp duy nhất của một sự gây hấn mới từ Cộng sản Trung Quốc. Có những bằng chứng rằng các lực lượng phiến quân cộng sản ở Đông Dương đã nhận viện trợ ngày càng tăng từ Bắc Kinh. Ngoài ra, trong những ngày cuối cùng của tháng Mười, Cộng sản Trung Quốc đã tiến hành chống lại chế độ thần quyền cổ xưa của Tây Tạng. Chúng tôi đã nhìn thấy cách tiến hành ở Đông Dương và Tây Tạng đã lên lịch thời gian trùng với các cuộc tấn công tại Hàn Quốc là một thách thức cho thế giới phương Tây. " *Memoirs of Harry S. Truman, Volume 2, p. 380.*
16. Ngày 03 Tháng Năm năm 1949, Tướng Chennault đã nói với hai Ủy ban Quốc Hội rằng trừ khi Hoa Kỳ can thiệp ngay lập tức để cứu Quốc Dân đảng, tất cả Châu Á sẽ rơi vào tay cộng sản
17. Bản ghi nhớ gửi Bộ trưởng Quốc phòng, từ Tham Mưu Liên Quân, Chủ đề: Đánh giá chiến lược của khu vực Đông Nam Á, ngày 10 tháng 4 năm 1950 (TS)
18. NSC 48, 64 loạt, 124 loạt, 177, 5405.
19. NSC 64, trang 2.
20. NIE số 5, Đông Dương: Dự đoán tình hình và sự phát triển, ngày 29 tháng 12 năm 1950, trang 2 (TS).
21. NIE số 5, trang. 2. Lucien Bodard trong cuốn "Quicksand War" (chiến tranh bị cát lún) (trang 228-229) cho rằng Tư lệnh Pháp "hệ thống đưa ra thông tin tình báo sai có nghĩa là kết thúc ở Washington" về các vấn đề liên quan. Chỉ có các sự kiện sau đó cho người Pháp thấy rằng có một mối đe dọa thực sự của Trung Quốc.

22. Memorandum for the Secretary of Defense, April 5, 1950 (TS).
23. NIE 5, *pp.* 1, 2.
24. Ibid., p. 1.
25. Điện tín gửi đi cho AI4 Sài Gòn Lãnh sự 25, Phòng Nhân Viên cho Jessup từ Butterworth, 20 Tháng 1 1950 "... đã gặp phải sự phản đối đáng kể, điều đó chứng tỏ ít nhất là lòng dân dành cho Bảo Đại vẫn chưa mở rộng."
26. NIE 5, p. 1
27. Điện tín gửi đi từ Paris số 837, ngày 22 tháng 2 năm 1950.
28. NSC 64, lập trường của Hoa Kỳ đối với Đông Dương, 27 Tháng Hai 1950, p. 3 (TS).
29. Thư của Phó Bộ Trưởng Ngoại Giao Rusk gửi Thiếu Tướng James H. Burns, March 7, 1950 (TS).
30. Biên bản ghi nhớ gửi Tổng thống từ Bộ trưởng Quốc phòng phê duyệt bởi SecDef, ngày 06 tháng 3 năm 1950 (TS).
31. Ngày 06 Tháng 3, Bộ Ngoại Giao và Bộ Quốc phòng đã đồng ý trên một chương trình viện trợ quân sự cho Đông Dương và Thái Lan với số tiền \$ 15 và 10 triệu đô la. Dự thảo biên bản ghi nhớ gửi Tổng thống, "Phân bổ Ngân quỹ để cung cấp viện trợ quân sự cho Thái Lan và Đông Dương Theo Mục 303 của Đạo luật Viện trợ Quốc phòng, March 6, 1950 (TS).
32. Ninth Report to Congress of ECA, 1951, p. 99.
33. Quoted in Memorandum for the Secretary of Defense from Secretary of the Navy, "Aid to Indochina," March 28, 1950, p. 2. (TS)
34. Memorandum for the Secretary of Defense from the Joint Chiefs of Staff, "Strategic Assessment of Southeast Asia," April 5, 1950 (TS).
35. Department of State Outgoing Telegram to AmEmbassy London 2049, May 3, 1950 (TS).
36. Statement of the President, June 27, 1950.
37. Memorandum for the Joint Chiefs of Staff from Secretary of Defense, June 6, 1950.. Cited in U. S. Policy Toward Vietnam Since 1945, OCMH
38. Bản ghi nhớ gửi Bộ trưởng Quốc phòng từ Tham Mưu Trưởng Liên Quân , Phụ lục 2, 16 tháng 10 năm 1950 (S), xem thêm "Vai trò của quân đội Hoa Kỳ trong cuộc xung đột tại Việt Nam", OCMH Draft-64-7-1 (TS), trang 22-23, kết luận chung là bi quan của phái bộ cũng được trình bày trong Phụ

lục 2 của Ủy ban Chính sách Đông Nam Á "Bản đúc kết những đề xuất cho Chính sách của Hoa Kỳ ở Đông Dương để NSC xem xét", 11 tháng 10 năm 1950 (TS).

39. Dự thảo OCMH Ts 64-7-1, p. 23.
40. Trong phần bình luận của họ trên tài liệu này, Ủy Ban Liên Bộ khuyến nghị tăng cường hạn chế này bằng cách bao gồm trong đó dự phòng "gia tăng những cuộc tấn công nội bộ cộng sản." Bản ghi nhớ gửi Bộ trưởng Quốc phòng từ Ủy Ban Liên Bộ, 18 Tháng mười 1950 (TS).
41. Memorandum for the Secretary of Defense from the Joint Chiefs of Staff, Subject: Possible Future Action in Indochina, October 27, 1950 (TS).
42. Report to the National Security Council by the Secretary of Defense on the Position of the United States with Respect to Indochina, December 21, 1950 (TS).
43. Department of State Incoming Message from U.S. Minister Saigon 763, November 4, 1950 (TS).
44. NSC Staff Study on Position of the United States with Respect to Indochina, December 28, 1950 (TS).
45. Progress Report by the Under Secretary of State to the National Security Council on the Implementation of NSC 64, March 15, 1951 (TS).
46. OCMH TS-64-7-1, pp. 36, 47-48. All numbers are taken to be approximations.
47. Irving Heymont, et. al., Cost Analysis of Counterinsurgency Operations, RAC-TP-232, June 1967, Vol 1. P.10 (S).
48. RAC-TP- 232, June 1967, Vol 1, p. 10 (S)
49. Cf, biên bản ghi nhớ chính thức từ ông Max Lehrer gửi Tướng Bonesteel ngày 21 tháng 4 năm 1954: "Đây là báo cáo [kèm theo] để làm cho nó rõ ràng rằng MAAG Hoa Kỳ có rất ít thông tin trong tay mà dựa vào đó họ có thể hoạt động. Báo cáo bằng văn bản thực sự đã không báo cáo đúng sự thực về sự thiếu sót thông tin. Nhân viên của chúng tôi thấy rằng tinh thần chiến đấu của MAAG ở Đông Dương là hầu như không có và MAAG bị giảm đến mức tương đối là bất lực. "
50. Department of State Incoming Telegram from Paris 837, February 22, 1950 (S).
51. NIE 63-54, Consequences Within Indochina of the Fall of Dien Bien Phu, April 30, 1954(s).
52. Về kế hoạch Letourneau-Allard, Tướng Trapnell, trưởng MAAG, báo cáo, trong khi kế hoạch này là chậm và tốn kém, tiến hành các hành động khác chỉ là để chấp nhận sự bế tắc đó không chỉ là tốn kém, nhưng về lâu dài, có lợi cho Việt Minh và không đưa ra giải pháp "(Biên bản ghi nhớ từ Tướng Trapnell, tập tin OSD, March 31, 1953).
53. Mặc dù Tướng O'Daniel, trong báo cáo của ông về 15 tháng 7 năm 1953 (TS) đánh bóng nhiệt tình vào kế hoạch Navarre kế nhiệm, được mô tả một cách rộng rãi và hấp dẫn bởi chính Tướng Navarre,

nhưng đối với những người khác kế hoạch này rõ ràng là rộng lớn. "Không có bằng chứng cụ thể rằng các lực lượng Liên hiệp Pháp" sẽ có thể có hành động quyết định để giành chiến thắng trong cuộc chiến tranh trong tương lai gần... "(Bình luận của Tuỳ viên Quân đội, Sài Gòn, ngày 24 Tháng 11 năm 1953 (S))

54. Vì vậy, Tham Mưu Trưởng Liên Quân vào năm 1954: "Có hai khái niệm quân sự quốc phòng cơ bản cho khu vực Đông Nam Á: a) Tấn công tĩnh (kiểu Hàn Quốc), b) Tấn công vào các nguồn của sức mạnh quân sự của cộng sản được áp dụng ở Đông Nam Á (ví dụ như, Trung Quốc). "Thật thú vị khi trong các đánh giá này Tham Mưu Trưởng đã chọn chọn b), mặc dù "nhu cầu các lực lượng và viện trợ hậu cần... chưa được phát triển đầy đủ " Bản ghi nhớ cho Bộ trưởng Quốc phòng từ Tham Mưu Trưởng Liên Quân , Chủ đề:" Quốc phòng của khu vực Đông Nam Á trong sự kiện mất Đông Dương vào tay Cộng Sản ", ngày 21 tháng 5 năm 1954 (TS).

55. Cf, các báo cáo của Tướng O'Daniel sau ba chuyến công tác của ông ở Đông Dương. Sau chuyến công tác thứ hai, O'Daniel báo cáo rằng "triển vọng chiến thắng xuất hiện ngày càng khuyến khích và tôi chân thành khuyên bạn nên tiếp tục và tăng cường viện trợ Hoa Kỳ." (Báo cáo tiến độ về tình hình quân sự ở Đông Dương ngày 19 Tháng 11 năm 1953 (TS)). Tiếp theo chuyến công tác thứ ba, Tướng Navarre đã cố gắng không thành công để ngăn, O'Daniel thậm chí còn lạc quan hơn trong phát biểu của mình, bao gồm cả những người đang ở Điện Biên Phủ, trong hoàn cảnh lúc đó. (Báo cáo Chuyển Công Tác Đặc Biệt của Hoa Kỳ vào Đông Dương, 05 Tháng 2 1954 (TS))

56. Bộ trưởng Lục Quân Robert T. Stevens thấy cần thiết để viết, thậm chí theo những kinh nghiệm của cuộc chiến tranh Triều Tiên," Tôi đang ngày càng trở nên lo ngại về tần số các báo cáo của các cá nhân ảnh hưởng trong và ngoài chính phủ Hoa Kỳ là lực lượng Không và Hải Quân một mình có thể giải quyết vấn đề của chúng ta ở Đông Dương, và cũng như thế họ đã thiếu hiểu biết về việc đánh giá các yếu tố hậu cần ảnh hưởng đến hoạt động trong khu vực đó. "Bản ghi nhớ cho Bộ trưởng Quốc phòng, Chủ đề:. Đông Dương, ngày 19 Tháng Năm 1954 (TS) Xem thêm Lưu ý 53.

57. NSC 5405 tập tin của OSD.

----- Hết phần IV-A-2, dịch xong ngày 29 tháng 09 năm 2012 -----

Nguyễn Quốc Vĩ

QUAN HỆ GIỮA VIỆT NAM VÀ HOA KỲ

1945 – 1967

IV-A-3

DIỄN BIẾN CỦA CHIẾN TRANH

HOA KỲ VÀ PHÁP RÚT KHỎI VIỆT NAM

1954 – 1956

Lời người dịch:

Từ thuở nhỏ mãi đến bây giờ tôi chỉ biết thông tin là ông Diệm do Hoa Kỳ đưa về và hệ luận tuyên truyền tất nhiên là ông Diệm chỉ là một thứ bù nhìn con rối cho Hoa Kỳ. Biết Hoa Kỳ thay chỗ cho Pháp nhưng không biết diễn biến ra sao? Biết Bảo Đại mời Diệm về làm Thủ Tướng nhưng rồi Diệm truất phế Bảo Đại kéo theo lời kết án kẻ phản thù, phản chủ.

Phần IV-A-3 này kể lại rất rõ:

Bảo Đại đã bổ nhiệm ông Diệm làm Thủ Tướng ngày 16-06-1954 (*). Khi ông Diệm nắm chức Thủ Tướng Miền Nam Việt Nam, Pháp, Hoa Kỳ, quân đội (đứng đầu là các Tướng tay sai của Pháp), các giáo phái tất cả đều chống ông. Khi ông Diệm cho quân đội tấn công Bình Xuyên, Bảo Đại muốn truất quyền ông Diệm (cũng do Pháp áp lực). Bình Xuyên vốn dĩ là một tập hợp của 6 ngàn thảo khấu trùm cờ bạc và đĩ điếm (Sòng bạc Kim Chung Đại Thế Giới ở Chợ Lớn) đứng đầu là Lê Văn Viễn tức Bảy Viễn. Tổng Nha Cảnh Sát Đô Thành cũng dưới tay của Bảy

Viễn. Bảy Viễn nộp tô hàng năm 40 triệu đồng Đông Dương cho Bảo Đại. Chỉ nội chuyện này cũng đủ thấy Bảo Đại không xứng đáng làm vua nói chi ông ta chỉ là kẻ ăn chơi cờ bạc. Điều này, theo tôi, không những rửa được tiếng oan phản chủ, ông Diệm và các nhân sĩ chính trị thời đó đã rất thức thời và xứng đáng. Pháp cho rằng ông Diệm là kẻ bất tài và điên khùng. Người Hoa Kỳ cũng không thấy ông Diệm có tài cán gì cũng muốn thay ông nhưng rồi tìm mãi cũng không thấy ai khá hơn và họ chỉ thấy ở ông Diệm một con người liêm chính.

Đến khi ông Diệm móc nối được với Cao Đài và Hòa Hảo (với Bình Xuyên là cả ba nhóm đều được Pháp tài trợ và trang bị) dẹp được loạn Bình Xuyên, xác nhập quân giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo vào quân đội VNCH thì Hoa Kỳ đổi thái độ quay ra ủng hộ ông Diệm hết mình. Điều này, đối với tôi, rõ ràng là không có chuyện ông bủ nhìn Diệm được Hoa Kỳ đưa về.

Phần tài liệu này cũng cho thấy ông Diệm là người không phải là loại dễ bảo, ông là người có tình thần bài Pháp, bài ngoại. Ngay từ đầu người Hoa Kỳ cũng thấy ông là người chính trực theo kiểu “cây ngay không sợ chết đứng” – có lẽ tính này đã góp phần vào cái khư khư “tôi đâu có làm gì sai” trong vụ nổ lựu đạn chết người ở Đài Phát Thanh Huế khởi đầu cho biến cố Phật Giáo rồi đưa đến cái chết thương tâm của hai anh em ông (Phần IV-B-5 Lật Đổ Ngô Đình Diệm cũng có nói về ý này).

Trong phần IV-3-2 này cũng khẳng định rất rõ là Hoa Kỳ muốn giữ Miền Nam Việt Nam không bị mất vào tay Cộng Sản trong khi người Pháp còn muốn níu kéo, tính chuyện hợp tác với miền Bắc về kinh tế, văn hóa; tính chuyện cài thế trông vòng Kim Cô lên chính phủ miền Nam Việt Nam để bảo vệ những quyền lợi Thực Dân của họ.

Ông Diệm tổ chức Trưng Cầu Dân Ý truất phế Bảo Đại, dù có tin là bầu cử không ngay thẳng, 98% người bầu đã đồng ý. Chính thể mới Việt Nam Cộng Hoà được thành lập vào ngày 26 tháng 10 năm 1955 và ông được bầu làm Tổng thống nền Đệ nhất Cộng hòa Việt Nam vào ngày 23 tháng 10 năm 1955. Sau chiến thắng “vang dội” cuộc Trưng Cầu Dân Ý, Hoa Kỳ quay ra hết lòng hỗ trợ cho ông Diệm .

Hội nghị ba bên gồm Anh, Pháp, Hoa Kỳ vào tháng 5, 1955 đã thúc đẩy sự ra đi của Pháp – đến tháng 4, 1956 quân Viễn Chinh Pháp chỉ còn 5000 và Bộ Tư Lệnh Quân Sự của Pháp bị giải tán. Sau hội nghị ba bên, từ nay Hoa Kỳ sẽ tự lo liệu thẳng với Việt Nam – Thực Dân Pháp chính thức “foudre le camp” khỏi Việt Nam.

Vụ Tổng Tuyển Cử quy định trong Hiệp Định Geneve bị ông Diệm từ chối thi hành – Nhiều năm rồi tôi cứ nghĩ là ông Diệm lật lọng vì nghe lời Hoa Kỳ. Hóa ra không phải vậy, ông kiên quyết chỉ tổ chức bầu cử khi phía bên kia (VNDCCH) chấp nhận bầu cử hoàn toàn tự do, bầu kín và có quốc tế kiểm soát – Điều mà trong tài liệu cho biết là phía bên kia không đồng ý – Và lại, chính phủ miền Nam Việt Nam đã phản đối và không ký kết Hiệp Định Genève . Đất Nước bị tạm chia 2 năm thành 20 năm, hai mươi năm chiến tranh tàn phá để rồi thống nhất với giá đau thương là 3 triệu người chết ... Tôi không thể phán xét gì vì trò chơi chính trị này nó lớn quá nhưng nhìn dưới lăng kính của những gì xảy ra trong mấy mươi năm qua, liệu Đất Nước thống nhất năm 1956 như theo Hiệp Định Genève có thành một thứ Bắc Triều Tiên đầy đau khổ và sắc máu không? Liệu hai tiếng Độc Lập Tự Do trước quảng trường Ba Đình tháng 9 năm 1945 còn vang dội hay không hay đã tan biến trong lá cờ Búa Liềm dưới vòm trời năm, sáu sao lớn nhỏ?

Hôm nay đọc bài nhận lỗi của TT Nguyễn Tấn Dũng trước Quốc Hội có câu “tất cả vì Tổ quốc vì nhân dân, vì Đảng vì chế độ, vì sự ổn định và phát triển bền vững của đất nước”. Hai chữ “Tổ Quốc” và “Nhân dân” được trước “Đảng” hình như có gì khác thường – từ trước đến nay từ “Đảng” luôn luôn là đứng trước. Một sự khác thường đáng trân trọng ... miễn đó là thực tâm thực lòng của những kẻ kế thừa cho thế hệ Điện Biên ... Rất mong.. rất mong.....

Xem thêm

(*) http://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C3%B4_%C4%90%C3%ACnh_Di%E1%BB%87m
http://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BB%87_nh%E1%BA%A5t_C%E1%BB%99ng_h%C3%B2a_Vi%E1%BB%87t_Nam

Ghi chú: (1) chữ Việt Nam trong bài đều có nghĩa là Nam Việt Nam hay Việt Nam Cộng Hòa khác với miền Bắc được ghi rõ là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa hay viết tắt là VNDCCH
(2) các phần chữ nghiêng nằm trong dấu móc vuông là tác giả ghi thêm cho rõ nghĩa

Nguyễn Quốc Vĩ
Paris, tháng 10/2012

Phần này của nghiên cứu liên quan đến quan hệ giữa Pháp, Hoa Kỳ và Nhà nước Việt Nam theo thứ tự thời gian trong những hậu quả của Hội nghị Genève. Sau đây là các phần:

Tóm Lược

Diễn Tiến Theo Thời Gian

Nội dung

Phần chú thích

IV-A-3

HOA KỲ VÀ PHÁP RÚT KHỎI VIỆT NAM

1954 – 1956

Tóm Lược

Diễn Tiến Theo Thời Gian

Nội dung

Phần chú thích

Việt Nam là một thử thách của Pháp thời đó. Thất bại quân sự [của Pháp] trước Việt Minh -- chưa từng có việc Châu Á chiến thắng Châu Âu - chỉ là một trong những thuốc thử về chính trị: đã có sự thất vọng và chán ngán mãnh liệt giữa cánh hữu Pháp đã xác tín rằng nông dân chân lấm tay bùn Châu Á có thể làm mất đi công lao một thế kỷ lao động tốn kém của Pháp trong "nhiệm vụ khai hóa, " và gây nguy hiểm cho những đầu tư lớn nhất của thủ đô nước Pháp ở vùng Viễn Đông. Khu vực đồng bằng Bắc Bộ được xem là nơi tiêu biểu một cách đặc biệt tất cả những gì Việt Nam có về Pháp [*Pháp hóa*]. Bắc Bộ, so với toàn cõi Việt Nam, là nơi Pháp có phần kinh tế cao nhất, nơi mà phong cách sống của dân bản địa đã hoàn toàn hào nhoáng theo văn hóa Pháp, là nơi tập trung giáo dục Việt Nam - Đại học Hà Nội, với toàn cán bộ giảng dạy là người Pháp - và là nơi mà Công giáo phát triển mạnh mẽ trong những vùng nông thôn dân giả. Như vậy, triệt thoái khỏi Bắc Bộ theo các điều khoản giải quyết của [*Hiệp Định*] Genève là một đau đớn, so với cảm giác thua trận Điện Biên Phủ dù nhục nhã thế nào vẫn còn ít hơn với một cảm giác bị bỏ rơi: một kỷ nguyên đã khép lại, Pháp đã bị xuống cấp.

Nếu việc giải quyết đã được hoàn thành đúng như Hiệp Định Genève, Pháp đã có thể đã giữ lại một sự hiện diện và ảnh hưởng của họ ở Việt Nam, việc đã có thể xoa dịu cả hai phe Hữu và phe Tả. Bất kể thế nào, đã không có một hình thành dư luận đáng kể ở Pháp muốn Pháp nên tiếp tục lèo lái chính trị Việt Nam hoặc quân đoàn viễn chinh Pháp nên giữ nguyên vẹn ở đó không suy giảm – [*nhưng*] trước thực tế về VNDCCCH và nhu cầu cấp bách ở Bắc Phi làm như vậy là không thể kham nổi [*]. Phe Tả và phe Đứng giữa là khá sẵn sàng để Pháp rút theo công thức Genève, thậm chí có phe "Đồng Dương" trong quân đội công nhận ưu tiên là dành cho Algeria. Nhưng cuối cùng, Pháp đã phải chấp nhận triệt thoái, cùng lúc với Hoa Kỳ, mà không lo giải quyết [*điều khoản*] tổng tuyển cử [*đã được qui định trong Hiệp Định Genève*], và như thế đã tham gia thêm một lần thứ hai vào việc bị bỏ rơi cuối cùng.

[] lời bàn người dịch: kháng chiến Algeria chống Pháp thời đó đang 50/50 giữa phe cải lương muốn dành Độc Lập bằng con đường chính trị - nghị viện + cải lương, phe muốn dùng vũ khí chiến đấu. Ngay khi nhân tin Việt Nam*

thắng Pháp ở trận Điện Biên Phủ, lập tức kháng chiến Algeria đêm đó đã bỏ phiếu lấy quyết định tiến hành vũ trang kháng chiến.

Việc Hoa Kỳ thế chỗ cho Pháp ở miền Nam Việt Nam, và sự thất bại của việc thi hành Hiệp Định Genève, cả hai cũng diễn tiến thuận lợi vào giữa năm 1956, đã ngăn cản cánh Tả của Pháp đạt triển vọng hợp tác với Hồ Chí Minh trong một kinh nghiệm sống chung như một tiền lệ. Nó làm các phe nhóm ôn hòa, những người đã hy vọng sẽ duy trì ảnh hưởng văn hóa và cứu vớt tài sản của người Pháp, thất vọng. Nó gây tức giận cho phe nhóm cánh Hữu, trong đó mỗi cá nhân tự giải thích chính sách của Hoa Kỳ ở Việt Nam. Không một phe phái nào tìm cách giữ chân Pháp ở đó, nhưng tất cả đã cố gắng để phác họa những nuôi dưỡng chính trị phát xuất từ những đối xử gay gắt của Hoa Kỳ.

Trong quá trình Pháp rút quân ra khỏi Việt Nam, trên thực tế, đã gây căng thẳng cho liên minh phương Tây. Việc Pháp đã suýt từ chối gia nhập Cộng đồng Quốc Phòng Châu Âu ngày 30 Tháng 8 năm 1954, có thể một phần vì Liên Xô đã giúp đỡ cho nước Pháp tại Genève [*]. Nhưng chắc chắn rằng nhiều người Pháp đã tự thuyết phục mình rằng Hoa Kỳ và Vương quốc Anh đã không hỗ trợ đủ cho Pháp trong giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh, và tại Hội nghị. Và nó cũng không kém phần chắc chắn rằng chính sách của Hoa Kỳ sau Genève đã làm cho tình cảm xa lánh Hoa Kỳ ở Pháp trở nên rộng rãi, và nó đã tạo ra sự mất tin tưởng [lẫn nhau] mà trong cuộc khủng hoảng Suez vào mùa hè năm 1956, nó đã trở thành việc hoàn toàn không tin tưởng nhau.

[] Lời người dịch: Ý kiến chia hai Việt Nam là do Ngoại Trưởng Liên Xô đưa ra – ý kiến này phù hợp với ý đồ của Trung Cộng và Pháp (giúp Pháp rút lui trong "danh dự")*

Sau Hội nghị Genève, tất cả các nước tham gia Hiệp Định, với một ngoại lệ quan trọng, đều dự đoán rằng nước Pháp sẽ ở lại Việt Nam. Trường hợp ngoại lệ đó là nhà nước Việt Nam, mà Thủ Tướng là **ông Ngô Đình Diệm, một người có quyết tâm nhỏ gốc ảnh hưởng của Pháp đồng thời với tiến tới việc thành lập một chính phủ dân tộc thật sự độc lập**. Bước đầu, chính sách của Hoa Kỳ là hướng tới một quan hệ đối tác với Pháp, cùng Pháp bảo trợ ông Diệm và quốc gia mới được độc lập mà ông đứng đầu.

Tuy nhiên, hầu như cùng lúc, chính sách của Hoa Kỳ đã bắt đầu đáp ứng khẩn cấp về quân sự, và điều này lần hồi đã đưa Hoa Kỳ vượt qua mối quan hệ đối tác để vào vị trí người cầm chịch. Tháng Chín năm 1954, SEATO [*Hiệp Ước Liên Phòng Đông Nam Á*] đã mở rộng việc bảo vệ của nó để bao gồm Việt Nam [Cộng Hòa] thông qua Nghị Định Thư Hiệp Ước Manila. Hoa Kỳ muốn thông qua SEATO để ngăn chặn việc sự bành trướng của cộng sản nhiều hơn nữa, và đã thấy việc biến Việt Nam thành một tiền đồn quan trọng trong phòng tuyến ngăn chặn đó. Hoa Kỳ đã xác định rằng Việt Nam sẽ trở thành tiếng nói chính trị, đầy đủ về kinh tế, và có khả năng quân sự để tự bảo vệ mình, đối phó với cuộc xâm lược từ miền Bắc Việt Nam, và đóng góp vào sức mạnh rắn đe của liên minh SEATO. Pháp, sau đó dính với các chia rẽ chính trị nội bộ, và bị phiền phức với vấn đề Algeria, sinh ra nghi ngờ, do dự, và miễn cưỡng không thường xuyên có mặt trong việc hỗ trợ cho Việt Nam đối với các mục tiêu nói trên. Hoa Kỳ đã không sẵn sàng chờ đợi. Vào cuối tháng chín năm 1954, Hoa Kỳ cắt bỏ vai trò trung gian của Pháp trong tất cả các hỗ trợ cho Việt Nam, và bắt đầu đối tác trực tiếp với Diệm, chính phủ, và các lực lượng vũ trang của ông.

Pháp không sẵn sàng chấp nhận vai trò mở rộng này của Hoa Kỳ, cũng không hoàn thành thỏa thuận với Chính phủ Hoa Kỳ rằng Hoa Kỳ nên theo đuổi tiếp tục gánh vác [*một mình*] bên cạnh Pháp. Sau sự sụp đổ năm 1954, mối quan hệ Pháp-Hoa Kỳ trở nên tồi tệ, và một cuộc tranh luận về chính sách đã phát sinh ở Washington. Một lần nữa, quân sự đã được nổi lên như là một vấn đề tối quan trọng cần được xem xét. Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân nguyên thủy trước kia đã phản đối lấy trách nhiệm đào tạo quân đội Việt Nam [*Cộng Hòa*]. Tuy vậy họ đã lấy lập trường rằng nếu các cân nhắc về chính trị chi phối việc tham gia của Hoa Kỳ" Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân sẽ đồng ý phân công một đoàn công tác đào tạo MAAG ở Sài Gòn, với các biện pháp bảo vệ chống lại sự can thiệp của Pháp trong nhiệm vụ đào tạo của Hoa Kỳ." Cho kế hoạch này, ngày 26 tháng 10, 1954, Bộ trưởng Quốc phòng, hành động thay mặt cho Tổng Thống, hướng dẫn Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân để chuẩn bị triển khai một "chương trình dài hạn cho việc tổ chức và đào tạo một số lượng tối thiểu các lực lượng Việt Nam Tự Do cần thiết cho an ninh nội bộ của họ." và chuẩn bị một quan

hệ làm việc thích hợp để tiếp tục với người Pháp đến năm 1955, và đòi hỏi phải gửi tướng J. Lawton Collins đến Việt Nam, với tư cách Đại sứ, để có được một thỏa thuận ba bên gồm Sài Gòn, Paris và Washington cùng chấp nhận. Trong tháng Chín 1954, JCS [*Joint Chiefs Of Staff tạm dịch là Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân*] bày tỏ những nghi ngại nghiêm trọng về sự thành công của một cam kết đa thành phần như vậy. Tuy nhiên, NSC [*Hội Đồng An Ninh Quốc Gia*] coi trọng tiếng vang của chính sách, và phán quyết này đã được khẳng định từ Nam Việt Nam của Tướng Collins. Collins báo cáo rằng:

“Sẽ là thảm họa nếu quân viễn chinh Pháp được rút sớm vì từ lúc đó Việt Nam sẽ bị tàn phá bởi một cuộc tấn công của đối phương trước khi các cường quốc Hiệp ước Manila có thể khởi sự...”

Collins đề nghị rằng Hoa Kỳ sẽ tiếp tục viện trợ quân sự cho Pháp để "khuyến khích người Pháp để giữ lại đủ lực lượng." Trong khi chờ đợi, các sự kiện đang xảy ra tại Việt Nam dường như ủng hộ những người, như JCS, tiếp tục hoãn lại đưa ra những ý kiến dè chừng một cách mạnh mẽ về tương lai của Ngô Đình Diệm và chính phủ của ông. Diệm đã xoay sở để sống sót sau nhiều cố gắng đảo chính bởi các nhà lãnh đạo quân đội, và ông đã thành công trong việc duy trì một nền hòa bình mà không ai hài lòng với nhiều phe phái vũ trang ở Nam Kỳ. Tuy nhiên, tương lai chính trị của ông vẫn còn có vấn đề, ngay lúc tốt nhất. Đồng thời, phái bộ Pháp tại Hà Nội đã gây sức ép một cách mạnh mẽ để bảo vệ đặc quyền kinh tế và văn hóa của Pháp ở miền Bắc Việt Nam, và một số lãnh đạo chính trị Pháp ở Paris đã nói một cách khoa trương về hình thái hợp tác dựa trên nguyên trạng (modus vivendi) với VNDCCH để trở thành một mô hình cho mỗi quan hệ Đông-Tây – một chủ trương đây bản khoản gửi cho Ngoại trưởng Hoa Kỳ và cho những ai trong Chính quyền đang chia sẻ niềm tin với họ. Cuối cùng, song song với những phát triển của tình hình, Hoàng Đế Bảo Đại, để chống lại chiến dịch chính trị hay những chườm rửa chống lại ông của Diệm, đã tích cực tìm kiếm người khác để thay thế Diệm.

Tất cả sự căng thẳng nói trên đã dồn vào hai vấn đề trọng tâm giữa Hoa Kỳ và Pháp. Việc đầu tiên là câu hỏi làm thế nào và bởi ai lực lượng vũ trang của Việt Nam sẽ được đào tạo. Thứ hai, và sâu rộng hơn, là liệu Ngô Đình Diệm là vẫn còn là người đứng đầu chính phủ Việt Nam, hay ông sẽ bị thay thế bởi một lãnh tụ quốc gia khác được cảm tình của Bảo Đại và Pháp. Vấn đề đầu tiên đã được giải quyết tương đối nhanh. Tướng Collins đã đạt được một thỏa thuận với Tướng Ely tại Việt Nam, bất chấp những quan ngại nghiêm trọng tại Paris, Pháp đã đồng ý để chuyển việc đào tạo quân đội Việt Nam sang cho Hoa Kỳ và rút đi nhân viên Pháp. Ngày 12 tháng Hai năm 1955, Hoa Kỳ [*chính thức*] đảm nhận trách nhiệm đào tạo lực lượng Việt Nam, và việc chia cách với Pháp bắt đầu.

Tuy nhiên, những tranh cãi chính trị về Diệm không dễ dàng giải quyết. Diệm làm trầm trọng thêm vấn đề với thái độ ngày càng kịch liệt chống Pháp và Bảo Đại. Về phần mình, Hoa Kỳ không chú ý với tác động lên Pháp bởi các chiến binh chống cộng sản của Diệm - thường xuyên nhắm vào cánh Tả của Pháp - và [*cũng không chú ý tới*] sự hận thù được khuấy động bởi những tuyên bố mô tả Hoa Kỳ như là người bạn duy nhất của chủ nghĩa dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, Hoa Kỳ đã cảnh báo với Pháp là Diệm là người không có khả năng thống nhất chủ nghĩa dân tộc Việt Nam. Do đó, ý kiến thay thế Diệm do Pháp tư vấn cho Hoa Kỳ, đã được đồng tình từ Đại sứ Collins tại Việt Nam. Trong suốt mùa đông và mùa xuân, Ngoại trưởng Dulles và Bộ Ngoại Giao nói chung dường như sẵn sàng xem xét thuận lợi cho đề nghị là cần đưa một người khác lên thay [Diệm] nắm quyền lãnh đạo Việt Nam. Tuy nhiên, mặc dù đã có một cuộc tìm kiếm kỹ lưỡng, nhưng kết quả đã được xác định là không một lãnh tụ quốc gia nào có phẩm chất cạnh tranh được với Diệm.

Cả Hoa Kỳ và Pháp sau đó đã bị quỵnten đánh trong vòng vây các các sự kiện. Các giáo phái vũ trang trực tiếp thách thức thẩm quyền của Diệm, và ông Diệm đã trả lời bằng vũ lực. Một cuộc đình chiến không dễ dàng đã kết thúc các cuộc đụng độ đầu tiên vào tháng Ba, và trong bối cảnh căng thẳng gia tăng trong tháng 4 năm 1955, Hoa Kỳ, Pháp, và Bảo Đại tích cực tìm kiếm để mang lại một sự thay đổi trong Chính phủ Việt Nam. Ngày 28 tháng 4, Diệm, chống lại tư vấn của Hoa Kỳ, chống lại lời khuyên của

Pháp, và chống lại lời khuyên của chính nội các của ông, đã tiến hành một lần nữa tấn công các giáo phái. Khi Bình Xuyên nổ dậy ở Sài Gòn, ông đã điều quân đội Việt Nam đến đánh họ. Lực lượng của Diệm đã giành được một chiến thắng quân sự ngay lập tức, và đồng thời lúc đó, em trai của Diệm, [Ngô Đình] Nhu, cùng tham gia một Ủy Ban của những người quốc gia đã kêu gọi loại bỏ Bảo Đại, và chuyển giao quyền lực dân sự và quân sự cho Diệm.

Được cổ vũ bởi thành công của Diệm, Hoa Kỳ tuyên bố sẽ rõ ràng hỗ trợ cho Diệm chống lại Bảo Đại. Sự lựa chọn của Hoa Kỳ gây ra những khó khăn nghiêm trọng cho Pháp. Chính phủ Pháp tin rằng "Ủy Ban Cách Mạng" của Nhu là có ảnh hưởng của Việt Minh, và họ rất bức bối về việc tái diễn một chiến dịch của Chính phủ Việt Nam chống lại sự hiện diện của Pháp. Trong tháng 5 năm 1955, Pháp, Hoa Kỳ và Anh đã gặp nhau tại Paris để thảo luận về việc phòng thủ Châu Âu, nhưng Pháp đã kịp thời đưa Việt Nam thành một điểm chính của chương trình nghị sự. Pháp khẳng định rằng Hoa Kỳ, trong việc ủng hộ Diệm, đã nhất thiết buộc Pháp phải rút hoàn toàn ra khỏi Việt Nam. Bộ trưởng Ngoại giao Pháp, ông Faure đã cho rằng Diệm là "không những không có khả năng mà còn là kẻ điên... Pháp không thể chấp nhận rủi ro với ông ta." Bộ trưởng Dulles trả lời rằng Hoa Kỳ có lưu tâm về các điểm yếu của Diệm, nhưng nhấn mạnh thành công gần đây của Diệm bù lại đã cho thấy phẩm chất [của ông ta]. Tuy nhiên, Dulles nói "Việt Nam không đáng để [Hoa Kỳ] cãi nhau với Pháp," và đề nghị Hoa Kỳ sẽ rút đi để dành ưu tiên cho việc Đồng Minh không bị mất đoàn kết. Không quyết định nào được thực hiện ngay lập tức, và trong giờ nghỉ, Ngoại trưởng Dulles nhận được lời khuyên từ Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân rằng Diệm dường như là con đường hứa hẹn nhất để đạt được các mục tiêu của Hoa Kỳ, và việc rút quân viễn chinh Pháp "sau rốt là điều được mong muốn", cần ngăn chặn một cuộc rút quân hấp tấp vì nó sẽ dẫn đến một tình hình ngày càng không ổn định và bấp bênh" và cuối cùng là mất miền Nam Việt Nam vào tay cộng sản. Bộ trưởng Dulles sau đó đề xuất với người Pháp rằng họ tiếp tục ủng hộ Diệm cho đến khi một quốc hội được bầu. Việc Anh hỗ trợ cho Diệm dường như đã ảnh hưởng tới Faure, và ông này đã chấp nhận đề nghị của Dulles. Cuộc họp ba thành phần đã kết thúc với một lưu ý về sự hòa hợp, nhưng rốt cuộc là khác

biệt: những ngày của chính sách hỗn hợp Hoa Kỳ-Pháp đã chấm dứt, sau đó, Hoa Kỳ sẽ hành động độc lập với Pháp tại Việt Nam.

Được hỗ trợ bởi Hoa Kỳ, Diệm từ chối tham khảo ý kiến với Bắc Việt liên quan đến cuộc tổng tuyển cử mà ngày dự định tiến hành [*theo Hiệp Định Genève*] vào tháng Bảy năm 1955. Siết chặt các lợi thế quân sự của mình chống lại các giáo phái, ông tiến hành những động tác chính trị để củng cố vị trí của mình ở miền Nam Việt Nam. Trong tháng Mười, ông đã giành chiến thắng vang dội trong cuộc trưng cầu dân ý trong đó cử tri lựa chọn giữa Diệm và Bảo Đại. Khi sức mạnh chính trị của Diệm tăng, quan hệ của Diệm với Paris cũng xấu đi. Tháng 12 năm 1955, Diệm đột nhiên chấm dứt các thỏa thuận kinh tế và tài chính hiện có với Pháp, và kêu gọi Pháp phủ nhận hiệp định Genève và phá vỡ mối quan hệ với Hà Nội. Ngay sau đó, ông rút những đại biểu đại diện Việt Nam ra khỏi Quốc Hội Liên hiệp Pháp.

Ngày 02 tháng 1 Năm 1956, cuộc tổng tuyển cử ở Pháp đã tạo ra một chính phủ Xã Hội Guy Mollet, trong số đó 1/3 các thành viên là cộng sản hoặc tự thừa nhận là trung lập. Vào đầu tháng Ba, Bộ trưởng Ngoại Giao của Mollet, ông Pineau, đã tuyên bố trong một bài phát biểu trước Hiệp Hội Báo Chí Anh-Hoa Kỳ ở Paris rằng lập trường của Pháp là tích cực tìm kiếm một chính sách làm cầu nối giữa Đông và Tây, và cho rằng là đã không có sự nhất trí về chính sách giữa các nước Hoa Kỳ, Anh, và Pháp. Ông trích dẫn chính sách Trung Đông của Anh và sự hỗ trợ của Hoa Kỳ cho Diệm là trái với lợi ích của Pháp, và lên án cả hai cường quốc đã khuấy động thế giới Hồi giáo gây khác biệt có hại cho Pháp ở Bắc Phi. Một vài ngày sau đó, tại một cuộc họp của Hội đồng Điều Hành SEATO tại Karachi, Pineau tuyên bố kết thúc "kỷ nguyên xâm lược", và kêu gọi một "chính sách cùng tồn tại."

Hành động được tiếp theo lập trường của Pineau. Ngày 22 Tháng Ba năm 1956, Pháp đã đồng ý với Diệm để rút hoàn toàn FEC [*French Expeditionary Corps: quân Viễn Chinh Pháp*]. Ngày 26 tháng 4 năm 1956, Bộ Tư Lệnh Pháp tại Sài Gòn bị giải thể. Vào ngày cuộc tổng tuyển cử thống nhất đất nước đến hạn như đã thỏa thuận tại Genève, Pháp không còn sở hữu một lực lượng quân sự nào tại Việt Nam. Và ngày phải hoàn tất

thực hiện các phần chính trị của thoả thuận đã được thu xếp vào tháng 7 năm 1956, lại trùng hợp với thời gian khởi đầu cuộc khủng hoảng Suez.

IV-A-3

HOA KỲ VÀ PHÁP RÚT KHỎI VIỆT NAM

1954 – 1956

Diễn tiến theo thời gian

<u>Ngày</u>	<u>Sự Kiện hay Tài Liệu</u>	<u>Mô Tả</u>
07-07-54	Diệm được bổ nhiệm làm Thủ Tướng Nam Việt Nam	Được Hoa Kỳ và Pháp kêu gọi, vua Bảo Đại bổ nhiệm Ngô Đình Diệm làm Thủ tướng Nam Việt Nam (Tự Do). Bảo Đại vẫn là người Lãnh Đạo Tối Cao hợp pháp, và hợp hiến. Pháp trở thành người bảo lãnh cho chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam (Tuyên Bố Cuối Cùng của Hội Nghị [Genève], Điều 7); với PAVN [quân đội Nhân Dân VN], bảo lãnh thỏa thuận đình chiến (Hiệp Định Genève, Điều 22, 23), và cuộc Tổng Tuyển Cử trên toàn cõi Việt Nam (Tuyên Bố Cuối Cùng của Hội Nghị, Điều 7)
21-07-54	Hiệp Định Genève được ký kết	Pháp đồng ý rút quân viễn chinh Pháp theo yêu cầu của chính quyền Bản Xứ (Tuyên Bố Cuối Cùng của Hội nghị, Điều 10, Tuyên Bố Đơn Phương, Pháp)
8, 12-8-54; 20-08-54	Hội Đồng an Ninh Quốc Gia họp; NSC 5429/2	Chính sách của Hoa Kỳ đối với Việt Nam sau Genève. <u>Kinh tế</u> : tách Pháp ra khỏi mọi cấp độ

		lấy quyết định, tích hợp việc cải cách ruộng đất chung với việc tái định cư người tị nạn, làm việc với người Pháp nhưng "khuyến khích" họ chuyển giao tài chính, hành chính, kiểm soát kinh tế qua cho người Việt Nam. Trực tiếp cung cấp cho hỗ trợ cho người Việt Nam không thông qua Pháp. <u>Quân sự</u>: làm việc với Pháp, trong chừng mực cần thiết để xây dựng lực lượng quân đội bản địa để họ có thể tự lo an ninh nội bộ. <u>Chính trị</u>: Pháp phải trao hoàn toàn Độc Lập (bao gồm cả quyền rút khỏi khối Liên Hiệp Pháp) cho Nam Việt Nam và hỗ trợ một chính phủ bản địa mạnh. Diệm phải mở rộng chính phủ đến nhiều thành phần chính trị khác, bầu một Quốc Hội, dự thảo một Hiến Pháp và truất ngôi Bảo Đại một cách hợp pháp. Việc Pháp hỗ trợ và hợp tác trong các chính sách này là cần thiết; việc giữ lại FEC [<i>quân Viễn Chinh Pháp</i>] là cần thiết đối với an ninh của miền Nam Việt Nam.
8/1954	Phái Bộ Saiteny	Jean Sainteny được gửi đến Hà Nội để tìm cách bảo vệ quyền lợi kinh tế và văn hóa của Pháp ở VNDCCH. Ngụ ý chính trị của sứ mệnh làm Hoa Kỳ và tướng Paul Ely khó chịu, Cao Ủy Pháp ở miền Nam Ely nhận được một đảm bảo vững chắc từ Mendes-France rằng Pháp không chơi một "trò chơi hai mặt", không gửi Sainteny với mục đích xây dựng cầu nối chính trị. Mendes-France khẳng định lại sự ủng hộ của Pháp cho

		một miền Nam Việt Nam độc lập, mạnh mẽ.
08-09-54	Hiệp Ước Manila được ký kết	Liên minh quân sự chống cộng của Dulles đã được thực hiện tại SEATO. Các nước Đông Dương đã được bao phủ bởi một nghị định thư riêng bảo đảm các quốc gia SEATO sẽ chung sức bảo vệ trong trường hợp một nước thành viên bị hợp lực đổ hoặc xâm lược.
27-29 tháng 9/54	Hội Nghị Washington	Pháp đồng ý hỗ trợ Diệm (ngược lại niềm tin của Pháp tin rằng Diệm sẽ không thể thống nhất hay bình ổn đất nước); đồng ý giữ FEC [quân Viễn Chinh] ở miền Nam Việt Nam, nhưng sẽ không chấp nhận bất cứ chỉ thị nào từ Hoa Kỳ phát xuất từ những viện trợ tài chính của Hoa Kỳ cho các lực lượng Pháp có thể xảy ra. Pháp biết rằng viện trợ kinh tế và quân sự sẽ được trao trực tiếp đến Việt Nam nhưng báo cáo không rõ ràng do Hoa Kỳ soạn thảo đã dẫn đến việc Pháp đã tin rằng họ sẽ thể nhúng tay vào việc phân phối viện trợ. Vai trò của quân đội Hoa Kỳ ở Việt Nam đã không được thảo luận vì một sự chia rẽ giữa JCS và Bộ Ngoại Giao (Dulles muốn chịu trách nhiệm đào tạo; JCS không muốn làm vì những bất ổn chính trị, vì sự hiện diện của quân đội Pháp và những hạn chế của Genève).
22-10-54	Chương Trình hành động của NSC	Hoa Kỳ quyết định có những bước đi vững chắc hơn để củng cố Diệm, đã nói với Paris rằng Pháp đã hỗ trợ không đầy đủ [cho Diệm]. Trước

		đó một nhượng bộ của JCS nhằm xem xét lại chương trình huấn luyện cho quân Nam Việt đã mở đường cho quyết định khai trương một vai trò "giới hạn" [<i>của Hoa Kỳ</i>] trong vấn đề quân sự.
24-10-54	Eisenhower gửi thư cho Diệm	Công bố Hoa Kỳ trực tiếp viện trợ kinh tế và quân sự; không yêu cầu Việt Nam có những động tác đối ứng. Pháp gọi đó là một nước bài của Hoa Kỳ, cho rằng việc đó vi phạm nguyên tắc hành động chung được thông qua vào tháng Chín.
08-11-54	Phái Bộ Collins	Tướng J. Lawton Collins, được giao thẩm quyền rộng rãi để phối hợp tất cả các chương trình của Hoa Kỳ và - với sự hỗ trợ của Pháp – để cho công việc được triển khai, đến Việt Nam.
13-12-54	Biên Bản Ghi Nhớ giữa Collins và Ely	Pháp sẽ trao quyền tự chủ cho quân đội Miền Nam vào tháng 7 năm 1955, Hoa Kỳ sẽ chịu trách nhiệm đào tạo, MAAG Đông Dương của Hoa Kỳ sẽ chỉ đạo các chương trình đào tạo – dưới quyền tổng chỉ huy của Tướng Ely, huấn luyện viên Pháp và Hoa Kỳ sẽ được rút đi khi hiệu quả của quân đội Miền Nam đã tăng lên. Washington phê duyệt Bản Ghi Nhớ; Paris phản đối, đặc biệt là việc rút huấn luyện viên người Pháp. Pháp không dục lại và mãi cho đến ngày 11 tháng 2 năm 1955 mới chịu đồng ý.
16-12-54	Collins khuyến nghị thay	Diệm không đưa BS [Phan Huy] Quát vào nội

	thế Diệm	các làm Bộ trưởng Quốc phòng đã xác nhận việc nghi ngờ của Collins về khả năng ổn định chính phủ của Diệm, hay khả năng được lòng dân đối với chế độ của ông. Ông đề nghị trở lại xem xét <i>[giải pháp]</i> Bảo Đại, nhưng nếu điều này là đạt được, đề nghị Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam.
19-12-54	Hội Nghị 3 bên ở Paris (Hoa Kỳ, An và Pháp)	Mendes-France khẳng định đã đến lúc phải xem xét việc thay thế Diệm. Nghiên cứu của hai Tướng Collins và Ely đưa ra đề xuất một sự thay đổi vào giữa tháng. Pháp cảm thấy Bảo Đại nên tham gia vào kế hoạch thay thế. Dulles: Diệm là người lãnh đạo thích hợp duy nhất, nhưng chúng tôi sẽ xem xét việc thay thế và sẽ cho phép Collins và Ely xem xét vấn đề này. Nhưng Dulles cũng nói rõ rằng Quốc hội có thể sẽ không cấp ngân quỹ cho một nước Việt Nam mà không có Diệm. Nghiên cứu lựa chọn thay thế của Hoa Kỳ như thế là trôi qua nhanh; tuy nhiên, Dulles chắc chắn Diệm có thể thành công, với định hướng đúng đắn, Dulles chắc chắn rằng không thể có nhà lãnh đạo khác <i>[khá để thay Diệm]</i> .
20-01-55	Báo Cáo của Collins gửi NSC	Niềm tuyệt vọng vào tháng Mười Hai về Diệm đã tiêu tan. Diệm đã thành công trên một số vấn đề. Collins đề nghị tiếp tục hỗ trợ cho Diệm vì không có Diệm, miền Nam Việt Nam chắc chắn sẽ rơi vào tay cộng sản và phần còn lại

		của Đông Nam Á khác sẽ sớm rơi theo. NSC phê duyệt báo cáo của Collins.
12-05-55	Phái Bộ Liên Lạc Huấn Luyện và Đào Tạo được mở (TRIM: Training Relations and Instruction Mission)	Tướng O'Daniel, dưới quyền giám sát chung của Tướng Ely, phụ trách các chương trình đào tạo và tổ chức lại quân đội Nam Việt Nam theo đường lối của Hoa Kỳ. Mặc dù có những cọ sát giữa Pháp và người Hoa Kỳ ở Sài Gòn và mặc dù có những tranh chấp Paris-Washington, nhân viên TRIM dường như đã có thể vượt lên trên sự khác biệt và bắt đầu một chương trình vững chắc cho quân đội Việt Nam
22-02-55	Mặt Trận Liên Minh công bố	Tài trợ của Pháp cho các quân đội giáo phái Hòa Hảo và Cao Đài - khoảng 40.000 người – được chấm dứt vào tháng Hai. Khi Diệm từ chối đáp ứng các yêu cầu hỗ trợ tài chính, hội nhập các lực lượng giáo phái vào quân đội Việt Nam và công nhận vùng ảnh hưởng <i>[của các giáo phái]</i> , sự hợp tác trước đây của các trước giáo phái với Diệm chấm dứt. Đại diện các lực lượng vũ trang của Cao Đài, Hòa Hảo, Dân Xã (Ba Cut), Liên Minh (Trịnh Minh Thế) và Bình Xuyên (Bảy Viễn) gặp nhau tại Tây Ninh, đồng ý làm việc cùng nhau để chống lại Diệm. Giáo chủ Cao Đài <i>[Phạm Công]</i> Tắc đứng đầu nhóm.
22-03-55	Tối hậu thư của Mặt Trận Liên Minh	Tuyên bố họ nói cho ý chí của toàn dân, Mặt Trận Liên Minh <i>[tên đúng là Mặt trận Thống nhất Toàn Lực Quốc gia]</i> đã yêu cầu Diệm hình thành một chính phủ quốc gia đoàn kết và thực hiện

		những cải cách chính trị, kinh tế, quân sự. Diệm gọi đó là một tối hậu thư và từ chối xem xét các yêu cầu. Mặt Trận sau đó gửi một sứ giả gặp Bảo Đại [<i>đang ở Pháp</i>] yêu cầu ông nhân danh họ mà can thiệp. Bảo Đại từ chối.
29-30 Th. 3, 1955	Diệm tấn công Bộ Tư Lệnh Cảnh Sát	Chất chứa trong nhiều tháng, cuối cùng trận chiến nổ đã ra giữa Diệm và Bình Xuyên (một liên minh các băng đảng và thảo khấu chuyên tổ chức cờ bạc và mại dâm ở Chợ Lớn [<i>sòng bạc Kim Chung Đại Thế Giới</i>], và cảnh sát Sài Gòn - Chợ Lớn, Bảo Đại đã được trả tiền để bảo vệ cho họ và họ được hưởng một số hỗ trợ của Pháp). Một đại đội lính nhảy dù đã chiếm Bộ Tư Lệnh Trung ương của Cảnh Sát, đẩy Bình Xuyên vào Chợ Lớn. Diệm sau đó muốn truy tố Cảnh sát trưởng [<i>Lại Văn</i>] Sang và kết thúc sự kiểm soát của Bình Xuyên. [<i>Dương Văn</i>] Minh, Bộ trưởng Quốc phòng từ chức khi Diệm từ chối không chịu tham khảo ý kiến nội các trên các việc này. Tuy nhiên, đại diện Pháp thuyết phục Diệm không nhận lực lượng 6000-người của Bảy Viễn tại thời điểm này, và người Pháp sau đó đã đàm phán một thỏa thuận ngừng bắn giữa Diệm và Bình Xuyên.
07-4-55	Tướng Ely và Tướng Collins đồng ý là Diệm phải ra đi	Collins nói Diệm đã chứng tỏ mình không có khả năng thúc đẩy đoàn kết, và phải được thay thế. Dulles do dự, sau đó đồng ý xem xét một sự thay đổi nếu Collins bay về Washington để

		tham vấn.
23-04-55	Diệm đồng ý mở rộng thành phần chính phủ	Diệm kêu gọi trưng cầu dân ý và bầu cử quốc hội trong vòng sáu tháng. Mặt Trận đồng ý đề nghị.
26-04-55	Diệm sa thải Sang	(Collins đã rời Sài Gòn để về Washington.) Diệm thay thế Sang với một người trung thành với chế độ của ông nhưng Sang từ chối từ chức và nói chỉ có Bảo Đại là người có thẩm quyền pháp định để loại bỏ anh ta.
27-04-55	Dulles đồng ý thay thế tại Saigon	Collins gặp Dulles ở Washington. Dulles đồng ý xem xét việc thay Diệm, nhưng xác định phải giữ kín với Pháp cho đến khi mục đích của họ đã trở nên rõ ràng và lời hứa rõ ràng của họ là hỗ trợ cho chế độ mới. <i>[phái bộ Hoa Kỳ ở]</i> Sài Gòn được thông báo về chính sách mới này.
28-04-55	Diệm tấn công Bình Xuyên	Diệm tấn công vào lực lượng An Ninh [=Cảnh Sát] và Sang - sau khi giao tranh nổ ra giữa quân đội Việt Nam và lực lượng Bình Xuyên ở Chợ Lớn. Người Pháp nói Diệm đã gây chiến; Hoa Kỳ ủng hộ luận cứ của Diệm rằng Bình Xuyên đã khởi sự bắn phá trước tiên. Dù nguồn gốc của nó thế nào, cuộc chiến đã kết thúc với chiến thắng của quân đội Việt Nam. Bình Xuyên bị đánh đuổi ra khỏi Chợ Lớn và chạy vào vùng đầm lầy Rừng Sát.
30-04-55	Hội Đồng Cách Mạng công bố	Nhu, em trai của Diệm đã ra tay tổ chức một tập hợp bao gồm rộng rãi các phe phái chính trị

		đăng sau một chương trình kêu gọi hỗ trợ chính quyền Diệm chống lại Bình Xuyên, các giáo phái và Bảo Đại, ủng hộ có nhiều đại diện trong chính phủ. Tướng [Trịnh Minh] Thế và [Nguyễn Thành] Phương, mệt mỏi về sự "yếu kém" của Hội Đồng Cách Mạng, thành lập một Ủy Ban Cách Mạng mà khi hình thành là có thêm phần chống Bảo Đại và chống Pháp hơn so với Hội Đồng Cách Mạng <i>[trước đây]</i>. Có những người đang là hay là cựu Việt Minh là thành viên của Hội Đồng Cách Mạng và Ủy ban.
01-05-55	Tối hậu thư của Bảo Đại	Bảo Đại triệu tập Diệm để thay Tư Lệnh Quân Đội với người của mình. Diệm bỏ qua yêu cầu triệu tập và các lệnh truyền [của Bảo Đại].
01-05-55	Hoa Kỳ: quay trở lại ủng hộ Diệm	Bởi vì chiến thắng của Diệm - mặc dù nó có thể là có vẻ [thắng] - trên Bình Xuyên, bởi vì quân đội Việt Nam ủng hộ Diệm, Dulles hủy bỏ công điện ngày 28 tháng Tư: một lần nữa, Hoa Kỳ sẽ hỗ trợ Diệm.
08-05-55	Một chiến dịch toàn quốc được tung ra	Diệm công bố một chiến dịch toàn quốc để lấy lại tỉnh "bướng bỉnh" và thống nhất đất nước. Nói cách khác, ông đã tuyên bố một cuộc chiến chống các giáo phái. quân đội Việt Nam đã chiến đấu hơn một năm chống lại lực lượng Hòa Hảo và Bình Xuyên, nhưng cuối cùng kiểm soát được chúng, kiểm soát các khu vực mà trước đây các giáo phái có ảnh hưởng và kiểm soát.

8-11/5/55	Cuộc họp ba bên ở Paris	<u>Faure</u>: Chúng tôi không thể hỗ trợ Diệm, nhưng Việt Nam không có giá trị để gây chia rẽ trong quan hệ Pháp-Hoa Kỳ. Vì vậy, Pháp sẽ tiến hành rút khỏi Việt Nam. <u>Dulles</u>: Chúng ta phải hỗ trợ Diệm. Nhưng nếu việc Hoa Kỳ rút quân sẽ ngăn chặn được sự bất hòa, Hoa Kỳ sẽ xem xét rút quân. Sau đó, sau khi nghe JCS và Collins lập luận chống lại sự hấp tấp trong việc rút quân của Pháp hay việc rút lui của Hoa Kỳ, Dulles kêu gọi Faure chấp nhận một đề nghị mới: hỗ trợ Diệm một thời gian dài trên cơ sở rằng Diệm sẽ mở rộng chính phủ và kêu gọi các cuộc bầu cử. Faure đồng ý – trái với mong muốn riêng của chính mình và trái với áp lực mạnh mẽ của công chúng [<i>Pháp</i>] và trái với một số điều kiện (hầu hết trong số đó là những hành động yêu cầu Diệm thực hiện và Dulles thì không thể đảm bảo). Dulles sau đó đề nghị Pháp và Hoa Kỳ thông tin cho nhau biết về chính sách và hành động của mỗi bên nhưng họ đã tiến hành công việc một cách độc lập hơn so với quá khứ. Những ngày của chính sách chung: liên kết với nhau tại Việt Nam - đã cáo chung.
Tháng 7/1955	Diệm từ chối gặp VNDCCH về vấn đề Tổng Tuyển Cử	Pháp và Anh thúc giục Diệm tổ chức hiệp thương với Hà Nội để tổ chức Tổng Tuyển Cử trên cả nước Việt Nam, như đã quy định trong Hiệp định Genève. Hoa Kỳ cũng đề nghị [Diệm] hiệp thương nhưng cũng đề nghị Diệm phải đòi hỏi những đảm bảo chắc chắn (bỏ phiếu kín,

		phải có Liên Hiệp Quốc hoặc quốc tế giám sát) là những điều đã được dự kiến là mà VNDCCH sẽ từ chối. Nhưng Diệm từ chối gặp Bắc Việt. Ông đã không ký kết trong hiệp định Genève và từ chối bị ràng buộc với chúng trong bất kỳ cách nào.
24-10-55	Trung cầu Dân Ý	Với 98% số phiếu bầu, Diệm trở thành Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa và Bảo Đại bị truất ngôi.
Tháng 8 tới tháng 12, 1955	Hội Nghị Pháp – Việt	Diệm muốn thương lượng lại các hiệp định kinh tế và tài chính đã ký trong năm 1954, chuyển giao các vấn đề Việt Nam từ Bộ Các Nước Đông Dương [<i>tức Bộ Thuộc Địa Pháp</i>] qua Bộ Ngoại Giao [<i>Pháp</i>], bãi bỏ chức vụ Toàn Quyền cũ của Cao Ủy Ely; chấm dứt Bộ Tư Lệnh Quân Sự Tối Cao và những chức sắc Việt Nam trong quân đội Pháp còn lại ở Việt Nam. (35.000 quân Viễn Chinh trong tổng số lực lượng 150.000 người được giữ lại ở Việt Nam như đã thỏa thuận trong Hội nghị Washington tháng Chín năm 1954). Pháp không thể chấp nhận yêu cầu chót của Diệm, gặp khó khăn trong việc đáp ứng những yêu cầu khác, nhưng cuối cùng đã nhượng bộ lớn. Phản ứng của Diệm là rút các đại diện Việt Nam ra khỏi Quốc Hội Liên hiệp Pháp.
26-04-56	Bộ Tư Lệnh Tối Cao Pháp giải tán	Chỉ còn khoảng 5.000 quân Pháp vẫn còn ở lại Việt Nam, hầu hết các huấn luyện viên Pháp đã

		rời TRIM. Một phái bộ liên lạc Pháp với ICC vẫn còn hoạt động, đầu vậy, và Pháp vẫn phục vụ trong Ủy Ban Đình Chiến chung với các đại diện quân sự Bắc Việt.
Tháng 7/1956	Bầu cử toàn quốc	Diệm đã từ chối không tham khảo ý kiến với VNDCCH về cuộc Tổng Tuyển Cử năm 1955, ông đã từ chối tham gia nó vào năm 1956. Diệm đã đồng ý đảm nhận trách nhiệm thay cho Pháp để hỗ trợ cho ICC [<i>Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến</i>], Pháp sẽ tiếp tục tài trợ cho hoạt động của ICC. Ủy Ban Đình Chiến Hồn hợp dần dần chết đi vì không hoạt động.

Những Nhân vật Then Chốt của Hoa Kỳ 1954-1956	
20-01-1953 20-01-1961	Tổng Thống: Dwight D. Eisenhower Bộ Trưởng Ngoại Giao: John Foster Dulles Bộ trưởng Quốc phòng: Charles E. Wilson Đại sứ tại Việt Nam: - Donald R. Heath (25 Jun 52-20 tháng 04 năm 1955); - Tướng J. Lawton Collins, Sứ Mệnh Đặc Biệt (8 tháng 11, 1954 đến 6 tháng 5, 1955); - G. Frederick Reinhart (20-04-55 đến 14-03-1957).

	Chủ tịch JCS: - Arthur W. Radford, Đô đốc, USN (14 tháng 8, 1953 đến 15 tháng 08, 1957) trưởng MAAG, Đông Dương: - John W. O'Daniel, Trung tướng, Hoa Kỳ (31 tháng 3 năm 1954 đến 23 Oct 1955); - Samuel T. Williams, Trung tướng, 1 trưởng MAAG đến Việt Nam (24-10-1955 đến 31 Tháng 08 năm 1960)
Những Nhân vật Then Chốt của Pháp 1954-1956	
06/1954 02/1955	Thủ Tướng: Pierre Mendes-France Bộ trưởng Ngoại giao: Georges Bidault Bộ trưởng Bộ Thuộc Địa: Guy La Chambre Bộ trưởng Quốc Phòng: René Pleven Cao Ủy [Đông Dương], Vietnam: General Paul Ely
23-02-1955 31-01-1956	Bộ trưởng Ngoại giao: Antoine Pinay Bộ trưởng Bộ Thuộc Địa: M. La Forest Bộ trưởng Quốc Phòng: General Pierre Koenig Cao Ủy [Đông Dương], Vietnam: Nhiệm vụ của Tướng Ely bị hủy bỏ, sau khi ông này đi, từ tháng 06, 1955. (Tướng Jacquot phụ trách các trách nhiệm quân sự cho đến tháng Tư, 1956) Đại Sứ tại Vietnam: Henri Hoppenot (July, 1955)
31-01-1954 16-04-1957	Prime Minister: Guy Mollet Bộ trưởng Ngoại giao: Christian Pineau Bộ trưởng Quốc Phòng: Maurice Bourges-Maunouy Cao Ủy [Đông Dương], Vietnam: (Tướng Jacquot phụ trách các trách

	nhiệm quân sự cho đến tháng Tư, 1956) Đại Sứ tại Vietnam: M. Payart (tháng 11, 1956)
Những Nhân vật Then Chốt của Việt Nam 1954-1956	
03-1949 - 26-10-1955	Đứng đầu quốc gia là Hoàng Đế Bảo Đại
12-01-1954 16-06-1954	Đứng đầu quốc gia là Hoàng Đế Bảo Đại Thủ Tướng: Hoàng thân Bửu Lộc Bộ trưởng Ngoại giao: Nguyễn Quốc Định
07-07-1954 01-11-1963	Đứng đầu Nhà nước: Ngô Đình Diệm (Tổng Thống: 23 Oct 55) Thủ Tướng: Ngô Đình Diệm Bộ trưởng Ngoại giao: Trần Văn Đỗ (07/1954 – 05/1955) Vũ Văn Mẫu (07/1955 – 11/1963) Bộ trưởng Bộ Quốc Phòng: Ngô Đình Diệm (Tướng Minh phục vụ tạm thời, vào đầu năm 1955).

BẢNG NỘI DUNG và CÁC ĐỀ MỤC

A. Giới thiệu: kỳ vọng hậu Genève

1. Pháp muốn ở lại Việt Nam.
2. Diệm: Pháp phải rời khỏi Việt Nam
3. Hoa Kỳ sẽ cùng "tham gia" với Pháp ở miền Nam Việt Nam

B. Chính sách ban đầu đối với Đông Dương

1. SEATO: Sáng kiến mới?
2. Chính sách nhằm thay thế của Pháp
3. Mục tiêu tại Việt Nam: Chính trị, kinh tế, quân sự
4. U. S. "lựa chọn" chính sách để đối tác với Pháp

C. Sự tham gia của Hoa Kỳ dự kiến trở thành sâu hơn, vững chắc hơn

I. Thông qua trách nhiệm quân sự

- a. Lập luận của JSC chống việc Hoa Kỳ đào tạo quân đội Việt Nam.
 - b. Quan điểm của Dulles
 - c. NSC Ủng hộ Dulles
 - d. Bất đồng ý kiến giữ JCS và Bộ Ngoại Giao về mức độ quân sự, sứ mệnh cho quân đội Việt Nam
 - e. Một lần nữa, NSC ủng hộ Dulles, đề xuất một chương trình quân sự ở miền Nam Việt Nam
 - f. Collins đồng ý với Hội Đồng An Ninh Quốc gia
2. Các điều kiện ở Việt Nam mời gọi hành động vững chắc hơn
 - a. Quân đội đe dọa Diệm
 - b. Các giáo phái đe dọa Diệm
 - c. Bình Xuyên chống Diệm
 3. Sự lơ là của Pháp đòi hỏi những chương trình mạnh mẽ của Hoa Kỳ
 - a. Hội nghị Washington, tháng 11, 1954
 - b. Hoa Kỳ chệch trách việc hỗ trợ của Pháp cho Diệm
 - c. Hòa giải giữa Paris và Hà Nội?
 - d. Sainteny hoặc Ely?
 - e. Báo cáo Mansfield
 4. Chương trình hành động tháng 10 của NSC và thư của Eisenhower gửi Diệm
 5. Hành động: Phái Bộ Collins
 6. Pháp phản đối Hiệp định Collins-Ely

D. Bế tắc Pháp-Hoa Kỳ về Diệm

1. Paris: Diệm không thích hợp để lãnh đạo
2. Collins: Diệm không thể lãnh đạo miền Nam Việt Nam
3. Bộ Ngoại Giao: Chỉ có Diệm là lãnh đạo [cao giá] nhất hiện nay
4. Đàm phán ba bên vào tháng Mười Hai

- a. Pháp đề xuất thay thế Diệm, Dulles có vẻ chấp nhận
- b. Tuy nhiên, Dulles báo cáo, không có lãnh đạo nào phù hợp để được xem xét
- c. Hoa Kỳ tìm kiếm giải pháp thay thế

5. Tháng 1 năm 1955: US tái khẳng định ủng hộ Diệm

E. khủng hoảng mùa Xuân, 1955

- 1. Vấn đề quân đội các giáo phái
- 2. Mặt Trận [Liên Minh] thách thức Diệm
- 3. Những thách thức của Bình Xuyên với Diệm
- 4. Thỏa thuận ngừng bắn nhưng không có yên tĩnh
 - a. Theo Lansdale
 - b. Quyết định của Ely và Collins: Diễm phải ra đi
 - c. Dulles do dự
 - d. Paris: thời của Diệm là chấm dứt
 - e. Kế hoạch của Bảo Đại
 - f. Dulles quyết định: Hoa Kỳ sẽ xem xét một sự thay đổi của chế độ
- 5. Diem Hành tiến hành chống Bình Xuyên
- 6. Hành động của Washington: (một lần nữa) hỗ trợ Diệm
- 7. Diệm và những người chống Bảo Đại
- 8. Cuộc họp ba bên vào tháng Năm
 - a. Dulles ủng hộ Diệm
 - b. Lập trường của Pháp
 - c. Faure: Rút khỏi Liên minh Hoa Kỳ-Pháp
 - d. Dulles: Tiếp tục với Diệm - nhưng độc lập với Pháp

F. Sự hiện diện không rõ ràng của Pháp tại Việt Nam

- 1. Bầu cử toàn Việt Nam
- 2. Tranh cãi giữa Pháp-Việt, mùa Thu, 1955
- 3. Nghĩa vụ Pháp theo Hiệp định Genève thì sao?

Chú thích

IV-A-3

HOA KỲ VÀ PHÁP RÚT KHỎI VIỆT NAM

1954 – 1956

A. Giới thiệu: kỳ vọng hậu Genève

I. Pháp muốn ở lại Việt Nam.

Sau 100 năm đầu tư, lợi nhuận và ảnh hưởng, Pháp phải rút khỏi Việt Nam trong vòng chưa đầy một năm theo như Hội Định Genève ký kết vào tháng 7 năm 1954. Và Pháp không muốn đi. Ngày 25 tháng 7, ba ngày sau khi ký kết Hiệp định Genève, Thủ tướng Mendes-France cho biết Pháp sẽ duy trì mối quan hệ văn hóa và kinh tế với miền Bắc Việt Nam và sẽ hỗ trợ sự phát triển của (Nam) Việt Nam Tự Do. 1/ người tiền nhiệm của Chính phủ Laniel đã công nhận "Việt Nam là một quốc gia hoàn toàn độc lập, có chủ quyền sở hữu của tất cả các tính chất và quyền hạn được biết trong luật pháp quốc tế"; vào ngày 04 tháng Sáu, năm 1954, Mendes-France cam kết duy trì và tiếp tục điều ước quốc tế đó. 2/ Trong tháng Tám, ông công bố một công thức gồm ba giai đoạn để thực hiện nó. Các quan hệ về kinh tế, hành chính và tài chính [*của Pháp*] với các nước Đông Dương sẽ được chấm dứt càng nhanh càng tốt. 3/ Tháng 12 năm 1954, những vết tích cuối cùng của bộ máy thực dân Pháp được loại bỏ. 4/ Tuy nhiên, công thức Mendes-France xem các thành viên trong Liên hiệp Pháp, là bắt buộc - dấu hiệu của Pháp ham muốn ở Việt Nam, nhưng các đòi hỏi của một Diệm không thân thiện và [*lập*

trường] Hoa Kỳ là một nền Độc Lập trong đó có cả quyền rút khỏi Liên hiệp Pháp [*cho Việt Nam*]. **5/**

Cũng trong tháng Tám, tướng Paul Ely, Cao ủy Pháp tại Việt Nam, khẳng định lại sự ủng hộ của Pháp cho Độc Lập của Việt Nam và Pháp sẵn sàng tiếp tục giúp Việt Nam phát triển. Mà người Pháp đã có một vai trò rất rõ ràng: đầu tư kinh tế, tổ chức văn hoá, quân sự, hoạt động chính trị và hành chính của Pháp đã là một phần của cuộc sống ở miền Nam Việt Nam. Rằng Pháp phải đóng một vai trò cũng rõ ràng. Theo Hiệp định Genève, Pháp đã cam kết sẽ đảm bảo cuộc Tổng tuyển cử toàn Việt Nam vào năm 1956, đảm bảo thực hiện các thỏa thuận đình chiến, đảm bảo chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, cam kết duy trì quân viễn chinh Pháp cho đến khi Việt Nam yêu cầu gỡ bỏ nó. Tướng Ely đã được giao quyền rộng rãi về chính trị và quân sự để cho phép ông đáp ứng các nghĩa vụ này. Ông làm việc chân thành để thuyết phục Việt Nam và Pháp hợp tác lẫn nhau sẽ là đôi bên cùng có lợi, để xóa các màu sắc thực dân về sự hiện diện của Pháp, để cả hai có được một quá trình chuyển giao nhanh chóng và gọn gàng từ những chủ thể Pháp qua các đối tác cùng cấp người Việt Nam. **6/**

2. Diệm: Pháp phải rời khỏi Việt Nam

Trong nỗ lực này, Ely nhận được hỗ trợ có đầy đủ từ các quan chức Pháp, "kiều dân [Pháp]" và các sĩ quan quân đội Việt Nam. Ông cũng đã nhận được những hỗ trợ không thường xuyên từ Paris. Ông đã hầu như không nhận được sự hỗ trợ nào của người Việt Nam. Pháp đã không được chào đón ở Việt Nam vì nhiều lý do, [*nhưng*] lý do chủ yếu là Thủ Tướng Ngô Đình Diệm. Là một người bài Pháp "hàng đầu", Diệm muốn Độc Lập đầy đủ cho Nam Việt Nam và muốn Pháp ra khỏi đất nước càng sớm càng tốt. Nhiều người chia sẻ tình cảm này của Diệm... Pháp đã không những mất một cuộc chiến lâu dài, tàn phá và hủy hoại tinh thần chống lại cộng sản Việt Nam và cũng thua trận trước chủ nghĩa dân tộc Việt Nam. Sự cai trị của chế độ thực dân Pháp là đã khắc khe, lời hứa Độc Lập [*cho Việt Nam*] trước đó của Pháp cũng đã không thực hiện. Làm sao tin được rằng các lời tuyên bố với ý định tốt của Pháp vào năm 1954 là có gì khác với

những lời trong quá khứ? thêm vào đó là mối quan hệ mơ hồ của Pháp đối với Nam Việt Nam và nước Cộng hòa Dân Chủ miền Bắc Việt Nam. Một số người Việt cho rằng Pháp đang tích cực làm việc để hướng tới việc thích ứng với Việt Minh và thống nhất đất nước hai miền Bắc và Nam theo chỉ đạo của Việt Minh. Một số người Việt Nam khác cho rằng nội việc Pháp có mặt ở miền Nam là đủ để gây hại cho nền Độc Lập của *[Nam]* Việt Nam... "Để thuyết phục được người dân Việt Nam tin rằng chính quyền đã được độc lập, một cần thiết chính trị là chống thực dân và đặc biệt là chống Pháp". **6a/**

3. Hoa Kỳ sẽ cùng "tham gia" với Pháp ở miền Nam Việt Nam

Cuối cùng, Pháp không phải một mình đơn độc ở Việt Nam. Hơn cả Diệm, nhiều hơn cả so với các tổn thương tâm lý qua nhiều năm thuộc địa, Hoa Kỳ đã làm cho cuộc sống ở Việt Nam trở nên khó khăn cho Pháp. Hoa Kỳ muốn tăng sức mạnh cho Việt Nam, Hoa Kỳ cần và yêu cầu Pháp hợp tác, nhưng bù lại Hoa Kỳ chả bù đắp gì nhiều cho Pháp. Chính sách của Hoa Kỳ là thúc đẩy Pháp thay đổi ngay lập tức và mạnh mẽ các chính sách của mình *[ở Việt Nam]*. Tuy nhiên, Hoa Kỳ ít biết đến điều này là có ý nghĩa gì cho Pháp, những vấn đề gì mà Hoa Kỳ đã gây ra cho chính sách trong và ngoài nước của Pháp hoặc Hoa Kỳ có thể nhượng bộ việc gì *[cho Pháp]* để có thể thúc đẩy việc thực hiện thay đổi đó.

Mặc dù các dấu tích còn lại của quân viễn chinh Pháp vẫn tồn tại cho đến năm 1956, Pháp đã rút khỏi Việt Nam vào tháng 5 năm 1955, mười tháng sau khi *[Hiệp Định]* Genève *[ký kết]*, thể theo tất cả các ý định và mục đích đã được xác định *[trong Hiệp Định]*. Những tháng này được đặc trưng bởi những hô hào hợp tác Pháp-Hoa Kỳ nhưng trên thực tế là sự phân hóa Pháp-Hoa Kỳ, đặc trưng bởi những xung đột bằng lời nói và bằng những hành động trên nhiều cấp độ. Paris bảo một điều, nhưng các quan chức Pháp ở Sài Gòn lại làm điều ngược lại, những hành động của Washington không phải lúc nào cũng đi đôi với tuyên bố của Washington và hồ sơ tư tưởng và hành động của Ngô Đình Diệm chỉ làm phức tạp tình hình vốn đã nhạy cảm. Trong thời gian đang xác lập quyền cai trị của mình, Diệm đã chống lại lời khuyên và những lợi ích tốt nhất từ

Pháp với sự hỗ trợ gần như rõ ràng của Ngoại Trưởng John Foster Dulles. Và đó là thời kỳ mà tâm lý chống Cộng của Dulles và Diệm đã từ chối bất kỳ việc tái lập mối quan hệ hữu nghị nào với Bắc Việt, và cuối cùng đã đảm bảo rằng đường phân định quân sự tạm thời [vĩ tuyến 17] trở thành một đường ranh giới vĩnh viễn của Việt Nam.

B. Chính sách ban đầu đối với Đông Dương

Hoa Kỳ đã bắt đầu sửa đổi lại chính sách đối với Đông Dương sau khi Hội Nghị Genève bế mạc. Hành động này đã được đánh dấu bởi tính khẩn cấp bởi niềm tin rằng Genève đã là một thảm họa cho thế giới Tự Do. Genève đã cho Cộng sản Trung Quốc và Bắc Việt Nam một bàn đạp mới để bành trướng [*chủ nghĩa Cộng Sản*] trong khu vực Đông Nam Á, làm tăng cường uy tín của Bắc Kinh trước một Washington mất tinh thần và bị thiệt hại, nó hạn chế tính cơ động của thế giới Tự Do trong khu vực Đông Nam Á. Và lãnh thổ Việt Nam trên vĩ tuyến 17 giao cho cộng sản Hồ Chí Minh là một lời nhắc nhở đau đớn của Pháp đã bị thất trận trước Việt Minh, thất bại đầu tiên của một thế lực Châu Âu bởi người Châu Á (có cộng sản Á Châu trong đó), một thất bại được chia sẻ bởi Hoa Kỳ với hơn \$1,5 tỷ USD viện trợ kinh tế và quân sự dành cho Pháp và các nước Đông Dương. ZZ

I. SEATO: Sáng kiến mới?

Bước đầu tiên để chống lại thảm họa này đã được Anh và Pháp thảo luận kể từ mùa xuân năm 1954, và lời bình luận của Walter Bedell Smith khi Genève bế mạc, "Chúng tôi phải có được hiệp ước đó," đã báo trước việc khởi sự. 8/ Hiệp Ước Quốc Phòng Tập Thể Đông Nam Á là một "sáng kiến mới ở Đông Nam Á" để bảo vệ vị trí của Hoa Kỳ ở Viễn Đông và để ổn định "tình hình hiện tại đang hỗn loạn... để ngăn chặn sự mất mát thêm cho cộng sản" thông qua lật đổ hoặc công khai xâm lược. 9/ Nhưng Hiệp Ước Manila, ký ngày 08 tháng 9 năm 1954, đã được chứng minh nó không phải là sáng kiến mới và cũng không phải là thứ lá chắn chống cộng mạnh mẽ như lời kêu gọi của Ngoại trưởng Dulles. Phó Đô đốc AC Davis, phó trợ lý Bộ

Trưởng và là đại diện của Bộ Quốc phòng Hoa Kỳ tại Manila, báo cáo rằng Hiệp Ước cũng chẳng làm cho Đông Nam Á "được chuẩn bị tốt hơn trước kia để đối phó với sự xâm lược của Cộng sản." **10/** Sự thất bại phần lớn là do Hoa Kỳ làm. Trong khi Dulles muốn cảnh báo phe cộng sản rằng mọi xâm lược sẽ bị tấn công lại, thì Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân khẳng định rằng Hoa Kỳ không được cam kết tài chính, quân sự hay kinh tế bằng hành động đơn phương ở Viễn Đông và hành động của Hoa Kỳ phải được tự do không bị hạn chế. **11/** Hai mục tiêu đó mâu thuẫn lẫn nhau và cái này hủy bỏ cái kia. Vì vậy, điều IV của Hiệp ước, cơ chế cho hành động tập thể trong trường hợp có đe dọa của đối phương, không cam kết một sự tự động trả đũa bằng vũ lực chống lại vũ lực. Thay vào đó, mỗi thành viên ký kết hứa sẽ "hành động để đáp ứng các mối nguy hiểm chung phù hợp với các quy trình lập pháp của [nước] mình." Hoa Kỳ, đặc biệt là Dulles, đã cố gắng để tạo sức mạnh cho SEATO thông qua các tuyên bố rằng Hoa Kỳ sẵn sàng đơn phương hành động. Dulles xác định các nghĩa vụ theo Điều IV là một "thỏa thuận rõ ràng và được xác định bởi các bên ký kết, bao gồm cả Hoa Kỳ, sẵn sàng trợ giúp bất kỳ thành viên nào của Hiệp Ước bị xâm lược, chiếu theo các điều khoản của Hiệp Ước này" **12/** Tuy nhiên, Dulles đã thất bại trong việc truyền cái nhiệt tình về một sự can thiệp ngay lập tức cho các thành viên khác của SEATO.

Những nghĩa vụ đặt ra trong [*Hiệp Định*] Manila nhấn mạnh tầm quan trọng gắn liền với khu vực Đông Nam Á là do Chính phủ Hoa Kỳ. Việc Hoa Kỳ từ chối cam kết [*hay không*] những viện trợ về mọi mặt cho Đông Dương nhấn mạnh trên sự cần thiết của sức mạnh và sự ổn định bản địa trong khu vực để chống lại cộng sản, làm cho việc xâm nhập và xâm lược bớt hấp dẫn với kẻ thù. Trong ba nước Đông Dương, điều quan trọng nhất là Nam Việt Nam là nơi mất ổn định và ít mạnh nhất. Vì vậy, bước thứ hai trong việc phát triển chính sách [*Hoa Kỳ*] là quyết định những gì Hoa Kỳ có thể làm để thay đổi tình hình, một quyết định sau đó trở thành việc nước Pháp có thể hay muốn làm gì ở miền Nam Việt Nam.

2. Chính sách thay thế của Pháp

Cuối cùng việc Pháp và Hoa Kỳ cùng hợp tác trên toàn Việt Nam đã được dự đoán là có thể sẽ đến vào tháng 8 năm 1954, khi chính sách của Hoa Kỳ về Việt Nam đã được rút ra. Công thức các diễn trình hành động về kinh tế, quân sự và đặc biệt là chính trị - thường là trái ngược – so với mục tiêu và lợi ích của người Pháp.

Cộng đồng tình báo Hoa Kỳ cảm thấy nếu Pháp "đã hành động một cách nhanh chóng để đảm bảo cho Việt Nam được độc lập hoàn toàn và khuyến khích sự lãnh đạo Quốc Gia... [thì] những hoạt động chủ nghĩa dân tộc chống Pháp có thể đã giảm đi (và) với sự hỗ trợ quân sự và kinh tế của Pháp – với hỗ trợ của Hoa Kỳ - Việt Nam đã có thể phát triển dần dần một lực lượng an ninh, tổ chức chính quyền địa phương có hiệu năng và một loạt các chương trình cải cách kinh tế và xã hội khác. " **13/** Sau Genève, có ba con đường khác nhau hoặc với sự kết hợp của các con đường mà Pháp và Việt Nam có thể làm việc với nhau để duy trì mối quan hệ trong Liên Hiệp Pháp, Pháp sẽ gián tiếp kiểm soát chính trị và thống trị kinh tế hơn là trao Độc Lập hoàn toàn cho Việt Nam. Hoặc, Pháp cố gắng đạt được một thỏa thuận với Việt Minh, tiến hành cuộc tổng tuyển cử và có được một đất nước thống nhất, trong đó lợi ích văn hóa, kinh tế và chính trị của Pháp có thể được duy trì. Một khả năng thứ tư, cho rằng chỉ có thể xảy ra nếu tình hình xấu đi đến mức tuyệt vọng, Pháp sẽ quyết định rút tất cả các hỗ trợ kinh tế, quân sự và hành chính ra khỏi Đông Dương. **14/**

Trong bốn phương án hành động của Pháp, ba đã bị chính quyền Eisenhower từ chối. Tiếp tục nằm trong Liên Hiệp Pháp cộng với việc Pháp gián tiếp điều khiển sẽ không thể có được với Diệm, người mà tình cảm chống Pháp là sâu đậm, người trong quá khứ đã không muốn và sau này cũng sẽ không chấp nhận bất cứ điều gì ít hơn là một sự tự do độc lập hoàn toàn từ Pháp. Và Diệm đã có sự ủng hộ của Hoa Kỳ. Dulles tin là "điều mà Diệm giữ vững lập trường đó là thành tố cần thiết của thành công" và gọi chính quyền Diệm là "hạt nhân cho những nỗ lực trong tương lai." **15/** Sống chung thích nghi với Việt Minh là một ý mà cả Diệm và Hoa Kỳ đều ghét cay ghét đắng. Mặc dù chính sách của Hoa Kỳ là phải thực hiện các biện pháp để ngăn chặn việc VNDCCH hoàn toàn gia nhập vào khối Xô Viết, nhưng những bước đi của họ không có gì nhiều hơn là duy trì một lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Hà Nội. **16/** Dulles đặc biệt không thể nhìn thấy Hồ Chí

Minh là một Tito Châu Á và đã từ khước không chịu làm việc với ông ta, do đó đã nghiền nát hy vọng của Mendes-France rằng Việt Nam có thể trở thành một thí nghiệm cùng tồn tại hòa bình. 17/ Hoa Kỳ, cũng đã xác định là phải ngăn chặn việc rút quân Viễn chinh Pháp một cách nhanh chóng ra khỏi Việt Nam. Người ta tin:

trong phân tích chót, an ninh Việt Nam sẽ được xác định bởi mức độ bảo vệ và hỗ trợ của Pháp trong việc phát triển một quân đội quốc gia,

cộng với sức mạnh của Việt Nam và ý chí của các cường quốc khác để đảm bảo an ninh cho Việt Nam. 18/

Vì vậy, chính sách của Hoa Kỳ là yêu cầu Pháp trao Độc Lập hoàn toàn cho Việt Nam một cách nhanh chóng và hỗ trợ một chế độ chính trị bản địa mạnh mẽ, duy trì sự hiện diện quân sự của Pháp nhưng giảm việc kiểm soát quân sự, kinh tế và chính trị. Hướng dẫn cơ bản được xác định tại "cuộc họp của Hội đồng An ninh Quốc gia vào ngày 08 và ngày 12 tháng 8 đã trở thành NSC 5429/2, ban hành ngày 20 tháng Tám.

3. Mục tiêu tại Việt Nam: Chính trị, kinh tế, quân sự

Công thức của Hoa Kỳ cho chính phủ Việt Nam tự do dựa trên ba chân đứng. Đầu tiên và quan trọng nhất là Độc Lập. Pháp phải đối xử miền Nam Việt Nam như một quốc gia độc lập có chủ quyền và Hoa Kỳ sẽ đối tác với nó trên cơ sở đó. Độc Lập hoàn toàn là cách duy nhất để giành chiến thắng trên lòng dân ra khỏi Việt Minh, và lòng dân được coi là cần thiết để chính quyền thành công ở miền Nam Việt Nam. Thứ hai, Hoa Kỳ sẽ đôn đốc Ngô Đình Diệm thành lập một chính phủ đoàn kết quốc gia gồm đại diện của nhiều khuynh hướng đang thống trị trên chính trường. Sau khi tạo được một số ổn định cho đất nước, Quốc Hội Lập Hiến sẽ được tổ chức và một Hiến Pháp sẽ được soạn thảo để truất phế Hoàng đế Bảo Đại một cách hợp pháp và khai sinh ra nền dân chủ. 19/ Cuối cùng, công thức cũng yêu cầu Pháp và Hoa Kỳ cùng bắt tay hỗ trợ cho Diệm. Mặc dù với tính cứng nhắc, với thiên hướng một mình một cõi và không có khả năng giao tiếp hoặc đối tác với người khác, Diệm là nhân vật dân tộc chủ nghĩa không tì vết bởi

trong quá khứ ông đã không liên hệ gì với Việt Minh hoặc Pháp. Phẩm chất đó, cộng với Độc Lập hoàn toàn, cộng với sự ủng hộ của Pháp-Hoa Kỳ và việc khuyến khích những cải cách rộng cuối cùng sẽ dẫn đến một miền Nam Việt Nam chống cộng mạnh mẽ. Hoa Kỳ đã nghĩ như vậy.

Quyết tâm ủng hộ Diệm đã được thực hiện với sự hiểu biết rằng hỗ trợ của Pháp cho Diệm hầu như là không nhiệt tình. Guy La Chambre, Bộ trưởng Bộ Thuộc Địa cho ba nước Đông Dương, kết tội Diệm trên ba điểm thiết cốt: Diệm sẽ phản đối một chính phủ mang tính đại diện, phản đối cải cách ruộng đất và từ chối truất phế Bảo Đại và [từ chối] thành lập một nước Cộng Hòa. La Chambre mong đợi một chính phủ mới sẽ là điều cần thiết để miền Nam Việt Nam có một cơ may chiến thắng cuộc tổng tuyển cử năm 1956. **20/**

Chính sách kinh tế của Hoa Kỳ cho miền Nam Việt Nam được thiết kế để mang lại lợi thế chính trị ngay lập tức, phải đương đầu với sự biến dạng đáng kinh ngạc của cuộc sống kinh tế Việt Nam và dễ dàng loại Pháp ra khỏi các vấn đề kinh tế. Các nhà hoạch định Hoa Kỳ tin rằng việc tích hợp các biện pháp cải cách ruộng đất, tái định cư người tị nạn sẽ gặt hái ba thành quả: đất thặng dư được phân phối cho hàng ngàn người tị nạn sẽ mời gọi được sự hỗ trợ chính trị của họ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hòa nhập Trung Kỳ và Nam Kỳ và đưa đất nước đến năng suất đầy đủ. Viện trợ sẽ được cung cấp trực tiếp cho Việt Nam như một nước độc lập và là một phương tiện để thúc đẩy "việc dứt bỏ các cấp quyết định của Pháp (kinh tế)." **21/** Sự thống trị của Pháp trong lĩnh vực này, như đã được nghĩ như thế, dập tắt các nỗ lực của Việt Nam và gây mâu thuẫn với nền Độc Lập của Việt Nam. Nó cũng ngăn cản các lợi ích kinh tế của Hoa Kỳ. Về quân sự, Hoa Kỳ sẽ xây dựng một "lực lượng quân sự bản địa cần thiết cho an ninh nội bộ... chuyện làm việc thông qua người Pháp chỉ trong chừng mực cần thiết." **22/** Lực lượng bản địa sẽ được phát triển như thế nào mãi đến tháng 12 năm 1954 mới được quyết định, bởi vì Pháp đã có một số ý tưởng về những gì phải làm và có sự khác biệt về quan điểm giữa Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân và Bộ Ngoại Giao về các loại hình can thiệp [*vào Việt Nam*] của Hoa Kỳ.

4. U. S. "lựa chọn" chính sách để đối tác với Pháp

Thực vậy, các chính sách *[của Hoa Kỳ]* quyết định vào tháng 8 năm 1954 đã kêu gọi Mendes-France vượt qua "các lợi ích xưa nay và những cảm xúc mà trong quá khứ đã chi phối Pháp trong việc thực hiện các chính sách *[của mình]* ở Đông Dương". Họ yêu cầu - hay đòi hỏi - "một thay đổi mạnh mẽ trong chính sách của Pháp" vì các nhà hoạch định chính sách này tin rằng đó là sự cần thiết để gạt hái được sự trung thành và hỗ trợ tích cực của người dân cho Chính Phủ Nam Việt Nam." **23/** Hoa Kỳ đã yêu cầu Pháp giữ quân sự ở lại Việt Nam, rút ra khỏi đời sống kinh tế và chính trị của Việt Nam, nhưng cùng thời điểm đó Washington lại yêu cầu Pháp hỗ trợ và hợp tác trong việc thực thi các chương trình của Hoa Kỳ. Điều này có lẽ *[Hoa Kỳ]* đã đòi hỏi quá nhiều. Vào tháng Mười Hai, Hoa Kỳ không còn đòi hỏi nhưng thỉnh cầu sự hỗ trợ của Pháp. Vào tháng Mười Hai, những cam kết đã xác định của Hoa Kỳ cho Diệm trở nên cứng cáp, sự tham gia của Hoa Kỳ tại Việt Nam gia tăng thêm và các hoạt động của Hoa Kỳ ở đó chủ yếu hoặc chỉ đơn giản là loại trừ người Pháp. Một số lực lượng hội tụ để đưa ra những thay đổi trong chính sách của Hoa Kỳ. Giải quyết những khác biệt về quan điểm trong chính quyền Eisenhower về các vấn đề quân sự đã mở đường cho Hoa Kỳ gánh chịu trách nhiệm những gì trước đây là những độc quyền dành cho Pháp. Niềm tin rằng cho dù với tất cả những thiếu sót và yếu kém, Diệm vẫn là lãnh đạo duy nhất cho Nam Việt Nam, và rằng Diệm cần nhiều hỗ trợ mạnh mẽ hơn của Hoa Kỳ và Pháp để dập tắt các đối thủ và để tăng tốc phát triển nhằm tạo ra các chương trình được thiết kế để gạt hái được sự hỗ trợ mạnh mẽ đó.

Cuối cùng, Hoa Kỳ đã tin rằng nước Pháp đã không thực hiện đủ *[để giúp]* cho Diệm, tin rằng chính sách tâm thần phân liệt của Pháp tuyên xưng hỗ trợ trong khi hành động phá hoại chế độ Diệm chủ yếu là để đổ lỗi cho những khó khăn của Việt Nam. Điều này đã dẫn đến *[việc Hoa Kỳ phải]* yêu cầu Pháp phải giữ lời hứa của mình. Nó làm cho nỗ lực đơn phương của Hoa Kỳ trở nên hấp dẫn hơn - hỗ trợ của Pháp có thể không có

trong bất kỳ trường hợp nào - và nó lấy cảm hứng từ một cảm giác rằng người Hoa Kỳ phải làm nhiều hơn nữa vì người Pháp đã làm quá ít.

C. Sự tham gia của Hoa Kỳ dự kiến trở thành sâu hơn, vững chắc hơn

I. Thông qua trách nhiệm quân sự

Việc Tướng John (Iron Mike) O'Daniel, Giám Đốc Cơ Quan Viện Trợ Quân Sự và Tư Vấn (MAAG) Đông Dương, được giao phó nhiệm vụ huấn luyện cho quân đội quốc gia Việt Nam (quân đội Việt Nam) là việc đã từ lâu được chờ mong. Tướng O'Daniel và Tướng Ely của Pháp đã thảo luận việc tham gia của Hoa Kỳ trong việc đào tạo vào tháng 6 năm 1954; O'Daniel đã hoạch định một kế hoạch toàn diện để có cố vấn ở tất cả các cấp cơ sở quân sự và vào tháng Bảy đã khẩn khoản Hoa Kỳ tăng cường nhân sự cho MAAG trước ngày 11 tháng 8, trong khi *[Hiệp Định]* Genève chống lại việc tăng cường thêm nhân viên quân sự mới đã có hiệu lực. **24/** Tuy nhiên, Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân phản đối.

a. Lập luận của JSC chống việc Hoa Kỳ đào tạo quân đội Việt Nam.

Đầu vào tháng Tám, Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân liệt kê bốn điều kiện tiên quyết cần thiết cho sự thành công cho một nỗ lực đào tạo của Hoa Kỳ ở Đông Dương, điều kiện tiên quyết cần được đáp ứng trước khi các nghĩa vụ đào tạo được tiến hành. Đầu tiên là:

Điều hết sức cần thiết là phải có một chính phủ dân sự tương đối mạnh mẽ, ổn định để nắm quyền kiểm soát. Sẽ là vô vọng khi mong đợi một nhiệm vụ huấn luyện quân sự của Hoa Kỳ đạt thành công trừ khi quốc gia có liên quan có thể thi hành được những chức năng chính phủ cần thiết có hiệu quả để có thể phát triển và duy trì thành công lực lượng vũ trang *[của họ]*.

Thứ hai, chính phủ nên "nên chính thức yêu cầu *[Pháp]* rằng Hoa Kỳ sẽ chịu trách nhiệm đào tạo và cung cấp thiết bị quân sự cho các lực lượng, hỗ trợ tài chính và tư

vấn chính trị cần thiết để đảm bảo sự ổn định nội bộ." Các Tham Mưu Trưởng không thấy vai trò quan trọng nào cho người Pháp trong vấn đề đào tạo, điều kiện tiên quyết thứ ba là Pháp yêu cầu Pháp rút quân hoàn toàn ra khỏi nước:

Nên đạt được những thỏa thuận với Pháp để trao độc lập hoàn toàn cho các nước Đông Dương và tiến hành việc rút theo từng giai đoạn, có trật tự, các lực lượng quân sự, các quan chức và các cố vấn Pháp ra khỏi Đông Dương để tạo ra động lực và cơ sở vững chắc cho việc thành lập lực lượng vũ trang quốc gia. Từ đầu, Hoa Kỳ nên nhấn mạnh vào việc đối tác trực tiếp với các chính phủ của các nước Đông Dương tương ứng, hoàn toàn độc lập với sự tham gia hoặc kiểm soát của Pháp.

Cuối cùng, cả hai việc "nhu cầu quân sự bản địa và lợi ích tổng thể của Hoa Kỳ sẽ định đoạt kích thước và thành phần của các lực lượng bản địa". 25/

b. Quan điểm của Dulles

Trong bốn điều kiện tiên quyết, chỉ có điều thứ hai là không có vấn đề. Bộ Ngoại giao, đặc biệt là Ngoại trưởng Dulles, Walter F. Robertson, Trợ lý Ngoại Trưởng cho vùng Viễn Đông, và Kenneth T. Young, đứng đầu của một Lực Lượng Đặc Nhiệm liên ngành ở Việt Nam, đều phản đối các điều kiện khác. Dulles nêu lên suy nghĩ của mình trong một bức thư ngày 18 tháng 8 gửi Bộ trưởng Quốc phòng Hoa Kỳ Charles Wilson. Đồng ý rằng chính phủ Diệm "không đủ mạnh hoặc ổn định", Dulles cho rằng sắp xếp, tổ chức lại, bồi dưỡng quân đội là "một trong những phương tiện hiệu quả nhất cho phép Chính phủ Việt Nam trở nên mạnh mẽ." Gọi đây là câu chuyện "con gà và quả trứng quen thuộc mà cái nào có trước", Dulles làm rõ ràng chọn lựa của mình. Ông thấy có hai phương án hành động mở ra cho Hoa Kỳ:

một, củng cố chính quyền bằng những phương tiện có tính chất chính trị và kinh tế, [hai là] tăng cường cho chính phủ bằng cách tăng cường hỗ trợ cho quân đội của họ.

Dulles mong muốn áp dụng cả hai phương án. Đối với các câu hỏi về sự hiện diện hay vắng mặt của Pháp, Dulles nói:

Sẽ là một tai hại về quân sự nếu yêu cầu lực lượng Pháp rút khỏi Việt Nam trước khi tạo dựng được một quân đội quốc gia mới. Tuy nhiên...hình như là sẽ không có những phản đối không thể vượt qua để Hoa Kỳ thực hiện chương trình đào tạo...trong cùng một lúc với việc các lực lượng Pháp bắt đầu dần dần rời khỏi chiến trường đó. 26/

c. NSC ủng hộ Dulles

Việc thông qua NSC 5429/2 chứng tỏ Chính phủ Hoa Kỳ xem *[quan điểm của]* Dulles là thuyết phục hơn so với *[quan điểm của]* Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân. Tuy nhiên, khi đồng ý để "làm việc thông qua Pháp chỉ trong chừng mực cần thiết" để xây dựng các lực lượng bản địa thì chương trình xây dựng quân đội Việt Nam đã không được triển khai trong nhiều tháng.

d. Bất đồng ý kiến giữ JCS và Bộ Ngoại Giao về mức độ quân sự, sứ mệnh cho quân đội Việt Nam

Ngày 22 tháng 9, trong một biên bản ghi nhớ đề nghị việc thành lập MAAG, Cam-pu-chia (nếu tất cả các cố vấn Pháp cuối cùng" bị rút đi, nếu Hoa Kỳ giao dịch trực tiếp với Phnom Penh và nếu có những điều được viết vào một thỏa thuận song phương với Campuchia), Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân đề nghị chống lại việc phân công giao trách nhiệm đào tạo cho MAAG Sài Gòn vì "tình hình chính trị bất ổn" ở miền Nam Việt Nam. 27/ Sự bất ổn đã được ghi nhận "với mỗi quan tâm" của Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân trong một bản ghi nhớ thứ hai ngày 22 tháng 9 đối phó với việc phát triển các lực lượng ở Đông Dương, như đã được ghi trong thỏa thuận ngừng bắn (được coi là "một trở ngại lớn đến việc triển khai đầy đủ các nhân viên MAAG của Hoa Kỳ và cả việc đưa thêm vũ khí và thiết bị vào [Việt Nam]"). 28/ Vì những yếu tố này, Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân coi là "đây không phải là lúc thuận lợi để tiếp tục cho thấy ý định của Hoa Kỳ về việc hỗ trợ và đào tạo cho lực lượng Việt Nam."

e. Một lần nữa, NSC ủng hộ Dulles, đề xuất một chương trình quân sự ở miền Nam Việt Nam

Nhưng Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân đã được chỉ đạo của Hội Đồng An Ninh Quốc gia là phải giải quyết các vấn đề về khổ cở của lực lượng Việt Nam, *[dù chỉ đạo đó]* chống lại mong muốn tốt nhất của họ, có người đã cho rằng là vậy, biên bản ghi nhớ này chuyển tiếp quan điểm của họ. Một quân đội gồm 231.000 người đã được đề xuất cho Việt Nam, chi phí hàng năm để đào tạo và duy trì lực lượng này – với giả định rằng Pháp sẽ trao lại cho quân đội Việt Nam những thiết bị quân dụng *[mà Pháp đã nhận trước đây]* trong Chương Trình Hỗ Trợ Phát Triển Quân Sự của Hoa Kỳ kể từ năm 1950 – tính ra khoảng 420 triệu USD. Một khoản 23,5 triệu khác sẽ cần thiết để đào tạo và trang bị cho lực lượng Hải và Không quân. Hơn nữa, các Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân muốn từ bỏ nhanh chóng việc quân đội Việt Nam nhận lệnh từ Pháp và nhanh chóng rút quân Pháp một khi Việt Nam "có khả năng thực điều khiển một lực lượng có hiệu quả." Cuối cùng, các Tham Mưu Trưởng Liên Quân yêu cầu "đạt một thỏa thuận rõ ràng... với Chính phủ Pháp về thời gian họ rút quân theo từng giai đoạn đã được lập trình" trước khi Hoa Kỳ nhận lãnh trách nhiệm đào tạo. **29/**

Dulles phản đối các đề xuất:

Đối với tôi, dường như nhiệm vụ của Quân Đội Quốc Gia Việt Nam là để dành cho cho an ninh nội bộ [của Nam Việt Nam]. Nhân lực và dự toán chi phí (từ phía Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân) có vẻ là quá nhiều trong bối cảnh trên.

Bộ Trưởng Ngoại Giao nhắc lại là một yêu cầu của Pháp là 330 triệu USD để hỗ trợ cho quân Viễn Chinh Pháp lúc đó dự kiến [chỉ có] 150.000 người cho hết 1955, và kế hoạch Việt Nam để có 230.000 người tại ngũ "... là vượt quá những gì Hoa Kỳ xem xét về tính khả thi về việc hỗ trợ giữ gìn an ninh cho Đông Dương Tự Do vào thời điểm này "Thay vào đó, ông nhắc lại việc "bắt buộc" mà Chính phủ Hoa Kỳ - ví dụ như," Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân – phải sửa soạn một lập trường vững chắc về kích thước tối thiểu của một lực lượng để đảm bảo an ninh nội bộ của Đông Dương " **30/**

Một tuần sau đó các Tham Mưu Trưởng lần lượt phản đối. Ý tưởng đào tạo quân đội Việt Nam để cho an ninh nội bộ là mâu thuẫn với NSC 162/2 "dự kiến là phụ thuộc vào các lực lượng mặt đất bản địa càng lớn càng tốt" trong việc bảo vệ lãnh thổ. Viện dẫn các mối đe dọa từ "một số lượng du kích đáng kể của Việt Minh và những kẻ ủng hộ *[Việt Minh]*... đã được biết đến hay bị nghi ngờ *[là như thế]*" trên lãnh thổ Việt Nam Tự Do" và ý định của Chính phủ Việt Nam " đề nghị rút theo từng giai đoạn của các lực lượng Pháp trong năm 1956" các Tham Mưu Trưởng cho biết:

Điều này sẽ đưa ra hậu quả là một sự trống vắng hoàn toàn về quân sự, trừ khi Việt Nam được chuẩn bị đầy đủ để tiếp nhận dần khi người Pháp rút.

Khổ cớ của quân đội được đề xuất ngày 22 tháng Chín đã được tái khẳng định như mức tối thiểu cần thiết cuối cùng để thực hiện các mục tiêu " của quân đội Việt Nam, mà họ phải " đạt được và duy trì an ninh nội bộ và ngăn chặn được sự xâm lược của Việt Minh với một quốc phòng hạn chế đến đường phân định ranh giới theo Hiệp Định Đình Chiến Genève." Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân đã nêu lên một lần nữa về tình hình chính trị không ổn định tại Việt Nam, định mức trần là 342 nhân viên MAAG và kết luận:

Trong những điều kiện này, sự tham gia của Hoa Kỳ trong việc đào tạo không chỉ có hiệu quả là mang lại lợi ích hạn chế nhưng cũng sẽ chịu trách nhiệm cho bất kỳ sự thất bại của chương trình. Dưới ánh sáng của sự việc đang xảy ra và từ một quan điểm quân sự, Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân xét rằng Hoa Kỳ không nên tham gia vào việc đào tạo quân đội Việt Nam ở Đông Dương. Tuy nhiên, nếu đã được coi là một cân nhắc chính trị là chủ đạo, Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân sẽ đồng ý nhận sự phân công lập một phái bộ đào tạo MAAG Sài Gòn, với các biện pháp bảo vệ chống lại sự can thiệp của Pháp vào các nỗ lực đào tạo của Hoa Kỳ. **31/**

e. Một lần nữa, NSC ủng hộ Dulles, đề xuất một chương trình quân sự ở miền Nam Việt Nam

Cân nhắc chính trị đã thắng thế. Sự nhượng bộ của Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân về việc một mình [Hoa Kỳ] đào tạo Việt Nam về an ninh nội bộ trùng hợp với

cuộc thảo luận trong Ban Điều Phối Hành Động (OCB: Operations Coordinating Board) về những cách có thể để củng cố chế độ Diệm. Một chương trình thâm nhập đã được vạch ra bởi BNG, một phần trong số đó là một chương trình đào tạo hạn chế tạm thời theo đề nghị của Ban Điều Phối Hành Động. Đô đốc Radford, Chủ Tịch Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân, tin rằng điều này sẽ triển khai thành một chương trình đào tạo dài hạn được đề xuất bởi Tướng O'Daniel vào tháng Sáu, ông vẫn tin rằng chương trình không nên được thông qua. Nhưng trước khi các Tham Mưu Trưởng Liên Quân có thể xem xét hoặc đưa ra sửa đổi trên đề nghị của Ban Điều Phối Hành Động, Hội Đồng An Ninh Quốc gia đã họp ngày 22 tháng 10 và thông qua nghị quyết chung hai Bộ Ngoại Giao và Quốc Phòng gửi đến Sài Gòn cho phép Đại sứ Donald Heath và O'Daniel "hợp tác thiết lập tiến hành một chương trình thâm nhập được thiết kế để đem lại sự cải thiện về sự trung thành và hiệu quả của các lực lượng Việt Nam Tự Do." **32/** Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân được chỉ đạo đưa ra đề xuất về mức lực lượng cần thiết để hoàn thành các mục tiêu quân sự đơn thuần chỉ là việc duy trì an ninh nội bộ." **33/**

Trả lời vào ngày 17 tháng 11, Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân đề xuất một lực lượng [VN] gồm 89.085 người, chi phí ước tính là 193,1 triệu USD cho năm tài chính 1956 và khoảng \$100 triệu cho phần còn lại của năm tài chính 1955. Để bảo vệ an ninh nội bộ và "trong nỗ lực để ổn định chính quyền Diệm" Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân đề nghị nhanh chóng giảm các lực lượng và nhanh chóng chuyển các nhân sự và các đơn vị được chọn lựa để duy trì "sự an toàn của chính phủ hợp pháp ở Sài Gòn và các trung tâm dân cư lớn khác", thực hiện "các hoạt động an ninh ở khu vực mỗi tỉnh" và thực hiện "những chiến dịch bình định lãnh thổ." "Sau đó, các trung tâm quân sự sẽ được thành lập để tổ chức lại và đào tạo quân đội.

Các Tham Mưu Trưởng bày tỏ sự dè dặt nghiêm trọng về khả năng thành công của Việt Nam và Hoa Kỳ. Đầu tiên là,

tình hình chính trị hỗn loạn ở Việt Nam đến nỗi không có bảo đảm rằng các lực lượng an ninh hiện có ở đây có thể được phát triển thành một lực lượng trung thành và hỗ trợ có hiệu quả cho Chính phủ Diệm, hoặc, nếu được phát triển, các

lực lượng này sẽ mang lại kết quả là ổn định chính trị và quân sự ở Nam Việt Nam. Trừ khi chính người Việt Nam cho thấy một khuynh hướng hy sinh cá nhân và tập thể cần thiết để chống lại cộng sản, điều mà họ đã không làm cho đến nay, thì không có áp lực và hỗ trợ lâu dài nào từ bên ngoài có thể trì hoãn được sự chiến thắng hoàn toàn của Cộng Sản ở miền Nam Việt Nam.

Thứ hai, sự hợp tác và phối hợp giữa MAAG và Pháp "là sống còn để thực hiện hiệu quả chương trình và Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân nghi ngờ rằng họ [MAAG] sẽ được [Pháp] sẵn sàng hỗ trợ. Cuối cùng, các Tham Mưu Trưởng cảnh báo rằng, các chương trình trên sẽ không bảo vệ được đầy đủ cho các nước Đông Dương chống lại sự xâm lược từ bên ngoài sau khi Pháp đã rút hết các lực lượng của mình. Với việc Việt Minh tăng cường quy mô và hiệu quả của các lực lượng của họ và không có lực lượng khu vực hỗ trợ phòng thủ lẫn nhau nào được cam kết theo Hiệp ước Liên Phòng Đông Nam Á, các chương trình dài hạn trên sẽ không đủ để cung cấp gì nhiều hơn là một sự kháng cự hạn chế ban đầu trước sự tấn công của một quân đội có tổ chức của Việt Minh. 34/

f. Collins đồng ý với Hội Đồng An Ninh Quốc gia

Một biên bản ghi nhớ ngày 17 tháng 11 đưa ra phương án như thế nào mà Hoa Kỳ có thể nhanh chóng triển khai trương chương trình thâm nhập đã được phê duyệt tại cuộc họp của NSC 22 vào tháng Mười. Bộ trưởng Dulles đã phác họa cho Tổng thống Eisenhower về các khuyến nghị của Tướng J. Lawton Collins, đặc phái viên về Việt Nam để xem qua tất cả các hoạt động của Hoa Kỳ, phối hợp với các chương của Pháp và có được những cách đi chuyển tiếp. Collins đề nghị "giảm Quân đội Quốc gia Việt Nam... giảm xuống còn 77.000 vào tháng Bảy năm 1955, được đặt dưới sự chỉ huy và kiểm soát của Việt Nam vào ngày tháng đó.... Chi phí cho Hoa Kỳ sẽ là 200 triệu USD mỗi năm...Hoa Kỳ phải nhận trách nhiệm đào tạo... 1 Tháng 1 năm 1955, với sự hợp tác của Pháp và sử dụng huấn luyện viên người Pháp. ".

Collins khẳng định rằng các lực lượng Pháp phải được giữ lại ở Việt Nam:

Sẽ là điều tai hại nếu quân viễn chinh Pháp được thu hồi sớm vì Việt Nam sẽ bị tàn phá bởi một cuộc tấn công của đối phương trước khi Hiệp Định Manila có thể đi vào hành động.

"[để] khuyến khích người Pháp giữ lại đủ lực lượng", Collins kêu gọi Hoa Kỳ hỗ trợ tài chính ít nhất là \$100 triệu cho đến hết qua tháng 12 năm 1955. Tướng Ely đồng tình.

35/

2. Các điều kiện ở Việt Nam mời gọi hành động vững chắc hơn

Tình hình Việt Nam vào mùa thu năm 1954 đòi hỏi một chương trình hành động nào đó - bất kỳ loại nào. Thủ Tướng Diệm hầu như không kiểm soát được Sài Gòn, ông bị phản đối bởi nhân sự lãnh đạo quân đội của ông, các phe phái chính trị hùng mạnh chỉ muốn bảo vệ các lợi ích đáng kể đặc biệt của họ với quân đội riêng hùng mạnh; ít ra ông đã bị phản đối ngầm bởi nhiều người Pháp ở Việt Nam. Các vùng nông thôn đã bị tàn phá bởi chiến tranh, hoạt động thông tin liên lạc, quản lý và tài chính bị đình trệ, một nền kinh tế đã còng lưng đe dọa bởi cơn lũ của khoảng 860.000 người tị nạn từ miền Bắc. Trên tất cả là lòng lảng "một bầu không khí đầy thất vọng và vỡ mộng" tạo ra bởi Hiệp định Genève và việc chia hai Đất Nước được áp dụng, "kèm theo tâm trạng bất an cùng khắp về ý đồ của Hoa Kỳ và Pháp" **36/** Vào tháng Tám, Hoa Kỳ đã đưa ra chính sách để sửa chữa tình trạng bất ổn đó: là Diệm sẽ được hỗ trợ bởi cả Hoa Kỳ và Pháp. Tuy nhiên, chính sách của Hoa Kỳ lại không thể loại bỏ sự phản đối của Diệm.

a. Quân đội đe dọa Diệm

Tướng Nguyễn Văn Hinh, Tham Mưu Trưởng Quân đội Quốc gia Việt Nam, là người tổ chức đảo chánh đầu tiên nổi lên và sụp đổ. Mỗi đe dọa tháng Chín của một cuộc nổi dậy quân sự lần đầu tiên bị chết yểu qua trung gian của Đại sứ Hoa Kỳ Donald Heath và Tướng Ely (người tuy đã nghi ngờ khả năng của Diệm nhưng đã làm việc để ngăn chặn sự sụp đổ tàn bạo của ông này). Sau đó, Diệm đã phát hiện ra một âm mưu đảo chánh, bắt giữ một số người ủng hộ Hinh, cách chức Tướng Hinh và ra lệnh cho ông này phải ra khỏi đất nước. **37/** Hinh từ chối rời Việt Nam và tiếp tục âm mưu chống lại chính phủ. Kế hoạch một cuộc đảo chánh vào tháng Mười đã được đưa ra "Sau đó, Hinh

đã được cho biết là cuộc nổi dậy có nghĩa là viện trợ của Hoa Kỳ sẽ tự động chấm dứt. **38/** Một cuộc đảo chánh khác được dự kiến vào 26 tháng 10 đã thất bại khi Đại Tá EG Lansdale, người đứng đầu của Phái đoàn Quân Sự tại Sài Gòn và đang là giám đốc CIA trong bối cảnh đó, đã sắp xếp cho hai cấp dưới [*của Diệm*] quan trọng rời đất nước. Lansdale mời Hinh và tùy tùng đến thăm Philippines. Hinh từ chối một cách không vui nhưng người ủng hộ ông - một trong những người bị cáo buộc là một kẻ làm việc cho Pháp – lại không thể cưỡng lại cơ hội để được xem các hoạt động bên trong của Magsaysay do Hoa Kỳ trợ giúp để chống lại hoạt động của quân nổi dậy Huk. **39/** Cuối cùng, trong tháng Mười Một, Bảo Đại bị thuyết phục bởi Hoa Kỳ và Pháp can thiệp thay mặt cho Diệm. Ông đã làm, đã ra lệnh Hinh về trình diện ở Cannes, và vào ngày 19 tháng 11, ông Tướng rời đất nước. **40/** Tướng Hinh đã thừa hưởng một số hỗ trợ của Pháp trong hoạt động chống Diệm. Đại sứ Heath báo cáo rằng Hinh nhận được "những khuyến khích ngầm nếu không gọi là hỗ trợ không chính thức" từ nhiều sĩ quan Pháp và các quan chức ở Sài Gòn và "các cấp làm việc tại Paris." **41/** Ban đầu Hinh cũng đã được hỗ trợ bởi các giáo phái, sau đó bởi Bình Xuyên.

a. Các giáo phái đe dọa Diệm

Cao Đài và Hòa Hảo, giáo phái, cơ bản là các nhóm tôn giáo với những quyền kiểm soát và lợi ích chính trị cũng như quân đội riêng do quân đội Pháp hỗ trợ, đã làm việc với Hinh cho đến đầu tháng Chín. Sau đó, thúc đẩy bởi sự hiểu biết rằng hành động theo kiểu tư nhân sẽ có nguy cơ bị mất viện trợ của Hoa Kỳ, các giáo phái đã đồng ý làm việc với Diệm. **42/** các đe dọa vào giờ phút chót [từ Hoa Kỳ] và những "áp lực nặng nề" từ các quan chức Pháp chống lại liên minh [với Diệm] làm các nhà lãnh đạo giáo phái "chóng mặt" nhưng họ đã gượng lại phục hồi đầy đủ để chấp nhận các vị trí nội các vào ngày 24 tháng Chín. **43/** Bắt đầu trong đụng chạm, liên minh không bao giờ chạy việc: Diệm từ chối ủy thác trách nhiệm cho tám Bộ trưởng mới của mình và họ nhanh chóng mệt mỏi để cố gắng làm việc trong chính phủ.

b. Xuyên Bình chống Diệm

Bình Xuyên, cũng thế, xem xét tham gia liên minh nhưng rút lui khi Diệm từ chối bổ nhiệm nhà lãnh đạo Bình Xuyên, "một kẻ cướp đầy màu sắc tên là Lê Văn (Bảy) Viễn" làm Bộ trưởng Bộ Nội Vụ. **44/** Bảy Viễn đã đào tạo một nhóm côn đồ hỗn tạp trong một thời gian ngắn thành một tổ chức một băng đảng cướp, thảo khấu lớn khá tinh vi gồm khoảng 6000 người, và đã được Bảo Đại và chính quyền thực dân Pháp giúp đỡ. Bình Xuyên kiểm soát mại dâm và cờ bạc ở Chợ Lớn và kiểm soát lực lượng cảnh sát Sài Gòn - Chợ Lớn, có báo cáo rằng vì Bảy Viễn đã trả cho Bảo Đại số tiền 40 triệu đồng cho các đặc quyền này. **45/** Tuy nhiên, vẫn còn các lãnh đạo giáo phái bất đồng chính kiến như Ba Cụt, người có 5000 *[chiến sĩ]* tin đồ Hòa Hảo đã tố cáo *[Hiệp Định]* Genève và từ chối hợp tác với Diệm, và những người Pháp chống đối Diệm cùng tiếp tay với Bình Xuyên trong âm mưu chống lại chính phủ.

3. Sự lơ là của Pháp đòi hỏi những chương trình mạnh mẽ của Hoa Kỳ

Hơn cả việc tranh giành quyền lực ở Việt Nam và việc Diệm không có khả năng để củng cố quyền lực của mình, các hoạt động của Pháp trong mùa thu năm 1954 làm khích động Hoa Kỳ. Từ việc thỏa mãn yêu cầu của Hoa Kỳ trong tháng Chín, các nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ đã cảm thấy Pháp đã chuyển về phía đối lập với yêu cầu của Hoa Kỳ vào tháng Mười Một. Đánh giá về các hành động của Pháp có khách quan hay công bằng không là có thể đặt vấn đề.

a. Hội nghị Washington, tháng 11, 1954

Sau khi Pháp-Hoa Kỳ thảo luận tại Washington vào cuối tháng Chín - lần đầu tiên trong tiến trình các cuộc họp hàng tháng về Việt Nam - Hoa Kỳ dường như đã ghi được điểm cao nhất. Pháp hứa hỗ trợ cho Diệm, sẽ nhanh chóng trao Độc Lập cho Việt Nam. **46/** Việc chuyển giao các chức năng tài chính, hành chính, kinh tế và các chức năng khác cho người Việt Nam đã bắt đầu và sẽ hoàn thành vào tháng 12, 1954. Việt Pháp ngần ngại trước yêu cầu trao ngay lập tức Độc Lập đề ra khỏi Liên hiệp Pháp là không có gì đáng ngạc nhiên: lợi ích văn hóa, kinh tế và chính trị của Pháp ở Việt Nam vẫn còn mạnh mẽ, niềm tin vào tính hợp lệ của Liên hiệp Pháp của người Pháp là sâu đậm. Không có chính phủ Pháp

nào dám thách thức dư luận bằng cách tỏ ra đang đẩy nhanh sự kết thúc của Liên Hiệp Pháp. 47/ Pháp cảm thấy Hoa Kỳ đang có một "ám ảnh tâm lý vào vấn đề Độc Lập mà không suy nghĩ và chú ý đầy đủ đến thực tế các vấn đề và những rủi ro liên quan [của Pháp]." 48/

Thứ hai, Hoa Kỳ đã có thể trì hoãn một cam kết tài trợ cho Quân Viễn Chinh Pháp tại Việt Nam, mặc dù vẫn có chỉ dấu cho thấy viện trợ sẽ được nối lại, nếu nó không được tự động nối lại, chuyện của Pháp là điều ưu tiên trong Hội nghị Washington. 49/ Pháp đồng ý duy trì quân tại Việt Nam nhưng được báo cho biết là không có con số viện trợ nào sẽ sẵn sàng cho đến tháng Mười Hai. 50/

Cả Pháp và Hoa Kỳ đều nghĩ rằng họ đã thắng trên mục tiêu kinh tế. Pháp mạnh mẽ phản đối ý tưởng viện trợ Hoa Kỳ được trao trực tiếp cho Việt Nam với lý do nó vi phạm Hiệp định Genève, không cần thiết để kích động Cộng sản Trung Quốc, thúc đẩy hồi lộ và tham nhũng ở Việt Nam, và làm tăng cường cuộc đấu tranh chính trị. Thêm vào đó, "hy sinh trong quá khứ (của Pháp) nhân danh Việt Nam và vì nghĩa vụ của họ như là một thành viên của Liên hiệp Pháp" Pháp phải giám sát các viện trợ thiết yếu. 51/ Pháp, qua một thỏa thuận thỏa hiệp do Walter Bedell Smith soạn thảo dự tính việc Hoa Kỳ chấp nhận những lập luận này và đã sẵn sàng để giúp tay cho Pháp trong việc giải ngân viện trợ cho các nước Đông Dương. 52/ Hoa Kỳ quyết định không giải thích thỏa thuận theo cách này. Bộ Ngoại giao cho biết Hoa Kỳ chỉ đơn thuần cho thấy sẵn sàng để tham khảo ý kiến về các vấn đề như vậy. 53/ Ngày 29 Tháng Mười, Dulles nói với Mendes-France là Hoa Kỳ một mình sẽ phân tán viện trợ, vào cuối tháng Mười Một, cuối cùng Mendes-France, rõ ràng là vì mệt mỏi về cuộc tranh cãi, đã thua cuộc và bỏ qua vấn đề. 54/

b. Hoa Kỳ chê trách việc hỗ trợ của Pháp cho Diệm

Mặc dù đã thỏa thuận rõ ràng ở Washington là ủng hộ Diệm, Ngoại trưởng Dulles đã gặp với Mendes-France ba tuần sau đó ở Paris về cùng một chủ đề. "Đối với... tài liệu tham khảo đã sẵn sàng" Quyền Ngoại trưởng Herbert Hoover

trích dẫn cho Dulles một phần của Biên Bản Thông Hiểu ngày 29 Tháng 9 trong đó:

... đại diện của Pháp và Hoa Kỳ đồng ý rằng các chính phủ tương ứng của họ sẽ hỗ trợ Ngô Đình Diệm trong việc thành lập và duy trì một chính phủ mạnh, chống Cộng và dân tộc chủ nghĩa. Để đạt mục tiêu này Pháp và Hoa Kỳ sẽ thúc giục tất cả các phần tử chống cộng ở Việt Nam hợp tác đầy đủ với Chính phủ Ngô Đình Diệm để mạnh mẽ chống lại Việt Minh và xây dựng một Việt Nam Tự Do mạnh mẽ.... Trong khi [Tướng] Ely dường như đã cố gắng một cách trung thực để thực hiện thỏa thuận này, trên thực tế là có nhiều yếu tố Pháp chưa bao giờ chấp nhận giải pháp Diệm đã làm suy yếu những nỗ lực của Ely và khuyến khích bè đảng của Hinh trong tánh ngoan cố của nó.... Trừ khi Diệm nhận được sự hỗ trợ không hạn chế của Hoa Kỳ và Pháp, thì cơ hội thành công của Diệm là mong manh. Với sự hỗ trợ như vậy, cơ hội của Diệm có lẽ sẽ là tốt hơn là trung bình, nhiều lần trung bình. **55/**

c. Hòa giải giữa Paris và Hà Nội?

Ngoài sự ủng hộ ngầm cho các đối thủ của Diệm bởi các sĩ quan Pháp và các quan chức ở Sài Gòn và những đề nghị bên bí của Paris cho một sự thay đổi trong chính phủ (Hoàng Thân Bửu Hội, người có "tư tưởng chính trị" ghê tởm đối với Dulles, là một người được Pháp ủng hộ tại thời điểm này), Hoa Kỳ tìm thấy việc Pháp có những cử chỉ thích ứng với Hà Nội là những bằng chứng phong phú cho thấy việc Pháp ủng hộ cho Diệm là miễn cưỡng, ngay ở lúc tốt nhất. **56/** Đại sứ Dillon cảm thấy Mendes-France đã tìm thấy ở Việt Nam một "tình hình lý tưởng thiết kế để thử nghiệm (các) cơ sở triết học chính trị của ông về việc "sống chung hòa bình" và rằng chính phủ của ông đã càng ngày càng thiên về việc "sẵn sàng tìm hiểu và xem xét một chính sách nhằm cuối cùng đưa đến một Bắc Nam cùng sống chung hòa bình": **57/** Pháp khẳng định về việc giải thích pháp lý nghiêm ngặt của Hiệp định Genève là một ví dụ của tư duy hòa hoãn sống chung. Pháp phản đối bất cứ điều gì có thể làm trì hoãn hoặc hủy hoại cuộc

tổng tuyển cử vào năm 1956; Dillon dự đoán Paris sẽ chấp nhận kết quả của cuộc bầu cử "tuy nhiên phải cần các nghiên cứu của các học giả cuối cùng mới có thể chứng minh được." **58/**

Nhưng ví dụ đáng lo ngại nhất cho những người ở Bộ Ngoại Giao lên tiếng chống lại bất kỳ loại hình sống chung nào là việc Phái Bộ Sainteny đến Hà Nội.

d. Sainteny hoặc Ely?

Jean Sainteny, có uy tín khi đạt được một Hiệp Ước Độc Lập ngăn ngui với Hồ Chí Minh vào tháng 3 năm 1946, đã được gửi trở lại Hà Nội trong tháng 8 năm 1954 để tìm cách để bảo vệ doanh nghiệp Pháp và các lợi ích văn hoá [*của Pháp*] ở Bắc Kỳ. Sainteny, với thành công trong quá khứ trong việc lập lại mối quan hệ hữu nghị, đã cho Phái Bộ có một tiếng nói chính trị có trọng lượng. Tướng Ely đã mong Paris gửi một "viên chức lãnh sự loại ngu ngốc" hơn là một người "loại năng động" như Sainteny; Ely đã bị khó chịu đủ đến mức phải bay về Paris để nói với MendesFrance là ông sẽ từ chức nếu Pháp chơi chính sách "nước đôi" với Bắc và Nam Việt Nam để nhằm mục đích cuối cùng là ủng hộ phe nào giành chiến thắng. Mendes-France đảm bảo với Ely rằng chính sách của Pháp là hỗ trợ tối đa các yếu tố chống Cộng ở miền Nam Việt Nam và làm mọi thứ để đảm bảo là họ có thể chiến thắng vào năm 1956. Ely đã được xoa dịu và trở về Sài Gòn. Nhưng Sainteny vẫn ở Hà Nội và việc hỗ trợ tối đa cho Diệm đã không xảy ra. **60/**

Theo các nguồn tin khác, Ely không "được biết" về chính sách của Pháp. Cố vấn Liên Hiệp Pháp Jacques Raphael-Leygues, được cho biết là thành viên của "đầu não tin tưởng" của Mendes-France về Đông Dương, đã nói với Đại sứ Dillon rằng Sainteny đã thuyết phục Paris rằng miền Nam Việt Nam đã bị tiêu diệt và "phương án duy nhất để có thể cứu vãn bất cứ điều gì là chơi trò chơi của Việt Minh và cách ly Việt Minh ra khỏi mối quan hệ Cộng sản với hy vọng tạo ra một chủ nghĩa Tito ở Việt Nam [*và hình thái VN này*] sẽ hợp tác với Pháp và thậm chí có thể nằm trong Liên hiệp Pháp." Raphael-Leygues nói Pháp trì hoãn mong

muốn hỗ trợ chính phủ Sài Gòn của Hoa Kỳ để có tiền cho quân viễn chinh Pháp và sửa chữa trách nhiệm đối với tổn thất cuối cùng với việc [Pháp] mất miền Nam Việt Nam cho Hoa Kỳ. **61/**

Trong tháng 12 1954, Sainteny đã giành thỏa thuận với Hồ Chí Minh cho phép doanh nghiệp Pháp tiếp tục, không phân biệt đối xử. Nhưng nếu hợp đồng làm hài lòng Paris thì nó lại không đảm bảo cho thương gia Pháp tại Bắc Kỳ. Pháp luật Việt Minh sẽ điều chỉnh hoạt động của mình, lợi nhuận có thể không được chuyển giao ra ngoài quỹ đạo Cộng sản. Hầu hết các mối quan tâm của Pháp đã quyết định rằng lợi ích tiềm năng là không đáng để chịu rủi ro trong kinh doanh với VNDCCH và bất chấp những nỗ lực của Sainteny để thiết lập tập đoàn hỗn hợp chính phủ và tư nhân, đa số đã rút khỏi miền Bắc. **62/** Sainteny vẫn là một "Tổng Đại Diện" [của Pháp] ở VNDCCH.

e. Báo cáo Mansfield

Thúc đẩy cuối cùng để Hoa Kỳ hành động là báo cáo thực địa của Mansfield. Sau một chuyến đi tìm hiểu thực tế ở miền Nam Việt Nam, Thượng nghị sĩ Mansfield kết luận người quen cũ của ông là Diệm là người duy nhất cho công việc ở Sài Gòn. Ông cho biết vấn đề này không xem "Diệm như một cá nhân mà là một chương trình mà trong đó có sự hiện diện của Diệm." Chương trình đó "đại diện cho dân tộc chủ nghĩa đích thực, ... chuẩn bị sẵn sàng để đối phó có hiệu quả với nạn tham nhũng và...thể hiện mối quan tâm trong việc thúc đẩy phúc lợi của nhân dân Việt Nam". Thượng nghị sĩ cảm thấy "không thể có được" bất kỳ lãnh đạo nào khác "tận lòng tận sức cho những nguyên tắc này" có thể được tìm thấy và đề nghị Chính phủ [Hoa Kỳ] "trước mắt xem xét tạm ngưng tất cả các viện trợ cho Việt Nam và các lực lượng Liên hiệp Pháp ở đó, trừ trường hợp những viện trợ có tính chất nhân đạo, đánh giá sơ bộ lại đầy đủ các chính sách hiện tại của chúng ta ở Việt Nam Tự Do", nếu Diệm thất bại. **63/**

Báo cáo Mansfield làm phẫn chấn Diệm (người đã thường, với sự chính trực của mình, phản ứng không khoan nhượng đối với các đề xuất thay đổi), buộc Pháp khuất phục và làm Paris khó chịu. Đối với những người Pháp ủng hộ hòa giải với Việt Minh, phân tích của Mansfield đã chứng minh tính hiệu lực của chính sách của họ. Rõ ràng, họ nói, nếu Diệm thất bại, Hoa Kỳ sẽ chú ý đến Mansfield và rút khỏi Việt Nam. Tương tự rõ ràng, họ nói, Diệm sẽ thất bại. Vậy thì, Pháp nên bắt đầu "đánh cược là Việt Minh sẽ chiến thắng cuộc chiến tranh" **64/** Các quan

chức Pháp mong muốn giữ lại Diệm thì cho rằng Báo cáo [Manfield] và sự chấp nhận của Washington của nó là một hành vi phạm các thỏa thuận Pháp-Hoa Kỳ là sẽ hỗ trợ một chính phủ khác nếu Diệm thất bại...Khi Mendes-France nhắc nhở Dulles về điều này và đã nói về sự cần thiết phải đưa ra kế hoạch "một cấu trúc chính phủ [VN] khác" mà cả Pháp và Hoa Kỳ đều có thể hỗ trợ, Dulles không hứa hẹn gì. **65/**

4. Chương trình hành động tháng 10 của NSC và thư của Eisenhower gửi Diệm

Thư của Tổng Thống Eisenhower gửi Diệm ngày 24 tháng 10 (được soạn thảo vào tháng Tám và đã cho Pháp xem tại thời điểm đó; được tạm giữ lại cho đến khi tình hình chính trị ở miền Nam Việt Nam được giải quyết phần nào; cuối cùng đã được phê duyệt để gửi đi [cho Diệm] trong cuộc họp tháng mười của NSC-22) đã được Bộ trưởng La Chambre gọi đó là một hành vi vi phạm trực tiếp vào nguyên tắc hợp tác hành động đã thỏa thuận trong tháng Chín. **66/** Đại sứ Pháp Bomlet nói với Ngoại trưởng Dulles rằng "họ cảm thấy (thư gửi) đã cho Diệm toàn quyền hành động mà không cần một điều kiện tiên quyết nào chứng minh rằng Diệm đã thành công trước tiên trong việc hình thành một chính phủ mạnh và ổn định, mặc dù điều kiện tiên quyết này đã là một phần của cơ sở thỏa thuận ở Washington". Bonnet thêm rằng bức thư có thể là một hành vi vi phạm các hiệp ước đình chiến và Việt Minh có thể tận dụng lợi thế đó. **67/** Sau đó, khi Đại sứ Dillon đề nghị với Quai d'Orsay [*trụ sở Bộ Ngoại Giao Pháp*] rằng việc Pháp không ủng hộ Diệm không phải là tất cả những gì cần phải có, La Chambre đã nổi khùng. Không chỉ là một cáo buộc sai lầm, đó còn là một gièm pha trực tiếp đến Tướng Ely, chính phủ ở Paris và vinh quang của Pháp. La Chambre nói cá nhân ông đã bị thuyết phục là Diệm sẽ dẫn miền Nam Việt Nam đến tàn phá nhưng vẫn sẽ ủng hộ Diệm:

Chúng tôi muốn để Việt Nam đi với Hoa Kỳ hơn là giành một chiến thắng mà không có họ... chúng tôi muốn hỗ trợ Diệm dù biết ông ta sẽ thất bại và nhưng giữ Pháp-Hoa Kỳ đoàn kết hơn để chọn một người nào đó, người có thể giữ được Việt Nam cho thế giới Tự Do nếu điều này [*Pháp không cùng Hoa Kỳ ủng hộ Diệm*] đưa đến việc phá vỡ sự đoàn kết Pháp-Hoa Kỳ. **68/**

Đáp lại, Ngoại trưởng Dulles chính thức nói với Mendes-France rằng cả hai việc: lá thư của TT Eisenhower và hành động mạnh mẽ hơn của Hoa Kỳ là "thể hiện những hiểu biết đã đạt được tại Washington." Hoa Kỳ đã không có một "ý tưởng nhỏ nào để đặt lại niềm tin với chính phủ Pháp", nhưng "nhiều quan chức Pháp đã không che giấu niềm tin của họ là Diệm đã thất bại... và... nên được thay thế." Thái độ này đã tạo ra một "bế tắc ở Sài Gòn" nơi đang cần phải một hành động cứng rắn. **69/** La Chambre nhận lời lẽ này với "ít bình luận" gì khác hơn là đề nghị bổ nhiệm Nguyễn Văn Tâm (cha của Tướng Hinh, Thủ Tướng trong giai đoạn 1952-1953 và là một lãnh đạo chuyên đàn áp mạnh mẽ) làm Bộ Trưởng Nội Vụ. La Chambre gọi đây là "con đường để ra khỏi *[tình hình]* lộn xộn *[hiện nay]*... () Đây là một người biết làm thế nào để chống lại Cộng Sản." **70/** Như trong quá khứ, Hoa Kỳ đã bác bỏ đề xuất.

5. Hành động: Phái Bô Collins

Chương trình hành động ban đầu của Hoa Kỳ dựa trên ba giả định: Diệm có thể được thuyết phục để chấp nhận đề nghị chấp nhận của Hoa Kỳ, Hinh *[sẵn sàng]* tuân phục chính phủ, *[từ đó]* người Pháp ở tất cả các cấp sẽ hợp tác. Không có gì chứng minh ngay lập tức là *[giả định này]* có hiệu lực. Vì vậy, Hoa Kỳ đã thông qua một chiến thuật khác. Tướng J. Lawton Collins, đại diện Hoa Kỳ trong Ủy Ban Quân sự của NATO, đã được cử đến Việt Nam vào ngày 08 Tháng Mười Một với chức vụ Đại sứ (Heath trở về với Bộ Ngoại giao). Như Tổng thống Eisenhower đã mô tả, nhiệm vụ của Collins là:

phối hợp và chỉ đạo một chương trình hỗ trợ chính phủ (Diệm) để cho phép nó: (a) thúc đẩy an ninh nội bộ và đạt ổn định chính trị và kinh tế; (b) thiết lập và duy trì quyền kiểm soát trên toàn lãnh thổ; và (c) hiệu quả chống lại Việt Minh xâm nhập và các hoạt động bán quân sự phía Nam của đường phân giới *[vĩ tuyến 17]*. **71/**

Sau phản đối ban đầu về nhiệm vụ của Collins (được *[Pháp]* xem như là một bước đầu báo hiệu cho việc Hoa Kỳ hoàn tất nghiệm thu Đông Dương), Tướng Ely đã thành lập một quan hệ làm việc gần gũi "với Collins. Một chương trình 7 điểm về những hành động chính trị, quân sự và kinh tế " đã được nhanh chóng thiết kế. Ngày 13 tháng 12,

Ely và Collins đã ký một Biên Bản Thông Hiểu đồng ý rằng **nước Pháp sẽ trao quyền tự chủ toàn diện cho quân đội Việt Nam ngày 01 tháng Bảy năm 1955** và Hoa Kỳ sẽ đảm nhận nhiệm vụ huấn luyện vào tháng Giêng. Họ đồng ý quân Viễn Chinh Pháp phải ở lại Việt Nam và mức độ hỗ trợ tài chính đề nghị của Collins (\$ 100 triệu thông qua tháng mười hai năm 1955, sau đó hỗ trợ sẽ không được dự tính) đã được thông qua bởi Cục Quản Lý Hoạt Động Nước Ngoài và sau đó công bố cho Paris biết. Viện trợ sẽ tùy thuộc việc tham khảo ý kiến với Quốc hội và tùy thuộc vào việc "Ely và Collins và chính phủ hai bên đồng ý về những gì có thể được thực hiện ở Đông Dương." 72/

6. Pháp phản đối Hiệp định Collins-Ely

Paris không hài lòng về con số viện trợ - *[đó chỉ là]* 1/3 những gì Pháp đã yêu cầu. Do đó, việc thu hồi lực lượng Pháp được đẩy nhanh: trong 150.000 quân dự kiến sẽ ở lại Việt Nam thông qua năm 1955, tất cả rút đi chỉ giữ lại 35.000. Lý do tiền tệ được cho là tối quan trọng nhưng áp lực chính trị và tâm lý về việc rút quân có lẽ là quan trọng hơn. Có ý muốn mạnh mẽ ở Pháp là gửi quân Viễn Chinh Pháp đến Bắc Phi, nơi nó có thể phục vụ lợi ích của Pháp và Liên Hiệp Pháp. Ở Việt Nam, quân Pháp phục vụ thể giới Tự Do *[trong nghĩa chống Cộng]*, nhưng bị người Việt Nam căm hận *[vì Pháp là Thực Dân]* và sức mạnh hỗ trợ rất lớn của nó đã bị bỏ qua, những sức mạnh đã không được quan tâm đủ để trang trải chi phí cho Pháp. 73/

Paris khó chịu hơn bởi Biên Bản Thông Hiểu. Vào tháng Mười, trong cuộc thảo luận với Dulles, Mendes-France đã nói rằng ông ngại rằng việc trao quyền tự chủ cho người Việt Nam vào tháng 7 năm 1955 có thể được thực hiện và việc điều chỉnh nhân sự MAAG cho nhiệm vụ đào tạo mới có thể vi phạm Hiệp Định Genève. Những lập luận này đã được nhắc lại tại ngày cuộc họp ba bên. Tuy nhiên, rắc rối thực sự của Mendes-France đã đồng ý lịch trình rút các huấn luyện viên người Pháp. Cả người Pháp cũng như binh lính Pháp không hiểu tại sao Pháp đã bị từ chối được có ảnh hưởng *[ở Việt Nam]* trong khi họ lại được yêu cầu hỗ trợ như một gánh nặng như thế tại Việt Nam. Mendes-France và Tướng Ely nhấn mạnh rằng nếu huấn luyện viên người Pháp bị xóa bỏ, Hoa

Kỳ sẽ phải tự động nhận trách nhiệm chính cho chính sách của thế giới Tự Do đối với Đông Dương. **74/** (Dulles và Tướng Collins từ chối chấp nhận lối lý luận đó, nhưng khẳng định là không phải Pháp và cũng không phải những người khác đã có những ý định gian dối.)

Collins nhượng bộ trong Biên Bản Thông Hiểu bằng cách đồng ý ngôn ngữ nhẹ nhàng hơn (huấn luyện viên Pháp và Hoa Kỳ sẽ được giải tán khi hiệu quả quân Việt Nam gia tang), để hy vọng làm dịu Paris. Ông đã thất bại. Khi Biên Bản chính thức được chuyển đến Mendes-France để chấp nhận cuối cùng đã bị đình trệ. Trước tiên, ông đã nghiên cứu chặt chẽ để đảm bảo không có xung đột nào dính líu với [Hiệp Định] Genève. Sau đó, ngày 07 tháng 01, Pháp đã gửi lại một bản nháp lại của Biên Bản mà bỏ qua không nói đến thẩm quyền của Tướng O'Daniel trên nhân sự Pháp. **75/**

Collins đã rất phiền vì những kỳ đà cản mũi trong tháng Mười Hai, tương đương với một cái tát vào mặt mình của Ely là người có đầy đủ thẩm quyền để đàm phán các thỏa thuận đã được giao. **76/** Collins từ chối "đồng ý (bản nháp làm lại) trừ khi nó được hướng dẫn bởi cơ quan có thẩm quyền cao hơn vì ranh giới quyền hạn không được nêu ra **77/**. Tuy nhiên, Ely nghĩ rằng Paris đã phê chuẩn thỏa thuận ban đầu. Ông kêu gọi Collins tiếp tục các cuộc đàm phán với Việt Nam trên những điều chính trong Biên Bản đầu tiên, khuyên Collins theo dõi *[đàm phán với VN]* mặc dù những lộn xộn đang có giữa Paris và Washington. Vào ngày 19 và 20 tháng Giêng, một trao đổi chính thức về ngôn từ đã hoàn tất thỏa thuận cho Hoa Kỳ gánh chịu nhiệm vụ đào tạo và hỗ trợ tài chính (214.500.000 \$) cho quân đội Việt Nam.. lực lượng *[VN]* sẽ được thu nhỏ lại ở mức 100.000 vào tháng 12 năm 1955. Cả chi phí và khổ cớ lực lượng đã được bàn tính từ các khuyến nghị tháng Mười Một của Collins trong sự trân trọng dành cho các lập luận của Việt Nam. **78/** Bế tắc giữa Hoa Kỳ và Pháp vẫn kéo dài cho đến 11 tháng Hai năm 1955, khi các điều khoản - nhưng không phải dưới hình thức của thỏa thuận ban đầu - cuối cùng đã được chấp nhận. Ngày hôm sau, Tướng O'Daniel chịu trách nhiệm đào tạo các lực lượng Việt Nam và cơ quan Đào Tạo và Hướng Dẫn Việt Nam (TRIM) đã đi vào hoạt động **79/**.

D. Bế tắc Pháp-Hoa Kỳ về Diệm

Giải quyết các vấn đề quân sự trong Chính phủ Hoa Kỳ và giữa Hoa Kỳ và Pháp là một thành tựu khá lớn. Sự khác biệt chính trị lại không được giải quyết một cách tương tự. Hỗ trợ hoặc không hỗ trợ Ngô Đình Diệm là vấn đề mà Pháp và Hoa Kỳ chia rẽ.

Như đã nói ở trên, Pháp nhượng bộ lưu giữ Diệm như Thủ tướng Chính phủ chiều theo thúc hối của Hoa Kỳ và do mối quan tâm của Pháp về việc hỗ trợ tài chính cho quân Viễn Chinh Pháp của Hoa Kỳ trong hội nghị tháng Chín tại Washington. Vào giữa tháng Mười, Mendes-France tái khẳng định lại thỏa thuận ngày 29 tháng 9 nhưng cho biết một hình thức khác của chính phủ phải được xem xét trừ khi Diệm thực hiện được một chương trình mạnh mẽ trong vòng hai tháng tới. Vào tháng Mười Hai, khi Mendes-France, Dulles và Eden gặp nhau ở Paris, Thủ Tướng Pháp cho rằng rõ ràng đã đến lúc phải có một sự thay đổi. Có hai cách để thực hiện sự thay đổi đã được đề xuất. Bảo Đại có thể bổ nhiệm một "Phó Vương" (Viceroy) được toàn quyền sử dụng các quyền hạn của Lãnh Đạo cao nhất của Nhà nước để thống nhất các phe phái chính trị đang chiến đấu. Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm hoặc Bác sĩ Phan Huy Quát là ứng cử viên cho công việc này. 80/ Hoặc, Bảo Đại tự mình có thể quay trở lại Sài Gòn và thành lập một chính phủ với Hữu như Thủ Tướng, Tâm như Bộ trưởng Nội vụ, Quát nắm Bộ Quốc Phòng. 81/

Pháp muốn Diệm ra khỏi [cơ cấu] quyền lực vì nhiều lý do. Nhà hoạch định chính sách Hoa Kỳ dường như không hoàn toàn đánh giá cao cách Diệm chống Pháp một cách trơ trẽn, là điều phải có, cũng dường như Hoa Kỳ đã không hiểu hoặc cho phép lập trường của Diệm có hiệu lực gây ra chia rẽ trong phe chống Cộng trong Chính phủ Pháp. Điều ít được xem xét là Hoa Kỳ đã phá hoại Pháp bằng cách mô tả chính Hoa Kỳ là người bạn duy nhất của chủ nghĩa dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, Hoa Kỳ đã có thể phải đánh giá cao giá trị các luận cứ của Pháp cho rằng Diệm đã không thể và sẽ không thể thống nhất và ổn định miền Nam Việt Nam.

1. Paris: Diệm không thích hợp để lãnh đạo

Tướng Collins đã hoài nghi về Diệm ngay từ đầu tháng Mười Hai; ông đã bị thuyết phục rằng một thay thế trong chính phủ của Diệm cần phải được coi là khẩn cấp. Việc Diệm từ chối nhận Bác Sĩ Quát làm Bộ trưởng Quốc Phòng đã kích hoạt đề nghị của Collins. Cả Collins và Đại Tá Lansdale đều thúc giục Diệm chấp nhận Quát, đồng ý rằng Quát một mình đã đủ mạnh để thống nhất các lực lượng vũ trang Việt Nam đằng sau chính quyền Sài Gòn. Ngày 13 tháng 12, Collins đã đưa ra năm lý do cho quyết định bất lợi của Diệm:

- (1) không muốn ủy quyền kiểm soát các lực lượng vũ trang Việt Nam cho bất kỳ người nào mạnh mẽ, (2) sợ Quát là người kế nhiệm tiềm năng, (3) sự phản đối của các giáo phái (họ cũng sợ có người khác mạnh trong vị trí quốc phòng), (4) ảnh hưởng của anh em Luyện và Nhu (lo lắng nhằm vô hiệu hóa sức mạnh của bất kỳ người kế nhiệm tiềm năng nào), (5) mong muốn giữ lại *[Dương Văn]* Minh (quyền Bộ trưởng Quốc phòng; trung thành với Diệm) trong chính phủ.

82/

Theo Collins,

Dù lý do nào, việc không sử dụng Quát là hình ảnh thu nhỏ của việc thiếu thống nhất giữa người Việt Nam với nhau và một phần ở Diệm là việc thiếu tính lãnh đạo mang chất quyết định.... Chấp nhận hiện trạng với việc nâng Minh lên nắm Bộ Quốc phòng và việc các giáo phái được tăng cường quyền phủ quyết đối với chính phủ chỉ đơn giản là trì hoãn cho đến một ngày kinh hoàng nào đó để thú nhận, nếu có xảy ra, rằng Diệm đã khẳng định được ông ta là loại lãnh đạo có thể thống nhất được đất nước này và có cơ hội cạnh tranh với sự kiểm soát cứng rắn, có hiệu quả, thống nhất của Hồ Chí Minh.

Ba ngày sau, Tướng Collins truyền đạt "phán xét cuối cùng" về tình hình. Ông đã đưa ra bốn khuyến nghị:

- A. Tiếp tục hỗ trợ Diệm như trong hiện tại cho một thời gian ngắn nữa, nhưng không có cam kết của Hoa Kỳ cho các chương trình trợ giúp cụ thể;

B. Xem xét khẩn cấp, như giải pháp thay thế là việc Bảo Đại có thể trở về [VN] sớm;

C. Nếu sau một thời gian ngắn thử nghiệm thêm mà Chính Phủ Diệm không hành động thành công để đạt được những tiến bộ đáng kể và nếu sự trở về của Bảo Đại mà Chính phủ Hoa Kỳ chấp nhận, [chúng ta] sẽ tức khắc hỗ trợ việc trở về của ông;

D. Nếu việc trở về của Bảo Đại là không thể chấp nhận được cho Chính Phủ Hoa Kỳ, giả định rằng Chính phủ Diệm tiếp tục chứng tỏ là không có khả năng đoàn kết Việt Nam Tự Do đằng sau một chương trình tích cực, tôi khuyên các vị nên tái đánh giá kế hoạch của chúng tôi về việc hỗ trợ khu vực Đông Nam Á với sự chú ý đặc biệt đến một đề nghị một vừa trước đây. **84/**

Đề nghị vừa trước đây, được thực hiện bởi Tướng Collins vào ngày 13 tháng 12, là Hoa Kỳ sẽ dần dần rút khỏi Việt Nam. Collins cho biết đây là "là điều ít mong muốn nhất (nhưng) trong tất cả những gì trung thực và theo quan điểm của những gì tôi đã quan sát ở đây cho đến nay, điều này có thể là giải pháp có giá trị duy nhất." **85/**

1. Collins: Diệm không thể lãnh đạo miền Nam Việt Nam

Bộ Ngoại giao đã đồng hành với đề nghị của Collins là tránh các cam kết hỗ trợ cụ thể vào thời điểm hiện tại, nhưng không thể nhìn thấy sự cứu rỗi với Bảo Đại. Một bản ghi nhớ từ Đại sứ Heath, lúc đó đang làm việc tại Cục Viễn Đông mang chỉ dẫn tư duy của Bộ Ngoại giao. Trước tiên Heath chú ý đến "sự phản đối rộng lớn" mà Diệm phải đối mặt và việc Pháp không muốn mạnh mẽ ủng hộ ông ấy - ngụ ý rằng tất cả các vấn đề của Diệm không phải chỉ là lỗi của Diệm. Sau đó, ông đã nói về "nỗ lực để đạt được một giải pháp nhanh chóng" của Tướng Collins, những khuyến nghị của Collins hiện nay là dựa trên trường hợp một giải quyết thỏa đáng trước ngày 01 tháng Giêng" qua đó cho thấy rằng những người không tìm kiếm một giải pháp nhanh chóng có thể không đi đến những kết luận tương tự.

Những gì chứa đựng trong giác thư với giải thích của Heath đã chốt lại chính sách của Bộ trưởng Dulles và suy nghĩ của mình trên những gì nên được thực hiện:

Theo quan điểm của chúng tôi, đề nghị của Tướng Collins đã bỏ qua yếu tố cơ bản là chúng ta đang hỗ trợ một sự tiếp quản của Cộng sản do việc giữ lại viện trợ của chúng ta, ngay cả khi nó nhất thiết phải được trao cho một chính phủ dù là không hoàn hảo. Bộ Trưởng đã phân tích tình hình như là người đang tiến hành một hoạt động mua thời gian. Nếu chúng ta giữ lại sự hỗ trợ của chúng ta cho Việt Nam, nó nên được thực hiện sớm hơn với những viện trợ nhỏ hơn, ở một con số khoảng 1/3 năm ngoái. Trong khi chờ đợi, chúng ta sẽ tiến hành làm những gì có thể để tăng cường Cam-pu-chia, Lào và Thái Lan. Đây là sự hiểu biết của tôi về chính sách của Bộ Trưởng.

Tôi khuyến cáo rằng chúng ta nên thông báo cho Bộ trưởng và Tướng Collins là chúng ta đã nhận ra sự nguy hiểm gây ra bởi chính sách trên, nhưng vì việc thiếu các lựa chọn thay thế hữu ích hơn, chúng ta sẽ tiếp tục hỗ trợ Diệm, bởi vì không có một ai có thể thay thế ông ta để phục vụ mục tiêu của Hoa Kỳ một cách tốt hơn. Điều này bao gồm giải pháp Bảo Đại bị phản đối bởi trên thực tế Bảo Đại không được hỗ trợ tại Việt Nam và những gì trong quá khứ đã chứng minh là ông ta không có khả năng để cai trị. Nỗi lo ngại rằng một cam kết tài chính trên \$300 triệu cộng với uy tín quốc gia của chúng ta sẽ bị mất trong một canh bạc trong việc giữ lại Việt Nam Tự Do là một lo ngại chính đáng, nhưng việc kèm giữ các hỗ trợ của chúng ta tại thời điểm này gần như chắc chắn sẽ đưa đến một hậu quả còn tồi tệ hơn." **86/**

Nội dung của bản ghi nhớ đã được gửi công điện đến Bộ trưởng Dulles, sau đó cho Paris nơi đang xảy ra cuộc thảo luận ba bên là Pháp, Hoa Kỳ và Anh. **87/**

2. Đàm phán ba bên vào tháng Mười Hai

a. Pháp đề xuất thay thế Diệm, Dulles có vẻ chấp nhận

Ngày 19 Tháng Mười Hai, Mendes-France mở cuộc đàm phán Đông Dương bằng cách gọi cách tiếp cận của Diệm là "hoàn toàn tiêu cực", "không một cái cách duy nhất được đề nghị (do nhóm làm việc Pháp-Hoa Kỳ tư vấn cho chính phủ [VN] về các vấn đề) đã được Diệm chấp nhận," rằng "Chính phủ Pháp hiện nay đang coi xem... sẽ phải thực hiện một cách tiếp cận mạnh mẽ đến Diệm," Khẳng định lại thỏa thuận trước đây của mình với Dulles" mà luận cứ là chúng ta phải làm tối đa để giúp Chính phủ Diệm thành công", Mendes-France:

bây giờ... ông [*Mendes-France*] đã không còn chắc chắn, ngay cả làm tối đa có thể giúp được gì [*cho Diệm*]. Ông nói rằng chúng ta phải có một phương án thay thế trong tâm trí. Nếu không thay đổi gì về mục đích mà chúng ta đã nêu là hỗ trợ Chính phủ Diệm miễn là nó tồn tại, chúng ta cũng phải chuẩn bị trong tâm trí chúng ta để thay thế. **88/**

Dulles đồng ý

nhiệm vụ ở miền Nam Việt Nam là khó khăn (nhưng) các yếu tố cơ bản là thuận lợi. Mọi người đều chống chủ nghĩa cộng sản và có nguồn tài nguyên tự nhiên lớn... họ đã nhận được viện trợ từ nước ngoài nhiều hơn so với miền Bắc...tình hình đã được cải thiện nhiều bây giờ khi có hợp tác đầy đủ giữa chính quyền Pháp và Hoa Kỳ. Vấn đề không nên được tiếp cận theo tinh thần chủ bại. Chỉ có vấn đề nghiêm trọng mà chúng ta chưa giải quyết là lãnh đạo bản địa. Chúng ta không thể mong đợi nó được giải quyết một cách lý tưởng vì không có truyền thống trong người dân bản địa: chính phủ tự trị. Chúng ta phải sống cùng với một cái gì đó ít tốt hơn so với tốt nhất... (Hoa Kỳ) sẽ không lặp lại việc không cam kết Diệm trong bất kỳ ý nghĩa nào mà không thể nói khác lại được. Chúng tôi đã chấp nhận Diệm vì chúng ta biết không có ai tốt hơn. Những gì xảy ra đã xác nhận những lo ngại của chúng ta về những giới hạn của Diệm nhưng chưa có thay thế nào cho ông ta đã được đề xuất. Những đề nghị trong quá khứ thay đổi từng tháng đến từng tháng. Bây giờ lời tuyên bố rằng chỉ có Bảo Đại mới có thể cứu vãn tình hình. Nếu đó là trường hợp, chúng ta thực sự sẽ tuyệt vọng sau

đó.... Chúng ta nên tiếp tục ủng hộ Diệm nhưng gây áp lực nhiều hơn vào ông ta để làm những thay đổi mà chúng tôi thấy cần thiết. **89/**

Mendes-France đề nghị Hoa Kỳ và Pháp tiếp cận Bảo Đại và đề cập đến kế hoạch "Phó Vương" để thay thế Diệm. Dulles chống lại [*ý đó*] bằng cách nói rằng Hoa Kỳ và Pháp có thể sử dụng Bảo Đại nhưng "chúng ta phải đi gặp ông ta với những ý tưởng riêng đã được chuẩn bị của chúng ta và không... chứ không đơn giản là chấp nhận ông ấy". Dulles không mong đợi bất kỳ "Phó Vương" nào để có thể quyết định thay thế Diệm và cài đặt bộ máy [*chính quyền*] để thực hiện ý tưởng của chúng ta... công việc của chúng ta (là) để tạo ra cỗ máy này ". Ông nói thêm,

Chúng ta phải đưa ra tất cả những áp lực của chúng ta trên Diệm để có được những điều thực hiện trước khi xem xét các giải pháp thay thế... Ông yêu cầu Mendes đừng ngoan cố đóng khung tâm trí của chúng ta vào giải pháp thay thế có thể. Chúng tôi đã không lặp lại là [*chúng ta sẽ*] không làm, nhưng theo nghiên cứu của chúng tôi, việc thay thế phải được thực hiện trên cơ sở cẩn thận và hiện nay chúng ta vẫn phải hỗ trợ cho Diệm. **90/**

Mendes-France đã đồng ý. Ông đã tóm tắt lập trường của mình như sau:

Đầu tiên, hỗ trợ Diệm, thứ hai, nghiên cứu lựa chọn thay thế. Collins và Ely nên được hướng dẫn để tiếp tục khám phá những khả năng bao gồm cả Bảo Đại với sự thận trọng kín đáo...Về điểm 3, nên yêu cầu Ely và Collins nghiên cứu vấn đề thời gian tính. Bao lâu trễ hơn nữa có thể được dung thứ?... Chúng ta phải thiết lập thời hạn.... **91/**

Tiếp theo, Dulles đồng ý nhưng đưa thêm điểm thứ tư:

Nếu Hoa Kỳ phải quyết định rằng nếu sau nhiều tìm kiếm mà không có lựa chọn nào tốt hơn Diệm, chúng ta phải xem xét đầu tư nhiều hơn bao nhiêu để chúng ta chuẩn bị thực hiện ở Đông Dương. Chính sách của chúng tôi sẽ phải được thẩm định lại. Các Ủy ban của Quốc hội... sẽ được tư vấn. Mansfield tin tưởng Diệm.... Ngay cả chỉ có chút cơ hội thành công tại Việt Nam cũng là xứng đáng

để chi ra một giá trị đầu tư đáng kể. Hoa Kỳ cũng đã có suy nghĩ về những gì đã xảy ra ở các quốc gia lân cận - Cam-pu-chia, Lào, Thái Lan và Mã Lai. Tình hình với Hoa Kỳ là khác với thời Pháp. Pháp đã đầu tư trong cuộc sống và có tài sản ở Việt Nam, trong khi chúng tôi chỉ quan tâm đến hiệu ứng mà số phận của Việt Nam sẽ tác động trên phần còn lại của khu vực Đông Nam Á. **92/**

a. Tuy nhiên, Dulles báo cáo, không có lãnh đạo nào phù hợp để được xem xét

Sau cuộc họp ba bên, Dulles báo cáo đánh giá của ông về kết quả cuộc họp cho Sài Gòn. Ông cho biết ông đã đồng ý với Mendes-France trên bốn điểm liên quan đến Diệm nhưng đã không đồng ý về một thời hạn để thay thế Diệm. Thay vào đó, "Collins và Ely sẽ báo cáo về tình hình tổng thể vào cuối tháng Giêng."

Dulles gọi là "đầu tư tại Việt Nam là đúng đắn ngay cả đó chỉ để mua thời gian nhằm xây dựng sức mạnh ở những nơi khác trong khu vực" và kết luận:

Chúng ta sẽ phải duy trì chính sách linh hoạt và tiến hành một cách cẩn thận theo từng giai đoạn tại Việt Nam.... Trong hoàn cảnh hiện tại và trừ khi tình hình (ở Việt Nam) rõ ràng là vô vọng và sẽ nhanh chóng tan rã, chúng ta không có sự lựa chọn nhưng vẫn tiếp tục viện trợ Việt Nam và hỗ trợ của chính quyền Diệm. Hiện không có nhà lãnh đạo phù hợp nào khác mà chúng tôi được biết. **93/**

Pháp đã tin rằng Dulles đã thực sự cam kết là Hoa Kỳ sẽ xem xét một sự thay đổi mà trong đó Bảo Đại sẽ được kết nối lúc giữa tháng Giêng. Washington chối bỏ là có chuyện đó và những phản đối của Paris cũng không thể làm Bộ Ngoại Giao [*Hoa Kỳ*] nhúc nhích. Tuy nhiên, Hoa Kỳ và Pháp đã đồng ý rằng các cuộc đàm phán ba bên đã giao cho Collins và Ely nhiệm vụ nghiên cứu các lựa chọn thay thế. **94/**

b. Hoa Kỳ tìm kiếm giải pháp thay thế

Sau khi thông báo cho Paris là Hoa Kỳ không cam kết hoặc một thời hạn hoặc một thay thế có liên quan đến Bảo Đại, Hoa Kỳ sẽ tiến hành nghiên cứu các lựa chọn thay thế. Bộ trưởng Quốc phòng Wilson hỏi Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân đánh giá về

những tác động trên những cam kết quân sự cho khu vực Đông Nam Á trên cơ sở là nếu miền Nam Việt Nam bị mất, tiếp tục viện trợ, nhưng giảm đi mức độ, cho quốc gia đó và một khung những hành động trong khoản thời gian đó. **95/** Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân phản ứng bằng cách gọi lựa chọn thay thế của Wilson là không đầy đủ, mà phải xem xét tăng viện trợ lên, và tổ chức của một chương trình đơn phương để trực tiếp hướng dẫn cho Chính phủ Việt Nam thông qua một "hệ thống cố vấn" là một trong những cân nhắc của Hoa Kỳ. Nếu các chương trình này không đủ để đảm bảo việc lưu giữ miền Nam Việt Nam với thể giới Tự Do, Hoa Kỳ có thể triển khai lực lượng để duy trì miền Nam Việt Nam hoặc đơn phương hoặc như một phần của một lực lượng Hiệp Ước Manila "hoặc Hoa Kỳ có thể thu hồi tất cả các hỗ trợ cho Việt Nam và tập trung vào việc cứu vãn phần còn lại của khu vực Đông Nam Á."

Không có phương án hành động cụ thể nào đã được đề nghị nhưng Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân dự đoán sự mất mát của Cam-pu-chia và Lào sẽ tiếp nối việc cộng sản chiếm trọn miền Nam Việt Nam, họ cảm thấy một chương trình viện trợ được mở rộng sẽ là việc cần thiết để giữ một chính phủ thân thiện ở Thái Lan. Trong bất kỳ trường hợp nào, những cơ hội mà các lực lượng vũ trang của Hoa Kỳ sẽ được yêu cầu để hỗ trợ chính sách của Hoa Kỳ ở Đông Nam Á sẽ phải tăng lên rất nhiều nếu Việt Nam sụp đổ. Các Tham Mưu Trưởng kết luận bằng cách nói rằng "một quyết định vững chắc ở cấp quốc gia để thực hiện các chính sách của Hoa Kỳ ở Đông Nam Á là bắt buộc, đề nghị... chống lại một sự bảo vệ "thụ động" cho khu vực này và... khuyến nghị thông qua một khái niệm hành động mang tính tấn công chống lại sức mạnh quân sự của kẻ thù xâm lược." **96/**

5. Tháng 1 năm 1955: US tái khẳng định ủng hộ Diệm

Những khuyến nghị của Tướng Collins với Hội đồng An Ninh Quốc gia vào ngày 20 tháng năm 1955 nhấn mạnh vị trí quan trọng của miền Nam Việt Nam nằm trong bối cảnh chính sách của Hoa Kỳ đối với khu vực Đông Nam Á. Cũng như Dulles và Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân trước khi đến phiên mình, Collins cho biết:

Với quan điểm về tầm quan trọng của Việt Nam đối với tất cả các nước Đông Nam Á, tôi tin chắc rằng Hoa Kỳ nên *[chấp nhận]* chi ra rộng rãi về tiền bạc, vật tư và những nỗ lực cần thiết để củng cố đất nước và giúp họ giữ lại Độc Lập. Tôi không thể đảm bảo rằng Việt Nam sẽ vẫn còn *[là nước]* tự do ngay cả với sự trợ giúp của chúng ta. Nhưng tôi biết rằng không có viện trợ cho chúng ta, Việt Nam chắc chắn sẽ bị mất vào tay Cộng Sản. Nếu những cơ hội thành công là rất khó để tính toán, hậu quả của việc chấm dứt viện trợ của Hoa Kỳ chắc chắn sẽ xảy ra không chỉ ở Việt Nam mà trên khắp khu vực Đông Nam Á. Rút *[hỗ trợ]* như vậy sẽ đẩy nhanh tốc độ phát triển của Cộng sản ở toàn vùng Viễn Đông và có thể dẫn đến việc mất cả khu vực Đông Nam Á vào tay Cộng Sản. Theo tôi, các cơ hội thành công là không những là đáng cho tranh chấp, chúng ta không chấp nhận bỏ cuộc để mặc cho Việt Nam Tự Do thua trận. **97/**

Collins lạc quan về Diệm nhiều hơn như ông đã có một tháng trước đó. Diệm đã cho thấy một số tiến bộ: Tướng Minh được cử làm Bộ trưởng Quốc phòng và dường như Minh lo toan công việc đầy đủ; Diệm đã tung ra một chiến dịch chống tham nhũng (và đóng cửa song bài Đại Thế Giới *[của Bảy Viễn]*, Diệm đã tuyên chiến với Bình Xuyên) và đã có một số tiến bộ trong cải cách ruộng đất. Collins đề nghị tiếp tục hỗ trợ cho Diệm:

Với cân nhắc, tôi tin rằng Diệm là người chính trực, tinh thần quốc gia mạnh mẽ, kiên trì và những phẩm tính tâm linh làm cho Diệm là Thủ Tướng tốt nhất có thể có để lãnh đạo Việt Nam... chống lại chủ nghĩa cộng sản... Duyệt xem tất cả các yếu tố, mặc dù tình hình ở Việt Nam không phải là sáng sủa, *[nhưng]* tôi tin rằng nếu Diệm được hỗ trợ và hướng dẫn chắc chắn của Hoa Kỳ và có được sự hợp tác tích cực, hay ít nhất là thuận tình, của Pháp thì chính phủ của Diệm sẽ có một triển vọng thành công hợp lý. **98/**

Kết quả của các khuyến nghị của Collins là NSC thông qua một chính sách mạnh mẽ tại Việt Nam: Hoa Kỳ sẽ tiếp tục hỗ trợ chính phủ Diệm và tiếp tục thúc hối Pháp thực hiện cam kết của họ theo như thoả thuận Smith – La Chambre. NSC đã phê duyệt về nguyên

tắc các chương trình viện trợ quân sự và kinh tế nhằm thực hiện các khuyến nghị của Collins (khoảng \$500 triệu USD) và quyết tâm tìm kiếm khẳng định lại quyền hạn của Manila, quyết tâm phản ứng theo Hiệp ước SEATO nếu chiến tranh được nổi lại. 99/. Dulles đã quyết định "lao vào" và bắt đầu viện trợ trực tiếp cho Việt Nam vào ngày 01 tháng 01 năm 1955. Chương trình viện trợ là phải linh hoạt và trơn tru, điều chỉnh theo hoàn cảnh và có thể ngừng bất cứ lúc nào, như hiện nay" 100/

E. khủng hoảng mùa Xuân, 1955

Với sự hậu thuẫn mạnh mẽ Hoa Kỳ, Diệm đã tiến hành giải quyết cuộc khủng hoảng giáo phái vào mùa xuân năm 1955. Không giống như cuộc khủng hoảng với đảo chính quân sự vào mùa thu năm 1954 và cuộc khủng hoảng nội các với Quát vào tháng Mười Hai, cuộc khủng hoảng giáo phái đã được giải quyết bởi những hành động mạnh mẽ một mình của Diệm. Tiếp theo là sự kết thúc của bất kỳ sự hiện diện thật sự nào của Pháp tại Việt Nam.

1. Vấn đề quân đội các giáo phái

Các giáo phái đã im lìm nhưng không yên tĩnh kể từ khi Bộ trưởng Cao Đài và Hòa Hảo đã tham gia nội các vào tháng 9 năm 1954. Sự kết thúc của trợ cấp Pháp cho các quân đội giáo phái vào tháng Hai đã hất họ ra khỏi chứng tự mãn. Diệm đồng ý chia một phần những gì mà quân đội [*quốc gia*] đã nhận được từ Pháp để làm dễ dàng việc chuyển tiếp cho khoảng 40,000 binh sĩ trở về đời sống sống dân sự. Tuy nhiên, quá trình chuyển đổi đó là: ông sẽ không chấp nhận các nhóm vũ trang riêng biệt trong hệ thống quân đội quốc gia Việt Nam và đứng riêng ngoài tổ chức chính trị của Sài Gòn. Tuy nhiên lãnh đạo các giáo phái có những mục tiêu khác nhau. Họ muốn bảo toàn lực lượng quân sự của họ bằng cách tích hợp, nguyên vẹn, càng nhiều đơn vị có thể được vào trong quân đội quốc gia. (Với một lực lượng quân đội Việt Nam độ 100.000, chỉ một số ít người có thể được thu vào, trong tháng Giêng chỉ có 6.000 quân giáo phái đã được nhận) Thứ hai, các giáo phái muốn chính phủ hỗ trợ đáng kể cho binh sĩ của họ bị buộc phải rời khỏi quân đội. Quan trọng nhất, họ muốn các khu vực ảnh hưởng của họ được

công nhận và muốn Diệm đảm bảo là sẽ không xâm phạm lãnh thổ của họ. Diệm không đồng tình bất cứ phần nào của yêu cầu thứ ba này. **101/**

Từ tháng mười hai, một nhóm Pháp-Hoa Kỳ đứng đầu là Đại tá Lansdale và được chỉ đạo "hãy kiếm một giải pháp hòa bình" cho vấn đề này đã làm việc như điên, tìm thấy một giải pháp và kêu gọi mau chóng thông qua. Tướng Collins và Ely đã quyết định tiến hành nghiên cứu thêm về vấn đề. Lansdale của phản ứng:

Chúng tôi đã cảnh báo với họ rằng thời gian còn lại là rất ít, các giáo phái gần như đang khởi sự hành động quân sự và một giải pháp hòa bình phải được đưa ra ngay lập tức hoặc sẽ không còn cơ hội. Cơ hội đã bị mất. **102/**

2. Mặt Trận [Liên Minh] thách thức Diệm

[Cơ hội] bị mất bởi vì lãnh đạo các giáo phái Hòa Hảo và Cao Đài cùng bắt tay Bảy Viễn vào tháng Hai, đồng ý bỏ qua những hận thù giữa họ và cùng tham gia chung trong Mặt Trận Đoàn Kết Các Lực Lượng Quốc Gia. Vào tháng ba, Mặt Trận yêu cầu Diệm thành lập chính phủ đoàn kết quốc gia rộng rãi. Tám thành viên giáo phái trong nội các cùng từ chức (mặc dù hai Tướng Cao Đài là Thế và Phương đã sớm thay đổi ý của họ). Một đại biểu Mặt trận Thống Nhất đã cố gắng thuyết phục Bảo Đại rút quyền Thủ Tướng của Diệm, nhưng kịp thời xuất hiện một bức thư riêng của Tổng thống Eisenhower *[gửi Bảo Đại]* phác thảo ra những mục tiêu và những tiến bộ ở Việt Nam đã chứng minh là thuyết phục hơn. Bức thư hoặc đã làm yên tâm Bảo Đại rằng Hoa Kỳ sẽ không loại Diệm ra khỏi bối cảnh chính trị, hoặc đã làm cho nhà vua phải suy nghĩ hai lần về việc tham gia với các giáo phái và do đó sẽ làm phát sinh cơn thịnh nộ của Hoa Kỳ. Dù lý do nào, Bảo Đại đã từ chối can thiệp thay mặt cho Mặt trận. **103/** Diệm gọi Chương trình của Mặt Trận là một tội hủ và quyết không nhượng bộ.

Pháp muốn Bảo Đại làm trung gian giữa Diệm và Mặt trận Đoàn Kết. Hoa Kỳ muốn đưa ra một tuyên bố chung nói với các giáo phái là cả Hoa Kỳ và Pháp đều phản đối bạo lực và cảnh báo họ rằng quân viễn chinh Pháp sẽ chặn lại bất kỳ chuyển động nào của quân Hòa Hảo để vào Sài Gòn củng cố cho Bình Xuyên. Ely và Paris từ chối khoản cảnh

báo: quân đội Pháp sẽ chỉ lo bảo vệ cuộc sống và tài sản của các công dân Pháp và người nước ngoài. **104/**

3. Những thách thức của Bình Xuyên với Diệm

Trong thời gian này, Lansdale đã hội kiến gần như hàng đêm với Diệm. Ông báo cáo Diệm

đã cố gắng một cách tuyệt vọng để được Pháp và Hoa Kỳ giúp đỡ nhằm loại bỏ việc Bình Xuyên đang kiểm soát An Ninh. Phản ứng Pháp và Hoa Kỳ cho vấn đề này là họ tư vấn *[Diệm]* tiến hành từ từ, hành động một cách thận trọng. Các sự kiện đã không cho phép điều này. **105/**

Trước rạng sáng ngày 28 Tháng 3, một đại đội quân nhảy dù trung thành với Diệm đã tấn công và chiếm trụ sở cảnh sát trung tâm *[Tổng Nha Cảnh Sát Saigon]* do Bình Xuyên kiểm soát. Ngày hôm sau, Diệm nói với Bộ trưởng Quốc Phòng *[Dương Văn]* Minh là ông đã lên kế hoạch để lật đổ Cảnh sát trưởng Lại Văn Sang là người của Bình Xuyên ngay chiều hôm đó - 29 tháng 3 - và thay thế bằng một người trung thành với chế độ của ông. Minh khẳng định ít nhất là Diệm phải tham khảo ý kiến nội các trước khi hành động. Diệm từ chối và Minh từ chức. Tuy nhiên các đại diện của Tướng Ely đã thuyết phục được Diệm hoãn lại việc bất cứ hành động nào chống lại lực lượng Cảnh Sát. **106/**

Đêm ngày 29 qua ngày 30 Tháng Ba, Bình Xuyên tấn công trở lại. Đạn súng cối rơi vào sân dinh *[Độc Lập trước đó được gọi là dinh Norodom]* và quân Bình Xuyên đã cố gắng lấy lại quận. Họ bị đẩy lui bởi Quân đội quốc gia. Quân đội Việt Nam sau đó di chuyển để tấn công các nơi của An Ninh để trả đũa nhưng dường như đã bị các sĩ quan Pháp tạm thời cắt xăng dầu và đạn dược để giữ quân đội quốc gia về thể phòng ngự. Trận đấu kết thúc lúc 3:30 giờ sáng ngày 30 Tháng Ba. **107/**

Tướng Ely phản đối việc quân đội Việt Nam tấn công chống lại trụ sở Tổng Nha Cảnh Sát, không phải vì nó có thể thất bại, nhưng vì không thích đáng. Việc đáng xem là Diệm không có khả năng đánh bại các giáo phái nhanh chóng và dứt khoát trong cả

nước. Nếu lực lượng quân sự được sử dụng để chứng minh một điểm nhỏ, một cuộc nội chiến đẫm máu và quy mô chắc chắn sẽ xảy ra. Ely tức giận với thái độ của Diệm. Ely cảm thấy Thủ Tướng đang chuyển mình về phía hoang tưởng tự đại và sẵn sàng để "đưa các thành phố vào binh đao và lửa đạn để xác lập quyền lực của mình." **108/** Collins thông cảm với Ely, nhưng cũng cảm thấy nếu Diệm không chứng minh được là ông có thể kiểm soát Sài Gòn ông sẽ bị buộc phải thỏa mãn yêu cầu của các giáo phái. **109/**

a. Dulles do dự

Dulles trả lời như ông đã cho biết vào tháng Mười Hai: ông không thể thấy việc thay Diệm sẽ giải quyết được vấn đề giáo phái với bất kỳ người kế nhiệm nào mà người này xứng đáng với sự hỗ trợ của Hoa Kỳ dành cho họ. Một sự thay đổi Thủ tướng sẽ làm tổn hại uy tín của Hoa Kỳ trên khắp vùng Viễn Đông: Hoa Kỳ sẽ bị buộc tội là đầu môi chót lưỡi với chính nghĩa của chủ nghĩa dân tộc ở Châu Á, khi từ bỏ một lãnh tụ quốc gia vì bị áp lực bởi bởi "lợi ích của thực dân". Thêm nữa, tình cảm những người ủng hộ Diệm trong Quốc hội [*Hoa Kỳ*] là một vấn đề. Dự luật An Ninh Hồ Tương đang được tranh luận và Mansfield đã cho biết rõ ràng rằng Quốc hội sẽ ngưng khi biểu quyết các quỹ thích hợp cho Việt Nam mà không có Diệm. Mặc dù có những khó khăn, Dulles cuối cùng đã đồng ý xem xét một sự thay đổi nếu cá nhân Collins sẽ về Washington để tham khảo ý kiến. **116/**

b. Paris: thời của Diệm là chấm dứt

Đồng thời Paris đã nhanh chóng mất kiên nhẫn. Đã đến lúc phải hình thành một chính phủ đáp ứng các lực lượng chi phối chính trị ở Việt Nam, phải từ bỏ chính sách không thực tế của Hoa Kỳ về việc duy trì và củng cố Diệm, Pháp cho biết. Hình thành một Hội Đồng Tư Vấn Tối Cao đã được đề xuất, đại diện của Diệm và những người ủng hộ ông, các giáo phái, trí thức, chính trị gia và quân đội. Hội Đồng sẽ quyết định chính sách và một nội các gồm các nhà kỹ trị phi chính trị do Diệm đứng đầu và thành lập nó. **117/** Tuy nhiên, Hoa Kỳ đã bác bỏ kế hoạch này nói rằng Diệm nên được cho phép tấn công

Bình Xuyên bằng vũ lực ; và Pháp và Hoa Kỳ nên ủng hộ Diệm - về mặt đạo đức và cả hậu cần. **118/**

Sau đó, Washington gửi Quai d'Orsay [*Trụ sở Bộ Ngoại Giao Pháp*] một số câu hỏi để trả lời được thiết kế để gợi ra những kế hoạch cụ thể của Pháp cho sự thay đổi trong chính phủ Việt Nam. Paris đáp lại rằng: những câu hỏi cần được trả lời chung [*bởi Pháp và Hoa Kỳ*] hoặc nỗ lực chung Pháp-Hoa Kỳ tại Việt Nam sẽ kết thúc và Pháp sẽ phải nói công khai rằng Hoa Kỳ đã đảm nhận trách nhiệm duy nhất cho sự phát triển tại Việt Nam. **119/** Tuy nhiên, vào giữa tháng Tư, Pháp điền vào một phần câu hỏi – để trống phần [*tên*] người sẽ thay Diệm (chỉ có cả hai cùng tham khảo mới có thể quyết định điều này). Paris đề xuất Collins và Ely lập một bảng danh sách các ứng cử viên cho những vị trí quan trọng. Chính phủ Hoa Kỳ và Pháp sẽ đồng ý về danh sách cuối cùng, yêu cầu Bảo Đại triệu tập đại diện của các phe phái khác nhau tại Cannes và trên cơ sở của khuyến nghị Pháp-Hoa Kỳ, thương lượng một giải pháp giải quyết bế tắc giữa phe Bình Xuyên và Diệm. Hỗ trợ của các giáo phái sẽ được đảm bảo bởi [*sự có mặt*] các thành viên của họ trong một Hội Đồng Tối Cao và một chương trình bồi thường, danh dự và hội nhập của quân giáo phái vào quân đội quốc gia. **120/**

c. Kế hoạch của Bảo Đại

Ngày 21 tháng 4, Bảo Đại công bố kế hoạch của mình để giải quyết cuộc khủng hoảng, tương tự đáng kể như kế hoạch của Paris. Bảo Đại muốn triệu hồi các đại biểu đến Cannes, bổ nhiệm Bác sĩ Quát làm thủ tướng, yêu cầu Quát lập một nội các gồm các nhà kỹ trị và một Hội Đồng Tối Cao các nhân sĩ. Ngày 26 tháng 4, Bảo Đại cho biết ông sẽ thực hiện đề án đơn phương, trừ khi Hoa Kỳ có một số phản ứng ngày hôm sau. **121/** Trong khi đó, Collins đã rời Sài Gòn để về tham vấn với Dulles. Lansdale báo cáo về một cuộc họp được tổ chức ngay trước khi ông ra đi:

Ông (Collins) bảo Lansdale không phải lo lắng bởi về những tin đồn báo chí rằng Hoa Kỳ sẽ ngừng hỗ trợ Diệm. Lansdale hỏi sau đó nếu yêu cầu của mình là vẫn tiếp tục hỗ trợ Diệm, Collins trả lời có. Những thành viên của đoàn công tác trong nước [VN] trong chỗ riêng đều cảm thấy rằng Diệm cần được chúng ta hỗ

trợ, rằng quân đội quốc gia đã sẵn sàng hỗ trợ Diệm và có khả năng đánh bại Xuyên Bình. **122/**

f. Dulles quyết định: Hoa Kỳ sẽ xem xét một sự thay đổi của chế độ

Collins và Bộ trưởng Dulles đã họp vào ngày 27 tháng 4. Dulles đã đồng ý xem xét việc chuyển hỗ trợ qua Quát hoặc Đỗ và một công điện về việc này đã được gửi đến Sài Gòn. **123/** Nhưng Dulles xác định là sẽ không thảo luận điều này với Pháp cho đến khi ông nhận được một báo cáo đầy đủ và thẳng thắn về ý định của Pháp. Đó là một tuyên bố để đưa ra một sự bảo đảm rõ ràng là [*Hoa Kỳ*] sẽ ủng hộ hết lòng cho bất kỳ thoả thuận chính trị mới nào ở Sài Gòn và giải quyết "sự mơ hồ nào đó" trong chính sách của Pháp đối với Bắc Việt Nam. Cho đến khi tuyên bố này được công khai, Hoa Kỳ sẽ không để lộ sự thay đổi con tim [*của mình*] đối với Diệm. 124/

5. Diệm tiến hành chống Bình Xuyên

Tiếp đến, thoả thuận ngưng bắn đã bị tan vỡ. Ngày 28 tháng 4, Diệm nói với Lansdale:

Quân đội và nhân dân đổ lỗi cho người Pháp (đối với cuộc khủng hoảng giữa chính phủ và Bình Xuyên) bởi vì họ đã nhìn thấy các xe bọc thép và quân lính của Pháp trên đường phố rõ ràng là đã sẵn sàng cho hành động chống lại người Việt Nam. Các ông (Lansdale và một trợ lý) đã nói: "chúng tôi thấy rằng người Việt vẫn cần một nhà lãnh đạo, rằng Diệm là người lãnh đạo, rằng Hoa Kỳ vẫn ủng hộ ông ấy".

Chiều hôm đó, thư ký riêng của Diệm gọi là Lansdale. Ông cho biết,

...dinh đang bị tấn công nặng nề dưới hỏa lực súng cối, rằng Thủ Tướng đã nói chuyện với Tướng Ely trên một đường dây khác. Ely nói rằng ông không thể nghe thấy bất kỳ tiếng nổ nào và Thủ Tướng đã đưa ống nghe về phía các tiếng nổ để Ely có thể nghe thấy chúng. Hải (tên người thư ký) bắt đầu hỏi phải nên làm gì, thì ngưng hỏi để nói rằng Tổng thống đã ra lệnh cho quân đội quốc gia tấn công trở lại và đã thông báo Ely. Ông bèn gác máy. 125/

Chống lại lời khuyên của Pháp, Hoa Kỳ và hầu hết các cố vấn của nội các, Diệm đã ban hành một nghị định kết án Cảnh sát trưởng Lại Văn Sang đã có "những hành vi sai trái với chức vị công rất nghiêm trọng" và bổ nhiệm Đại tá Nguyễn Ngọc Lễ thay thế Sang. Sang từ chối từ chức, nói chỉ Bảo Đại mới có thẩm quyền để cách chức anh ta. Quân Bình Xuyên ở Chợ Lớn dường như đã nổ súng vào một đơn vị quân đội quốc gia và đạn pháo của Bình Xuyên một lần nữa được bắn vào dinh. Tuy nhiên, trong vòng chín giờ sau khi Diệm ra lệnh cuộc tấn công, Quân đội Quốc gia đã đẩy Xuyên Bình vào trở lại Chợ Lớn. Súng nổ dồn dập (do Bình Xuyên, theo Lansdale), hàng trăm người bị thiệt mạng hoặc bị thương. **126/**

6. Hành động của Washington: (một lần nữa) hỗ trợ Diệm

Washington sốt sắng đáp ứng sự thành công của Diệm, mặc dù là hơi hợt. [*Sứ quán Hoa Kỳ tại*] Sài Gòn đã được báo là bỏ qua công điện trước đó của Dulles về việc Hoa Kỳ sẵn sàng xem xét một sự thay đổi trong chính phủ. Cuối cùng thì chính sách đã không thay đổi: Hoa Kỳ [*tiếp tục*] ủng hộ Diệm. Đại sứ quán [*Hoa Kỳ tại*] Sài Gòn thiêu hủy công điện đầu tiên. **127/**

7. Diệm và những người chống Bảo Đại

Được phần chần về việc ra mặt chống lại Bảy Viễn, Diệm đã phớt lờ lệnh của Bảo Đại triệu tập gửi Diệm vào ngày 28 tháng 4 ... Hoàng đế ra lệnh cho Diệm và Tướng Tỵ qua gặp ông ở Cannes, bổ nhiệm Tướng Vỹ, người có cảm tình với Bình Xuyên, phụ trách quân đội và phái Tướng Hình về Sài Gòn với các hướng dẫn riêng của Bảo Đại. **128/** Diệm từ chối rời Sài Gòn, từ chối không cho Tướng Vỹ nhận lệnh chỉ huy, từ chối không cho phép Hình được vào Việt Nam. **129/**

On April 30, một biến chuyển mới xuất hiện. Hội Đồng Nhân Dân Cách Mạng Quốc Gia được công bố. Được hỗ trợ của hai Tướng Cao Đài Phương và Thế, Tướng Ngô của Hòa Hảo, các chính trị gia chờ thời khác; Hội Đồng Cách Mạng mới này tuyên bố họ đại diện cho hầu như tất cả các đảng phái chính trị ở miền Nam Việt Nam. Hội Đồng Cách Mạng

tuyên bố truất phế Bảo Đại, giải tán chính phủ hiện tại và yêu cầu Diệm thành lập một chính phủ mới và bầu ra một Quốc Hội Lập Hiến. 130/

Diệm tiếp nhận chương trình của Hội Đồng Cách Mạng, đặc biệt là kể từ khi Nhu em trai của ông đã có một bàn tay trong việc soạn thảo ra nó. Có thể ông không phải là người có đầu óc tiếp thu như một số các thành viên hoạt động khác của Hội Đồng Cách Mạng, tuy nhiên, hầu hết mọi người đều tham gia vào Hội Đồng Cách Mạng. Tướng Trịnh Minh Thế và Tướng Phương tâm sự với Lansdale:

Hội Đồng Cách Mạng là thoát thai từ tổ chức Mặt trận Nhân Dân Cách mạng mà Nhu em trai Diệm đã cố gắng tổ chức một vài ngày trước đó; họ đã nghe theo tư vấn (của SMM 's) [*SMM: Saigon Military Mission tức Phái Bộ Quân Sự Saigon của Hoa Kỳ*] và tham gia với Nhu trong Mặt Trận nhưng đã không hài lòng với một số các tổ chức yếu mà họ cảm thấy Nhu bị tùy thuộc vào, do đó, đã tổ chức một cái gì đó năng động hơn để đáp ứng các mối đe dọa của Võ và Bảo Đại và họ đã tự gọi mình là Hội Đồng Cách Mạng. Họ muốn Bảo Đại bị truất phế và muốn Pháp để chấm dứt can thiệp vào các vấn đề của Việt Nam. 131/

Hỗ trợ , mặc dù có vẻ bất ngờ, đã giúp ông Diệm về chính trị tại Việt Nam và tại Hoa Kỳ. Về quân sự, ông đã không bao giờ thực sự bị đe dọa bởi Bảo Đại và các Tướng Võ, Hinh (những người không bao giờ có thể thi hành được lệnh đặc biệt của Bảo Đại). Quân đội Quốc Gia mạnh hơn so với những gì mà Pháp và Hoa Kỳ đã nghĩ và họ từ chối tuân lệnh Tướng [*Nguyễn Văn*] Võ. Những tình tiết sau đây, Tướng Tỵ và Đại Tá Trần Văn Đôn đã kể cho Lansdale nghe là sau khi họ bị bắt tạm thời bởi Tướng Vĩ, đã minh họa điều này. Tướng Võ khoe khoang về việc ông có thể có được bất cứ điều gì mà ông muốn từ người Pháp. Tỵ và Đôn yêu cầu ông ta để chứng minh điều đó. (Họ)... yêu cầu ông ta [*Vĩ*] gọi người Pháp và yêu cầu giao các xe bọc thép mà người Pháp đã giữ lại tại Biên Hòa quá lâu mà không chịu cung cấp cho quân đội Việt Nam. Pháp đã nhanh chóng cho một số xe [*bọc thép*] chạy về nhà của Hinh (trụ sở chính của Võ), rõ ràng là xe đã bị [*Pháp*] sắp xếp giữ lại bên ngoài thành phố cho những trường hợp khẩn cấp này. Nơi đây, quân lính đã nhận và lái đưa xe vào cuộc chiến tấn công lại Bình Xuyên.

Đôn cho biết người Pháp vẫn chưa biết chuyện gì đã xảy ra, vẫn nghĩ rằng Võ sẽ sử dụng xe thiết giáp để mang đưa quân đội vào việc ngừng tấn công Bình Xuyên và trung thành với Bảo Đại. Đôn thêm rằng quân đội cùng cảm nghĩ như Ủy Ban Cách Mạng: Bảo Đại coi như hết thời" **132/** Tướng Võ rút lui về Đà Lạt (với lính Ngự Lâm Quân của Bảo Đại), và sau đó đã rời khỏi đất nước.

Trong những ngày này, Tướng Ely đã tỏ ra bị thuyết phục nhiều hơn là Diệm không những chỉ vô trách nhiệm, mà còn là khá điên. Ely sợ việc đánh nhau sẽ lây lan qua khu vực của người Âu Châu, nhưng cũng không thể giành được sự ủng hộ của Hoa Kỳ hay Anh cho một nỗ lực để áp đặt lệnh ngừng bắn. Kidder, Đại biện Sứ Quán Hoa Kỳ cảm thấy bản thân Ely đang đến gần sự cuồng loạn và sự tham gia đầy cảm xúc của ông sẽ gây tổn hại hơn là giúp ích cho Pháp hoặc Hoa Kỳ. **133/** Linh cảm của Ely về bạo lực [xảy ra] giữa các lực lượng Việt Nam và Pháp đã chứng minh là vô căn cứ. Nhưng bạo lực đã đồng hành với Diệm với trận tấn công cuối cùng chống lại Bình Xuyên đã mở ra ngày 2 tháng Năm khi quân đội Việt Nam vượt qua kinh Tàu Hủ và tấn công lực lượng Bảy Viễn ở Chợ Lớn. Qua ngày kế tiếp, hầu hết các lực lượng Xuyên Bình đã bị đuổi vào khu đầm lầy Rừng Sát.

Khi Collins trở lại Sài Gòn, ông đã thúc giục Diệm phải kiểm soát Hội Đồng Cách Mạng (Collins, đa số người Pháp và tình báo Pháp nghĩ rằng Việt Minh đã thâm nhập vào tổ chức này từ trước, họ sợ Diệm sẽ trở thành tù nhân của họ nếu ông ủng hộ họ quá mạnh mẽ). Collins muốn Diệm thành lập lại chính phủ và tiến hành các cải cách, để vấn đề Bảo Đại lại cho một quốc hội mới được bầu. **135/** Diệm theo lời khuyên này. Ông đã mời khoảng 700 đại diện tư vấn được bầu từ 39 tỉnh để xem xét tính hợp pháp của Bảo Đại. Một Hội Đồng gồm 50 đại biểu tư vấn đã soạn thảo một chương trình yêu cầu Bảo Đại trao lại tất cả các quyền lực dân sự và quân sự cho Diệm để Diệm thi hành chúng cho đến khi một Quốc Hội được thành lập trong vòng sáu tháng để xây dựng một Hiến Pháp. **136/**

8. Cuộc họp ba bên vào tháng Năm

a. Dulles ủng hộ Diệm

Vào thời gian này, Pháp, Hoa Kỳ và Anh đã gặp lại một lần nữa ở Paris. Phiên họp ba bên đã được tổ chức để thảo luận về các vấn đề Quốc phòng của Châu Âu nhưng Việt Nam là chủ đề thực sự. Lập trường của cả Bộ Trưởng Ngoại Giao Dulles và Thủ tướng Pháp Edgar Faure (người đã kế nhiệm Mendes-France vào tháng Hai năm 1955) về Diệm đã trở nên cứng rắn. Dulles nhấn mạnh rằng ông giữ vững lập trường:

Diệm là con đường duy nhất mà Hoa Kỳ nhìn thấy để bảo toàn Nam Việt Nam và chống lại (các) phong trào cách mạng đang tiến hành ở Việt Nam. Hoa Kỳ thấy không ai khác có thể làm chuyện đó. Bất kể cái nhìn thế nào của Hoa Kỳ trong quá khứ, Hoa Kỳ hiện nay phải hết lòng hỗ trợ Diệm. Hoa Kỳ không được cho phép Diệm trở thành một Karsky. *[nói về chiến dịch Karsky năm 1918 ở Nga, xem*

http://vi.wikipedia.org/wiki/Cu%E1%BB%99c_t%E1%BB%95nq_t%E1%BA%A5n_c%C3%B4ng_c%E1%BB%A7a_Karsky]

... Bảo Đại... đã không còn năng lực để làm bất cứ điều gì, nhưng trên danh nghĩa lại đứng đầu chính phủ.... Cao Đài và Hòa Hảo có thể được sử dụng nhưng không thể với Bình Xuyên.... Với sự hỗ trợ (của Pháp và Hoa Kỳ) Diệm có thể đứng đầu cho cuộc cách mạng. Diệm là lực lượng cân bằng duy nhất. Quân Viễn chinh Pháp có một ảnh hưởng ổn định nhất định. Hoa Kỳ đã được đưa ra chi phí để hỗ trợ quân đội Việt Nam và không thể nhìn thấy bất cứ ai khác để cung cấp chi phí cho họ cho mục đích đó ngoại trừ ông Diệm.

...Quan điểm của Hoa Kỳ xem cuộc cách mạng hiện nay là chưa bị thống trị hoặc chịu ảnh hưởng của Cộng sản với bất kỳ mức độ đáng kể nào... Hỗ trợ cho chính quyền Diệm không có nghĩa là Hoa Kỳ không công nhận những điểm yếu của Diệm. Hoa Kỳ... đã và vẫn sẵn sàng hỗ trợ bất cứ người nào khác, những người có thể được đưa ra theo trình tự của pháp luật. (Dulles) nhận xét rằng ngay trước khi bùng nổ chuyện đánh nhau *[giữa quân đội và Bình Xuyên]*, Hoa Kỳ đã chuẩn bị để xem xét một lựa chọn thay thế nhưng bây giờ ông không chắc chắn việc này có còn thực tế hay không... Nếu có một người nào tốt hơn Hoa Kỳ sẽ sẵn sàng để xem xét, nhưng...không một ai được đề xuất. Mặc dù Collins đã đạt được thỏa thuận với Ely

vào đầu tháng Tư để thay Diệm, ông tin rằng chúng ta phải ủng hộ ông ấy [*tức Diệm*]. **137/**

b. Lập trường của Pháp

Bộ trưởng Pháp La Forest đã khai mạc cuộc họp bằng cách đưa ra việc tham vấn (dự kiến vào tháng Bảy) giữa miền Bắc và miền Nam Việt Nam về cuộc bầu cử. Ông cho biết Pháp cảm thấy miền Nam Việt Nam có thể giành chiến thắng trong cuộc thi nếu nó đã được kiểm soát bởi một "chính phủ dân tộc, ổn định và đại diện rộng rãi" và Pháp muốn miền Nam Việt Nam giành chiến thắng.

Không có sự mập mờ nào trong chính sách của Pháp giữa Bắc và Nam Việt Nam. Sự hiện diện của Pháp ở Bắc không thể bị xoá bỏ đi bởi một nét ký của cây bút. Pháp có nhiệm vụ bảo vệ sự hiện diện văn hóa và kinh tế của mình ở đó. Nhiệm vụ của Sainteny là được thiết kế cho mục đích duy nhất đó. Pháp đã từ bỏ ý tưởng của các công ty hỗn hợp là do hậu quả (Hoa Kỳ) phản đối và bây giờ đã đầu hàng với các mỏ than...

La Forest trình bày phân tích các sự kiện của Pháp trong vòng bốn tháng qua. Trong khi Hoa Kỳ không có thể tranh luận gì về những sự việc [mà La Forest] đưa ra, Hoa Kỳ cũng không thể chấp nhận diễn giải của LaForest trên những sự việc đó. Sự khác biệt giữa hai quốc gia trên cơ bản là hơn bất cứ lúc nào trong quá khứ.

... Pháp đã trung thành ủng hộ chính quyền Diệm ngay từ đầu. Bất kỳ cáo buộc ngược lại là không đúng sự thật...Pháp đã đạt được thỏa thuận với Hoa Kỳ vào cuối tháng Mười Hai nhằm thuyết phục ", ép buộc" Diệm mở rộng chính phủ. Nó đã được đồng ý để cho ông ta cho đến tháng Giêng; lúc đó, nếu ông ta đã thất bại, chúng ta sẽ xem xét vấn đề thay thế kín đáo. Điều này đã không được thực hiện. Tháng Ba vừa qua chính phủ hiện nay đã đi vào xung đột với những giáo phái. Mặt Trận các giáo phái đã được thành lập để chống lại Diệm. Thỏa thuận tháng Mười Hai và lương tri, cả hai đều nói với chúng tôi tại thời điểm đó, một cái gì đó (đã có) phải được thực hiện để tránh nội chiến... Vì lý do này, phương án chung của Ely-Collins đã được cố gắng [*thực hiện*]. Người ta hy vọng họ sẽ đi

đến kế hoạch chung cho giải pháp. Washington xuất hiện đầu tiên để chào đón khái niệm này sau đó đã đổi ý. Collins rời Sài Gòn khi cuộc nội chiến đang trong lúc sắp nổ ra. Một thỏa thuận ngưng bắn bấp bênh đã được tuyên bố. Khi thỏa thuận sắp hết hạn Bảo Đại gửi kế hoạch cũ của mình...để cố gắng hòa giải *[thuyết phục]* Hoa Kỳ và Pháp hành động nhưng không thành công. Hoa Kỳ không trả lời Bảo Đại. Trong khi Collins vắng mặt ở Sài Gòn, Bảo Đại đã hành động.

La Forest tiếp tục...rằng Hội Đồng Cách Mạng mới dường như nắm được quyền kiểm soát. Hội Đồng này đang dưới ảnh hưởng mạnh mẽ của Việt Minh... là chiến dịch bạo lực chống lại quyền kiểm soát của quân viễn chinh Pháp và người Pháp. Cán bộ Việt Minh đã tận dụng tốt nó và một số người Mỹ dường như nhận thức không đủ về điều này. Chính phủ Pháp không muốn hoạt động của quân đội của mình sẽ trở thành nền tảng cho Việt Minh tuyên truyền. Quân đội *[Pháp]* sẽ không được duy trì với bất cứ giá nào... **138/**

c. Faure: Rút khỏi Liên minh Hoa Kỳ-Pháp

Sau đó, M. Faure phát biểu ý kiến, nói Pháp không đồng ý với Hoa Kỳ và rằng đây là lúc để nói chuyện thẳng thắn. Ông Diệm là "không chỉ là người không có khả năng mà còn là người điên," ông đã lợi dụng sự vắng mặt của Collins để thực hiện một "cú vũ lực để giành một chiến thắng nhỏ nhoi, nhưng không góp phần gì vào bất kỳ giải pháp lâu dài nào" và "Pháp không còn có thể chấp nhận gánh rủi ro cùng với ông ta. "Diệm sẽ mang lại một chiến thắng cho Việt Minh, tập trung sự thù nghịch của tất cả mọi người lên trên Pháp và sẽ buộc gây ra sự đổ vỡ giữa Pháp và Hoa Kỳ.

Faure kết thúc với tuyên bố quan trọng này.

Diệm là một sự lựa chọn xấu, một giải pháp bất khả thi, không có cơ hội để thành công và không có cơ hội để cải thiện tình hình. Nếu không có ông ta, một số giải pháp là có thể, nhưng với ông ta là không thể có. Tuy nhiên, tôi không thể đảm bảo là có bất kỳ giải pháp nào khác sẽ làm chạy việc hay một giải pháp nào khác có thể làm cho tình hình trở nên sáng sủa. Dường như đây là nền tảng

bất đồng giữa chúng ta. Tôi đã có thể tuyên bố rằng khi mà vị trí của Pháp là yếu tố chủ đạo tại Việt Nam, ngài [Dulles] nên thích ứng quan điểm của ngài với chúng tôi, nhưng tôi đã từ chối điều này. Những gì nên được thực hiện trong hoàn cảnh [*hiện nay*]? Ngài sẽ nói gì nếu chúng tôi sẽ rút hoàn toàn ra khỏi Đông Dương và đưa quân Viễn chinh về nước càng sớm càng tốt. Tôi hoàn toàn nhận ra điều này sẽ là một giải pháp nghiêm trọng, vì nó sẽ để thường dân Pháp ở lại và đưa lợi ích của Pháp vào một vị trí khó khăn...Nếu ngài nghĩ rằng điều này là một giải pháp có thể, tôi nghĩ rằng tôi có thể định hướng bản thân mình đối với nó nếu ngài đồng ý như vậy. Điều có lợi là tránh được tất cả sự chỉ trích vào "chủ nghĩa thực dân" của Pháp cùng lúc đáp ứng với yêu cầu của Diệm rằng Pháp nên ra đi. Kể từ khi đứng nhìn việc thanh lý tình hình và việc hồi hương của quân Viễn chinh, liệu Hoa Kỳ chịu đứng ra giúp bảo vệ thường dân Pháp và những người tị nạn? **139/**

Ngoại trưởng Dulles nhắc lại nhận thức của ông về những điểm yếu của Diệm, nhưng đã không đồng ý với ý kiến của Faure. Diệm "cho thấy là có khả năng rất nhiều, điều mà Hoa Kỳ thấy không phải biết làm thế nào để loại ông ta bây giờ... Diệm đã mạnh hơn so với khi bị Bảo Đại lần đầu tiên truất quyền ông ấy." Dulles cho biết khía cạnh tồi tệ nhất của vấn đề là sự khác biệt giữa Pháp và Hoa Kỳ: "Việt Nam không đáng để [*Hoa Kỳ*] cãi nhau với Pháp." Sau đó, ông đối ứng với đề nghị của Faure bằng cách nói rằng Hoa Kỳ sẽ rút khỏi Việt Nam nếu điều này có thể giải quyết vấn đề.

Lựa chọn còn lại cho chúng ta là hỗ trợ Diệm hoặc rút... Lợi ích của Hoa Kỳ tại Việt Nam chỉ đơn giản là giữ lại vùng đất khỏi lọt vào tay cộng sản. Hoa Kỳ sẽ xem xét thực hiện bất cứ đề nghị nào của Pháp, nhưng phải cảnh báo rằng hỗ trợ tài chính của Hoa Kỳ có thể không được dự kiến cho bất kỳ giải pháp nào mà (Dulles) nghĩ rằng là để thay Diệm. **140/**

Ngoại trưởng MacMillan, kêu gọi lợi ích của Anh là gián tiếp nhiều hơn nhưng dù sao cũng rất quan trọng bởi vì (1) lợi ích của chính khu vực đó và (2) sự quan ngại về mối đe dọa Cộng sản trong bất kỳ khu vực nào trên thế giới ", đã tuyên bố rõ ràng rằng

một quyết định về Việt Nam là quá nghiêm trọng để hoàn tất thực hiện tối hôm đó. Faure và Dulles đã đồng ý. **141/**

d. Dulles: Tiếp tục với Diệm - nhưng độc lập với Pháp

Vào ngày 1 tháng Năm, khi ba Bộ trưởng gặp lại; Dulles đã nhận được tư vấn từ Hội Đồng Tham Mưu Trưởng Liên Quân và Tướng Collins. Như thường lệ, Tham Mưu Trưởng Liên Quân không đưa ra ý kiến về việc liệu Diệm nên ở hay không nên tiếp tục (một vấn đề thuộc "việc giải quyết ở cấp chính phủ") nhưng sau đó tuyên bố chính phủ của Diệm đã cho thấy triển vọng "lớn nhất trong việc đạt được sự ổn định nội bộ cần thiết đối với an ninh của Việt Nam trong tương lai". Giải quyết các khía cạnh quân sự của vấn đề, các Tham Mưu Trưởng thấy rằng cả việc Pháp rút Quân đoàn viễn chinh lẫn việc Hoa Kỳ rút hỗ trợ quân sự là không chấp nhận được. Quân đội Quốc gia Việt Nam được coi là không có khả năng duy trì an ninh nội bộ, thậm chí ít có khả năng chống lại sự xâm lăng của bên ngoài mà không cần sự trợ giúp quân sự từ bên ngoài. Hoa Kỳ đã bị cấm bởi Hiệp Định Genève không thể tăng lực lượng của mình, hoặc để bảo vệ Việt Nam hoặc để bảo vệ thường dân Pháp, công dân nước ngoài hoặc người tị nạn khác. Như vậy, mặc dù việc rút quân Viễn chinh Pháp là "việc cuối cùng để mong muốn," việc cấp bách thu hồi tại thời điểm này lại là điều không nên: "hậu quả là sẽ đưa đến một tình huống không ổn định và bất bình" và cuối cùng là sự sụp đổ của miền Nam Việt Nam vào tay cộng sản.

Các Tham Mưu Trưởng cảm thấy Pháp một mình sẽ không thể ổn định được tình hình, quân đội Việt Nam sẽ sụp đổ mà không có "hỗ trợ tinh thần và trang thiết bị của Hoa Kỳ," và "lợi ích tốt nhất của Pháp cũng như của Hoa Kỳ" là hành động mạnh mẽ nhằm đảm bảo việc phục hồi an ninh nội bộ và ngăn chặn miền Nam Việt Nam khỏi thiệt hại cho thế giới Tự Do. **142/**

Tướng Collins cũng phản đối việc Pháp rút quân vì ba lý do: thứ nhất, FEC chịu trách nhiệm theo Hiệp ước Manila để bảo vệ Đông Dương và cả Hoa Kỳ hay Anh đã được chuẩn bị để đảm nhận trách nhiệm đó. Thứ hai, hỗ trợ của quân đội Pháp (hỗ trợ hậu cần và đào tạo) là điều cần thiết cho sự phát triển của các lực lượng Việt Nam. Thứ ba,

mặc dù sự hiện diện của quân đội Pháp là một nguồn của sự cay đắng cho người Việt Nam, Tướng Collins tin FEC là một yếu tố ảnh hưởng tạo ổn định về chính trị cho Việt Nam. **143/**

Những đề nghị của Dulles đưa ra cho Faure ngày 11 tháng Năm phản ánh những phán đoán này. Nhấn mạnh rằng Đông Dương, dù tầm quan trọng của nó, không được phép làm tổn hại quan hệ Pháp-Hoa Kỳ, sự ủng hộ của Hoa Kỳ dành cho Diệm không được cho phép để phân chia các Liên Minh, Dulles đề nghị rằng Pháp tiếp tục hỗ trợ Diệm cho đến khi Quốc Hội có thể được bầu để xác định cấu trúc chính trị cuối cùng của miền Nam Việt Nam, một cấu trúc mà có thể hoặc không có thể có Diệm. **144/**

Chống lại quan điểm riêng của chính mình, chống lại ý kiến của công chúng Pháp và với một số điều kiện nhất định, Faure đã chấp nhận đề nghị. Thủ tướng Chính phủ [*Pháp*] nhấn mạnh việc chính quyền Diệm được mở rộng, các cuộc bầu cử được tổ chức càng sớm càng tốt, vấn đề giáo phái được giải quyết, ngừng tuyên truyền chống Pháp, Bảo Đại được giữ lại như người đứng đầu nhà nước, các quan chức Pháp và Hoa Kỳ bị coi là gây bối rối cho hài hòa Pháp-Hoa Kỳ phải được rút khỏi Việt Nam (Lansdale, là một) và rằng Hoa Kỳ đảm bảo với ông là quan hệ kinh tế, văn hoá, tài chính Pháp ở miền Nam Việt Nam sẽ được nuôi dưỡng. Đồng ý với những điều khoản này, Dulles cho biết thêm là Diệm không phải là một con rối của Hoa Kỳ và ông không thể đảm bảo các điều kiện liên quan đến hành động từ phía Việt Nam sẽ được đáp ứng. Sau đó, [*Dulles*] nói rằng vấn đề ở Việt Nam tự nó không phải là một hợp đồng được thỏa thuận giữa Pháp và Hoa Kỳ, Dulles đề nghị mỗi bên cần nêu rõ chính sách của mình và tiến hành cho phù hợp. Trong thực tế, Dulles cho biết, những ngày của chính sách chung là chấm dứt, Hoa Kỳ sẽ hành động độc lập (hơn nữa) với Pháp trong tương lai. **146/**

Tại Việt Nam, Diệm đã làm rất tốt. Ông đã dứt điểm phe Bình Xuyên, Quân Đội hài lòng với thành công của họ chống lại Bảy Viễn, hỗ trợ Diệm và thay vì thừa cơ hội tiếp tục cuộc chiến chống lại các quân đội giáo phái còn lại. Diệm đã phát động một chiến dịch chống lại các quân đội giáo phái ngày 8 tháng Năm, để giành lại quyền kiểm soát các tỉnh bướng bỉnh và củng cố quyền kiểm soát của Sài Gòn trên toàn nước. Hoa Kỳ, một

lần nữa, đã cung cấp những hỗ trợ đủ mọi mặt cho Diệm và người Pháp, một lần nữa, miễn cưỡng ủng hộ ông. Bảo Đại là một mối đe dọa nhỏ, việc ông cố gắng lật đổ Diệm đã là một sai lầm và lòng dân của ông là rất thấp. Vào ngày 10 tháng 5, một nhóm "nhà kỷ trị" tương đối không tiếng tăm đã được bổ nhiệm trong nội các của ông Diệm, hoạt động cho đến khi có cuộc bầu cử quốc hội (tổ chức vào ngày 04 tháng Ba 1956). Tướng Collins rời Việt Nam vào ngày 14 tháng 5, Đại sứ G. Frederick Reinhardt thay thế ông trong cùng tháng. On June 2, nhiệm vụ của Tướng Ely chấm dứt. Tướng Jacquot nhận chức Toàn Quyền Quân Sự, một nhiệm vụ bao gồm chủ yếu là việc giám sát việc rút quân Pháp về nước, tốc độ ngày càng nhanh chóng.

F. Sự hiện diện không rõ ràng của Pháp tại Việt Nam

Mặc dù đã nhượng bộ chính trị cho Hoa Kỳ vào tháng Năm và các hoạt động kinh tế và quân sự thực hiện trước và sau thời điểm này đã làm giảm - gần như bị loại bỏ - sự hiện diện và ảnh hưởng của Pháp tại Việt Nam. Pháp vẫn còn bị ràng buộc phải thực hiện các quy định trong Hiệp định Genève. Dưới áp lực ngày càng tăng từ dư luận Pháp để làm cho Hà Nội không có lý do để tái phát động chiến tranh trong bao lâu mà Quân viễn chinh Pháp vẫn còn ở lại miền Nam Việt Nam, Chính phủ Pháp khẩn trương tìm cách thuyết phục ông Diệm chấp nhận tham vấn [với VNDCCH] về cuộc tổng tuyển cử dự kiến sẽ bắt đầu vào tháng 7 năm 1955. **146/** Anh muốn ngăn chặn bất kỳ thoả thuận công khai nào về Hiệp Định và tham gia cùng Pháp đồn đốc Diệm nói chuyện với Việt Minh. Nhưng Diệm đã không thay đổi quan điểm của ông về Hiệp Định: ông đã từ chối ký nó và tiếp tục khẳng định là ông không bị ràng buộc bởi nó. **147/**

Hoa Kỳ đứng giữa hai thái cực. Một dự thảo chính sách đối với cuộc Tổng tuyển cử trên toàn cõi Việt Nam - cuối cùng đã hoàn tất vào tháng năm 1955 – bị cho rằng nó đã được đưa ra để không ấn tượng là cuộc bầu cử đã bị chặn trong khi có thể tránh bị mất [loại bỏ] nó), trong khi đó Diệm nhấn mạnh cuộc bầu cử tự do phải bằng cách bỏ phiếu kín với sự giám sát nghiêm ngặt. Cộng Sản Bắc Hàn và Đức đã từ chối những điều kiện này, hy vọng Việt Minh sẽ được thuận lợi. **148/**

Diệm không thể ngồi xuống [*bàn thảo*] với Việt Minh. Việc xuất hiện để tham vấn tự nó sẽ được diễn giải là đã chấp nhận giải quyết Genève, tham khảo ý kiến với Việt Minh mà không có sự ủng hộ của phương Tây như Rhee [đại diện Bắc Hàn] và Adenauer [đại diện của Đông Đức] sẽ là vô ích. **149/** Ngày 16 Tháng 7, Diệm nói rằng miền Nam Việt Nam có thể "không xem xét bất kỳ đề nghị nào từ những người Cộng sản" mà không có bằng chứng rằng họ đã sửa đổi cách làm của họ và đã được chuẩn bị để tổ chức bầu cử thật sự tự do. **150/** Tuy nhiên, một lý do khác là Diệm tin rằng ông không thể đại diện cho một quốc gia có chủ quyền -- hoặc được miễn nhiệm với tuyên truyền của Việt Minh là ông chỉ là một con rối của thực dân - cho đến khi nào Bộ Tư lệnh Pháp và quân viễn chinh Pháp đã ra đi. **151/** Bộ Trưởng Nguyễn Hữu Châu đã được cử đi Paris để thương lượng việc thu hồi quân Viễn chinh Pháp ra khỏi Việt Nam (trừ hải quân và lực lượng không quân mà Diệm muốn theo nằm dưới quyền của quân đội Việt Nam) và sửa đổi các hiệp định kinh tế, văn hóa, tài chính. **152/** Diệm cũng muốn các vấn đề Việt Nam được chuyển giao từ Bộ Thuộc Địa qua cho cơ quan Ngoại giao Pháp, ông nhấn mạnh chức năng Cao Ủy [Đông Dương] phải được bãi bỏ và người kế nhiệm cho Ely (Henri Hoppenot) được bổ nhiệm làm Đại sứ.

F. Sự hiện diện không rõ ràng của Pháp tại Việt Nam

2. Tranh cãi giữa Pháp-Việt, mùa Thu 1955

Pháp lo lắng để có rút quân Viễn chinh Pháp ra khỏi Việt Nam (và đưa họ vào Bắc Phi), vấn đề trao quyền chỉ huy cho quân đội Việt Nam không phải là một vấn đề. [*Nhưng*] Đặt đơn vị Pháp dưới sự chỉ huy Việt Nam nhất định là một vấn đề, tuy nhiên, chính trị trong nước sẽ không cho phép bất kỳ sự thay đổi nào ngay lập tức tình trạng của Việt Nam trong Liên Hiệp Pháp. **153/** Đàm phán bị đình trệ cho đến tháng Bảy. Diệm chấp nhận Đại sứ Hoppenot (có nhiệm vụ, dù tên gọi có khác, là của một Cao Ủy) và mọi thứ được chuyển động một chút, rồi dừng lại khi Diệm bắt giữ hai sĩ quan Pháp bị nghi ngờ trong vụ đánh bom các nhà máy điện ở Sài Gòn và cho biết họ sẽ được xét xử bởi Tòa án Việt Nam. Trong tháng Mười, Pháp từ chối nói chuyện trừ khi các sĩ quan phải được thả ra. **154/** Bế tắc cuối cùng đã được phá vỡ bởi người Pháp vào tháng Mười Hai. Paris đồng ý Bộ Ngoại Giao [Quai d 'Orsay] sẽ xử lý công việc Việt Nam, đã từ chối

chuẩn nhận sự phân công của một đại diện ngoại giao từ VNDCCH sang Pháp và làm rõ là phái bộ Sainteny ở Hà Nội chỉ duy nhất cho vấn đề kinh tế và văn hóa. Pháp đã công nhận Việt Nam là một nước Cộng Hòa sau khi chiến thắng vang dội của Diệm - 98% số phiếu bầu trong một cuộc trưng cầu dân vào Tháng Mười - quá vang dội. Diệm cuối cùng đã cho thả các sĩ quan Pháp bị bắt giữ. **155/**

Nhưng những nhượng bộ đó không đưa ra một cải thiện nào trong quan hệ Việt Nam và Pháp. Vào tháng Mười Hai, Diệm đột nhiên chấm dứt các hiệp định về kinh tế và tài chính đã thỏa thuận tại hội nghị Paris năm 1954; những hoạt động nhanh chóng của Hoa Kỳ đã kéo thuộc địa cũ từ đồng quan Pháp qua khu vực đồng đô la và các quy định thương mại nghiêm ngặt áp dụng cho các doanh nghiệp Pháp tại miền Nam Việt Nam đã buộc các doanh nhân giận dữ rời bỏ quốc gia với số lượng ngày càng tăng. Diệm đặt ra những điều kiện mà ông sẽ xem xét lại các mối quan hệ mới mẻ với Pháp:

Pháp phải chối bỏ Hiệp định Genève, từ bỏ nói về cuộc tổng tuyển cử vào năm 1956, phê duyệt công khai và chấp nhận toàn diện chính sách của Diệm, phá vỡ tất cả các mối quan hệ với Việt Minh và tất nhiên phải rút về Pháp Phái bộ Sainteny.

Không lâu sau đó, Diệm rút đại diện Việt Nam ra khỏi Quốc Hội Liên hiệp Pháp. **156/**

Pháp không thể làm gì nhiều. Diệm đã nói chuyện nhân danh một chính phủ không còn phụ thuộc vào sự hỗ trợ của Pháp, không còn gần bị sụp đổ. Tháng 2 năm 1956, chỉ còn 15,000 quân Pháp còn ở Việt Nam và 10.000 trong số đó đã được rút đi vào cuối tháng Ba. Bộ Tư lệnh Tối Cao đã được bãi bỏ vào ngày 26 tháng Tư năm 1956. Tháng kế tiếp, Phái Bộ Thu Hồi Tạm Thời Các Thiết Bị của Hoa Kỳ (TERM: Temporary Equipment Recovery Mission) vào Việt Nam và 350 nhân viên quân sự khác đã được thêm vào các nỗ lực về tư vấn của Hoa Kỳ. Chỉ còn một ít huấn luyện viên người Pháp vẫn còn ở lại với TRIM.

3. Nghĩa vụ Pháp theo Hiệp định Genève thì sao?

Tuy nhiên, một câu hỏi quan trọng vẫn còn lại. Theo hiệp định Genève, Pháp chịu trách nhiệm bảo vệ và hỗ trợ cho Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát [*Đình Chiến*]; đại diện của Quân đội Nhân dân Bắc Việt Nam và Pháp ngồi trong Ủy Ban Liên Hợp Đình Chiến chịu trách nhiệm đảm bảo quy định của các thỏa thuận đình chiến được đáp ứng. Pháp không thể nhẹ nhàng bỏ các nghĩa vụ này và Pháp cũng không thể chuyển chúng sang Nam Việt Nam: Diệm đã lên án hiệp định Genève và từ chối bị ràng buộc bởi nó trong bất kỳ cách nào.

Trong tháng Hai, Ngoại trưởng Pháp Pineau mô tả các vị trí khó khăn của Pháp như là một kết quả của một số điều kiện nhất định:

Đây là những hệ luận sinh ra khi Độc Lập được trao cho miền Nam Việt Nam và Genève lại có một số quy định trong đó đã yêu cầu và biện giải cho sự hiện diện của chúng tôi ở đất nước này. **157/**

Khó khăn đặc biệt là vấn đề hỗ trợ cho ICC. Diệm từ chối liên kết miền Nam Việt Nam một cách công khai với Ủy Ban Quốc Tế Kiểm Soát [*ICC: International Control Committee*] nhưng đã đồng ý để đảm bảo trách nhiệm phục vụ của nó [*ICC*] nếu Pháp chịu để lại một phái bộ nhỏ ở Việt Nam để thực hiện các nghĩa vụ của Pháp. **158/** Dulles thích ý tưởng này. Quan điểm của ông là: "trong khi chúng tôi chắc chắn sẽ không có những bước đi tích cực để tăng tốc quá trình phân hủy của Hiệp định Genève, kể cả việc chúng tôi cũng không đưa ra một nỗ lực nhỏ nào để đưa sự sống vào nó." **159/**

Tám tháng sau, cuối cùng Diệm đã chịu làm dịu đi lập trường kiên quyết chống lại Genève, đã đồng ý tôn trọng các Hiệp Ước Đình Chiến và cung cấp việc bảo vệ cho ICC. Trong tháng 7 năm 1956, Việt Nam hứa sẽ thay thế Phái Bộ liên lạc của Pháp tại ICC. Pháp vẫn duy trì vai trò thành viên Ủy Ban Hỗn Hợp Kiểm Soát Đình Chiến và tiếp tục chịu chi phí cho ICC. **160/** Nhưng Pháp là không bao giờ có thể đáp ứng Genève về nghĩa vụ liên quan đến cuộc bầu cử năm 1956, mà Diệm đã từ chối không tham khảo ý kiến với Việt Minh về cuộc bầu cử với một lòng kiên quyết là không bao giờ tổ chức nó. Cả Anh và Liên Xô không ai ép vấn đề, Hoa Kỳ ủng hộ lập trường của Diệm.

Chú Thích:

1. Bator, Victor, Vietnam - A Diplomatic Tragedy, Oceana Publications, Dobbs Ferry, New York 1965; p. 177.
2. Le Monde, 5 June 1954, Bator, p. 213.
3. Paris Msg 366, 27 July 54 (S); Paris Msg 438, 30 Jul 54 (S); New York Times, 27 Aug 54, 3 Sep 54; Deptel 740 to Paris, 30 Aug 54 (S)
4. New York Times, 30 Dec 54. Bator, p. 170: When the Institute of Emission and the Exchange Office were transferred to the Government of South Vietnam (5 Jan 55) Diem proclaimed: "With the last and fundamental attribute of our sovereignty regained, henceforth complete independence of Vietnam has become a living reality."
5. Paris Msgs 366, 27 Jul 54 (S); 438, 30 Jul 54 (S)
6. Bator, pp. 175-182. (Bator quotes from the memoirs of General Paul Ely: L'Indochine dans la Tourmente, Plon, Paris 1964)
- 6a. Bator, p. 146.
7. Military Grant aid given France for Indochina under the Military Development Assistance Program from 1950 through 1954, (cut off after Dien Bien Phu) totalled \$710 million. Economic aid to the Associated States of Indochina totalled \$827 million. John D. Montgomery, The Politics of Foreign Aid (New York: Praeger, 1964), 284.
8. LaCouture, Jean et Devillers, Phillipe, La Fin d'Une Guerre, Editions du Seuil, Paris, 1960; p. 294.
9. State Department Draft Report, "Review of U.S. Policy in the Far East", 3 Aug 54 (TS)
10. Memorandum from Vice Admiral A.C. Davis for the Secretary of Defense, "Report on the Manila Conference" 12 Sep 54 (S).
11. NSC Record of Actions, 210th Meeting, 12 Aug 54; 211th Meeting, 18 Aug 54 (TS). Letter, Secretary of Defense Wilson to Secretary of State Dulles, 17 Aug 54 (TS).
12. Statement made at Bangkok meeting of Manila Pact Council members, 23 Feb 55, quote in 14 Sep 55 Memorandum for the Director, Office of NSC
13. NIE 63-5-54, 3 Aug 54, "Post-Geneva Outlook in Indochina".

14. Ibid.
15. Deptel 610 to Paris, 18 Aug 54 (S).
16. NSC 5429/2, 20 Aug 54 (TS). JCS arguments against dealing with the DRV are contained in the NSC Records of Meetings 210 and 211 (8 and 12 Aug 54). Saigon Msgs 336, 27 Jul 54 (S), 518, 10 Aug 54. (Ambassador Heath also argued against dealing with Hanoi because it would lead the South Vietnamese to think the US planned accommodation with the communists).
17. Paris Msg 2080, 15 Nov 54 (S)
18. NIE 63-5-54
19. State Department Report, "A U.S. Policy for Post-Armistice Indochina", 12 Aug 54 (S).
20. Paris Msg 481, 4 Aug 54 (S)
21. Deptel 1023 to Saigon, 14 Sep 54 (S). State Department Report, "A U.S. Policy for Post-Armistice Indochina"; 12 Aug 54. State Department Report, "Other Major Political Questions", 27 Aug 54. President Eisenhower states: "On August 17, I directed that aid to Indochina henceforth be given directly to the Associated States rather than France", in Mandate for Change (Doubleday, 1963), p. 361.
22. NSC 5429/2
23. NIE 63-5-54
24. Memorandum for Record, Meeting of General Valluy and Admiral Radford 3 Jun 54 (TS). Chief MAAG IC Msg 2062A to Department of the Army, 27113/ZJul54 (S).
25. JCS Memorandum for the Secretary of Defense, Subject: "U.S. Assumption of Training Responsibilities in Indochina", 4 Aug 54 (TS)
26. Letter, Secretary of State Dulles to Secretary of Defense Wilson, 18 Aug 54 (TS)
27. JCS Memorandum for the SecDef, Subject: "U.S. Assumption of Training Responsibilities in Indochina", 22 Sep 54 (TS). State feared France and Britain would object to the JCS conditions and were loath to disclose them; Cambodia seemed unwilling to antagonize France by accepting them. JCS insistence was firm, however, and the establishment of a MAAG in Cambodia was stalled for several months until JCS views finally prevailed. The matter of a unilateral agreement itself was at least an indirect affront to France because the US apparently agreed to French demands for a joint training venture in Cambodia

during the Washington Conference of late September 1954. The agreement was loosely worded; U.S. and French interpretations differed-- but the U.S. version prevailed. Chief of Naval Operations Memorandum for Record, "U.S.-French Talks Regarding Indochina," 27 Sep 54, 10 Oct 54 (TS); State Msg 99 to Phnom Penh, 13 Oct 54 (TS); State Msg 2213 to Saigon, 1 Dec 54 (S).

28. In a study of June 1954, the JCS had estimated some 2250 advisors would be required to train the Vietnamese military forces. MAAG Indochina was limited to 342 men.
29. JCS Memorandum for the Secretary of Defense, Subject: "Development and Retention of Forces in Indochina", 22 Sep 54 (TS).
30. Letter, Secretary of State to Secretary of Defense, 11 Oct 54 (TS).
31. JCS Memorandum for the Secretary of Defense, Subject: "Development and Training of Indigenous Forces in Indochina", 19 Oct 54 (TS).
32. NSC Record of Action, 218th Meeting, 22 Oct 54 (TS); Deptel 1679 to Saigon, 22 Oct 54 (S).
33. NSC Action 1250; cited in Memorandum for the Secretary of Defense from H. Streuve Hensel (AID/ISA), Subject: "Development of Indigenous Forces in Indochina", 30 Oct 54 (TS).
34. JCS Memorandum for the Secretary of Defense, Subject: "Development of Indigenous Forces in Indochina", 17 Nov 54 (TS).
35. Memorandum for the President from Dulles; Subject: "General Collins' Recommendations Regarding Military Force Levels in Vietnam", 17 Nov 54 (TS).
36. NIE 63-5-54
37. Saigon Msgs 971, 11 Sep 54 (TS); 1036, 16 Sep 54 (TS); 1076, 17 Sep 54 (TS); 1204, 24 Sep 54 (TS); 933, 9 Sep 54 (S); 953, 954, 10 Sep 54 (S).
38. Saigon Msgs 1330, 5 Oct 54 (S); 1382, 8 Oct 54 (S); 1397, 10 Oct 54 (S); 1434, 13 Oct 54 (S); 1487, 18 Oct 54 (S); 1493, 19 Oct 54 (S).
39. Report of the Saigon Military Mission (SMM), 1954-1955 (S).
40. Paris Msgs 1927, 5 Nov 54 (S); 2036, 12 Nov 54 (S); 2211, 25 Nov 54 (S); 2240, 28 Nov 54 (S); 2272, 30 Nov 54 (C); 2290, 1 Dec 54 (C); Saigon Msg 1807, 12 Nov 54 (S).
41. Saigon Msgs 1036, 16 Sep 54 (TS); 1204, 24 Sep 54 (TS).
42. Saigon Msg 794, 29 Aug 54 (S).
43. Saigon Msgs 1150, 1154, 21 Sep 54 (TS); 1162, 22 Sep 54 (TS); 1185, 23 Sep 54 (TS); 1231, 25 Sep 54 (S).

44. Shaplen, Robert, The Lost Revolution, Harper and Row, (Colophon Edition) New York, 1966; p. 116
45. Shaplen, p. 116.
46. State Department Records: E/LaC D-D/1, "Establishment and Maintenance of a Stable Anti-Communist Government in Vietnam", 23 Sep 54 (S). E/LaC D-1/3, "Other Major Political Questions, Draft Minute of Understanding", 27 Sep 54 (S). E/LaC Memorandum 16, "Minute of Understanding" 4 Oct 54 (S). Deptel 1327 to Saigon, 1 Oct 54 (S).
47. Paris Msgs 366, 27 Jul 54 (S); 438, 30 Jul 54 (S).
48. Paris Msgs 377, 27 Jul 54 (S); 715, 20 Aug 54 (S).
49. State Department Records: E/LaC VM-3 "Minutes of Economic Sessions of Franco-American Bilateral Talks", 20 Oct 54 (TS). Deptel Paris 737, 28 Aug 54 (TS).
50. State Department Records: E/LaC D-31, "US Financial Assistance to French Union Forces in Indochina", 24 Sep 54 (TS). E/LaC VM-3, "Minutes of Economic Sessions of Franco-American Bilateral Talks", 2 Oct 54 (TS).
51. Paris Msg 715, 20 Aug 54 (S); Deptel to Paris 737, 28 Aug 54 (S); E/LaC Memorandum 14, "French Position Papers re Military Aid and Economic Assistance to the Associated States", 28 Sep 54 (S).
52. E/LaC MC-2: "Memorandum of Conversation, Smith-LaChambre Meetings", 29 Sep 54, 6 Oct 54 (TS). The statement referred to reads as follows: "Such (aid) programs will be planned and closely coordinated to assure maximum effectiveness through appropriate machinery established in agreement with interested governments." The obvious ambiguity invites conflicting interpretations.
53. E/LaC Memorandum 20: "Report to the Secretary of State (from Robertson) on Franco-American Bilateral Talks", 8 Oct 54, 22 Oct 54 (TS). E/LaC D-1/2, "US Relations with Cambodia, Laos, and Vietnam", 23 Sep 54 (TS).
54. Deptel 1565 to Paris, 29 Oct 54 (TS); Paris Msg 1898, 4 Nov 54 (S); Saigon Msg 1919, 21 Nov 54 (S); 1935, 23 Nov 54 (S); Deptel 2070 to Saigon, 22 Nov 54 (S).
55. Paris TEDUL 11, NIACT, 21 Oct 54 (TS).
56. Paris Msgs 2018, 1 Nov 54 (S); 1883, 3 Nov 54 (S); Deptel 1737 to Paris, 10 Nov 54 (S); NIE 63-7-54: "Probable Developments in South Vietnam, Laos and Cambodia through July 1956", 23 Nov 54. (This discusses strong sentiment in France to get rid of Diem in favor of someone less hostile to the Vietminh).

45. Shaplen, p. 116.
57. Paris Msg 2080, 15 Nov 54 (S).
58. Ibid.
59. Paris Msg 646, 15 Aug 54 (S); Saigon Msg 494, 8 Aug 54 (S).
60. Saigon Msgs 795, 29 Aug 54 (S); 507, 10 Aug 54 (S); 721, 24 Aug 54 (S). Paris Msg 646, 15 Aug 54 (S).
61. Paris Msg 1665, 29 Oct 54 (S).
62. New York Times, 11 Dec 54; Deptel to Saigon, 2413, 13 Dec 54 (C); Paris Msg 2542, 14 Dec 54 (C).
63. 83d Congress, 2d Session, Senate Committee on Foreign Relations: "Report of Senator Mike Mansfield on a Study Mission to Vietnam, Cambodia and Laos", 15 Oct 54.
64. Paris Msg 1608, 16 Oct 54 (S); Saigon Msgs 1478, 17 Oct 54 (S); 1501, 20 Oct 54 (S).
65. DULTE 5 from Paris, 21 Oct 54 (TS). Robert Shaplen, op.cit., p. 118, reports these comments by Kenneth Young: "We realized we had to proceed carefully with the French, so when they made clear their position on Diem, we sent a cable to Senator Mansfield, of the Foreign Relations Committee, who was abroad, asking him what he thought of Diem as Premier. Mansfield was an old friend of Diem's and we knew what the answer would be in advance, of course, but it stunned the French. While they then dropped their open campaign to dump Diem, it became apparent that they were still maneuvering behind the scenes toward the same objective, and we realized that while we still had to work with the French in Vietnam, we would have to adopt a more independent position."
66. NSC Record of Action, 218th Meeting, 22 Oct 54 (TS); TEDUL 14, NIACT, to Paris, 22 Oct 54 (TS); Paris Msgs 1718, 24 Oct 54 (TS); 1737, 25 Oct 54 (TS).
67. Memorandum of Conversation, Secretary of State Dulles, French Ambassador Bonnet, Subject: "Indochina," 26 Oct 54 (S).
68. Paris Msgs 1718, 24 Oct 54 (TS); 1737, 25 Oct 54 (TS).
69. Deptel 1565 to Paris, 29 Oct 54 (TS).
70. Paris Msgs 1835, 1836, 30 Oct 54 (TS).
71. Letter President D.D. Eisenhower to General J. Lawton Collins, 3 Nov 54 (TS).
72. Saigon Msgs 1761, 8 Nov 54 (S); 1830, 15 Nov 54 (TS); FAO Washington

USFOTO 263 to Paris and Saigon, 24 Nov 54 (S); (Ely and Collins' strong recommendation that the FEC be maintained in Vietnam overcame reservations of military and diplomatic leaders in Washington that it be withdrawn. Washington's reasoning: civil war, not overt aggression, threatened Vietnam -- and the FEC would not be used in a civil conflict; the immediate US objectives of restoring order in Vietnam and bolstering Diem were not furthered by the presence of French troops. Therefore, the FEC is not worth the cost of its upkeep.)

73. Paris Msg 2433, 8 Dec 54 (TS).
74. Saigon Msgs 2250 (NIACT), 13 Dec 54 (TS); 2024, 30 Nov 54 (S); 2261, 1424/9ZDec54 (C); Paris 2601, 19 Dec 54 (TS).
75. Paris Msg 2270, 31 Dec 54 (TS); Paris Msg 2870 (NIACT), 7 Jan 55 (TS); Deptel 2766 to Saigon, 7 Jan 55 (TS).
76. Saigon Msg 2455, 25 Dec 54 (TS).
77. Saigon Msgs 2660 (NIACT), 9 Jan 55 (TS); 2663, 101230ZJan55 (S); Paris Msg 2797, 3 Jan 55 (S).
78. Saigon Msgs 2453, 24 Dec 54 (S); 2676, 10 Jan 55 (TS); 2876, 221940Z Jan 55 (S).
79. Paris Msgs 3064, 20 Jan 55 (TS); 3195, 28 Jan 55 (TS); Deptel 2629 to Paris, 24 Jan 55 (TS); 2726 to Paris, 1 Feb 55 (TS); Saigon Msg 3343, 111757ZFeb55 (C). Franco-American cooperation often missing in other endeavors was fairly good in TRIM. Intrigues between French and U.S. personnel and French intrigues against Diem existed--but their interference with the task of directing and developing the VNA was not as great as it might have been. Even Lansdale--hardly an avid French supporter--says: "there was a job to be done", and credits some French officers for their competence and cooperating in doing the job. (SMM Report).
80. Paris Msg 2601, 19 Dec 54 (TS).
81. Paris Msg 2987, 14 Jan 55 (S).
82. Saigon Msg 2250 (NIACT), 13 Dec 54 (TS).
83. Ibid.
84. Saigon Msg 2303 (NIACT), 16 Dec 54 (TS).
85. Saigon Msg 2250, 13 Dec 54 (TS).
86. Memorandum for Walter S. Robertson (Assistant Secretary of State for the Far East) from Ambassador Donald R. Heath; Subject: "Comments on Saigon Telegram 2303", 17 Dec 54 (TS).

87. Deptel 2274 (NIACT) to Paris, 17 Dec 54 (TS); 2487 to Saigon, 17 Dec 54 (TS).
88. Paris 2601, 19 Dec 54 (TS).
89. Ibid.
90. Ibid.
91. Ibid.
92. Ibid.
93. Deptel 2585 to Saigon, 24 Dec 54 (TS).
94. Deptel 2872 to Saigon, 13 Jan 55 (TS); Paris Msg 3034, 18 Jan 55 (TS).
95. Secretary of Defense Memorandum to the JCS; Subject: "Reconsideration of Military Programs in Southeast Asia", 5 Jan 55 (TS).
96. JCS Memorandum for the Secretary of Defense; Subject: "Reconsideration of Military Programs in Southeast Asia", 21 Jan 55 (TS).
97. Memorandum for the Secretary of State from General Collins; Subject: "Report on Vietnam for the NSC", 20 Jan 55 (TS).
98. Ibid.
99. Secretary of Defense Memorandum to the JCS, et.al.; Subject: "Report on Vietnam for the NSC", 3 Feb 55 (TS).
100. Memorandum for Record: Meeting between Dulles, Robertson and Young, Subject: "Indochina", 29 Dec 55 (TS).
101. Saigon Msgs 3747, 10 Mar 55 (S); 4373, 6 Apr 55 (S).
102. SMM Report.
103. Deptel 2956 to Paris, 21 Feb 55 (S); Paris Msgs 3654, 1 Mar 55 (S); 3896, 15 Mar 55 (S).
104. Saigon Msgs 3384, 25 Mar 55 (S); 4096, 24 Mar 55 (S); Paris Msgs 4070, 24 Mar 55 (S); 4151, 26 Mar 55 (S).
105. SMM Report.
106. Saigon Msg 4192, 29 Mar 55 (S).
107. New York Times, 30 Mar 55. General Ely first denied any French interference with Vietnamese troop movements and said the VNA had been

87. Deptel 2274 (NIACT) to Paris, 17 Dec 54 (TS); 2487 to Saigon, 17 Dec 54 (TS).

88. Paris 2601, 19 Dec 54 (TS).

issued all the gas and ammunition required. A few days later, however, Ely said the French had not restricted gas or ammunition "except for a few hours" during the fighting on March 29-30. Saigon Msgs 4292, 2 Apr 55 (TS); 4349, 6 Apr 55 (TS).

108. Saigon Msg 4230 (NIACT), 3023412Mar55 (S).

109. Saigon Msgs 4292, 2 Apr 55 (TS); 4264, 31 Mar 55.

110. SMM Report.

111. Ibid.

112. Ibid.

113. Saigon Msg 4382, 7 Apr 55 (TS).

114. Saigon Msg 4263, 31 Mar 55 (TS).

115. Saigon Msg 4399, 7 Apr 55 (TS).

116. Deptel 4438 (NIACT) to Saigon, 9 Apr 55 (TS); 4466, 11 Apr 55 (TS); 4575, 16 Apr 55 (TS).

117. Paris Msgs 4200, 28 Mar 55 (S); 4281, 4285, 2 Apr 55 (S); 4328, 5 Apr 55 (TS); 4395, 9 Apr 55 (TS).

118. Deptel 3510 (NIACT) to Paris, 4 Apr 55 (TS).

119. Deptel 3622 to Paris, 12 Apr 55 (S); Paris Msg 4498, 16 Apr 55 (S).

120. Paris Msg 4503, 17 Apr 55 (TS).

121. Paris Msgs 4576, 21 Apr 55 (TS); 4659, 26 Apr 55 (S).

122. SMM Report.

123. Deptel 4757 (NIACT) to Saigon, 27 Apr 55 (TS).

124. Deptels 3828 (NIACT) to Paris 27 Apr 55 (TS); 3849 to Paris, 28 Apr 55 (TS).

125. SMM Report.

126. Saigon Msgs 4860 (NIACT), 28 Apr 55 (S); 4881, 281515ZApr55 (S); 4943, 30 Apr 55 (S). Some French alleged that Diem had initiated the fighting, but U.S. officials claimed this was false, that the Binh Xuyen had started a coup.

87. Deptel 2274 (NIACT) to Paris, 17 Dec 54 (TS); 2487 to Saigon, 17 Dec 54 (TS).
88. Paris 2601, 19 Dec 54 (TS).
- issued all the gas and ammunition required. A few days later, however, Ely said the French had not restricted gas or ammunition "except for a few hours" during the fighting on March 29-30. Saigon Msgs 4292, 2 Apr 55 (TS); 4349, 6 Apr 55 (TS).
127. Deptel 4831 (NIACT) to Saigon, 1 May 55 (TS).
128. Paris Msg 4746, 30 Apr 55 (TS).
129. Saigon Msgs 4926, 29 Apr 55 (S); 4951, 30 Apr 55 (S); 4928, 29 Apr 55 (C).
130. Saigon Msgs 4944, 30 Apr 55 (S); 4957, 30 Apr 55 (OUO).
131. SMM Report. Colonel Lansdale recruited Trinh Minh The to Diem's side in the fall of 1954, a significant achievement because of The's prestige in Cao Dai and other circles and because of The's several thousand troops. Lansdale was accused of having bribed The to win his support but vigorously denies this. However, the SMM did secretly reimburse The's Lien Minh forces who moved into Saigon and acted as Diem's palace guard in October. In January, most of the Lien Minh were integrated into the Vietnamese National Army. General Phuong, another Cao Dai leader, joined Diem's cabinet in September. His support for the premier was on-again-off-again through the fall and winter but he was fairly solidly behind Diem by the spring of 1955. Phuong's troops were integrated into the VNA on March 31, 1955.
132. SMM Report.
133. Saigon Msgs 4882, 28 Apr 55 (S); 4926, 29 Apr 55 (S); 4953, 30 Apr 55 (S); 2908, 29 Apr 55 (C).
134. Saigon Msg 4039, 4 May 55 (S).
135. Saigon Msgs 5005, 2 May 55 (S); 5047, 5049, 5054, 4 May 55 (S); 4867, (NIACT), 3 May 55 (S); Paris Msg 4814, 4 May 55 (S).
136. Saigon Msg 5103, 6 May 55 (S).
137. SECTO 8 from Paris, 8 May 55 (TS).
138. Ibid.
139. Ibid.
140. Ibid.
141. Ibid.
142. JCS Memorandum for the Secretary of Defense; Subject: "Indochina (Vietnam)" 9 May 55 (TS).
143. Saigon Msg 5145, 9 May 55 (TS).
144. SECTO 36 from Paris, 11 May 55 (TS).
145. SECTO 42 from Paris, 12 May 55 (TS).

87. Deptel 2274 (NIACT) to Paris, 17 Dec 54 (TS); 2487 to Saigon, 17 Dec 54 (TS).

88. Paris 2601, 19 Dec 54 (TS).

issued all the gas and ammunition required. A few days later, however, Ely said the French had not restricted gas or ammunition "except for a few hours" during the fighting on March 29-30. Saigon Msgs 4292, 2 Apr 55 (TS); 4349, 6 Apr 55 (TS).

127. Deptel 4831 (NIACT) to Saigon, 1 May 55 (TS).

128. Paris Msg 4746, 30 Apr 55 (TS).

129. Saigon Msgs 4926, 29 Apr 55 (S); 4951, 30 Apr 55 (S); 4928, 29 Apr 55 (C).

146. Paris Msg 69, 6 Jul 55 (S).

147. Deptels to Saigon: 35, 5 Jul 55 (S); 53, 6 Jul 55 (S); 80, 9 Jul 55 (S); 155, 14 Jul 55 (S); 165, 15 Jul 55 (S); 179, 16 Jul 55 (S).

148. NSC 5519: Draft Statement, "US Policy on All-Vietnam Elections", 17 May 55 (TS). The JCS concurred in this draft policy with one crucial exception: the statement that a communist attack would be opposed "with US armed forces if necessary and feasible" was unacceptable. The Chiefs wanted it changed to say opposition to attack would be "by invoking the Manila Pact and taking vigorous action thereunder to repel the Communist military aggression." Obviously, unilateral U.S. action was to be avoided. (JCS Memorandum to the Secretary of Defense, Subject: NSC 5519, "U.S. Policy on All-Vietnam Elections") 19 May 55 (TS).

The NSC considered the problem of elections on 9 June and decided to shelve the draft NSC statement. Its main features had already been conveyed to Diem; it was felt no new policy toward an outbreak of hostilities was required. (Memorandum, Executive Secretary of NSC to NSC, "U.S. Policy on All-Vietnam Elections", 13 Jun 55 (TS)).

149. Deptels to Saigon 5347, 3 Jun 55 (S); 5731, 8 Jun 55 (S); 35, 5 Jul 55 (S).

150. New York Times, 17 Jul 55.

151. Saigon Msg 5677, 6 Jun 55 (S); Deptel 5438 to Saigon 11 Jun 55 (S).

152. Saigon Msgs 5706, 7 Jun 55 (S); 5731, 8 Jun 55 (S).

153. Paris Msgs 5513, 5514, 16 Jun 55 (S); 5601, 21 Jun 55 (S); 5776, 29 Jun 55 (S); 27, 2 Jul 55 (S); 183, 12 Jul 55 (S). Saigon Msg 5969, 24 Jun 55 (S).

154. Saigon Msg 381, 23 Jul 55 (S); Paris Msg 1460, 29 Sep 55 (S); 1757, 14 Oct 55 (S).

155. Paris Msg 2889, 17 Dec 55 (C); SECTO 17 from Paris, 17 Dec 55 (C).

156. Le Monde, 14 Dec 1955; Paris Msg 2886, 17 Dec 55 (S); New York Times 1 Nov 55; Saigon Msg 2671, 5 Jan 56 (S).

157. Press Conference, 23 Feb 56, in Le Monde, 24 Feb 56.

158. Saigon Msgs 2086, 14 Nov 55 (S); 2206, 23 Nov 55 (S); Paris Msg 3783, 21 Feb 56 (S).

QUAN HỆ GIỮA VIỆT NAM VÀ HOA KỲ

1945 – 1967

IV-A-4

DIỄN BIẾN CỦA CHIẾN TRANH

HOA KỲ HUẤN LUYỆN QUÂN ĐỘI VIỆT NAM CÔNG HÒA

1954 – 1959

Lời người dịch:

Ghi chú: (1) chữ Việt Nam trong bài đều có nghĩa là Nam Việt Nam hay Việt Nam Cộng Hòa khác với miền Bắc được ghi rõ là Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa hay viết tắt là VNDCH
(2) các phần chữ nghiêng nằm trong dấu móc vuông là tác giả ghi thêm cho rõ nghĩa

Nguyễn Quốc Vĩ

Paris, tháng 12/2012

Quân Đội Nhân Dân thai nghén từ đội Tuyên Truyền Giải Phóng Quân 34 người năm 1944, nhưng đã lớn lên được nuôi dưỡng, trang bị và huấn luyện bởi Trung Cộng thành một quân đội hùng mạnh ước tính hơn 250 ngàn người vào năm 1954 – Mười lời thề đầu tiên của QĐNDVN trong đó lời thề thứ nhất là *"Hy sinh tất cả vì tổ quốc Việt Nam, chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để tiêu diệt bọn phát xít Nhật-Pháp và bọn Việt gian phản quốc, làm cho nước Việt Nam trở nên một nước độc lập và dân chủ ngang hàng với các nước dân chủ trên thế giới."* (1) Họ đã đánh bại Thực Dân Pháp và điểm mốc là trận Điện Biên Phủ. Hiệp Định Đình Chiến Genève năm 1954 chấm dứt chiến tranh

nhưng Đất Nước bị chia hai ngang vĩ tuyến 17, một giải pháp do sáng kiến của Liên Xô (để tránh tham gia thế chiến tiềm năng), ủng hộ bởi Trung Cộng (muốn tạo vùng đệm ở phía Nam nước họ), thỏa thuận bởi Pháp (để mau mau rút lui) và áp đặt lên Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Hoa Kỳ và Việt Nam Cộng Hòa không ký kết Hiệp Định Đình Chiến Genève.

Lực lượng người Việt trong quân đội Liên Hiệp Pháp thành lập năm 1948 với tên gọi là quân đội Việt Nam mà thực chất là dưới quyền xử dụng của Thực dân Pháp hầu mong kéo dài sự chiếm đóng và bóc lột Việt Nam cho đến ngày Thực Dân Pháp bị Việt Minh đánh bại ở Điện Biên Phủ năm 1954. Đất nước bị chia hai, Pháp rút về miền Nam vẫn còn ý đồ thực dân. Độc Lập mà Pháp gọi là đã trao cho Việt Nam qua Hiệp Ước Elysée hay Hiệp Ước Pau thực chất chỉ là một cái gọi là Độc Lập [Pháp vẫn giữ quyền kiểm soát tài chính, thương mại và chính sách đối ngoại và quân sự của Việt Nam (2)]. Mãi đến 6 tuần trước khi Điện Biên Phủ thất thủ tháng 5-1954, Pháp ký trao toàn vẹn Độc Lập cho Việt Nam với Bảo Đại. Cuối cùng người Mỹ đã giúp ông Diệm hất Pháp ra khỏi Việt Nam, giúp đào tạo và xây dựng lại quân đội miền Nam thành Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa để cùng Nam Việt Nam và các nước Tự Do khác ngăn chặn xâm lăng của Cộng Sản ... Khẩu hiệu của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa là "Tổ quốc, Danh dự và Trách Nhiệm".

Chính nghĩa thuộc về bên nào? Câu hỏi hàm chứa sự đối nghịch tự nó sẽ không thể có kết luận. Cả hai quân đội Nam và Bắc đều lấy Tổ Quốc làm trọng, sẵn sàng vì Tổ Quốc mà chiến đấu, sẵn sàng quyết tử cho Tổ Quốc quyết sinh. Tiếc, một nghĩa trang Arlington chưa được xây dựng ở Việt Nam, vì sự hình thành một nghĩa trang như thế cũng đồng nghĩa với tiếng mõ, tiếng trống làng mà Dân Tộc khua vang khởi sự gọi nhau đi hội nghị Diên Hồng mà nước lạ, bọn người Chiêu Thống từ lâu không muốn.

Câu hỏi kế tiếp là cái thế cố vấn Tàu và Quân Đội Nhân Dân, Mỹ và Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa có gì khác? Cái rập khuôn và chỉ tiêu 5% trong cuộc Cải Cách Ruộng Đất kinh hoàng ở miền Bắc, chiến thuật biển người ở Điện Biên Phủ "cố vấn" bởi Tàu mà tôi được biết nó trăm lần tai hại cho Dân Tộc hơn anh cố vấn Mỹ suốt ngày than là Diệm không nghe lời ... và nhất là anh cố vấn Mỹ không có ý đồ thực dân hay đầu óc chủ nghĩa Đại Hán.

Hơn nữa thế kỷ trôi qua, nhiều sự kiện và thông tin và đặc biệt qua tập tài liệu này cho phép mỗi người chúng ta có cái nhìn có lẽ là khách quan hơn.

(1)

http://vi.wikipedia.org/wiki/Vi%E1%BB%87t_Nam_Tuy%C3%AAAn_truy%E1%BB%81n_Gi%E1%BA%A3i_ph%C3%B3ng_qu%C3%A2n

(2) The Vietnam War, Seeds of Conflict, 1945 - 1960, Accessed August 25, 2007

Chữ viết tắt

CNO	Center for National Operations – Trung Tâm Hành Động Quốc Gia
MAAG	Military Assistance Advisory Group
CINCPAC	Commander in Chief, Pacific Command
FEC	French Expedition Corps – Quân Viễn Chinh Pháp
MDAP	Mutual Defence Assistance Program trong đó Mỹ cho các Đồng Minh “mượn” trang thiết bị vũ khí chiến tranh
VNA	Viet Nam Army – Quân Đội Việt Nam
NSC	National Security Council – Hội Đồng An Ninh Quốc Gia
ISA	International Security Affairs
STEM	Temporary Equipment Recovery Mission
DRV	Democratic Republic Viet Nam – Việt Nam dân Chủ Cộng Hòa
Quai d'Orsay	Trụ sở Bộ Ngoại Giao Pháp ở Quai d'Orsay Paris
USARPAC	USA Rim Pacific Command – Bộ Tư Lệnh Thái Bình Dương Mỹ
OSD	Office of Secretary Defense – Văn Phòng Bộ Trưởng Quốc Phòng
DEPTAR	Department of Army – Bộ Quân Đội
ASD	Administrative Services Department(?)
OCMH	Office Chief of Military History
OPLAN	Operational/Operations Plan
USOM	United States Operations Mission
CG	Commanding General
SDC	Strategic Defense Command

IV-A-4

HOA KỲ HUẤN LUYỆN QUÂN ĐỘI VIỆT NAM CÔNG HÒA **1954 – 1959**

Lời Tựa

Chuyên khảo này lướt qua các quy định của Mỹ đối với nền an ninh của Việt Nam trong giai đoạn ngay sau Hội nghị Giơ-ne-vơ.

Sau đây là các mục:

- Tóm tắt thông tin
- Diễn tiến theo thời gian
- Bảng mục lục và đề cương
- Chú thích
- Tham khảo thư loại

Diễn tiến theo thứ tự thời gian

1948	Quân Đội Quốc Gia Việt Nam được Pháp thành lập. (FALL-Raskin P 82.)
08-01-1949	Các Điều Khoản của Hiệp Định Elysée thừa nhận về nguyên tắc việc thành lập quân đội Việt Nam.
10-01-1949	Bảo Đại hy vọng được Mỹ viện trợ vũ khí
02-06-1949	Bảo Đại tuyên bố làm Hoàng Đế Việt Nam - Mỹ ủng hộ chế độ Bảo Đại
17-10-1949	JCS trình kế hoạch xử dụng quỹ MDA phần 303 dành cho những vùng trừ Trung Quốc, cụ thể là khu vực Đông Nam Á
16-01-1950	Bắc Kinh công nhận Cộng Hòa Dân Chủ Việt Nam đứng đầu là Hồ Chí Minh, Moscow công nhận tiếp theo ngày 31-01-1950. / J. B.
02-02-1950	Những báo cáo đầu tiên về trang thiết bị Trung Quốc đã được gửi đến cho Việt Minh. Họ bắt đầu cuộc tổng tấn công. / J. B
07-02-1950	Mỹ và Anh công nhận Việt Nam, Lào và Campuchia là các quốc gia liên kết nằm trong Liên hiệp Pháp sau khi Pháp duyệt Hiệp Định m 1949
16-02-1950	Pháp yêu cầu Mỹ viện trợ quân sự và kinh tế cho chiến tranh Đông Dương.
19-02-1950	Tổng Lãnh sự quán Hoa Kỳ tại Sài Gòn được nâng lên hàng Sứ Quán, và một Đại Sứ được bổ nhiệm cho Việt Nam, Campuchia và Lào. / J.B.

06-03-1950	Rusk yêu cầu bổ nhiệm Tùy Viên Quân Sự cho Sứ Quán Mỹ tại Saigon. /1ST 288.
25-03-1950	Bộ trưởng Quốc phòng Phan Huy Quát vạch ra một kế hoạch trang bị cho quân đội Việt Nam mà không có Pháp tham gia. (Thông điệp 204 Guillion gửi cho Acheson)
05-04-1950	JCS đề xuất cho Bộ Trưởng Quốc Phòng trực tiếp cung cấp viện trợ cho Pháp ở Đông Dương. Cơ sở là dựa trên lý thuyết Domino liên quan đến sự sụp đổ của các nước Đông Nam Á.
24-04-1950	Mỹ hỏi Pháp họ hy vọng đạt được gì với viện trợ quân sự của Mỹ. Mười hai tiểu đoàn người bản xứ sẵn sàng phục vụ quân đội năm 1951.
08-05-1950	Tại Hội Nghị các Bộ Trưởng Ngoại Giao tại Paris, Bộ Trưởng Ngoại Giao Schuman tuyên bố rằng một quân đội Quốc Gia Việt Nam sẽ được thành lập, và Bộ Trưởng Ngoại Giao Acheson tuyên bố rằng Hoa Kỳ sẽ gửi viện trợ kinh tế và quân sự cho các nước Đông Dương và Pháp.
25-05-1950	Mỹ chính thức công bố ý định thành lập một phái bộ viện trợ kinh tế cho các nước Đông Dương. R. Blum là Trưởng Phái Bộ.
30-05-1950	Phái Bộ Viện Trợ Kinh tế Mỹ trở lại Sài Gòn. / J. B.
06-06-1950	Chính phủ Việt Nam cố gắng bù trừ cho thất bại của họ trong việc giành chiến thắng trên các phe quốc gia bằng cách triệt hạ quân du kích và tăng cường sự hình thành của quân đội Việt Nam. Bảo Đại bị chỉ trích vì không đảm nhận tích cực vai trò chỉ huy quân sự của quân đội Việt Nam.
29-06-1950	Trung Tướng Erskine được chỉ định làm Trưởng Quân Sự của Phái bộ MDAP đến Việt Nam
Tháng Bảy- Tháng Tám 1950	Chiến tranh Triều Tiên và nỗi sợ hãi trong những hậu quả của một chiến thắng của Việt Minh ở Đông Nam Á đã dẫn đến việc Washington sẵn sàng tăng cường viện trợ cho Pháp ở Đông Dương. Tuy nhiên, viện trợ Mỹ vẫn không làm thay đổi chính sách Pháp tại Việt Nam. Các quan chức Mỹ ở Sài Gòn nào bất đồng với chính sách Pháp ở Đông Dương đều bị đổi đi nơi khác do sự khẳng khăng đòi hỏi của Pháp. / J.B.
15-07-1950	Đứng đầu Phái Bộ là Trung Tướng Erskine đến Việt Nam mở đường cho MAAG. Phái Bộ phải hoàn tất bản đồ quy hoạch và trao đổi với Pháp. Không một binh sĩ Mỹ nào được gửi vào Đông Dương, chỉ có trang thiết bị

	quân sự sẽ được gửi đến giúp Pháp.
31-07-1950	Các nhân viên đầu tiên của MAAG đến Đông Dương.
02-08-1950	Mười quan chức, thành viên thường trực trong phái bộ Cố Vấn Quân Sự vào Sài Gòn ngay sau một thỏa thuận đã đạt được với Pháp về hoạt động của Phái Bộ Mỹ
05-08-1950	Báo cáo của Trung Tướng Erskine đã được nộp (NSC 64). Trong đó ông đã nói về tình trạng bế tắc của FEC, liên quan đến vấn đề chính trị Pháp-Việt, tình trạng thiếu an ninh nội bộ, yêu cầu viện trợ quân sự Mỹ ngày càng gia tăng, mối đe dọa Trung Quốc, cộng với việc Pháp không có khả năng đối phó với đe dọa từ Việt Minh.
08-08-1950	\$100 triệu USD thiết bị quân sự Mỹ cho đến 09 tháng 8 đã được sử dụng để trang bị cho quân đội Quốc Gia Việt Nam mới thành lập. Pháp hy vọng rằng quân đội quốc gia này sẽ đảm nhận một phần chính trong việc chiến đấu chống Việt Minh. Quân Việt Nam tại thời điểm đó là vô tổ chức.
10-08-1950	lô hàng quân sự đầu tiên đến Đông Dương từ Mỹ
14-08-1950	Chính phủ Pháp đã quyết định giảm 9000 quân Viễn chinh. Việc giảm quân là đi ngược lại lời khuyên của giới quân sự, do việc Quốc Hội từ chối cho phép xử dụng các tân binh ở các nước Đông Dương.
15-08-1950	Hiệp định song phương giữa Hoa Kỳ - Pháp cho MDA Đông Dương được ký kết ở Djakarta. / 217155.
24-08-1950	Quân đội Việt Nam được báo cáo là đang từ từ thể chân quân đội Pháp
28-08-1950	Sinh nhật lần thứ 2 của quân đội Việt Nam được quan sát thấy ở An Nam <i>[miền Trung]</i> . Việc thiếu sĩ quan và <i>[chỉ có sĩ quan]</i> không tác chiến, sự hiện diện các phe phái và chi phí cao làm cản trở sự phát triển của quân đội Việt Nam.
14-09-1950	Cuộc họp ba bên lần thứ 4 tiết lộ là có 77000 quân thuộc các nước Đông Dương, 44000 quân trong lực lượng Viễn Chinh Pháp.
24-09-1950	Pháp hứa với <i>[Thủ Tướng]</i> Trần Văn Hữu là sẽ viện trợ để gia tăng quân đội Việt Nam

Tháng 10, 1950	Báo cáo hàng tháng của MDAP từ Saigon cho thấy quan hệ nghèo nàn giữa Pháp và MAAG. (Gullion gửi Bộ Trưởng Ngoại Giao)
04-10-1950	Thiếu Tướng Brink trở thành người đứng đầu của Phái bộ Viện trợ Quân sự của Mỹ tại Việt Nam.
10-10-1950	Mỹ thành lập một Phái Bộ Quân Sự ở Sài Gòn.
13-10-1950	Pháp lên kế hoạch mở rộng quân đội Việt Nam. Tướng De La Tour Du Moulin được bổ nhiệm làm cố vấn quân sự cho họ.
4-10-1950	Khó khăn trong việc xây dựng quân đội Việt Nam về tuyển dụng, tổ chức cán bộ, chế độ cưỡng bách tòng quân, tài chánh. /Saigon MSG 1ST ghi chú
05-10-1950	Trường Võ Bị Liên Quân được khai trương ở Đà Lạt / Lancaster.
07-11-1950	Lãnh đạo Pháp và Việt Nam nhất trí về việc tập hợp nhanh chóng quân đội Việt Nam.
08-11-1950	Việt Nam đã dự kiến sẽ chi tiêu 35 - 40 phần trăm ngân sách của năm 1951 để xây dựng một quân đội với 3 sư đoàn.
22-11-1950	Bộ Trưởng Letourneau nói với Quốc Hội Pháp rằng cả lực lượng Pháp và các quốc gia Đông Dương đều phải được tăng cường
Tháng 12-1950	Với việc tạo ra Bộ Các Nước Đông Dương, chín Bộ riêng biệt liên quan trực tiếp với và chịu trách nhiệm cho một số lãnh vực hoạt động của Pháp ở Đông Dương được thành lập. / Navarre.
04-12-1950	Tin công bố Tướng De Lattre de Tassigny sẽ thay thế thay thế Tướng Carpentier và Cao Ủy Pignon như Chỉ huy Tối Cao quân sự và dân sự. Ông nhậm chức hai ngày sau đó.
08-12-1950 đến 23-12-1950	Thỏa thuận bổ túc cho Hiệp định Elysée 1949 đưa đến sự hình thành của bốn sư đoàn vào cuối năm 1951. / Lancaster.
08-12-1950	Bảo Đại ký Sắc Lệnh chính thức thành lập Quân đội Quốc Gia Việt Nam
15-12-1950	Tướng Erskine hoàn thành sứ mệnh của mình.

23-12-1950	Hoa Kỳ ký hỗ trợ phòng thủ chung năm nước với Pháp, Việt Nam, Campuchia và Lào cung cấp không trực tiếp viện trợ quân Mỹ cho lực lượng Liên Hiệp Pháp ở Đông Dương. Hiệp định về quốc phòng, giúp đỡ lẫn nhau đặt ra những điều kiện mà Viện trợ Mỹ sẽ được phân bổ và trên nguyên tắc là tất cả các vật liệu cung cấp sẽ được bàn giao cho Bộ Tư Lệnh Pháp, trong khi quan hệ trực tiếp giữa các quốc gia liên quan và MAAG rõ ràng là bị Pháp cản trở không cho. / Lancaster.
23-12-1950	MAAG ở Đông Dương được thành lập. / 217155. Army
Năm 1951	Quân của Hồ Chí Minh được cho rằng có khoảng 70.000 người với trang bị nhẹ. Trong đó có 2 % là Cộng sản và phần còn lại là những người quốc gia chủ nghĩa. / NYT
Năm 1951	Lực lượng vũ trang về phía Pháp = 150.000. Khoảng một nửa là người bản xứ với long trung thành và hiệu quả là không chắc chắn. FLEM-CWO.
Tháng 01 đến Tháng 03, 1951	Tướng De Lattre đã thành công trong việc ngăn chặn tấn công của cộng sản. Việt Minh đã buộc phải quay trở lại chiến thuật du kích. Quân đội dưới quyền xử dụng của người Pháp là 391.000.
Tháng 01, 1951	Pháp và Việt Minh cả hai đều tổ chức lại lực lượng của mình thành Sư đoàn khi mà chiến tranh đã leo thang từ chiến tranh du kích.
08-01-1951	MAAG Đông Dương chính thức thành lập với một nhân lực là 128 người. /217154-5.
10-01-1951	Dưới lãnh đạo của Tướng De Lattre tinh thần chiến đấu của cả Pháp và lực lượng Việt Nam ngày càng gia tăng.
Tháng 03-1951	De Lattre về Paris xin tiếp viện thêm sĩ quan, hạ sĩ quan và kỹ thuật viên mà nghiệp vụ của họ được yêu cầu để đào tạo quân đội quốc gia
15-04-1951	Pháp kiểm tra khả năng của cảnh sát Việt Nam về việc duy trì trật tự và kiểm soát sự xâm nhập của Việt Minh trong vùng Vĩnh Bảo phía Nam Hải Phòng.
Tháng 05-1951	Mùa gió mùa đến đã cho De Lattre cơ hội cống hiến nhiều hơn về thời gian và sự chú ý của mình đến sự hình thành của quân đội quốc gia và trách nhiệm Cao ủy [Đông Dương] của mình.
01-05-1951	Quân đội Việt Việt Nam có 38.500 người.

26-05-1951	Tướng Collins xác nhận là đã có \$54 triệu tiền vật tư đã được vận tải đến từ tháng 6 năm 1949.
14-06-1951	Chỉ Huy trưởng quân giáo phái Cao Đài, Đại Tá Trịnh Minh Tây đào thoát khỏi lực lượng Pháp-Việt và dẫn 2,500 quân vào Campuchia.
15-07-1951	Bảo Đại ra lệnh Tổng Động Viên để đáp ứng một mối đe dọa có thể có từ Trung Quốc nếu thỏa thuận ngừng bắn ở Korea đã đạt được.
Tháng 08-1951	Cao Ủy Pháp cho miền Nam Việt Nam, tướng Chanson, bị ám sát. / Lancaster.
07-08-1951	Tiến bộ trong sự hình thành quân đội Quốc Gia Việt Nam đã được báo cáo. Các đơn vị Việt Nam đã thực hiện đầy đủ cam kết. Việc thiếu lãnh đạo, việc cãi vã Pháp-Việt, việc thiếu trang thiết bị và việc quần chúng thờ ơ đã làm cản trở các nỗ lực. / Báo cáo NIE 35.
Tháng 09-1951	De Lattre đến Washington để làm dịu nghi ngờ của Mỹ liên quan đến ý đồ của Pháp ở Đông Dương và yêu cầu tăng vật tư quân sự cho quân đội quốc gia. Ông trở lại Saigon ngày 19 tháng 10. /Lancaster.
02-09-1951	Thiếu Tướng Brink báo cáo rằng các lực lượng Pháp-Việt đang thắng.
07-09-1951	Mỹ ký kết và thỏa thuận viện trợ kinh tế trực tiếp cho Việt Nam. / J.B.
20-09-1951	Delattre tới Washington để yêu cầu thêm viện trợ Mỹ, đặc biệt là các máy bay mới và những thiết bị hiện đại khác. Những thứ bắt đầu đến Việt Nam nhiều hơn và nhiều hơn nữa.
23-09-1951	Mỹ hứa sẽ đẩy nhanh viện trợ quân sự và kinh tế cho Đông Dương.
Tháng 10-1951	Đại Tá Cao Đài Trịnh Minh Tây xây dựng một Chính phủ ly khai. Ông lên án cả Pháp và Việt Minh.
01-10-1951	Một lô súng đủ cho 4 sư đoàn từ Mỹ đến Việt Nam
01-10-1951	60.000 trưng binh trình diện để được huấn luyện quân sự như là một phần của lệnh Tổng Động Viên mà Bảo Đại ra lệnh
06-11-1951	Báo cáo tiến độ NSC 5612/1 (OCB) cho biết rằng sức mạnh nhân sự của

	ngành công an dân sự đã giảm 20 phần trăm nhờ các thiết bị, các phương tiện truyền thông và vận chuyển được hiện đại hóa. / 159-1.
Tháng 12-1951	Bài phát biểu của phó chủ tịch đảng Xã Hội Cấp Tiến Daladier đã cho biết việc dân Pháp chống chiến tranh Đông Dương càng ngày càng lớn mạnh. Daladier yêu cầu Pháp tìm kiếm hòa bình thông qua Liên hiệp quốc.
18-12-1951	Mỹ đề xuất một thỏa thuận được thực hiện giữa Pháp và Mỹ để đảm bảo sự liên tục trong tư cách hợp pháp của Nhà Nước Việt Nam để được hưởng các chương trình viện trợ quân sự và kinh tế hiện nay đang được mở rộng. Một thỏa thuận đã được phê chuẩn vào ngày 03 tháng 1 năm 1952
Năm 1951	Lợi dụng những thay đổi về tính chất của cuộc chiến, De Lattre trong chức chức Tổng Đốc ngăn ngui của mình đã tạo ra động lực quyết định đến sự hình thành trể quân đội Việt Nam, đầu tiên bằng cách thuyết phục phía Việt Nam chấp nhận các nguyên tắc một chế độ cưỡng bách tòng quân quốc gia, và thứ hai bằng cách đàm phán thành công với Washington viện trợ quân sự để trang bị cho các sư đoàn Việt Nam mà họ bây giờ đề xuất gây dựng và đào tạo. / Lancaster.
Đầu năm 1951	Một trường đào tạo cho nhân lực Không Quân được mở tại Nha Trang
07-01-1952	Tướng De Lattre bị ốm, Tướng Salan chỉ huy lực lượng Pháp trong lúc De Lattre vắng mặt.
11-01-1952	De Lattre chết. Những người cộng sản bắt đầu một cuộc tấn công mới. Với thiết bị Trung Quốc, kể cả pháo binh, họ bây giờ có thể làm tiêu hao các phần thắng của De Lattre và loại bỏ nhiều vị trí <i>[đồn bót]</i> nhỏ hơn giữa các thành phố mà Pháp đã tổ chức.
11-01-1952	Sức mạnh của quân đội Việt Nam là 65.000.
11-01-1952	Nguyên thủ ba quốc gia <i>[Mỹ, Pháp, Việt]</i> hội thảo tại Washington
28-01-1952	Bảo Đại cam kết thành lập một quân đội Việt Nam 120.000 người.
04-02-1952	Bộ Trưởng Letourneau thảo luận với Bảo Đại và Hoa Kỳ về việc xây dựng với quân đội Việt Nam. Việc thiếu sĩ quan làm chậm lại hiệp định huấn luyện. Đạt được một thỏa thuận về việc bổ nhiệm một Tham mưu trưởng và một Bộ trưởng Quốc Phòng toàn thời gian <i>[để phân biệt với việc kiêm nhiệm]</i> .

11-02-1952	Lính nhảy dù Việt Nam được sử dụng trong một cuộc tấn công ở đồng bằng Bắc Bộ.
22-02-1952	Lực lượng Cao Đài ly khai đụng độ với Pháp. Lãnh đạo của họ, Đại Tá Trình Minh Tây bị tố cáo là một kẻ phản bội.
23-02-1952	Pháp yêu cầu viện trợ Mỹ nhiều hơn để vũ trang các sư đoàn tân lập
24-02-1952	Tướng Salan sơ tán quân đội Pháp và Việt Nam ra khỏi Hòa Bình và trên con đường từ cuối phía Tây của Hoà Bình đi Hà Nội để cung cấp thêm quân cho các chiến dịch ở đồng bằng sông Hồng.
08-03-1952	Bảo Đại bổ nhiệm Tướng Nguyễn Văn Hinh làm Tham Mưu Trưởng.
18-03-1952	Acheson nói với một Ủy Ban Thượng viện rằng tình hình Đông Dương là rất nghiêm trọng. Ông nhấn mạnh sự cần thiết là phải có một lực lượng bản xứ lớn hơn và hiệu quả hơn. Letourneau cảm thấy báo động của Acheson là phi lý.
Từ tháng 04 đến cuối 1952	Lực lượng người Việt ngày càng được sử dụng trong chiến đấu.
01-04-1952	Bộ Trưởng Letourneau được bổ nhiệm làm Cao ủy, và vẫn nằm trong nội các Pháp như Bộ Trưởng các nước Đông Dương. Tướng Salan vẫn làm chỉ huy quân sự..
10-04-1952	Letourneau nói rằng Pháp sẽ duy trì quân đội [<i>Pháp</i>] của họ ở nước này cho đến khi quân đội bản xứ đã sẵn sàng.
16-04-1952	Các sĩ quan người bản xứ theo Tướng Nguyễn Văn Hinh về nắm các chức vị trong Bộ Tổng Tham Mưu
19-04-1952	Tướng Salan ca ngợi quân đội người bản xứ đã xóa các ổ địch ở đồng bằng sông Hồng
27-04-1952	Quân đội Việt Nam thành lập nhóm chiến đấu cấp Trung đoàn như đã được vạch ra bởi Tham Mưu Trưởng của họ
Tháng 05-1952	Bộ Tổng Tham Mưu ra đời.
18-05-1952	Việc phát triển lực lượng người bản xứ đã đưa lực lượng Pháp và Đông Dương lên tổng số là 400,000 người. 50.000 quân chính quy đã được thêm

	vào kể từ 19 tháng Sáu
24-05-1952	Việt Nam định gọi lứa tuổi 20-28 có bằng Trung Học để phục vụ như Sĩ quan trong quân đội. Lệnh Tổng Động Viên bị hủy bỏ.
28-05-1952	Tại các cuộc họp ba bên ở PARIS, họ nhấn mạnh nhiều hỗ trợ tài chánh từ Mỹ là cần thiết để đưa quân đội các quốc gia Đông Dương lên con số 200,000 người
Tháng 06, 1952	Bốn quân khu của Việt Nam được thành lập.
Tháng 06, 1952	Letourneau tới Washington để thảo luận về việc tăng Viện Trợ Mỹ. Những cuộc thảo luận dẫn đến một thỏa thuận tăng viện trợ quân sự và tài chính của Mỹ để trang trải 40% chi phí chiến tranh của Pháp ở Đông Dương. Một thông cáo cuối cùng được ban hành ngày 18 tháng 6 tuyên bố rằng cuộc đấu tranh trong đó lực lượng của Liên Hiệp Pháp và có sự tham gia của các nước Đông Dương, chống lại lực lượng của Cộng sản xâm lược ở Đông Dương, là một phần trong nỗ lực của các quốc gia Tự Do trên thế giới chống lại những nỗ lực chinh phục và lật đổ của Cộng Sản. / Bộ Ngoại Giao
03-06-1952	Dưới quyền của Cao ủy Letourneau, Pháp đã làm kích động phe dân tộc chủ nghĩa ôn hòa qua việc bổ nhiệm Nguyễn Văn Tâm làm Thủ Tướng Chính Phủ Trung Ương. Nguyễn Văn Tâm là cha của Tướng Nguyễn Văn Hinh, người sau đó đã trở Tư Lệnh quân đội Việt Nam, bị căm ghét vì ông ta đã đàn áp tàn bạo các phong trào kháng chiến Việt Nam
07-06-1952	Biệt kích Pháp-Việt đột kích vùng biển Trung Phần VN
09-06-1952	Pháp hy vọng sẽ chuyển gánh nặng chiến tranh cho các lực lượng Việt Nam.
15-06-1952	Heath, Bộ Trưởng của Mỹ và Letourneau, Bộ Trưởng của Pháp trao đổi ở Washington. Letourneau thúc hối tăng viện trợ để mở rộng lực lượng bản xứ và kêu gọi một chính sách chung Mỹ - Anh - Pháp để đảm bảo hỗ trợ của phương Tây cho Việt Nam
24-06-1952	Trong một cuộc tranh luận về NSC 124, việc đào tạo một quân đội bản xứ là một giải pháp thay thế, đưa ra bởi Bộ Trưởng Kimball đã thành công xem xét Liên Xô ở tầm chiến tranh địa phương.
25-06-1952	Nguyễn Văn Tâm nhậm chức Thủ Tướng, được bổ nhiệm bởi Bảo Đại, và nhà vua không ở trong nước

Tháng 07-1952	Sứ quán Mỹ ở Sài Gòn được nâng lên qui chế Đại sứ quán. Đại sứ Hoa Kỳ đã trình Ủy Nhiệm Thư lên Bảo Đại. Đại sứ quán Việt Nam được thành lập ở Washington DC / JB
12-07-1952	Letourneau tiết lộ rằng quân đội Quốc Gia Việt Nam đã đạt mức 68.000 người.
30-07-1952	Pháp cảnh báo rằng họ có thể phải từ bỏ cuộc chiến nếu Mỹ không tăng kinh phí cho các hợp đồng quốc phòng Pháp. Viện trợ cho Đông Dương năm 1953 đã được thiết lập ở con số \$350-triệu. Pháp gợi ý cần các lực lượng tiếp ứng của Mỹ.
01-08-1952	Thủ Tướng Việt Nam hứa sẽ có thêm hai sư đoàn người Việt vào cuối năm. Dự kiến một loại thuế mới để gây quỹ cho quân đội.
21-09-1952	Việt Minh tổ chức một cuộc tấn công gần Sài Gòn.
12-10-1952	Chuyến tàu chở viện trợ quân sự của Mỹ lần thứ 200 đến Sài Gòn. /J.B.
Năm 1952	Một trường đào tạo hải quân được thành lập tại Nha Trang.
20-01-1952	Tướng O'Daniel đi Việt Nam để đánh giá kế hoạch hành động của Letourneau.
Tháng 02-1953	Một Ủy ban Đặc Biệt cho trợ lý Bộ Trưởng Ngoại Giao đặc trách về ISA đề xuất chống lại việc Mỹ tham gia trực tiếp vào chương trình đào tạo cho quân đội Việt Nam trong tương lai gần. /JCS Hist.
04-02-1953	Bộ Trưởng Letourneau báo cáo về một kế hoạch mới để tăng tốc độ đào tạo quân Việt Nam
16-02-1953	Cựu Thủ Tướng Reynaud cảm thấy việc tăng quân đội Việt Nam là giải pháp duy nhất để thoát tình trạng bế tắc về quân sự. Thống Tướng Juin đồng tình.
22-02-1953	Bộ Tư Lệnh Tối Cao Pháp-Việt xem xét việc tăng gấp đôi quân đội Việt Nam. Chuyện xảy ra là Pháp chấp nhận kế hoạch của Tướng Nguyễn Văn Hinh, chỉ huy trưởng quân đội của Bảo Đại nhằm gia tăng quân chính quy. Khó khăn tài chính đã được dự đoán.

23-02-1953	Một cuộc hội đàm đã diễn ra tại Đà Lạt, Việt Nam, giữa các Tư lệnh Quân Sự cao cấp Pháp và Việt Nam. Họ quyết định tăng gấp đôi kích thước dự kiến của VNA bằng cách tuyển thêm 60 tiểu đoàn. Thành viên hiện diện gồm có Bảo Đại (lãnh đạo Quốc Gia), Nguyễn Văn Tâm (Thủ Tướng), Nguyễn Văn Hinh (Tham Mưu Trưởng), Letourneau, và <i>[Tướng Raoul]</i> Salan. Quyết định đó là một động thái nhằm chấm dứt tình trạng bế tắc quân sự. Quân chính quy = 160.000. Ba chục ngàn sẽ được thêm vào cuối năm 1953 tức 20 tiểu đoàn.
24-02-1953	C.L Sulzberger báo cáo cho Thủ Tướng Mayer khi nói rằng Pháp không thể đáp ứng nhiều hơn bất kỳ cam kết nào ở Âu châu, trừ khi các Đồng Minh NATO gia tăng viện trợ của họ. Một ủy ban đã nhất trí tăng cường VNA từ 30 tiểu đoàn đến việc Mỹ cung cấp 42 triệu tiền viện trợ với điều kiện Mỹ được quyền đặt các quan sát viên chung với quân đội. / NYT 022443.
24-02-1953	Một Ủy Ban Quân Sự Tối Cao Pháp-Việt quyết định tăng lên 71 tiểu đoàn.
25-02-1953	Việt Nam được tự do hơn trong việc phát triển quân đội quốc gia mà không thông qua việc kiểm soát của Pháp. 54 tiểu đoàn đã được hình thành vào năm 1953, kiểm soát các vùng ít bị quân nổi dậy kiểm soát
Mùa Xuân 1953	Quân Viễn chinh Pháp = bộ binh 175, 000 quân chính quy bao gồm 54,000 Pháp, 30.000 Bắc Phi, 18.000 Phi châu, 20.000 lính Lê Dương, 53.000 quân người bản xứ, và 55, 000 quân không chính quy, đội ngũ Hải Quân có 5.000, Không quân có 30.000. Quân đội các nước Đông Dương có 150.000 chính qui và 50.000 quân không chính quy tại Việt Nam, 15.000 tại Lào, 10.000 ở Campuchia./ Navarre.
Tháng 03, 1953	Ủy Ban Quân Sự Tối Cao Pháp-Việt đồng thuận một chương trình mới trong năm 1953 gọi nhập ngũ 40.000 thanh niên để lập 54 tiểu đoàn "biệt kích" để tăng cường sức mạnh của quân đội Việt Nam
14-03-1953	Chính phủ Pháp xem xét một kế hoạch để làm giảm bớt các cam kết của họ ở Đông dương bằng cách đào tạo nhiều quân Việt hơn.
20-03-1953	Trong một chuyến viếng thăm Đông Dương, Tướng Mỹ Mark Clark ca ngợi chiến thuật và phương pháp đào tạo của Pháp, thấy không cần giảng viên quân sự Mỹ, và nói rằng Hoa Kỳ sẽ không áp đặt phương pháp của Mỹ lên Pháp.
23-03-1953	Tướng Mark Clark nhấn mạnh nhu cầu mở rộng quân đội Việt Nam, và đã quan tâm trong việc phát triển dân quân địa phương, cán bộ viên chức, và

	tính di động của quân đội
25-03-1953	H.W. Baldwin lạc quan về đầu tư của Pháp và sức mạnh của quân đội Việt Nam.
22-04-1953	Trong cuộc họp hai bên (Mỹ-Pháp) ở Washington, Dulles đã rất lo lắng về việc Pháp sẽ thông <i>[hay không thông]</i> qua các phương pháp đào tạo của Mỹ đã rất thành công ở Triều Tiên được mang ra xử dụng ở Đông Dương. / JCS Hist
22-04-1953	Chính phủ Paris ra sắc lệnh Pháp rằng Đông Dương sẽ được đại diện bởi một Ủy Ban Tối Cao gồm Tổng Cao Ủy Sài Gòn và các Cao Ủy của mỗi nước Đông Dương
26-04-1953	G. Gautier được bổ nhiệm làm Cao Ủy Việt Nam.
Tháng 05, 1953	Toàn bộ sức mạnh của Việt Minh = 280, 000 người gồm quân chính quy, quân địa phương và dân quân. Nổi bật là lực lượng tấn công chính có 70.000 người trong năm sư đoàn ưu tú
08-05-1953	Tướng Henri Navarre được chỉ định bởi Thủ Tướng Mayer làm Tổng Chỉ Huy các lực lượng Liên hiệp Pháp ở Đông Dương thay Tướng Salan. Ông nhậm chức ngày 20 tháng 5
04-06-1953	Việc phát triển quân đội Việt Nam như Pháp đã hứa hẹn năm 1949 đã chậm phát triển do thiếu sĩ quan, do Pháp thiếu niềm tin về phía Việt Nam và vấn đề thuế khóa của Pháp / NIE 91
Tháng 07, 1953	Suốt cả tháng ở Paris Navarre tham dự các cuộc họp liên quan đến hoạt động Pháp ở Đông Dương. Quy mô các yêu cầu của Navarre bị bác bỏ bởi các Tham mưu trưởng vì nếu chấp thuận, thì sẽ gây ra một ảnh hưởng rất xấu đến tình hình quân sự chung ở Âu châu và Bắc Phi. Họ đề xuất cố gắng để có một sự bảo đảm quốc tế về sự toàn vẹn lãnh thổ của Lào để giảm bớt trách nhiệm của Pháp về vấn đề an ninh. / Lancaster
03-07-1953	Chính phủ Pháp trao một văn thư cho Cao Ủy Việt Nam, Campuchia trong đó đưa ra tuyên bố long trọng là Pháp sẵn sàng hoàn trả Độc Lập và lãnh thổ cho họ bằng cách chuyển tất cả các chức năng còn lại mà Pháp còn kiểm soát, và mời các chính quyền đó đàm phán để giải quyết những đòi hỏi của Pháp trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, tư pháp, quân sự, chính trị / Lancaster.

03-07-1953	M. Dejean được bổ nhiệm làm Cao Ủy Đông Dương
09-07-1953	Tướng Mỹ O'Daniel kết thúc một cuộc khảo sát 3 tuần. Ông ủng hộ việc gia tăng viện trợ quân sự và có niềm tin về chiến thắng của Pháp một khi quân đội Việt Nam được hoàn thành tổ chức
12-07-1953	Với đàm phán song phương Pháp-Mỹ, kế hoạch Navarre được xác định, là phải tổ chức lại cấu trúc để tạo ra các đơn vị thích nghi tốt hơn với điều kiện của chiến tranh và các hoạt động tấn công. / IST Ghi Chú 67.
16-07-1953	James Reston, NYT (báo New York Time) , đã gắn kết sự bẽ bề trong việc phát triển quân đội bản xứ với sự không nhiệt tình dành cho chế độ Bảo Đại
27-07-1953	Sau đình chiến ở Hàn Quốc, Viện trợ Mỹ cho Pháp tại Việt Nam đã tăng trưởng về khối lượng
06-09-1953	Những người dân tộc chủ nghĩa không cộng sản đã tổ chức họp tại Sài Gòn. Họ lên án chủ nghĩa thực dân Pháp, chỉ trích Thủ Tướng và yêu cầu bầu Quốc Hội.
23-09-1953	Pháp chính thức chính thức thỏa thuận cho nhân viên Mỹ kiểm tra xem viện trợ Mỹ đã được đưa về đâu.
Tháng 10, 1953	Người ta hy vọng rằng sẽ có 30,000 người mới sẽ được huy động vào quân đội Việt Nam trước tháng 12.
14-10-1953	Một Đại hội toàn quốc Việt Nam gồm 200 người được triệu tập ở Sài Gòn chứ không phải là các đại biểu tiềm năng được lựa chọn cho một cuộc họp với Pháp. Họ thông qua nghị quyết tuyên bố một Việt Nam Độc Lập không thể nằm trong Liên Hiệp Pháp
15-10-1953	Tướng Navarre tung ra hoạt động tấn công nặng nhất trong hai năm.
Tháng 11, 1953	Tướng O'Daniel và Bonsal đã tiến hành một khảo sát thứ hai tại Việt Nam. / Báo cáo nộp ngày 12-19-53.
	Tướng O'Daniel báo cáo là tất cả những đề nghị mà ông đưa ra cho Pháp đều thất bại ngay từ lúc giới thiệu những ảnh hưởng lớn của Mỹ trong việc lập kế hoạch hoạt động và đào tạo các lực lượng Việt Nam. / JCS HIST.

	Thiếu Tướng Paul W. Caraway báo cáo rằng quân đội quốc gia không có vẻ là giả đò
19-11-1953	Báo cáo thứ nhì của Tướng O'Daniel cho biết là người Pháp nắm sáng kiến quân sự. Quân đội bản địa đã phát triển như kế hoạch. Các tiểu đoàn Việt chỉ nên dùng với các lực lượng chính quy và không dùng các tiểu đoàn một cách riêng rẽ. Việc các lực lượng Pháp được tổ chức lại thành các nhóm lưu động và cấp sư đoàn là có ý nghĩa. Việc đào tạo quân đội Quốc gia là không đạt yêu cầu. Trưởng MAAG Đông Dương song hành trong các kế hoạch của Pháp.
29-11-1953	Hồ Chí Minh đưa ra lời kêu gọi đàm phán hoà bình trên một tờ báo ở Stockholm.
17-12-1953	Nguyễn Văn Tâm rời chức Thủ Tướng
18-12-1953	Bảo Đại yêu cầu Hoàng Thân Bửu Lộc nắm chức Thủ Tướng của Việt Nam. Ông này vào chức vào ngày 16 tháng 01, 1954 và phục vụ cho đến 16 tháng 06, 1954.
Năm 1953	Một phần đáng kể của viện trợ Hoa Kỳ trong năm 1953 là dành cho việc trang bị cho quân đội Việt Nam đã phát triển tới mức 155.000 người vào thời điểm kết thúc năm 1952, và được mở rộng thêm 40.000 vào cuối năm 1953, để đạt được một sức mạnh 300.000 người vào cuối năm 1954. Pháp có kế hoạch tăng sức mạnh của quân Viễn Chinh của họ ở Đông Dương đến mức 250,000 vào cuối năm 1953. / ALM
Năm 1954	Có 25 tùy viên được bổ nhiệm cho STEM để hỗ trợ về kinh tế và kỹ thuật cho Đông Dương. STEM có 100 nhân viên người bản xứ
Tháng 11, 1954	Quân Viễn Chinh Pháp ở Đông Dương = 240.000, Quân Đội Quốc Gia Việt Nam = 211.000; Quân Đội Lào = 21.000.; Quân Đội Campuchia = 16.000. Việt Minh = 115.000 quân Chính quy cộng với 185.000 dân quân + du kích.
16-01-1954	Nội các của Hoàng Thân Bửu Lộc ra mắt
26-01-1954	Tại Hội Nghị Tứ Cường ở Berlin, Bidault xác nhận rằng một hội nghị về Đông Dương sẽ được tổ chức. Kết quả chính của Hội Nghị Berlin là việc xác định ngày 26 tháng 4 là ngày của Hội Nghị về Đông Dương. / FLEM-CWO.
29-01-1954	Bộ Trưởng Ngoại Giao gửi văn thư cho Bộ Trưởng Không Quân chỉ đạo việc

	gửi 200 quân nhân Không Quân đến Đông Dương từ nay đến ngày 15 tháng Sáu năm 1954.
29-01-1954	Trung Tướng Erskine, Chủ tịch Ủy Ban Đặc Biệt của TổngThống về Đông Dương, cho rằng MAAG Đông Dương nên nâng cấp nhiệm vụ để giúp trong việc đào tạo
Tháng 12, 1954	Sư đoàn tân lập đầu tiên ra mắt theo kế hoạch Navarre và bị giữ không hoạt động, đã quay lưng lại với Bảo Đại và người Pháp./ FLEM-CWO.
	Tổng thống Rhee của Hàn Quốc đề nghị gửi một Sư đoàn Hàn Quốc vào Đông Dương. Bị từ chối. / 314-1
01-12-1954	Tổng thống Eisenhower, Hội đồng An ninh Quốc gia, các Tham mưu Liên quân, các cơ quan khác của chính phủ và Ủy ban Đặc Biệt dưới sự chủ trì của W. Bedell Smith đã nghiên cứu tình hình Đông Dương trong hướng Mỹ sẽ phải làm gì. Họ đã xem xét việc xử dụng các lực lượng mặt đất, không quân, hải quân Mỹ ở Đông Dương và cũng xem xét các lý thuyết cũ cho rằng Đông Dương là chìa khóa đến Đông Nam Á, cân nhắc giải pháp thay thế như tăng cường sức mạnh cho Thái Lan. / FLEM-CWO.
05-01-1954	Trung tướng. O'Daniel báo cáo về chuyến đi khảo sát lần thứ ba đến Việt Nam, đề xuất 1) Tổ chức của một nhóm nhỏ nhân viên nhanh chóng đi Việt Nam với kế hoạch chi tiết về hoạt động và đào tạo 2) Hai sĩ quan được bổ nhiệm cạnh Chính Phủ Việt Nam 3) Thêm ngân quỹ cho STEM 4) Đào tạo chỉ huy cho lực lượng Hải quân và Không quân Việt Nam
09-02-1954	Bộ Trưởng Bộ Chiến Tranh René Pleven đi thăm vòng Việt Nam. / Lancaster.
Giữa tháng Hai 1954	Tướng Fay và Blanck , Tham Mưu trưởng Không Quân và Quân Đội [Mỹ] tương ứng và Bộ Trưởng Bộ Chiến Tranh Pierre de Chevigne của Pháp đi thăm khắp Việt Nam. / Lancaster.
Tháng 03 – Tháng 04, 1954	Trận Điện Biên Phủ nổ ra.
03-03-1954	Hoàng Thân Bửu Lộc đến Paris với một đoàn đại biểu để đàm phán giải quyết vấn đề Việt Nam trên cơ sở lời tuyên bố long trọng của chính phủ Pháp ngày 03 Tháng 07 năm 1953. Pháp khẳng khăng đòi lập một Ủy Ban để xem xét nền Độc Lập hoàn toàn và một Ủy Ban để xác định tính chất của Việt Nam trong Liên Hiệp Pháp. Điều này có hiệu quả trói buộc và

	chấm dứt các hành động <i>[của đoàn VN]</i> cho đến khi Hội nghị Genève được mở ra (Xem 082454) / Lancaster
20-03-1954	ALSOP báo cáo rằng Tướng Ely cho biết ở Washington rằng Pháp không thể giành chiến thắng với các phương tiện đang có trong tay và do đó phải tìm kiếm một đàm phán Hòa Bình nhưng Mỹ không thể chấp nhận điều này vì không có đánh nhau ở Đông Dương, như ở Hàn Quốc. Kẻ thù đang có mặt khắp nơi, vì vậy nếu Pháp rút đi, bất cứ giải pháp đàm phán nào cũng nhanh chóng dẫn đến việc cộng sản kiểm soát toàn bộ. / FLEM-CWO.
22-03-1954	Đô Đốc Arthur Radford, Chủ Tịch JCS, tuyên bố rằng Pháp sẽ thắng cuộc chiến này. / FLEM-CWO.
24-03-1954	Tổng Thống Mỹ ca ngợi chủ nghĩa anh hùng của quân đội Pháp và tuyên bố rằng xâm lược của Cộng Sản đã được chiến đấu ở Đông Dương. "Cộng Sản xâm lược" trở thành cụm từ được sử dụng ở Washington để nói đến chiến tranh Đông Dương. / FLEM-CWO.
29-03-1954	Dulles đã đọc bài phát biểu đã được Tổng Thống phê duyệt, tuyên bố rằng sự thống trị của cộng sản Đông Dương và Đông Nam Á bằng bất cứ thế nào cũng sẽ đe dọa nghiêm trọng tới cộng đồng các nước Tự Do và <i>[chúng ta]</i> không nên thụ động chấp nhận. Qua những lời lẽ đó, ông đã loại bỏ ngay bầu cử tự do như một phương tiện để hợp pháp hóa chính phủ cộng sản Hồ Chí Minh ở Đông Dương, thay vào đó nhấn mạnh sự phong phú của khu vực và tầm quan trọng chiến lược của nó. Phản ứng ở Sài Gòn là Mỹ không được ưa chuộng. / FLEM-CWO kiểm tra FLEM CWO trang 689 Ghi Chú 99
Tháng 04, 1954	Tướng ÓDaniel được bổ nhiệm thường trú vào Đông Dương. / JCS Hist.
03-04-1954	Một cuộc họp bí mật được tổ chức ở Washington, Dulles và Radford cố gắng thuyết phục tám lãnh đạo của Quốc Hội để ủng hộ một nghị quyết của Quốc Hội cho phép Mỹ tham gia vào chiến tranh Đông Dương. Cuộc họp được tổ chức bởi thẩm quyền của Tổng Thống. Các nhà lập pháp có mặt là Thượng Nghị Sĩ William F. Knowland, TNS. Eugene Milliman, TNS. Lyndon Johnson TNS Richard B. Russell, TNS Earl C. Clements, Chủ Tịch Hạ Viện Joseph Martin, Dân Biểu John H. Mc Cormack, và Dân Biểu. J. Percy Priest. Radford muốn gửi 200 máy bay từ Hàng Không Mẫu Hạm Essex đang có mặt ở biển Đông cộng thêm nhiều máy bay khác đến từ Philippines, để cứu Điện Biên Phủ. Những vấn đề được đưa mà không ai trong ba Tham Mưu Trưởng chấp nhận ý tưởng đó. Radford nói vì ông đã dành nhiều thời gian ở vùng Viễn Đông hơn bất kỳ người nào trong số họ

	và do đó ông hiểu tình hình tốt hơn. / FLD1-CWO.
07-04-1954	Tổng Thống.Eisenhower xử dụng các phiến Domino để chứng minh thuyết Domino trong buổi họp báo. / Gentleman Trang.100
13-04-1954	Một văn thư được Bộ Trưởng Quốc Phòng gửi JCS nêu rõ rằng quân đội có khả năng lập và duy trì an ninh nội bộ chống những người bất mãn và kẻ cướp nhưng không thể chống nổi một cuộc xâm lược toàn diện dưới sự điều khiển của DRV
15-04-1954	Đô Đốc Radford, Chủ tịch JCS cho biết trong một bài phát biểu rằng mất Đông Dương sẽ là khúc dạo đầu cho việc mất tất cả khu vực Đông Nam Á và đe dọa đến một khu vực rộng rãi hơn. / Gentleman Trang.100
16-04-1954	Phó Tổng thống Nixon trong một diễn văn trước Hiệp Hội Các Biên Tập Viên Báo Chí ở Mỹ đã loại trừ khả năng đàm phán với những người cộng sản để phân chia lãnh thổ. Ông đã nói: "Hy vọng rằng Mỹ sẽ không phải gửi quân đến đó, nhưng nếu chính phủ không thể tránh việc đó, chính quyền phải đối mặt tình thế và gửi các lực lượng của mình đến đó." / Gentleman.
26-04-1954	Phản ứng của công chúng là đối nghịch với tuyên bố của Nixon đến nỗi Dulles phải nói việc đưa quân đội là không có thể. / FLEM-CWO.
28-04-1954	Một Tuyên bố chung Pháp-Việt nói rằng Việt Nam nay hoàn toàn độc lập (Độc lập mà Pháp đã tuyên bố nửa tá lần)
Tháng 05, 1954	Quai d'Orsay trước sự khẳng khẳng của Bộ Ngoại Giao Mỹ đã gửi sứ giả đến gặp Bảo Đại ở Cannes yêu cầu chấp nhận bổ nhiệm Diệm. Diệm đã có mặt ở Sài Gòn năm 1954. (WID 41-57). Đầu tháng Năm, Diệm gặp rắc rối với Bảo Đại. Cả Pháp lẫn Bảo Đại đều không ưa Diệm. Dulles và Hồng y Spellman ủng hộ của một chính phủ do Diệm đứng đầu mặc dù đã có những chỉ dấu rằng Dulles cũng không hồ hởi lắm khi giới thiệu Diệm. Chính phủ Pháp không phản đối việc này. Một số lãnh đạo Pháp khuyến khích <i>[bổ nhiệm Diệm]</i> như cựu Cao ủy Letourneau và Frederic-Dupont là những người trong một vài ngày trước khi chính phủ Laniel sụp đổ đã từng là Bộ trưởng Bộ Các Nước Đông Dương. / J • B.
03-05-1954	Trung Tướng Thomas J.H Trapnell không đồng ý trong gần như tất cả các khía cạnh với Tướng O'Daniel về đánh giá chiến tranh Đông Dương của ông này. Ông nhấn mạnh bản chất chính trị của chiến tranh và nói rằng một giải pháp quân sự là không thể.

06-05-1954	Điện Biên Phủ thất thủ
07-05-1954	Sau khi Điện Biên Phủ thất thủ, Ngoại trưởng Dulles cho rằng điều kiện hiện nay ở Đông Dương đã không cung cấp một cơ sở thích hợp để Hoa Kỳ tham gia với lực lượng vũ trang. Tuy nhiên, ông tuyên bố rằng nếu hiệp ước đình chiến hoặc ngừng bắn được kết thúc ở Geneva và nó cung cấp một lộ trình cho Cộng sản cưỡng chiếm và gây hấn thêm, hoặc chiến tranh vẫn tiếp diễn, thì lúc đó nhu cầu khẩn cấp hơn là tạo điều kiện cho một hành động chung để bảo vệ khu vực. Bộ Trưởng sau đó chỉ ra rằng Tổng thống Eisenhower đã nhiều lần nhấn mạnh rằng Hoa Kỳ sẽ không có hành động quân sự ở Đông Dương mà không có sự hỗ trợ của Quốc Hội, rằng ông sẽ không tìm kiếm sự hỗ trợ như vậy trừ khi có nỗ lực tập thể căn cứ trên sự hỗ trợ lẫn nhau chân thật trong việc bảo vệ các lợi ích sống còn.
08-05-1954	Hội nghị về Geneva về Đông Dương. (8 tháng 05 đến 21 tháng 7)
12-05-1954	Trong một cuộc họp báo ở Washington, trong báo cáo tuyên bố của Dulles rằng việc giữ lại các nước Đông Dương là không phải là thiết yếu đến quốc phòng của khu vực Đông Nam Á đã làm ảnh hưởng đến tinh thần người Pháp, gây bất lợi ở Geneva.
15-05-1954	Tướng Ely thoả thuận cho phép Mỹ đào tạo quân Việt Nam và đưa cố vấn Mỹ vào cạnh các đơn vị Việt Nam. Ông không đồng ý về việc hình thành hai sư đoàn nhẹ Việt Nam như Tướng O'Daniel đã yêu cầu. / JCS Hist..
18-05-1954	Các Tướng Ely, Salan, và Pelissier Sài Gòn. / Lancaster
18 đến 20 tháng 05, 1954	Bảo Đại tìm kiếm hỗ trợ cho VNA. Điều này đã được xem như một nỗ lực để xác định việc Mỹ đã sẵn lòng thay thế Pháp
20-05-1954	JCS được thuyết phục rằng can thiệp của Mỹ ở Đông Dương nên bắt đầu trước vào việc phát triển quân đội quốc gia hiệu quả để đảm bảo một chiến thắng quân sự. / JCS Hist.
24-05-1954	Tướng O'Daniel trình bày một kế hoạch để Bộ trưởng Quốc phòng Wilson chia ra làm 2 sư đoàn ở phía Bắc Việt Nam VÀ 9 sư đoàn khác ở miền Nam dưới quyền chỉ huy của Pháp với đại diện của Mỹ làm đối tác. JCS cảm thấy đây là một sự sắp xếp không thể thực hiện được mà không có thỏa thuận trước ở cấp độ chính phủ / JCS Hist.
26-05-1954	Một văn thư từ JCS gửi Bộ Trưởng Ngoại Giao nêu lên việc cần 2250 nhân

	viên Mỹ trên số 350 được MAAG đã yêu cầu để đào tạo quân đội các nước Đông Dương
Tháng 06-1954	Chính Phủ Việt Nam quyết định thành lập một Ủy ban Quốc phòng ở miền Bắc với lực lượng xưa nay dưới quyền Thống đốc và được lệnh chuẩn bị bảo vệ Hà Nội trong trường hợp Pháp rút quân. Những lệnh này sau đó được sửa đổi bổ sung, kết quả là Ủy Ban chỉ đạo hoạt động của họ thành việc tổ chức những trung tâm tiếp nhận người tị nạn sau đó được chuyển về miền Nam
Tháng 06-07 năm 1954	Sư đoàn 11 và sư đoàn 12 bộ binh của Pháp được chuyển về Tunisia với trang thiết bị của MDAP Mỹ. Nhưng với sự phê duyệt của Saceur.
Tháng 06-1954	Tổng Thống Hàn Quốc Rhee đề nghị gửi một quân đoàn Hàn Quốc đến Đông Dương. Ý kiến đã được giữ lại để xem xét. / 314-1
	Sức mạnh quân đội Việt Nam lên đỉnh điểm 219.000 người. / WID 20-56.
01-06-1954	Lansdale đến Sài Gòn để nắm Phái Bộ quân sự. / SMM Rept.
03-06-1954	Đô đốc Radford đề nghị cho Tướng Valluy, Tư Lệnh Phái đoàn quân sự Pháp, việc sử dụng của quân đội Hàn Quốc vào chiến tranh Đông Dương. Theo Valluy, Pháp đã sẵn sàng chuyển giao 2 trại huấn luyện lớn cho phía Mỹ.
	Tướng Paul Ely được bổ nhiệm làm Cao ủy Pháp ở Đông Dương.
04-05-1954	Phái đưa ra các Điều ước Quốc tế là Pháp công nhận Độc Lập hoàn toàn cho Chính Phủ Việt Nam. Việt Nam thỏa thuận tự ý gia nhập Liên Hiệp Pháp/ NYT
01-06-1954	Ở Paris., Thủ Tướng Pháp Laniel và Thủ Tướng Việt Nam Bửu Lộc khởi công hai hiệp ước, một hiệp ước cho Độc Lập của Việt Nam và một hiệp ước về Hợp Tác thông qua một Hội đồng tối cao.(Chi tiết về Hợp Tác tương lai, đặc biệt về kinh tế và quân sự, sẽ được làm việc riêng biệt với những hiệp định không bao giờ kết thúc.
05-06-1954	Paul Henri Ely được bổ nhiệm thay Dejean như Cao Ủy Đông Dương và thay Navarre như Tư Lệnh tối cao các lực lượng của Liên Hiệp Pháp ở Đông Dương.
06-06-1954	Pháp thỏa thuận việc bổ nhiệm Ngô Đình Diệm làm Thủ Tướng chính phủ

	Việt Nam
08-06-1954	Tướng Navarre bàn giao quyền chỉ huy cho Tướng Paul Ely
09-06-1954	Tướng Ely, thông qua O'Daniel, yêu cầu Mỹ đảm bảo nhiệm vụ tổ chức và giám sát trong việc huấn luyện các sư đoàn Việt Nam. / JCS Hist
09 đến 29 Tháng 06, 1954	Những đòi hỏi của Ely đã tạo ra một cuộc khủng hoảng ở Washington. Một nhiệm vụ đào tạo như thế đã được Dulles cảm nhận là đi ngược lại quyền lợi của Mỹ kể từ khi chiến tranh đã bị suy sụp một cách nhanh chóng. Tướng O'Daniel bị từ chối, không tiến hành được việc đào tạo / JCS Hist.
25-06-1954	Bộ Quốc Phòng yêu cầu Trưởng MAAG Đông Dương cung cấp thông tin về trọng tải và loại trang thiết bị ở Đông Dương. Trưởng MAAG trả lời ngày 03 và ngày 7 tháng 7. / 309-1
29-06-1954	Pháp bắt đầu di tản về phía Nam của đồng bằng sông Hồng.
Tháng 07-12 năm 1954	Việt Minh tăng cường 5 sư đoàn tân lập cho các lực lượng của họ. / JCS Hist.
	Hội nghị Genève là một thảm họa cho Ngoại trưởng Dulles. Sau kỳ nghỉ hai tuần, giữa đó, ông đã công bố cả ông hay Tướng Walter Bedell Smith sẽ trở lại. Tuy nhiên, sau một cuộc gọi khẩn cấp từ Mendes-France, Dulles đã bay sang Paris vào ngày 12 tháng 07, và Smith quay lại Geneva. Sáng kiến đều không nằm trong tay cả hai bên, các cường quốc cộng sản một bên và Eden và Mendes-France một bên. Cuối cùng Dulles thông báo rằng Mỹ sẽ không ký hiệp định. Tổng thống Eisenhower cho biết vào ngày 21 tháng 7 rằng Hoa Kỳ sẽ không chấp nhận chịu trách nhiệm <i>[như quốc gia]</i> bảo lãnh Hiệp Định và cũng không cố gắng loại bỏ chúng bằng vũ lực. Điều này được đặt tên "một chính sách vô tội bằng lý luận không đáng tới" / FLEM-CWO
Tháng 07, 1954	Mỹ và Anh gặp nhau để thảo luận về quốc phòng tập thể của Đông Nam Á.
	Tướng O'Daniel đề nghị JCS tăng cường MAAG Đông Dương để đưa ra một tổ chức có đủ nhân viên để cung cấp một chương trình đào tạo thực tế. Việc mở rộng phải được thực hiện trước thời hạn ngày 11 Tháng Tám, hạn chót ấn định bởi Hiệp định Giơ-ne-vơ. Bộ Trưởng Ngoại Giao đồng tình. / JCS Hist.
01-07-1954	Trung Tá Lucien Conen đến Sài Gòn như thành viên thứ nhì của SMM /

	SMM-Rept.
03-07-1954	Bộ Quốc phòng thông báo Bộ Ngoại Giao những hành động của họ để thu hồi trang thiết bị cho mượn trong chương trình MDAP ở Đông Dương. Bộ Ngoại Giao trả lời với yêu cầu liên lạc với MAAG được hướng dẫn về việc Pháp đã làm gì để thu hồi trang thiết bị MDAP. Trưởng MAAG trả lời ngày 03 tháng Bảy (7).
03 và 07 tháng 07, 1954	CINCPAC giao cho Trưởng MAAG Đông Dương trách nhiệm thu hồi hay tiêu hủy trang thiết bị MDAP của Mỹ ở Đông Dương.
07-07-1954	Ngô Đình Diệm về Việt Nam. / SMM Rept.
	Quốc Trưởng - Cựu hoàng Bảo Đại bổ nhiệm Ngô Đình Diệm làm Thủ Tướng của Việt Nam.
09-07-1954	Bộ Quốc phòng yêu cầu Bộ Ngoại Giao sử dụng các kênh ngoại giao để Pháp tuân thủ yêu cầu của Trưởng MAAG để biết thêm thông tin về ý định của Pháp về các trang thiết bị MIDAP. / 309-1
12-07-1954	Trưởng MAAG Đông Dương trình báo cáo tiến độ về việc bảo vệ trang thiết bị MDAP. Sự thành công của nó là tỷ lệ thuận với lượng thông tin mà người Pháp cung cấp. / 309-1
16-07-1954	Bộ Trưởng Ngoại Giao gửi thông tin cho Smith ở Geneva và khuyên ông cố gắng để bảo vệ trang thiết bị MDAP trong các điều khoản về ngừng bắn. / 309-1
17-07-1954	Báo cáo lần thứ nhì của Trưởng MAAG về trang thiết bị ở Đông Dương / 309-1
18-07-1954	Bộ Trưởng Ngoại Giao Walter Bedell Smith đã nói chuyện với Thủ Tướng Pháp Mendes-France trang thiết bị MDAP. Ông này hứa là sẽ thảo luận về vấn đề này với các quan chức Pháp phù hợp. / 309-1.
19-07-1954	Bộ Trưởng Ngoại Giao, thông qua các Tham Mưu Trưởng, đã yêu cầu Trưởng MAAG thông báo về kế hoạch cụ thể của Pháp đối với việc bảo vệ trang thiết bị MDAP ở Đông Dương. / 309-1
20-07-1954	Thông điệp của Trưởng MAAG Đông Dương cho biết kế hoạch thu hồi các trang thiết bị MDAP là đầy đủ vì vậy không có vấn đề.

	Thỏa Thuận Geneva được ký.
20-07-1954	Chia đôi Đất Nước ngang vĩ tuyến 17 đã trở thành một thực tế. Diệm phủ nhận nghĩa vụ thừa nhận Hiệp định Genève mà chính phủ của ông đã không ký kết. / WID 41-57.
21-07-1954	Tướng Deltiel nhân danh Tướng Ely, Tạ Quang Bửu, Phó Thủ Tướng Đặc trách Quốc Phòng của Việt Minh cùng ký kết hiệp định đình chiến. / Lancaster.
27-07-1954	Hiệp Định ngừng bắn (Chiến tranh Đông Dương) có hiệu lực tại miền Bắc Việt Nam.
Tháng 08, 1954	Luật An Ninh Hồ Tương đã được sửa đổi để cung cấp hỗ trợ trực tiếp cho Việt Nam.
	Chính phủ của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm đã không kiểm soát được quân đội, thiếu một chính quyền có khả năng, không có thẩm quyền trên lãnh thổ mà các giáo phái cai trị trong nhiều năm qua, và đấu tranh tuyệt vọng để cấp nơi ở và thức ăn cho khối lượng ngày càng tăng của người tị nạn.
	Theo một báo cáo của DA ACSI tháng Giêng 1956 cho biết sau Hiệp Định Geneva 25% VNA đã bỏ ngũ
01-08-1954	Ngừng bắn có hiệu lực vào ở Trung bộ Việt Nam.
04-08-1954	JCS trả lời đề nghị của Trưởng MAAG về việc đào tạo VNA. Việc này chỉ được thực hiện nếu các điều kiện sau đây hội đủ, 1) một sự ổn định mạnh mẽ của Chính Phủ; 2) Có yêu cầu chính thức từ quốc gia có liên quan để nhận viện trợ và hỗ trợ đào tạo 3) Pháp phải rút khỏi và trao Độc Lập hoàn toàn cho các quốc gia liên quan. Dulles cho rằng, mặc dù điều kiện của Việt Nam không hội đủ, điều tối quan trọng là Mỹ sẽ đào tạo để cho phép Việt Nam trở thành một nước mạnh và ổn định. Trong NSC 5427/2 vấn đề đã được quyết định thuận lợi về việc đào tạo Quân Đội Việt Nam / JCS Hist.
07-08-1954	Trưởng MAAG Đông Dương được bổ nhiệm để làm tổng điều phối viên của Mỹ tham gia vào việc sơ tán Bắc Việt Nam. / 217155.

11-08-1954	Dulles trong một văn thư gửi Thủ tướng Mendes-France nêu lên rằng Mỹ đã chuẩn bị để trực tiếp hỗ trợ, kể cả quân sự và ngân sách, và xem xét đào tạo các nước Đông Dương.
	Ngừng bắn có hiệu lực ở miền Nam Việt Nam.
	Thời hạn cuối về tổng lực lượng Pháp và Mỹ tại Việt Nam [<i>ấn định bởi Hiệp Định Geneva</i>]. / SMM Rept.
	Ủy ban Quốc tế Kiểm Soát Đình Chiến tại Việt Nam (xem mục 20-ngày 21 Tháng 7, 1954) được thành lập với Ấn Độ làm Chủ tịch và với Canada và Ba Lan là các thành viên khác.
20-08-1954	Eisenhower phê chuẩn một chính sách Mỹ nhấn mạnh chỉ tiếp tục làm việc với Pháp chừng nào còn cần thiết. OCMH NSC 5429/2
26-08-1954	Đại diện các nước Đông Dương bắt đầu cuộc họp tại Paris để thay thế Thỏa Ước PAU ký năm 1950
Tháng 09, 1954	Nhóm khảo sát của Đại Học Quốc Gia Michigan đi Việt Nam.
	Diệm yêu cầu Pháp rút hết lực lượng viễn chinh Pháp vào tháng 5 năm 1956. / JCS Hist.
	Xung đột công khai bắt đầu với Tư Lệnh quân đội [VN] được Pháp bổ nhiệm là Tướng Nguyễn Văn Hinh, người bị Ngô Đình Diệm sớm cách chức. Khi Bảo Đại nhận thức rằng làm hài lòng Mỹ có thể có lợi cho mình, ông ra lệnh Tướng Nguyễn Văn Hinh sang Pháp.
08-09-1954	Tám nước ký Hiệp Ước Liên Phòng Đông Nam Á, kể cả một điều khoản mở rộng để bảo vệ miền Nam Việt Nam, Campuchia và Lào chống xâm lược và có đủ điều kiện để nhận viện trợ kinh tế.
10-09-1954	Một mật vụ của Diệm thâm nhập vào một cuộc họp của Tổng Tham Mưu Trưởng phát hiện ra cuộc đảo chính đã được quy hoạch bởi Tướng Hinh để lật đổ Diệm. Diệm cách chức Hinh khỏi chức tư lệnh chỉ huy quân đội và yêu cầu ông này ra khỏi đất nước. Các hoạt động của Hinh làm gián đoạn hoạt động quy hoạch Bộ Tổng Tham Mưu quân đội Việt Nam, và tạo ra một thái độ vô trách nhiệm không tuân lệnh cấp trên trong hàng ngũ VNA./ JCS Hist.
17-09-1954	Văn phòng Ty Nạn được thành lập dưới sự lãnh đạo của một ủy viên

	ngang hàng với Bộ trưởng Ngoại Giao. / Lancaster
22-09-1954	Trong một bản ghi nhớ với Bộ trưởng Quốc phòng, JCS nói rằng Hiệp định Giơ-ne-vơ sẽ cản trở Mỹ trong việc đào tạo và trang bị cho <i>[quân đội]</i> Việt Nam. Họ ước tính rằng các trang thiết bị còn lại đủ để cung cấp cho Việt Nam. Việc đào tạo quân đội Việt Nam sẽ phải mất 3-5 năm và cần phải ở mức ưu tiên thấp so với các chương trình quân sự khác của Hoa Kỳ. Lúc này không phải là thời điểm tốt để tiếp tục cho thấy ý định của Mỹ là đào tạo lại lực lượng Việt Nam. Họ muốn để giữ lại quân Viễn chinh Pháp. / JCS HIST.
24-09-1954	Hội Nghị Washington đã đưa ra ánh sáng các khó khăn trong việc đào tạo VNA. Dulles xem VNA như là một lực lượng nhỏ phát triển để đảm bảo an ninh nội bộ. Quan điểm của JCS là một lực lượng gấp đôi là cần thiết để cho quân đội ngăn chặn xâm lược công khai trên toàn vùng phi quân sự. / JCS Hist.
	Các đại biểu Pháp (Guy Lachambre, Edgar Faure, Tướng Ely, và Đại sứ Henri Bonnet) thoả thuận về nguyên tắc rằng những bước để đạt được Độc Lập hoàn toàn là 1) Việc huỷ bỏ của các Hiệp định PAU mà thực tế là trao cho Pháp quyền kiểm soát về kinh tế, thương mại và tài chính của Việt Nam, 2) chuyển quyền Tổng chỉ huy quân đội quốc gia cho Chính phủ Việt Nam, 3) giao cho quân đội Mỹ nhiệm vụ đào tạo quân đội Việt Nam, 4) trao cho chính phủ Việt Nam toàn quyền kiểm soát các quỹ Viện trợ Mỹ, cuối cùng 5) thu hồi quân Viễn chinh khi có yêu cầu của Chính Phủ Việt Nam. / J.B. Dragon.
25-09-1954	Ngô Đình Diệm tổ chức lại nội các của ông với mục đích mời gọi sự hợp tác của một số lãnh đạo các giáo phái.
27-09-1954	Quân Viễn chinh Pháp 176.000 quân dự kiến giảm dần xuống mức 100,000 vào cuối năm 1955 /JCS Hist.
28-09-1954	Trong một hội nghị ở Washington giữa Pháp và Mỹ, việc bố trí trang thiết bị và việc gia tăng quân đội Việt Nam cùng với việc thu hồi lực lượng Pháp đã được thảo luận.
29-09-1954	Biên bản thông hiểu giữa Pháp-Mỹ về việc hỗ trợ, phát triển và củng cố Việt Nam Tự Do đã ký kết. / Thông điệp Bộ Ngoại Giao số 12292.
30-09-1954	Mỹ thận trọng trong việc thành lập VNA đến khi vị trí của Diệm đã vững. / Telg. / JCS Hist.

Tháng 10, 1954	Tướng Lawton Collins được chỉ định làm đại diện đặc biệt của Mỹ tại Việt Nam với hàm Đại sứ để phối hợp các chương trình viện trợ của Hoa Kỳ.
	Việt Minh rút khỏi vùng đồng bằng Nam Bộ, quân đội của Cao Đài và Hòa Hảo đã vào thay thế. / JCS Hist.
	Chính phủ miền Nam không thể thiết lập kiểm soát được khu vực nông thôn. Việt Minh đã tiếp quản khu vực rộng ở Trung Phần. Hòa Hảo và Cao Đài đánh nhau để giành các tỉnh ở vùng đồng bằng. JCS Hist.
	Tranh cãi phát triển giữa Tướng miền Nam [<i>Nguyễn Văn</i>] Hinh và Tổng Thống Diệm.
	Hinh được Ely và Heath cảnh báo là không được âm mưu chống lại Diệm. / JCS Hist
02-10-1954	Tướng Ely trao đổi với Bảo Đại về các cuộc đàm phán chính ở Washington và cảnh báo Bảo Đại không được làm méch lòng người Mỹ. Vì lẽ đó, Bảo Đại ngưng ủng hộ Tướng Hinh chống Diệm. / J B
08-10-1954	Jean Sainteny đã thiết lập các liên hệ chính trị ở Hà Nội giữa chính phủ Pháp và chế độ Hà Nội, để bảo vệ lợi ích các doanh nghiệp tư nhân của Pháp và để duy trì sự hợp tác tối đa về kinh tế giữa Pháp và VNDCCH. Doanh nghiệp Pháp đã bị quốc hữu hóa bắt đầu từ cuối năm 1955 khi cộng sản quyết định thành lập Chủ nghĩa Xã hội. / J. B. DRAGON.
	Mỹ đang phong tỏa miền Bắc Việt Nam khỏi miền Nam, để tẩy chay nền kinh tế của miền Bắc, đe dọa đưa vào danh sách đen các doanh nghiệp Pháp theo đuổi chính sách trái ngược với Mỹ. Chính sách của Pháp là trực tiếp đối nghịch. PARIS đã bí mật ký kết và thỏa thuận với Chính Phủ Hồ Chí Minh cung ứng sự công nhận tương đương. Jean Sainteny, tại Hà Nội, đang làm việc cho mối quan hệ tốt đẹp về chính trị và kinh tế với Chế độ Cộng Sản. Chính quyền Cộng Sản sẽ gửi một phái đoàn thường trực đến Paris. Pháp đã giữ một bàn chân lớn chặn cái cửa mà chúng ta đang tìm kiếm đóng lại. Họ tin rằng miền Nam sẽ bị Cộng Sản chiếm vào năm 1956 nhưng Nga và Trung Quốc không thể cung cấp nhiều viện trợ kinh tế và một thị trường tốt để mà Pháp có thể giữ lại được. / OFLEM-CWO Chú thích số1.
09-10-1954	Việt Minh chiếm Hà Nội. Pháp và SMM sơ tán khỏi Hà Nội / SMM Rept..

11-10-1954	Trong một văn thư gửi Bộ trưởng Quốc phòng Wilson, Dulles đưa ra ý kiến là Bộ Quốc Phòng nên cắt giảm kích thước của lực lượng được yêu cầu của các nước Đông Nam Á khi mà không một nước nào cần hành động riêng rẽ để bảo vệ mình. Yêu cầu quỹ viện trợ cho lực lượng Viễn Chinh 150.000 người của Pháp là không khả thi cho Mỹ tại thời điểm đó. / JCS Hist.
11-10-1954	Việt Minh cộng sản chính thức kiểm soát Hà Nội và miền Bắc Việt Nam
15-10-1954	Thượng Nghị Sĩ Mansfield đưa ra một báo cáo về Đông Dương lên tiếng mạnh mẽ chống lại mọi kế hoạch nhằm thay thế Diệm. Nếu Diệm bị lật đổ, Mỹ phải xem xét sau đó, trước mắt là ngưng tất cả viện trợ cho Việt Nam và các lực lượng Liên Hiệp Pháp ở đó, ngoại trừ viện trợ có tính chất nhân đạo. Mansfield bảo vệ Diệm trên cơ sở rằng Diệm có tiếng ở Việt Nam là người có tinh thần dân tộc chủ nghĩa mãnh liệt và cực kỳ liêm khiết. Ông tố cáo các mưu đồ không thể tưởng tượng được và những âm mưu không hợp tác và phá hoại đã đứng ra cản trở Diệm hoàn thành chương trình xây dựng mà ông ấy đề xuất. / U. S.
15-10-1954	Quân đội Việt Nam không có khả năng thi hành một hành động trị an nhỏ mà không có sự hiện diện của nhân viên và phương tiện của người Pháp / JCS Hist.
18-10-1954	JCS xem việc đào tạo quân đội Việt Nam là một cần thiết chính trị đáng để tính giá trị rủi ro. / JCS Hist.
19-10-1954	Trong bản ghi nhớ với Bộ trưởng Quốc phòng, JCS xây dựng trên cơ sở lý luận là phải tăng Quân đội Việt Nam. SEATO đã không đưa ra các cam kết quân sự của các nước thành viên. Yêu cầu rút FEC sẽ tạo ra một khoảng trống nghiêm trọng để đối phó với số Việt Minh còn nằm lại. Mục tiêu của quân đội Việt Nam là bảo vệ hạn chế ở vĩ tuyến 17 để ngăn chặn xâm lược và bảo vệ an ninh nội bộ. JCS không muốn đào tạo quân đội Việt Nam chỉ với một lực lượng MAAG với 342-người. Nhưng nếu việc đào tạo là cần thiết, họ cảm thấy rằng việc Pháp "đứng đưng vào" là cần thiết. / JCS Hist.
22-10-1954	Hội Đồng An Ninh Quốc Gia chấp thuận một Ủy Ban Phối hợp một Chương Trình đào tạo giới hạn và tạm thời. Một công điện gửi Đại Sứ Heath và Tướng O'Daniel ở Sài Gòn hướng dẫn họ cộng tác trong việc thành lập một chương trình để cải thiện sự trung thành và hiệu quả của quân đội Việt Nam. Điều này làm Pháp ngạc nhiên. / JCS Hist.
	Tổng Thống Eisenhower ra lệnh mở một chương trình khẩn cấp nhằm củng cố chính quyền Diệm và một loạt chương trình dài hạn để xây dựng quân

	đội Việt Nam.
24-10-1954	Tổng Thống Eisenhower đã gửi thư cho Thủ Tướng Diệm của Miền Nam Việt Nam rằng kể từ đầu tháng Giêng 1955, viện trợ Mỹ sẽ không trao cho nhà chức trách Pháp, nhưng sẽ trao trực tiếp cho chính phủ Miền Nam Việt Nam. Bức thư cũng nêu là Chính Phủ Mỹ hy vọng họ sẽ được đáp ứng bằng việc thực hiện những cải cách không thể thiếu.
26-10-1954	Tướng Hinh tấn công dinh Tổng Thống.
	Trong bản ghi nhớ của Bộ trưởng Ngoại Giao gửi JCS, quan điểm của Tổng thống Eisenhower liên quan đến việc đào tạo quân đội Việt Nam đã được bày tỏ. Việc đó phải nên là một chương trình dài hạn liên quan đến một số lượng tối thiểu quân lực Việt Nam, nhấn mạnh về nhiệm vụ an ninh nội bộ. / JCS Hist.
27-10-1954	Anh hưởng quân sự Mỹ trong quân đội Việt Nam bắt đầu với vị trí của 3 viên chức MAAG bổ nhiệm vào Bộ Tổng Tư Lệnh quân đội Việt Nam ở Bộ Quốc phòng và một viên chức MAAG tại mỗi trụ sở Tư Lệnh Vùng. Quyết định được thực hiện bởi Đại Sứ Health, và Tướng O'Daniel với sự chấp thuận của Tướng Ely/ JCS Hist
Tháng 11, 1954	Sức mạnh quân đội Việt Nam lúc này là 170.000. Việc đào tạo và tổ chức kém và phụ thuộc nhiều vào nhân viên, hỗ trợ hậu cần và tư vấn Pháp. / JCS Hist.
	Pháp yêu cầu Mỹ hỗ trợ lực lượng quân Viễn Chinh 100.000 người với chi phí 330 triệu USD / JCS Hist.
	Cuộc khảo sát của SMM báo cáo rằng quan hệ giữa quân đội Việt Nam với dân sự là tốt
08-11-1954	Tướng Collins đến Sài Gòn như Đặc phái viên của Tổng. Thống Eisenhower
	Đại Sứ Heath và Collins cảm thấy việc hỗ trợ quân Viễn Chinh Pháp là cần thiết để trám một khoảng trống [<i>quân sự</i>] mà VNA không thể điền vào, [<i>giữ nguyên</i>] tình hình này sẽ dẫn tới việc tiếp quản của Việt Minh. Sự hiện diện của quân Viễn Chinh Pháp là cần thiết cho chương trình của Mỹ / JCS Hist.
16-11-1954	Collins đưa ra thỏa hiệp của mình với Bộ Ngoại Giao và JCS về kế hoạch sức mạnh của VNA. Kêu gọi thành lập một quân đội 77.685 người với

	4000 nhân viên dân sự và một lực lượng nhỏ về Không quân và Hải quân. / JCS Hist.
17-11-1954	JCS phê duyệt kế hoạch của Collins nhưng nhắc lại rằng lực lượng của ông không thể bảo vệ Nam Việt Nam chống lại tấn công từ bên ngoài. / JCS Hist
17-11-1954	Trong một văn thư gửi cho Tổng Thống, Dulles nhắc lại quan điểm của Tướng Collins rằng sẽ là thảm họa nếu quân Viễn Chinh Pháp rút đi. Ngài nên tiếp tục viện trợ cấp đến \$100 triệu. quân đội Việt Nam sẽ giảm đến mức 77.000 Mỹ chịu trách nhiệm đào tạo / JCS Hist..
19-11-1954	Tướng Hinh rời Saigon đi Pháp theo yêu cầu của Bảo Đại. / JCS Hist.
20-11-1954	Mendes-Franncce đến Washington, sau đó các chi tiết của thỏa thuận trong Hội nghị Washington vào tháng Chín được công bố. / J. B. Dragon.
23-11-1954	NIE 63-7-54 báo cáo là quân đội Việt Nam là mất tinh thần và vô tổ chức. Sĩ quan lãnh đạo và khả năng để đối phó với nội loạn cả hai đều thiếu. Tướng lãnh Việt Nam chỉ bận bịu với chính trị, quân đội bị bỏ quên, kết quả là quân đội không có khả năng chiếm và bình định khu vực mà Việt Minh đã rút lui. Việc đào tạo quân đội Việt Nam được thực hiện bởi 4.800 sĩ quan Pháp thuộc Phái Bộ Quân Sự Pháp sang Việt Nam. Phái Bộ này đã được tăng lên mức 6.000 vào cuối năm 1955
	Sức mạnh quân đội Việt Nam được ước tính là 170.000 quân chính quy, 10.000 quân phụ trợ. Quân chính quy được tổ chức thành trung đoàn bộ binh, 152 tiểu đoàn chiến đấu. 20% các đơn vị bộ binh có sĩ quan người Pháp và 50 phần trăm các đơn vị hậu cần và kỹ thuật có nhân viên người Pháp. Quân đội Việt Nam được mô tả là hoàn toàn không hiệu quả, là kết quả từ sự phụ thuộc nặng nề vào Pháp về cố vấn và hỗ trợ.
	Chính quyền Diệm đề xuất một quân đội có 200.000 quân vào cuối năm 1954 và sẽ được tăng lên thành 225.000 vào cuối năm 1955. Chi phí --- \$450 triệu
	Quân đội giáo phái bao gồm 10.000 quân Cao Đài, 8.000 Hòa Hảo, 2.600 Bình Xuyên, 4.500 cảnh sát Đô Thành dưới quyền Bình Xuyên. Có ít thông tin về các lực lượng bán quân sự hoặc cảnh sát.
24-11-1954	Mỹ thoả thuận viện trợ cho quân Viễn Chinh Pháp \$ 100 triệu. / JCS Hist

Tháng 12, 1954	Pháp quyết định thúc đẩy việc rút quân Viễn Chinh Pháp ra khỏi Việt Nam. Họ tiếp tục giữ quan điểm rằng người Mỹ phải chịu trách nhiệm về việc giữ phần Đông Dương còn lại cho thế giới Tự do. (Thỏa thuận Dulles và Mendes-France) / JCS Hist
	Tướng Collins thúc giục Diệm bổ nhiệm [Phan Huy] Quát làm Bộ Quốc phòng. / JCS Hist.
	Đào ngũ và xuất ngũ làm quân đội Việt Nam giảm xuống còn 180.000.
	Bộ Trưởng Quốc phòng Ho Thing Monh (?) phản đối mức lực lượng mà thỏa thuận Collins-Ely về đào tạo là quá thấp. Mức 8800 đã không nhiều hơn so với quân giáo phái. Điều đó sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng về kinh tế và quân sự. / JCS Hist
12-12-1954	Diệm bổ nhiệm Tướng Lê Văn Tỵ làm Tổng Tham Mưu Trưởng thế Tướng Hinh. Việc bổ nhiệm ít nhiều dựa vào lòng trung thành với Diệm hơn là dựa vào khả năng. Pháp đã phản đối và chỉ đồng ý sau khi Diệm đồng ý chỉ định Tướng Nguyễn Văn Vỹ làm Tổng Thanh Tra lực lượng vũ trang.
13-12-1954	Collins và Ely cùng thỏa thuận trên một cấu trúc của quân đội. Trách nhiệm về đào tạo quân đội Việt Nam độc lập được ủy thác cho Trưởng MAAG dưới quyền chỉ huy tổng quát của Tướng Ely. / JCS Hist.
15-12-1954	Collins biểu lộ một lo lắng nghiêm trọng về khả năng của Diệm thành lập một chính phủ khả thi. Ông kêu gọi Bộ Ngoại Giao Mỹ tìm giải pháp để thay thế Diệm và đánh giá lại kế hoạch hỗ trợ cho khu vực Đông Nam Á. / JCS HIST.
19-12-1954	Hội nghị giữa Dulles + Mendes-France. Quan điểm của Dulles về Diệm là hãy để cho Diệm mọi cơ hội nhưng có lẽ là một ý tưởng tốt nếu ta có thêm một giải pháp thay thế Diệm, nếu Diệm thất bại. Pháp giải thích điều này như một sự thay đổi vì Hoa Kỳ đã từ chối thi hành và một cuộc tranh cãi xảy ra sau đó. / JCS Hist
25-12-1954	Hội nghị ba bên về vấn đề đào tạo. Cán bộ huấn luyện là một vấn đề được thảo luận và vấn đề trao đổi cán bộ đào tạo cũng được đưa ra. / JCS Hist.
	Tướng Collins chống lại việc đào tạo nếu thủ đoạn luồn lách được sử dụng để tránh Điều 16 Hiệp định Giơ-ne-vơ. Collins không nghĩ rằng Điều 16 sẽ dính dáng với đào tạo. / JCS Hist.

29-12-1954	Thỏa thuận mới được ký kết để <i>[Pháp]</i> trao độc lập về tài chính và kinh tế <i>[cho Việt Nam]</i>
31-12-1954	Collins tăng mục tiêu đưa quân đội Việt Nam lên 100.000.
	Sắc Lệnh về An Ninh Quốc Gia (bình định) được TT Diệm ban hành, có hiệu lực từ ngày 01-01-1955. Sắc Lệnh này đã được xây dựng bởi một nhóm làm việc Mỹ-Pháp. / SHM Rept.
	Mỹ thông báo kể từ ngày 01-01-1955, Mỹ sẽ bắt đầu cung cấp viện trợ tài chính trực tiếp cho các Chính phủ Việt Nam, Campuchia và Lào nhằm mục đích tăng cường sức phòng thủ của họ chống lại nguy cơ bị lật đổ và xâm lược của cộng sản.
Tháng 01, 1955	Chính phủ công bố kế hoạch giảm sức mạnh của quân đội từ 217,000 xuống còn 100,000. Cao Đài có 25,000 quân, Hòa Hảo có 20,000.
	Việc đánh giá lại chính sách của Mỹ ở Việt Nam được thực hiện. / JCS Hist.
	Lansdale được chuyển qua TRIM đứng đầu phòng An Ninh Quốc Gia. Nỗ lực được chia thành hai nhóm. Nhóm đầu tiên chịu trách nhiệm cho các hoạt động bán quân sự và hỗ trợ, nhóm thứ hai cho chiến tranh chính trị và tâm lý. / SMM Rept.
	6000 quân Hòa Hảo và Cao Đài được sát nhập vào quân đội Việt Nam. / JCS Hist.
01-01-1955	Mỹ hứa trao viện trợ trực tiếp cho Việt Nam, trên cơ sở của Hiệp định năm bên <i>[Mỹ, Pháp và 3 nước Đông Dương]</i> ký tháng 12 năm 1950, để hỗ trợ các lực lượng vũ trang Việt Nam
05-01-1954	Diệm bắt đầu kiểm soát nguồn vốn hỗ trợ. Nó cho phép ông xây dựng sức mạnh của chính mình và bảo đảm được lòng trung thành của quân đội.
	Hồng y Spellman đến Saigon.
	Bộ Trưởng Quốc Phòng yêu cầu JCS xem xét vị trí của Mỹ ở Việt Nam và cho khuyến nghị liên quan đến tám câu hỏi. / JCS Hist.
08-01-1955	Kể từ khi quân Pháp thất trận ở miền Bắc, Pháp đã sẵn sàng rời bỏ chính phủ Sài Gòn và đặc biệt là từ khi chính phủ này được có một Thủ tướng

	đặc biệt chống Pháp. / Theo London Kinh tế Thời Báo
	Pháp sửa đổi Hiệp định về đào tạo ký bởi Collins và Ely và gửi nó cho Mỹ. / JCS Hist
10-01-1955	Tướng ELY báo cáo rằng Pháp sẽ rút lực lượng của mình ngay sau khi có một chính phủ vững chắc ở miền Nam Việt Nam
11-01-1955	Chính phủ Việt Nam chính thức quản lý cảng Sài Gòn thay cho Pháp./ J. B. Dragon.
13-01-1955	Nam Việt Nam công bố kế hoạch cắt giảm quân đội từ 217,000 người xuống còn 100,000.
14-01-1955	Diệm thuyết phục Đại tá Hòa Hảo Nguyễn Văn Huê, Tham Mưu Trưởng của Tướng đồng hóa [Trần Văn] Soái, về phe của mình. Ông này đã đem về 3.500 người với ông. Động thái này đã đưa Diệm vào thế tranh chấp khu vực Cà Mau. Một vài tuần sau, Thiếu Tá Nguyễn Đay về với Diệm cùng 1500 người đang nắm giữ vùng Cần Thơ. Vào cuối tháng Giêng, Lãnh đạo Cao Đài Trịnh Minh Tay lại gia nhập một lần nữa để cho thấy sự tái ủng hộ sau khi đã gia nhập lần đầu hồi tháng 11, 1954. / J. B. Dragon.
19-01-1955	Thủ Tướng Diệm, Tướng Collins và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Việt Nam đã đạt được một thỏa thuận về cơ cấu của lực lượng và chương trình đào tạo được Tướng Ely đồng tình. / 1-137.
20-01-1955	Mỹ, Pháp và các quan chức Việt Nam đã thỏa thuận ở SAIGON rằng việc chịu hoàn toàn trách nhiệm giúp Chính phủ Việt Nam tổ chức và huấn luyện lực lượng vũ trang, thuộc thẩm quyền chung của Tướng Paul Ely, Tổng Tư Lệnh Pháp , và trong sự hợp tác với Phái Bộ [Quân Sự] Pháp. Thỏa thuận này, đạt được sau ba tháng đàm phán khó khăn, đã tránh phần nào nhạy cảm của Pháp về những chuyển giao quyền hạn lại cho Mỹ, đại diện bởi Tướng Lawton Collins, Đại sứ Mỹ tại Việt Nam. Tướng O'Daniel được bổ nhiệm đứng đầu Phái Bộ Đào Tạo nhằm vào một đội quân gồm 140.000, được đào tạo và tuyên truyền chính trị để chống lại sự xâm lăng của cộng sản từ miền Bắc. / FLEM-CHO / NYT.
	Tướng Collins nhận nhiệm vụ tổ chức và đào tạo quân đội quốc gia dưới thẩm quyền chung của Tướng Ely. Quân chủ lực phải có 100,000 người được hỗ trợ bởi 150.000 quân dự bị dưới sự chỉ huy của phía Việt Nam chứ không phải là Pháp.

	Tướng Collins đệ trình báo cáo của ông về Việt Nam cho Bộ Trưởng Ngoại Giao. Trong báo cáo này, ông yêu cầu thiết lập một thỏa ước SEATO với những cam kết mạnh để phản ứng trong trường hợp chiến sự. Ông đặt vấn đề về ý định của Pháp tại Việt Nam, ủng hộ Diệm như là lãnh đạo tốt nhất cho Việt Nam. / 1-125
21-01-1954	Diệm yêu cầu Pháp chuyển quyền chỉ huy các lực lượng vũ trang Việt Nam cho ông, và việc đào tạo và tổ chức quân đội Việt Nam bàn giao cho sĩ quan Mỹ. (Xem phần 021154) / J. B. Dragon.
24-01 đến 10-02 Năm 1954	Tướng Collins được Tổng Thống [Mỹ] gọi về Washington để dự một hội nghị về chương trình viện trợ. Pháp thỏa thuận cho Mỹ chịu trách nhiệm đào tạo quân đội Việt Nam.
27-01-1955	Tướng Collins yêu cầu NSC đề xuất một chính sách mạnh ở Việt Nam. Yêu cầu này đã được thực hiện. / JCS Hist
31-11-1955	Pháp ngừng hỗ trợ các quân giáo phái đồng minh của họ. / JCS Hist.
01-02-1955	Thủ Tướng Diệm báo cáo rằng Tướng Trịnh Minh Tây đề nghị giao cho quân đội xử dụng lực lượng 5000 quân của ông.
	Tại Gò Quao, quân Hòa Hảo tấn công một Tiểu đoàn quân đội miền Nam. Sau khi Việt Minh rút khỏi bán đảo Cà Mau, quân đội chính quy đánh nhau với Hòa Hảo để giành quyền kiểm soát khu vực.
03-02-1955	Bản ghi nhớ của Bộ Trưởng Ngoại Giao bày tỏ quan điểm của NSC rằng hỗ trợ của Pháp là cần thiết để đảm bảo sự sống còn của Việt Nam.
11-02-1955	JCS khuyến cáo Bộ Trưởng Ngoại Giao Mỹ không nên dẫn thân vào việc quy hoạch quân sự Quốc phòng của Seato đồng thời cũng không công bố kế hoạch cho các thành viên khác của Seato /JCS Hist.
	Pháp trao quyền Tư Lệnh các lực lượng quân sự của miền Nam Việt Nam cho chính phủ Diệm, để lại Tướng Ely như Tư Lệnh quân đội Pháp còn lại. Hỗ trợ Pháp cho lực lượng vũ trang Việt Nam chấm dứt cùng với hạn chót của thỏa thuận được ký kết giữa Tướng Agostini Pháp và Tổng Tham Mưu trưởng quân đội Việt Nam là Tướng Lê Văn Ty.
12-02-1955	Hiệp định chính phủ Mỹ-Pháp đặt được là kế hoạch đào tạo Collins-Ely. / JCS Hist

	Bộ Trưởng Quốc Phòng Việt Nam cho biết Chính phủ có ý định đưa quân giáo phái trở thành một phần của quân đội quốc gia.
	Thỏa thuận Collins-Ely đã có hiệu lực. Phái bộ Hỗ Trợ Tư Vấn Quân Sự (MAAG) của Mỹ nhận trách nhiệm đào tạo quân đội Miền Nam Việt Nam tiếp theo quyền chỉ huy của người Pháp bị chấm dứt.
	Thủ Tướng Diệm thông báo rằng trách nhiệm tổ chức và đào tạo quân đội Việt Nam sẽ được trao cho Tướng O'Daniel, chỉ huy trưởng Hoa Kỳ dưới thẩm quyền chung của Tướng Ely. Nhân sự Mỹ, được cho biết, là sẽ được sử dụng đồng thời với nhân viên Pháp như là cố vấn và giảng viên cho các lực lượng vũ trang Việt Nam. Bộ trưởng Quốc phòng [Dương Văn] Minh cho biết rằng sức mạnh trung bình của lực lượng vũ trang Việt trong năm 1955 sẽ là 100.000 hiện dịch và trừ bị.
	Nhân sự của Tướng O'Daniel gồm 300 sĩ quan Mỹ, với 1.000 sĩ quan Pháp có sẵn. \$ 200 triệu tiền viện trợ Mỹ dành để chi tiêu cho các lực lượng quốc gia.
13-02-1955	Trịnh Minh Tây và 2500 quân đã thề trung thành với Chính Phủ Nam Việt Nam
19-02-1955	Tổng Thống Eisenhower tuyên bố trong một thư gửi Bảo Đại, Quốc Trưởng nước Việt Nam, rằng Chương Trình Cải Cách Điền Địa và việc tổ chức lại các lực lượng vũ trang của Thủ Tướng Diệm đang xảy ra toàn diện sẽ làm gia tăng sự ổn định và đoàn kết của Chính phủ và rằng ông đồng tình với những đề xuất với Tướng Collins để tiếp tục và mở rộng hỗ trợ cho Việt Nam Tự Do
	Hiệp ước Liên Phòng Đông Nam Á (SEATO) với Nghị định thư bao gồm Việt Nam, Campuchia và Lào đã có hiệu lực.
22-02-1954	Chuyên gia quân sự Mỹ, Pháp và Việt Nam cân nhắc kế hoạch xây dựng quân đội Việt Nam do Mỹ giám sát.
27-02-1955	Phái Bộ Quan hệ và Đào tạo (TRIM) được thành lập. TRIM ra một cố gắng bao gồm cố vấn Pháp và Mỹ về tham mưu và ở mặt trận. Nó là phó sản của Thỏa ước Collins-Ely. TRIM chiếm 220 chỗ đã được phân bổ cho MAAG. Vấn đề lực lượng hải quân và Không quân Việt Nam được tách riêng. / 217155, JCS Hist.
Tháng 03, 1955	Nhân sự đã sẵn sàng bổ nhiệm cho TRIM. / 217155.

	Chiến tranh giữa Quân đội Quốc Gia với quân Giáo phái. (Tháng 03 – tháng 04)
	Thủ Tướng Pháp tuyên bố rằng nước Pháp sẽ rút FEC theo yêu cầu của chính phủ Việt Nam. FEC đã giảm kể từ tháng 10 năm 1954 từ 175.000 còn 30.000. Đa số đóng tại Vũng Tàu.
	Diệm gửi Nguyễn Hữu Châu đi Paris yêu cầu là tất cả thẩm quyền đối với tất cả binh lính tại Việt Nam bao gồm [quân đội] Pháp phải được trao cho Chính phủ Việt Nam. Chính phủ Pháp không đồng ý bất cứ gì, trừ việc chỉ huy là tách riêng [Pháp và Việt]
01-03-1955	Dulles đến Saigon trong chuyến đi vòng thăm Đông Nam Á, đã trao đổi với Tướng Ely và Đại Sứ Bonnet về vấn đề Mỹ sẽ đào tạo quân đội [Việt]. Pháp lo ngại cách tiếp cận của Mỹ.
	Giáo Chủ Cao Đài công bố sự hình thành của Mặt trận Thống Nhất các lực lượng quốc gia. / JCS Hist.
04-03-1955	Cao Đài khởi sự cuộc nội chiến và được sự tham gia của Hòa Hảo và Bình Xuyên.
08-03-1955	Quân phiến loạn giáo phái tổ chức cuộc nổi dậy ở Ba Làng và bán đảo Cà Mau. Diệm đặt dinh của mình dưới sự canh gác cẩn mật và ra lệnh quân đội Việt Nam tiêu diệt các nhóm nổi dậy
11-03-1955	Mỹ ủng hộ một hội nghị các đại biểu để xem xét việc cắt giảm các lực lượng quân đội Pháp và sự hình thành của một lực lượng hiện đại hơn là một giải pháp mà Pháp đã đề xuất trong Hội nghị ba Bộ Trưởng trước đây
12-03-1955	Diệm cho tung ra 40 tiểu đoàn bộ binh để chống lực lượng của Ba Cụt ở Thốt Nốt và báo cáo rằng khu vực Ba Làng đã dưới sự kiểm soát của chính phủ.
21-03-1955	Mặt trận đưa ra tuyên cáo và kêu gọi chống Diệm. / JCS Hist.
28-03-1955	Quân của Diệm chiếm trụ sở bộ Tư lệnh Cảnh sát Đô Thành. / JCS Hist.
Cuối tháng 03-1955	Tướng Ely, Cao ủy và Tổng Tư Lệnh của quân Viễn chinh Pháp, lo ngại một cuộc nội chiến sẽ gây nguy hiểm cho tài sản và cuộc sống của người Pháp đã nhảy vào can thiệp để ngăn Diệm nghiền nát Bình Xuyên. Ông không phải là người bạn của các giáo phái. / J. B. Dragon.

29-03-1955	Nhân danh Mặt trận quốc gia, các giáo phái và các nhóm nổi loạn, sau khi gửi tối hậu thư, Bình Xuyên tấn công bắn vào Phủ Chủ tịch. Quân đội quốc gia phản ứng lại một cách mạnh mẽ. Pháp can thiệp, và với sự hỗ trợ của Đại sứ Collins, đã áp đặt lệnh ngưng bắn lên chính phủ. Bình Xuyên kiểm soát cảnh sát ở Sài Gòn. Cuộc nổi dậy vũ trang cuối cùng đã lan tràn đến các tỉnh phía Nam với sự tham gia của các yếu tố giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo
29-03-1955	032.955 Bình Xuyên tấn công trụ sở cảnh sát. / JCS HIST
29-03-1955	Ely áp đặt một lệnh ngừng bắn mà trong thời gian đó Bình Xuyên và Pháp đã xây dựng các vị trí kiên cố ở Sài Gòn. Một số vùng đã cấm Quân đội quốc gia vào. Chỉ huy Pháp vẫn kiểm soát tất cả vật tư cho quân đội Việt Nam và họ đã treo không tiếp ứng đạn dược và xăng dầu [<i>cho quân đội VN</i>].
31-03-1955	Collins khuyên nghị Bộ Ngoại Giao Mỹ thay Diệm, / JCS HIST.
Tháng 04, tháng 05, 1955	Nhân viên Pháp trong TRIM từ 268 giảm xuống còn 122. / JCS HIST.
07-04-1955	Trong một cuộc họp giữa Tướng Collins và Tướng Ely theo đó Ely kết luận là phải thay Diệm. / JCS HIST.
	Tướng Collins khuyến nghị Dulles loại bỏ Diệm. / MSG 4399
	Tướng Ely cảm thấy TRIM có thể đào tạo VNA có hiệu năng trong một thời gian vài tháng / MSG 4382.
10-04-1955	Chính phủ miền Nam thành lập một lực lượng bảo vệ dân sự [<i>lính Bảo An</i>] 40.000 người để giúp kiểm soát các khu vực mà Việt Minh đã di tản.
15-04-1955	Khi việc Diệm xem xét việc tấn công Bình Xuyên trở thành điều hiển nhiên thì Collins trở nên gần như dứt khoát đối nghịch với Diệm. / J. B. Dragon.
20-04-1955	Collins trở về Washington để dự một hội nghị về Viện trợ. (từ ngày 20 đến 30 Tháng Tư) chủ trương rằng Diệm phải được thay thế.
21-04-1955	Quân đội Nam Việt Nam và Việt Minh bắt đầu những cuộc chuyển quân quy mô lớn ở các khu vực được giao theo Hiệp Định Ngừng Bắn [<i>Geneva</i>].
23-04-1955	Diệm thông báo một cuộc tổng tuyển cử sẽ diễn ra trong vòng 3 hoặc 4

	tháng, đây là một động thái chính trị của Diệm để duy trì mình trong quyền lực. / J. B. Dragon.
26-04-1955	Diệm sa thải Cảnh Sát Trưởng quốc gia nổi loạn Lại Văn Sang, lột quyền lực cảnh sát ra khỏi Bình Xuyên, bổ nhiệm Nguyễn Ngọc Lễ vào chỗ của Sang và đưa ra một hạn chót để mọi thành viên của lực lượng cảnh sát về trình diện.
27-04-1955	Dulles và Collins sau khi trao đổi với các lãnh đạo Quốc hội tuyên bố Mỹ đã xem xét một sự thay đổi hỗ trợ cho Diệm nếu Pháp chịu bảo đảm một sự ủng hộ hoàn toàn để Chính phủ Việt Nam phát triển và chịu giải quyết vị trí mập mờ của họ với miền Bắc Việt Nam. / JCS HIST.
	Thỏa thuận ngừng bắn giữa Diệm và các giáo phái bị vỡ. / JCS HIST.
28-04-1955	Bảo Đại ra lệnh [Diệm] phải giao quyền chỉ huy quân đội cho Tướng đổi lập Nguyễn Văn Vỹ, nhưng Diệm bỏ qua không tuân lệnh.
	Nội chiến nổ ra ở Sài Gòn. Diệm ra lệnh cho quân đội Việt Nam tấn công.
30-04-1955	Tuân theo hiệp định đình chiến, Pháp cắt giảm lực lượng quân sự ở miền Nam Việt Nam còn 90.000 trong khi rút phần lớn quân của họ ở Campuchia và Lào.
	Hội Đồng Cách Mạng Quốc Gia, một nhóm gồm 4000 người ủng hộ Diệm đủ mọi thành phần kêu gọi Diệm thành lập một Chính Phủ mới và truất phế Bảo Đại/ JCS Hist.
01-05-1955	Tướng Nguyễn Văn Vỹ nắm quyền kiểm soát quân đội miền Nam Việt Nam trong một ngày. Ông đã cho quân vây dinh Thủ Tướng Diệm và ra lệnh điều quân chiếm các vị trí chiến lược ở Saigon. Các nhà lãnh đạo quân sự hoang mang trước lệnh chuyển quân và tuyên bố rằng họ đã chặn đứng một cuộc tấn công của quân nổi dậy. Ngày hôm sau, Diệm nối lại quyền kiểm soát [quân đội] với sự giúp đỡ của Tướng Lê Văn Tỵ.
02-05-1955	Quân đội Quốc gia mở một cuộc tấn công chống lại quân nổi dậy bên ngoài Sài Gòn.
05-05-1955	Hội Đồng Nhân Dân Cách Mạng Quốc Gia gồm khoảng 4.000 người ủng hộ Diệm lập đại hội và yêu cầu truất phế Bảo Đại.
08-05-1955	Trong cuộc họp ba bên (Mỹ-Pháp-Vương quốc Anh, ngày 8 đến 11 tháng

	05, 1955) Faure đe dọa rút FEC vì Pháp và Mỹ bất đồng về việc loại Diệm. Dulles tin vào đe dọa đó. / JCS HIST. Dulles đồng ý rằng Bảo Đại có thể được giữ lại nếu ông ta dừng lại những can thiệp cản trở Diệm thực thi quyền lực. Dulles đã từ chối gặp Bảo Đại ở Paris. / J. B. DRAGON.
09-05-1955	Văn thư của JCS gửi Bộ Trưởng Ngoại Giao cho biết VNA là còn non nớt, sự hiện diện của một lực lượng bên ngoài tại Việt Nam là cần thiết nếu cuối cùng Pháp vẫn muốn rút quân. / 353-1
10-05-1955	Cuộc nổi loạn đã bị đánh tan, Diệm tái lập lại chính phủ của ông bằng cách thành lập một nội các mới bao gồm chủ yếu là những người ủng hộ mình.
11-05-1955	Tướng Nguyễn Văn Hinh đã bị tước chức Tướng và tư cách thành viên của quân đội Việt Nam.
	Trong cuộc đàm phán giữa Faure và Dulles, Mỹ buộc rằng việc Pháp rút lực lượng Viễn Chinh nên được phối trí với việc đào tạo và tổ chức quân đội quốc gia Việt Nam để bảo đảm quốc phòng của đất nước này. Tình hình tự nó không mang đến một thỏa thuận có tính hợp đồng giữa Pháp và Mỹ, (Thí dụ - trong tương lai Mỹ sẽ hoạt động độc lập với Pháp) / JCS Hist.
12-05-1955	Diệm hy vọng rằng Pháp sẽ chuyển quân Viễn chinh của họ đến vĩ tuyến 17 và không giữ họ ở Sài Gòn, Đà Nẵng và Vũng Tàu vì ông cảm thấy quân đội Pháp nên đóng vai trò chính để bảo vệ chống xâm lăng từ miền Bắc.
13-05-1955	Theo Hiệp định Đình Chiến Geneva, Pháp phải sơ tán khỏi Hải Phòng.
	Pháp và Mỹ đưa ra một thỏa thuận về chính sách tổng thể về Việt nam. Nhất trí ủng hộ Diệm và nhấn mạnh trên sự khác biệt. Faure báo cáo là đã được đảm bảo từ Dulles rằng Mỹ sẽ trung thành ủng hộ Pháp trong việc chuẩn bị cho Tổng Tuyển Cử năm 1956. Faure báo cáo rằng Anh, Pháp, và Mỹ đã đạt một thỏa thuận không viết ra là Pháp sẽ tiếp tục rút quân nhưng một đội ngũ có thể được giữ lại.
14-05-1955	Tướng Collins rời Sài Gòn để nhận nhiệm vụ mới với NATO. / JCS HIST.
15-05-1955	Lực lượng Ngự lâm Quân của Bảo Đại bị giải tán và sáp nhập với quân đội
	Bắt đầu thời hạn rút quân cho các lực lượng Liên hiệp Pháp về phía Nam vĩ tuyến 17 và Việt Minh về phía Bắc.

18-05-1955	Quân đội Quốc gia Việt Nam hoàn tất tiếp nhận Qui Nhơn nơi mà Việt Minh chiếm giữ trong 10 năm.
20-05-1955	Tướng Ely yêu cầu được tử chức. Ông đã bị kiệt sức cho những nỗ lực của mình để thực hiện một nhiệm vụ bất khả thi. / J. B. Dragon.
	Bộ Tư lệnh Pháp thỏa thuận rút quân khỏi khu vực Saigon-Chợ Lớn. / J. B. Dragon.
	Những kỹ thuật viên cảnh sát đầu tiên của Đại Học Bang Michigan [Michigan State University (MSU)] đến Việt Nam, dưới sự bảo trợ của ICA.
21-05-1955	Hoàng Đế Bảo Đại bị truất phế
	Diệm gửi quân tiếp viện quốc gia vào vùng Hòa Hảo
23-05-1955	Quân Nam Việt Nam đã đồn đến khu vực Hòa Hảo tại Nam Kỳ. Lực lượng quân đội đến đó như một biện pháp an toàn – Không có kế hoạch tấn công.
26-05-1955	Đại sứ G. Frederick Reinhardt đến Nam Việt Nam thay thế Tướng Collins.
29-05-1955	Diệm tấn công các giáo phái.
Tháng 06, 1955	Trung Tá Jorgensen, trước đây được Tướng O'Daniel bổ nhiệm để hỗ trợ cho Đại sứ Collins trong việc quy hoạch nhân sự cho một lực lượng Bảo An, được Đại sứ Reinhardt yêu cầu tiếp tục công việc. Trung Tá Valeriano và nhân viên quản trị của Đại Học Michigan cũng tham gia vào chương trình hoạch định Cảnh Sát Quốc Gia trước đây.
	Can thiệp trực tiếp của Pháp và xung đột giữa Diệm và các giáo phái đã hoàn toàn kết thúc. / J. B. Dragon.
01-06-1955	Quân đội Việt Nam đã tiếp nhận hệ thống tiếp liệu khi Pháp sơ tán khỏi kho Phú Thọ.
	Quân đội quốc gia và cảnh sát đã tiếp nhận trách nhiệm an ninh vùng Sài Gòn.
05-06-1955	Quân đội quốc gia bắt đầu một cuộc tấn công quy mô lớn chống lại các lực lượng của tướng Ba Cụt và Trần Văn Soái ở phía Tây Nam của Saigon.

06-06-1955	Chính phủ Việt Minh yêu cầu mở các cuộc hội đàm, phù hợp với Hiệp định Geneva để chuẩn bị cho cuộc bầu cử vào tháng bảy năm 1956, để thống nhất Việt Nam
	Diệm nhấn mạnh rằng Pháp phải tôn trọng các lời hứa được thực hiện bởi Mendes-France tại Geneva là rút quân Pháp khỏi Việt Nam. Đây là cách duy nhất để gỡ bỏ sự bảo hộ của thực dân Pháp. Pháp sẵn sàng rút nhưng đã không để lại tổ chức tiếp liệu hậu cần của mình cho Việt Nam kiểm soát như Diệm đã hy vọng. / JCS HIST.
20-06-1955	Tướng Ely rời sau khi bàn giao việc chỉ huy cho Tướng Pierre Jacquot người được chỉ định nắm chức quyền Cao Ủy và Chỉ Huy Trưởng các lực lượng Liên Hiệp Pháp ở Đông Dương , trong khi chờ người được đề cử để thế Tướng Ely. / JCS HIST
01-07-1955	Pháp chính thức từ bỏ việc chỉ huy Hải Quân Việt Nam và đồng ý để lực lượng Pháp và Việt Nam theo hệ thống chỉ huy độc lập.
	QLVNCH bắt đầu hoạt động chống lại Hòa Hảo trong khu vực Thất Sơn
02-07-1955	Sự phụ thuộc về chỉ huy của quân đội Việt Nam vào Bộ Chỉ Huy Tối Cao Pháp kết thúc. Quân đoàn viễn chinh sau đó đã tập trung tại Vũng Tàu và vùng phụ cận đã giảm từ 175,000 còn 30.000 người. / J. B. Dragon.
03-07-1955	Mỹ phê chuẩn bỏ kế hoạch cắt giảm quân đội còn 100.000 người để quân đội có thể thu nhận quân các giáo phái.
07-07-1955	Vào ngày kỷ niệm ông lên làm Thủ Tướng, Diệm công bố sẽ tổ chức Trưng cầu Dân ý được xếp vào ngày 23 Tháng Mười 1955. / J. B. Dragon.
	Pháp chính thức chuyển giao căn cứ Không quân Nha Trang cho phía Việt nam kiểm soát.
16-05-1955	Ngô Đình Diệm tuyên bố rằng Nam Việt Nam, đã không ký Thỏa Thuận Geneva sẽ không tham gia cuộc Tổng Tuyển Cử trừ khi bầu cử phải được bảo đảm là tự do, ở miền Bắc cũng như ở miền Nam. / J. B. Dragon.
18-05-1955	Sau khi Cộng Hòa Dân Chủ Trung Hoa thông báo viện trợ cho DRV ngày 07 tháng 7, Moscow cũng đã ký kết một Hiệp định viện trợ với Hà Nội.

	Quân đội quốc gia đánh nhau với Hòa Hảo tại Hà Tiên.
	Mỹ bắt đầu đào tạo cán bộ Việt Nam tại Quảng Trị.
19-07-1955	Ngô Đình Diệm từ chối tham gia các cuộc hội đàm với các đại biểu miền Bắc về cuộc bầu cử dự tính sẽ được tổ chức vào năm 1958. Cuộc trao đổi đã được lập trình bởi Hiệp Định Geneva bắt đầu ngày 20 tháng 7 năm 1955. SVA từ chối lời mời của Chính phủ Bắc Việt Nam để thảo luận về cuộc bầu cử trên với lý do là nhân dân miền Bắc không thể thể hiện ý kiến một cách tự do và việc giả mạo phiếu bầu ở miền Bắc Việt Nam có thể bác bỏ phiếu bầu ở Nam Việt Nam. / Reader
29-07-1955	Trợ Lý Bộ Trưởng Ngoại Giao (ISA) yêu cầu một đánh giá của JCS về MAAG – một đề nghị về quân đội Việt Nam 150.000 người. Đối với năm tài chính 1955-56. ISA nhắc lại đòi hỏi cho một lực lượng vũ trang để đáp ứng xâm lược nội bộ chứ không phải xâm lược từ ngoài nước. / 323-J.
Tháng 08, 1955	Nhóm công tác Mỹ tại chỗ gửi kế hoạch của nhóm về việc đào tạo lực lượng an ninh miền Nam Việt Nam./ Thông điệp Nhóm Công Tác, công văn 933
	Pháp thoả thuận bãi bỏ Bộ Các Nước Đông Dương. Nhiều chức năng của nó đã thay đổi do việc chuyển giao nền Độc Lập [<i>cho các nước Đông Dương</i>] đã được chuyển giao cho Bộ Ngoại giao.
	Thoả thuận về qui chế và rút quân của lực lượng Pháp đã đạt được trong các cuộc đàm phán giữa Pháp và đại diện Nam Việt Nam tại Paris
09-08-1955	Việc Diệm từ chối thảo luận về cuộc bầu cử với Bắc Việt làm tăng khả năng xảy ra một cuộc tấn công bởi phía Bắc. Chính sách Mỹ trong trường hợp này có liên quan đến Seato và việc xử dụng các lực lượng [<i>vũ trang</i>] sẽ được phát triển. / JCS sử.
	Tướng O'Daniel đề xuất Mỹ hỗ trợ một lực lượng quân sự Việt 150.000 người, cộng thêm 10.000 quân đội giáo phái đến ngày 1 Tháng Bảy 1956.
10-08-1955	Đại Sứ Reinhardt và CINCPAC thông qua con số [<i>quân Việt Nam</i>] mà Tướng O'Daniel đã đề xuất. JCS khuyến nghị phê duyệt mức quân đó. / JCS HIST.
16-08-1955	Henri Hoppenot, Đại sứ Pháp Đặc Mệnh Toàn quyền và là Cao uỷ Cộng hoà

	Pháp bên cạnh Nhà Nước Việt Nam trình Ủy Nhiệm Thư lên Thủ tướng Diệm. Hành động này chấm dứt Văn phòng Tổng Cao Ủy Pháp ở Đông Dương.
30-08-1955	Dulles tuyên bố chính phủ Hoa Kỳ đồng ý với Diệm và ủng hộ quan điểm cho rằng các điều kiện ở miền Bắc Việt Nam đã bác bỏ khả năng tổ chức bầu cử tự do. / Lancaster.
Tháng 09, 1955	Mặt Trận Tổ Quốc, trước đây là Liên Việt được tổ chức tại Hà Nội.
02-09-1955	TCS đồng ý với phân tích của Taylor.
	Bộ Quốc phòng đồng ý với Bộ Trưởng Quân Đội bổ nhiệm Samuel T. Williams thay O'Daniel làm Trưởng MAAG. / 326-1
06 đến 29 Tháng 09, 1955	Trung Tướng Bruce C. Clark Tư Lệnh USARPAC viếng Tây Thái Bình Dương và Đông Nam Á, xem xét lại tổ chức TRIM. / JCS HIST.
09-09-1955	JCS dự kiến bảo vệ Đông Nam Á bằng cách ban đầu dựa vào các lực lượng bản địa, vào sức mạnh của Không quân và Hải quân Mỹ, các lực lượng quân sự tấn công di động. Tuy nhiên JCS cảm thấy nổi dậy là mối đe dọa thực sự. Không lực lượng bổ sung nào được gửi đến Á Châu trừ khi tình hình đã thay đổi./ Công văn JCS gửi Bộ Trưởng Ngoại Giao
12-09-1955	Công văn số 988351 của JCS gửi CINCPAC bày tỏ quan điểm của họ về việc Phi Luật Tân đào tạo chống nổi dậy cho VNA
20-05-1955	Diệm mở một chiến dịch chống Bình Xuyên với 22 Tiểu đoàn
21-05-1955	Diệm ban hành một tuyên bố rằng không có vấn đề hội nghị giữa Nam và Bắc Việt Nam. / Lancaster.
Tháng 10-1955	CINCPAC đề nghị VNA được gửi đi đào tạo ở Philippines. Cả hai JCS và DOD đồng tình vào tháng Mười Một năm 1955. / 323-1.
	Bình Xuyên đã bị đánh bại như một tổ chức có vũ trang.
	Nam Việt Nam gọi về nước phái đoàn Việt Nam đang công tác ở Paris, nơi mà họ đang cố gắng đạt được thỏa thuận về tình trạng quân đội Pháp <i>[tại Việt Nam]</i> .

	Washington phê duyệt kế hoạch của nhóm Hoạt Động Tại Chỗ về việc đào tạo lực lượng an ninh ở Nam Việt Nam. / Bộ Ngoại Giao. (công điện 1221)
11-10-1955	155 NIE 63, 1-3-55 báo cáo sức mạnh của VNA là 147.000 người cộng thêm khoảng 8 đến 10.000 quân giáo phái trong quá trình thu nhận. Chính phủ Việt Nam muốn có một lực lượng 200,000 trong khi đó Mỹ đã phê duyệt một lực lượng 150.000 vào tháng Bảy năm 1956. VNA không được coi là có khả năng chống lại hoạt động chiến tranh du kích lớn. Cảnh Sát Quốc Gia Việt Nam có 4.500 người. Lực lượng Bảo An được tổ chức từ lực lượng Tỉnh, dân quân địa phương và các yếu tố khác dưới quyền Bộ trưởng Bộ Nội. Tổ chức này có 65.000 người trong khi Mỹ chỉ hỗ trợ 25.000. 0212-1ST. Quân Viễn chinh Pháp giảm xuống còn 45,000.
18-10-1955	Diệm công bố một cuộc trưng cầu dân ý sẽ được tổ chức để lựa chọn giữa Diệm và Bảo Đại, công bố của Diệm bị Bảo Đại tuyên bố là bất hợp pháp.
23-10-1955	Trong cuộc trưng cầu dân ý quốc gia tổ chức để bầu người đứng đầu Nhà Nước, ông Ngô Đình Diệm nhận được 5.721.735 phiếu, ngược lại với 63,017 phiếu cho cựu hoàng Bảo Đại, đang giữ chức Quốc Trưởng từ ngày 07 tháng 3 năm 1949. / J. B.
26-10-1955	Nền Đệ Nhất Cộng Hòa được công bố bởi Ngô Đình Diệm. Ông trở thành Tổng thống đầu tiên của Nam Việt Nam.
28-10-1955	CINCPAC trong công văn 280503A chỉ định tên MAAG Đông Dương thành MAAG VViệt Nam. /217155.
31-10-1955	Tổng thống Diệm ban hành lệnh đầu tiên cho các lực lượng vũ trang Việt Nam như là chỉ huy tối cao của họ.
Tháng 11-1955	Hàng tồn kho tranh thiết bị MDAP của Pháp được định giá ở mức \$ 508 triệu.
	Báo cáo của nhóm Hoạt Động Tại Chỗ cho rằng việc giảm lực lượng Pháp đã dẫn đến việc mất kiểm soát trang thiết bị của MDAP đã không thể cung cấp cho lực lượng [Việt Nam] như đã dự phòng vào giữa năm 1956. Pháp cũng đã tháo gỡ [lấy đi] những trang thiết bị tốt. / JCS HIST.
	Lực lượng Bảo An được Bộ Nội vụ chuyển giao cho Tổng Thống Diệm.
	S. T. Williams đến Saigon.

01-10-1955	JCS phê duyệt quan điểm của Đô Đốc Stump và ủy quyền cho CINCPAC lên ngân sách và kế hoạch cho chương trình.
30-10-1955	Chương trình tái phân bổ trang thiết bị MDAP đạt giai đoạn quan trọng.
Tháng 12, 1955	TRIM đã thực hiện ít đào tạo trong năm 1955, vì việc liên tục sử dụng VNA trong hoạt động chống lại các giáo phái và sự thiếu quan tâm của người Pháp./ JCS Hist.
	Hòa Hảo, Bình Xuyên và Cao Đài không còn là mối đe dọa có tổ chức cho Chính phủ.
06-12-1955	CNO (như là nhân sự điều hành JCS) báo cáo rằng đào tạo đã có tiến triển nhưng giai đoạn quan trọng đã đến lúc. Nhiều bước đi đã được đưa ra để giữ tiến độ của MAAG.
08-12-1955	Quân đội Việt Nam được triển khai trên toàn miền Nam Việt Nam, đã có thể để ngăn chặn được Việt Minh và các giáo phái. Vào cuối 1955 Bộ Tham Mưu VNA bắt đầu tập hợp quân đội thành đơn vị sư đoàn để đào tạo lực lượng an ninh bổ sung là việc cần thiết để lấp đầy khoảng trống gây ra khi các đơn vị quân đội rút đi. / JCS HIST.
12-12-1955	Lãnh sự quán Mỹ tại Hà Nội đóng cửa.
	JCS yêu cầu OSD hỏi NSC xem xét lại nhân sự bổ sung cho Việt Nam.
13-12-1955	Bộ Trưởng Quốc Phòng Wilson gửi công văn cho Bộ Trưởng Ngoại Giao Dulles thảo luận về Hiệp định Geneva, Điều 16 liên quan đến việc mở rộng MAAG để xử lý trang thiết bị MDAP. JCS, CINCPAC, Bộ Quốc phòng cảm thấy rằng Điều 16 và các khoản hạn chế của nó là không áp dụng cho Hoa Kỳ và SVN vì cả hai không đã ký.
	Một ủy ban dưới sự chủ trì của Trung Tá Evans ở phòng Kế Hoạch của MAAG, để lên kế hoạch chuẩn bị của hai TD mới (TD: thời hạn) cho MAAG. Hạn kế hoạch đầu tiên là hoàn thành nhiệm vụ hiện nay và hạn lần thứ hai để thực hiện một nhiệm vụ bắt đầu ngày 1 tháng Bảy, 1956.
16-12-1955	Allen Dulles đã viết cho John Foster Dulles rằng các hoạt động của CIA cần hạn chế về số lượng nhân viên quân sự để cơ quan này có thể có thêm nhân viên <i>[dân sự]</i> dưới vỏ bọc quân nhân để làm công việc của họ. / 335-1.

20-12-1955	Kế hoạch mới (TD) được xây dựng bởi MAAG-Việt Nam hoàn thành.
27-12-1955	Trung Tá Hanelin báo cáo Trưởng MAAG về những động thái của Washington về yêu cầu nhân sự cho MAAG Việt Nam.
27-12-1955	Tướng O'Daniel tường thuật rằng Robertson, Bộ Trưởng Ngoại Giao, đã tuyên bố rằng Bộ Ngoại Giao có thể phản ứng thuận lợi về việc cho phép tăng quá con số 342 <i>[nhân viên]</i>
Đầu năm 1956	Tranh cãi xảy ra giữa Pháp và Việt Nam về việc quản lý chương trình TRIM. TRIM hoạt động với một số cố vấn Mỹ nhưng với giảng viên chủ yếu là người Pháp. / WID 17-56.
Tháng 01, 1956	Việc các đơn vị quân đội Nam Việt Nam chiếm đóng Tây Ninh, trung tâm chính trị của Cao Đài đã dẫn đến sự sụp đổ của cuộc nổi dậy của tổ chức vũ trang Cao Đài. Thỏa thuận với lãnh đạo Cao Đài ngày 28 tháng 2 hợp pháp hóa cách hành đạo Cao Đài và cấm họ các hoạt động chính trị như một giáo phái.
11-01-1956	CNO yêu cầu CINCPAC cho tối thiểu nhân viên cần để thay thế Pháp.
13-01-1956	Trưởng MAAG báo cáo cho CINCPAC rằng Bộ trưởng Quarles cho rằng nên thuê nhân viên kỹ thuật người Pháp hoặc người Việt Nam để thay thế khi lực lượng Pháp rút. Đây không phải là thứ chính trị mà phía Việt Nam có thể chấp nhận được..
14-01-1956	Pháp công bố kế hoạch giữ lại 230 nhân viên như là cố vấn cho Không Quân Việt Nam cộng với 130 nhân viên của họ để phục vụ cho một trung tâm đào tạo F-8-F và độc quyền giữ lại trách nhiệm đào tạo Không Quân và Hải Quân Việt Nam trong suốt năm 1956.
	Trưởng MAAG thông báo CINCPAC rằng MAAG Việt Nam đã phát triển một TD mới để chuẩn bị trước việc nâng mức trần số lượng nhân viên.
	MAAG gửi công điện đến CINCPAC tuyên bố kế hoạch thứ hai của họ sẽ cung cấp cố vấn xuống đến cấp tiểu đoàn và do đó sẽ phải cần 1049 nhân viên Mỹ so với con số 342 đã được phê duyệt.
19-01-1955	Trưởng MAAG thông báo CINCPAC rằng kế hoạch đầu tiên đã bổ nhiệm 636 quân nhân Hoa Kỳ.

21-01-1956	Một công điện từ Trưởng MAAG Việt Nam gửi cho CINCPAC, DEPTAR, CNO, và DEPTA nói rằng việc rút quân tiếp tục của Pháp làm nổi ra vấn đề trong việc xử lý các thiết bị dư thừa. Yêu cầu giúp đỡ để đẩy nhanh tốc độ quy trình hành chính về tờ khai và những hướng dẫn về vận chuyển.
25-01-1956	Bản ghi nhớ từ ASD gửi Bộ trưởng Quốc Phòng nói rằng báo cáo của nhóm công tác liên ngành về chi phí vừa trở về từ một chuyến công tác 5 tuần ở Việt Nam chỉ ra là cần thiết phải thêm 150 -200 nhân viên cho MAAG dành cho mục đích hậu cần
26-01-1956	Tổng Thống Diệm chính thức yêu cầu tăng số lượng cố vấn Mỹ. Quan điểm của chính phủ Việt Nam là việc thay thế lực lượng Pháp ra đi với lực lượng Mỹ không vi phạm cả tinh thần lẫn câu chữ của Hiệp định Geneva.
27-01-1956	CINCPAC thông báo CNO rằng rút quân của Pháp và việc không có khả năng thỏa hiệp giữa Pháp và Việt Nam đã đòi hỏi yêu cầu xúc tiến ngay kế hoạch tăng 342 mức trần đã được thực hiện.
31-01-1956	Một kho hàng tồn kho về trang thiết bị MDAP chung [Mỹ + Pháp] đã được đề xuất với người Pháp.
	Bộ trưởng Quốc Phòng C.E Wilson gửi văn thư cho Bộ trưởng Ngoại Giao Dulles phác thảo về vấn đề về thiếu hụt nhân viên MAAG để xử lý các vấn đề về hậu cần ở Việt Nam.
Tháng 02, 1956	Chính phủ chiếm đóng các vị trí của Cao Đài tại Tây Ninh và thu nhận hầu hết các lực lượng của Tướng [Nguyễn Thành] Phương. / WID 9 - 56.
	Sức mạnh của FEC xuống còn 15,000.người
02-01-1956	Dulles quyết định bảo vệ trang thiết bị MDAP <i>[và việc này]</i> sẽ được đảm bảo với việc gia tăng nhân sự và do đó đã cho phép một nhóm 350 người bổ nhiệm cho Phái bộ Thu hồi Thiết bị Tạm thời (TERM: Temporal Equipment Recovery Mission) sẽ được gửi đến Việt Nam. Phái bộ có nhiệm vụ ngăn chặn một sự mất tiền lớn hơn vì đã sử dụng sai hoặc lãng phí trang thiết bị mà Mỹ đã cung cấp.
03-02-1956	Bộ trưởng Ngoại Giao Dulles quyết định rằng hoạt động của TERM để thực hiện quyết định của ông nên được bàn cãi với các chính phủ có liên quan để tìm ra phương cách thu hồi trang thiết bị Mỹ. / 1-33.
12-02-1956	Chính phủ Việt Nam đàm phán bí mật với Trần Văn Soái, lãnh đạo một phe

	quan trọng của Hòa Hảo gia nhập quân đội Việt Nam. Ba Cụt, một lãnh đạo chính khác của Hòa Hảo đã bị bắt vào ngày 13-04, dẫn đến sự tan rã của tổ chức vũ trang nổi dậy Hòa Hảo. / WID 9-59.
13-02-1956	Một văn thư từ Đại sứ gửi Bộ trưởng Ngoại Giao nói rằng TERM chỉ được hiện diện để làm nhiệm vụ thu hồi trang thiết bị chứ không có nhiệm vụ đào tạo
21-02-1956	Pháp đồng ý rút các lực lượng còn lại khỏi Nam Việt Nam.
Tháng 03, 1956	Cơ quan Nội An [Bộ Nội Vụ] của Việt Nam Tự Do được chỉ định chính thức là quân đoàn tự vệ. / WID 13-56.
	Diệm yêu cầu FEC rút khỏi Việt Nam.
09-03-1956	Diệm tổ chức một hội nghị với chỉ huy trưởng hải quân Lê Quang Mỹ về việc Cộng sản chiếm đóng đảo Boisée thuộc quần đảo Hoàng Sa. Mục đích của hội nghị dường như để xây dựng chính sách trước khi vào cuộc hội đàm với Pháp bắt đầu ngày 10 tháng 3. Không có hành động quân sự nào chống lại các quần đảo Hoàng Sa được thực hiện. / WID 10-56.
14-03-1956	Ngoại trưởng Mỹ John Foster Dulles đã đến thăm miền Nam Việt Nam
15-03-1956	Giai đoạn đầu tiên của cuộc đàm pháp Pháp-Việt kết thúc với việc Việt Nam nhấn mạnh là Pháp phải rút quân hoàn toàn khỏi tất cả các căn cứ ở Việt Nam. Khó khăn trong cuộc hội đàm tập trung vào các kho vũ khí của hải quân Pháp tại Sài Gòn [Hải Quân Công Xưởng], cơ sở sửa chữa quan trọng cho Hải quân Việt Nam. Người Pháp cũng cần cơ sở sửa chữa này cho hải quân của họ và muốn hoặc được ưu tiên các dịch vụ sửa chữa cho các tàu Pháp tại công xưởng, hoặc các thiết bị không phải thuộc MDAP đã thiết lập ở cơ sở này sẽ bị thu hồi và di chuyển đi nơi khác. Nhiều thiết bị không thuộc MDAP đã được cho là Mỹ đã cho Pháp./ WID 10-56.
16-03-1956	Thỏa thuận đạt được giữa Chính phủ và giáo phái Cao Đài đưa Cao Đài về vai trò thuần túy tôn giáo. Một hệ quả của thỏa thuận là tất cả nhóm người bất đồng chính kiến có vũ trang, ước tính tối đa 4000, đã đầu hàng với toàn bộ vũ khí và đạn dược đã bắt đầu tiến hành vào khoảng 13 tháng 03, 1956. Ba Cụt vẫn là một đối thủ của Chính phủ. / WID 10-56.
22-03-1956	Một thỏa hiệp được ký kết giữa Pháp và Việt Nam đồng ý việc FEC rút quân ngày 30 tháng Sáu năm 1956

Tháng 04, 1956	TERM được trao cho ICC để phê duyệt. Không có phê duyệt hay không phê duyệt nhận được vì vậy dự án được tiến hành trong tháng Sáu./ WID
06-04-1956	Chính phủ Việt Nam tuyên bố sẽ tiếp tục hợp tác với ICC và tái khẳng định lập trường của mình là ủng hộ cuộc tổng tuyển cử tại Việt Nam tại thời điểm mà các điều kiện ở miền Bắc Việt Nam Cộng Sản cho phép thực hiện bầu cử thực sự tự do.
08-04-1956	Nhiệm vụ của TRIM kết thúc, được tổ chức thành một tổ chức chiến đấu và đào tạo.
10-04-1956	Các đơn vị cuối cùng của FEC rời Sài Gòn.
12-04-1956	CNO chỉ thị COFSA + COFSAF ban hành việc thực hiện TERM trong đó CNO nêu lên việc TERM phải là một tổ chức tách biệt với MAAG. Trưởng TERM nên một đại tá cao cấp hoặc Thiếu Tướng không nằm trong danh sách nhân viên của MAAG.
23-04-1956	Bộ Tư Lệnh Pháp ngưng hoạt động. / NIE 245 1ST N.
25-04-1956	Theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam đa phần của FEC được rút khỏi Đông Dương.
28-04-1956	Tướng Jacquot, , chỉ huy trưởng của FEC rời Sài Gòn đánh dấu sự tan rã của Bộ Tư lệnh Pháp tại Việt Nam. / Báo cáo tiến độ. NSC 5405 / 5428/5
28-04-1956	Việc đào tạo cho VNA nay là trách nhiệm của MAAG.
Tháng 05, 1956	Trợ lý Bộ Trưởng Quốc phòng thăm Việt Nam và kêu gọi tăng viện trợ cho lực lượng Bảo An. Hiệp định đầu tháng Năm 1956 vẫn chưa đạt được về tình trạng của Hải Quân Công Xưởng Sài Gòn liên quan đến việc Pháp rút quân. / WID 19-56
01-05-1956	Robert D. Murphy, Phó Bộ Trưởng Ngoại Giao viết cho Wilson rằng TERM không nên được sử dụng như một lực lượng đào tạo, nhưng họ nên dưới sự giám sát hành chính của MAAG chứ không phải Đại sứ quán.
15-05-1956	Sức mạnh của VNA đạt 156.000.
	Hạn chót để rút tất cả các nhân viên hải quân Pháp (ngoại trừ phân đội

	cho những thanh lý nhỏ). Chuyển giao quyền kiểm soát Hải Quân Công Xưởng [<i>cho Việt Nam</i>] được thực hiện. / WID 10-56.
23-05-1956	Bộ Quốc phòng chính thức thành lập những thuật ngữ để tham chiếu cho TERM. / JCS Hist.
Tháng 06, 1956	Chính phủ Việt Nam ước tính sức mạnh của Việt Minh 1360 trên khoảng từ 6 đến 8000 lực lượng thù địch. Mỹ cho rằng sức mạnh đó ở mức từ 8 - 10.000 trong những đơn vị khung.
	Chính phủ Việt Nam chính thức yêu cầu tăng MAAG. Một toán đặc biệt gồm 350 người được tổ chức và chịu trách nhiệm việc thu hồi và xuất khẩu một số lượng lớn trang thiết bị của Mỹ. Một mục đích kèm theo là tăng khả năng hậu cần cho quân đội Việt Nam. Đó là dự án TERM. / WID 13 - 57.
01-06-1956	Sau ngày 1 tháng 6 năm 1956, hạn chót cho việc rút quân hoặc bàn giao trang thiết bị Không quân cho phía Việt Nam, Pháp đã hoàn toàn tách biệt khỏi Không quân Việt Nam. Chỉ còn một vài giảng viên Pháp được giữ lại ở miền Nam Việt Nam. / WID 17-56..
	TERM được khởi động.
07-06-1956	Đô đốc Radford thông báo với Hội Đồng An Ninh Quốc Gia về chiến lược phòng thủ của miền Nam Việt Nam. Chiến lược này đã làm đi làm lại các kế hoạch (đã được đưa ra trong tháng Hai và tháng Chín)...
30-06-1956	VNA có 142,000 người trong 4 Sư Đoàn tác chiến và 6 Sư đoàn nhẹ và 13 trung đoàn địa phương quân, cộng với các đơn vị hỗ trợ. Sức mạnh này đã được xác nhận. / WID 20 - 56.
Tháng 07, 1956	Đây là thời gian quan trọng của Bầu cử thống nhất Việt Nam phải được tổ chức theo quy định của Hiệp định Genève đã trôi qua mà không có sự cố nào. / J. B.
	Lực lượng Bảo An có 51.000 người, hoạt động tại ba quân khu.
06-07-1956	Phó Tổng thống Richard Nixon đến thăm miền Nam Việt Nam
07-07-1956	Đô đốc Radford thông báo với NSC về khái niệm mô tả trong 5612/1.
11-07-1956	JCS chỉ đạo CINCPAC chuẩn bị một kế hoạch dựa trên Chiến lược phản ứng

	nhánh theo như quy định đã được đưa ra bởi Đô đốc Radford vào ngày 7 tháng năm 1956 để bàn giao cho NSC, để bảo vệ quốc phòng cho Việt Nam
13-07-1956	Ba Cụt bị xử tử. / WID 32-56.
17-07-1956	Sức mạnh vũ trang của cộng sản ở miền Nam được ước tính khoảng 5-10,000 vào năm 1955 - 56, có thể là 8, 000 với 5.000 được tổ chức thành những đại đội khung / 247 NIE 1ST.
	VNA có khoảng 145.000 quân. / NIE.
	NIE 63 - 56 tuyên bố về khái niệm Bảo An và Nhân dân Tự vệ. Chính phủ Việt Nam tổ chức lực lượng Bảo An, để gánh vác bớt nhiều nhiệm vụ an ninh nội bộ của VNA, gồm 48,000 người trong các đại đội lưu động được trang bị nhẹ để duy trì Luật pháp và trật tự, thu thập tình báo, và tiến hành các chiến dịch chống nổi dậy trong các tỉnh đã được bình định bởi 60.000 nhân dân tự vệ để duy trì an ninh trong làng.
20-07-1956	Tổng tuyển cử trên khắp Việt Nam theo quy định của Hiệp Định Geneva 1954 đã không xảy ra. / Reader.
21-07-1956	Pháp thỏa mãn yêu cầu của miền Nam Việt Nam là Pháp sẽ được đại diện bởi một Đại sứ chứ không phải là một Cao Ủy.
30-07-1956	Một Phái Bộ Liên Lạc Việt Nam với ICC được thành lập để chuẩn bị cho việc chuyển giao các chức năng từ Phái Bộ Liên Lạc PHÁP. / Reader.
Tháng 08, 1956	Việt Minh ở SVN được ước tính khoảng 5.000-7.000. / WID 32-56
31-08-1956	TERM đạt khả năng đầy đủ với 350 người
05-09-1956	Có thay đổi chính sách từ đào tạo quân đội Việt Nam một mình lo cho an ninh nội bộ thành một nhiệm vụ cho cả hai an ninh bộ nội và ngăn chặn ban đầu giới hạn. OCMH.
16-09-1956	Chương trình đào tạo của Mỹ cho QLVNCH đã có hiệu lực.
19-09-1956	Không Quân Pháp chính thức chuyển giao căn cứ Không quân Đà Nẵng cho Việt Nam kiểm soát.

01-10-1956	OPLAN 46-56 quốc phòng cho Nam Việt Nam được chuẩn bị bởi CINCPAC.
24-10-1956	Báo cáo của Bộ Ngoại giao nhấn mạnh rằng mối đe dọa lật đổ chính trị ở miền Nam Việt Nam có nhiều khả năng là một mối nguy thực sự hơn là xâm lược công khai.
01-11-1956	Trưởng MAAG đề xuất hỗ trợ lực lượng Bảo an với sức mạnh là 59.160 người và một lực lượng Nhân dân Tự vệ 60.000 người. OCMH.
Tháng 12, 1956	Nhóm Hoạt Động Tại Chỗ đánh giá VNA có đủ khả năng duy trì an ninh nội bộ và ngoài nước. / JCS Hist
Tháng 01, 1957	Diệm yêu cầu tăng lực lượng của mình lên 200,000. Yêu cầu này đã bị từ chối.
03-01-1957	ICC báo cáo rằng từ giữa tháng 12 năm 1955 và tháng 8 năm 1956 cả miền Bắc lẫn miền Nam Việt Nam đều đã không thực hiện nghĩa vụ theo Hiệp Định Đình Chiến 1954.
15-02-1957	Hai chiến dịch quân sự mang tên Trương Tấn Bửu và Thoại Ngọc Hầu chấm dứt. Quân đội VN cảm thấy rằng quân đội chỉ nên thực hiện chức năng quân sự mà không làm ảnh hưởng đến việc với đào tạo bình thường. Tuy nhiên, Diệm vẫn muốn hai chiến dịch được tiếp tục như là một phần chức năng tham gia như là một tổ chức. Chiến dịch Trương Tấn Bửu và Thoại Ngọc Hầu là hai chiến dịch quân sự rộng lớn và chiến tranh tâm lý sử dụng người từ lực lượng vũ trang Bảo An và những Ủy ban nhân dân hành động với mục đích để mang tất cả dưới sự kiểm soát của chính phủ và để quảng bá và làm cho chính quyền Diệm được dân yêu mến. / WID 15-57.
Tháng 03, 1957	Chính phủ của Tổng thống Diệm đã công bố một loạt các quy định nhằm khuyến khích đầu tư nước ngoài. / J. B.
19-03-1957	OPLAN 46-56 về Nam Việt Nam đã được JCS phê duyệt
16-04-1957	Elbridge Durbrow trình quốc thư như đại sứ của Mỹ ở miền Nam Việt Nam
02-05-1957	Tổng thống Diệm tiến hành một dự thảo luật. / JCS HIST.
04-05-1957	Căn cứ kiểm soát Không Quân chiến thuật quan trọng đầu tiên được thành lập, / JCS Hist

05-05-1957	Tổng thống Diệm đến thăm Mỹ
09-05-1957	Tổng thống Diệm phát biểu trước Lưỡng Viện Quốc hội Mỹ.
10-05-1957	Trong một cuộc họp giữa Tổng thống Diệm và Phó Bộ Trưởng Quarles, Diệm đưa ra kế hoạch đưa lực lượng Bảo An lên các khu vực cao nguyên để điền vào khoảng trống ở những nơi đó. Ông cũng đưa ra việc sắp xếp, tổ chức lại quân đội mới. Ông muốn có cùng một số các sư đoàn nhưng với sức mạnh tăng lên đến 10,000 mỗi sư đoàn, tổng số tăng thêm là 20.000.
11-05-1957	Tổng thống Eisenhower và Tổng thống Diệm tuyên bố rằng hai nước sẽ làm việc hướng tới việc thống nhất Việt Nam một cách hòa bình (Tuyên bố chung).
	Theo TT Eisenhower và TT Diệm, mối nguy hiểm chính đối với miền Nam Việt Nam là sự tích tụ lớn các lực lượng quân sự ở miền Bắc Việt Nam.
17-05-1957	Bắc Việt Nam rút Phái Bộ Liên Lạc ICC ra khỏi SAIGON theo yêu cầu của Nam Việt Nam.
24-05-1957	Phụ Tá Bộ Trưởng Quốc Phòng của Chính phủ Việt Nam, đã gửi văn bản đề nghị Trưởng-MAAG hỗ trợ cố vấn cho Không Quân và Hải quân Việt Nam.
28-05-1957	Thanh tra Cảnh sát Updike của bang New York được yêu cầu tổ chức lực lượng Cảnh sát Nam Việt Nam.
31-05-1957	Việc Pháp tham gia vào việc đào tạo cho Không quân, Hải Quân, và tại Trường Tham Mưu Cao Cấp chấm dứt. Giảng viên Pháp về pháp lý cho Hiến binh và Bảo An vẫn còn duy trì.
Tháng 06, 1957	Phái bộ đào tạo Hải quân và Không Quân của Pháp rút khỏi Nam Việt Nam.
13-06-1957	Ba Cảnh sát bang New York được chỉ định để giúp tổ chức cảnh sát của Chính phủ Nam Việt Nam.
Tháng 07, 1967	Chính phủ Việt Nam đã yêu cầu 60 triệu viện trợ trang thiết bị nặng cho lực lượng Bảo An. MA VÀ MSU đề xuất 14-18 triệu USD. / JCS Hist.
	Một khảo sát ICA về Việt Nam báo cáo rằng kinh phí hỗ trợ thương mại

	cho Chương trình an ninh nội bộ sẽ kết thúc vào năm 1958. / 159-1
	Kể từ khi Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã thành công trong các chiến dịch chống lại bất đồng chính kiến, chính phủ miền Nam Việt Nam chuyển phần lớn quân đội vào đào tạo cho chiến tranh cổ điển như một điều cần thiết cho quốc phòng chống xâm lược từ DRV. / WID 30 - 58.
Tháng 09, 1967	Tất cả 10 sư đoàn đã hoàn tất đào tạo cơ bản. 7 sư đoàn đã hoàn thành đào tạo cấp độ thứ ba.
22-10-1957	Nhân viên Mỹ bị thương tại Saigon trong những vụ đánh bom các cơ sở, trụ sở của MAAG và Phòng Thông Tin [Hoa Kỳ]
Tháng 11, 1957	Báo cáo tình báo cho thấy đây là nỗ lực của Việt Cộng, [tin lấy] từ một trong những người còn sống sót trong tháng 7 năm 1956 - tháng 7 năm 1957. / JCS Hist
09-12-1957	Cựu Giám đốc Cảnh Sát miền Nam Việt Nam Nguyễn Văn Tôn bị kết án vì đã giúp đỡ những yếu tố nổi loạn.
Năm 1958	Quân đội Việt Nam đã tái tổ chức. Các sư đoàn tác chiến và sư đoàn nhẹ được chuyển đổi thành 7 sư đoàn được cải thiện. (Cuối năm 1958 đến tháng Chín 1959)
04-01-1958	Một lực lượng lớn du kích cộng sản đã tấn công một đồn điền nằm phía Bắc Sài Gòn, phản ánh sự gia tăng đều đặn trong hoạt động vũ trang của cộng sản ở miền Nam Việt Nam kể từ giữa năm 1957.
27-03-1958	Văn Phòng Thường Trực Tổng Thư ký Quốc phòng trực thuộc Tổng Thống Phủ được thành lập.
Tháng 04, 1958	Thông qua tuyển dụng mạnh mẽ ở miền Nam, sức mạnh của du kích của Bắc Việt Nam ở miền Nam đã tăng lên khoảng 2100. / WID 51 - 58.
Tháng 05, 1958	Tổ chức Cộng sản tại miền Nam Việt Nam được ước tính khoảng 1140 – 1400 người. / WID 22 - 58.
Tháng 07, 1958	Những nỗ lực của chính phủ SVN để tiêu diệt Việt Cộng đã dựa dẫm quá nhiều vào các lực lượng bán quân sự không hiệu quả thay vì dùng quân đội để đập tan các cuộc nổi dậy vũ trang. / WID 30 - 58.

Tháng 07, 1958	Tướng Phạm Xuân Chiểu được bổ nhiệm làm Phó Tổng Tham Mưu Trưởng Quân Lực VNCH./ WID
Tháng 09, 1958	MAAG báo cáo là nhân viên Mỹ là mục tiêu của VC.
10-09-1958	Pháp và Nam Việt Nam đã ký một thỏa thuận theo đó Pháp sẽ cung cấp viện trợ cho chương trình Cải Cách Điền Địa của chính phủ Việt Nam - 1490
Tháng 12, 1958	Cục Tình Báo Việt Nam có 6,500 người, bao gồm 2,500 nhân viên thường trực. / WID 52 - 58.
08-12-1958	Tổng thống Eisenhower phê duyệt một hành động của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia trong số các mục khác đã nhấn mạnh đến lực lượng cảnh sát và lực lượng thuộc loại cảnh sát cho các mục đích an ninh nội bộ thay vì một định chế quân sự bản địa lớn hơn
Năm 1959	Người ta ước tính rằng đã có từ 5.000 -12.000 du kích cộng sản hoạt động tại miền Nam Việt Nam vào năm 1959.
Tháng 01, 1959	JCS báo cáo Quân Lực VNCH đã sẵn sàng để thực hiện các nhiệm vụ mà Mỹ đã thiết kế / JCS HIST.
	Chính phủ Việt Nam đồng ý chuyển lực lượng Bảo An cho Bộ Nội vụ. Chương trình Viện Trợ cho Bảo An sau đó đã được nối lại. / JCS HIST.
07-01-1959	30.000 cảnh sát và lính Bảo An đã được đào tạo nội bộ về việc thực thi pháp luật và về các khóa học đào tạo kỹ thuật. Nhiều khóa đào tạo về các chức năng quản lý và chỉ huy đã được yêu cầu.
	NSC 5809 báo cáo rằng Đại sứ quán Mỹ và Chính phủ Việt Nam đã đạt được một thỏa thuận về đào tạo và trang bị cho lực lượng bảo vệ dân sự 32.000 người, thỏa thuận đang chờ phê duyệt ở Washington. Vấn đề được hỏi liệu tình hình đòi hỏi phải cải thiện lực lượng Bảo an hay liệu hiện đang có lực lượng an ninh Việt Nam khác có thể đối phó đầy đủ với tình thế này
12-01-1959	Một cuộc họp Bắc và Nam Việt Nam sắp xếp bởi ICC đã được tổ chức để thảo luận về các vấn đề liên quan đến khu phi quân sự. Các bên đối nghịch chuẩn bị để thảo luận về các vấn đề cụ thể cấp thấp mà cả hai cùng quan tâm. / WID 39 - 58.
29-03-1959	KQVN bay nhiệm vụ đầu tiên tấn công mục tiêu VC / Công Điện ,4-4 57

	Sài Gòn gửi Bộ Ngoại Giao. / JCS HIST.
Tháng 04, 1959	Diệm khuyến khích báo cáo về các hoạt động khủng bố.
09-04-1959	Dubrow - Diệm – Williams hội nghị về tình hình an ninh nội bộ đang tồi tệ thêm
06-05-1959	Đại sứ quán không tin về câu chuyện mà Diệm cho rằng an ninh đã trở nên tồi tệ nhất kể từ năm 1955. Mỹ hoài nghi về mối đe dọa cho SVN còn tiếp tục thông qua 1959/ Công điện 2345 Sài Gòn gửi Bộ Ngoại Giao ngày 06 Tháng 05, 1959.
26-05-1959	ICC tuyên bố TERM nên kết thúc hoạt động vào giữa năm 1959.
	2000 du kích được báo cáo có mặt ở SVN. Hàng ngàn du kích khác đã không hoạt động. Sức mạnh của Bảo An = 47.000. VNA = 136, 000 chính quy. Lực lượng an ninh nội bộ không được coi là có khả năng tiêu diệt lực lượng du kích được Bắc Việt hỗ trợ. VNA sẽ phải chuyển hướng để lo công việc này. / 249 -
29-05-1959	Cố vấn Mỹ đã có mặt tại cấp trung đoàn, tiểu đoàn pháo binh độc lập, Thiết Giáp và Thủy Quân Lục Chiến
	Ban An Ninh Công Cộng của USOM bắt đầu đào tạo lại và tái trang bị cho Bảo An. /JCS HIST.
30-06-1959	Nhóm cố vấn thuộc Đại Học Michigan về cảnh sát rời Việt Nam. Ban An Ninh Công Cộng của USOM chịu trách nhiệm đào tạo. Họ không nhận được quyết định nào về vấn đề Bảo An trong hai năm kế tiếp. / JCS Hist
08-07-1959	Du kích cộng sản tấn công các cơ sở quân sự Việt Nam tại Biên Hòa. Hai nhân viên MAAG chết và một người bị thương.
30-08-1959	Trong cuộc bầu cử quốc gia lần thứ hai Phong Trào Cách Mạng Quốc Gia và các đảng phái ủng hộ Chính Phủ đã nắm tất cả các ghế trong Quốc Hội miền Nam Việt Nam. Không có ứng viên đối lập được bầu..
Tháng 09, 1959	Diệm ước tính có khoảng 1000 chính quy VC.
	4 Sư đoàn tác chiến và 6 sư đoàn khinh binh theo kiểu Pháp được chuyển đổi thành 7 sư đoàn với mỗi sư đoàn có 10.000 người theo lối Mỹ. / JCS Hist

	Văn thư JCS gửi NSC kêu gọi Mỹ ủng hộ chương trình chứ không vì cá tính con người
30-10-1959	Phát ngôn viên quân đội Việt Nam tiết lộ rằng một chiến dịch chống du kích cộng sản trong khu vực cực nam của đất nước, bán đảo Cà Mau, kết quả là du kích bị thiệt hại nặng.
Tháng 12, 1959	OSD chỉ đạo CINCPAC chuẩn bị một bảng phân phối chung mới phản ánh giai đoạn chấm dứt TERM. / Mục 56.
	Máy bay trực thăng lần đầu tiên được sử dụng để chuyển quân. / Công điện 2061 1/3 Sài Gòn gửi Bộ Ngoại Giao
01-02-1960	Chính phủ Việt Nam chỉ thị ban hành tập trung đào tạo về chiến thuật chống du kích.
18-02-1960	Đại sứ Dubbrow nói với Phòng Bảo An của CINCPAC là phải đào tạo gấp về chống du kích. CINCPAC trao cho MAAG / TERM quyết định liên quan đến ICC. / JCS HIST.
Tháng 03, 1960	Khu dinh điền được thành lập ở tỉnh Phong Dinh.
24-03-1960	Tham Mưu Trưởng quân đội nói với JCS là tình hình an ninh tại Việt Nam đã bị xuống cấp và Diệm đánh giá là Việt Nam đã trong tình trạng chiến tranh toàn diện với Việt Cộng.
Tháng 04, 1960	Sức mạnh của Việt Cộng là khoảng 4,000.
17-03-1960	Miền Bắc Việt Nam phản đối đến các Đồng Chủ tịch Hội Nghị Geneva 1954 (Anh và Liên Xô) về sự gia tăng đáng gờm về nhân sự trong Nhóm Hỗ Trợ Quân Sự và Tư Vấn [MAAG] ở Nam Việt Nam và cáo buộc Mỹ đào tạo miền Nam Việt Nam thành căn cứ quân Mỹ để chuẩn bị một cuộc chiến mới.
30-04-1960	Một nhóm đối lập gồm 18 người, tự gọi mình là Ủy ban Cho Sự Tiến Bộ và Tự Do, đã gửi thư cho Tổng Thống Diệm đòi hỏi phải cải cách quyết liệt về kinh tế, hành chính, và quân sự.
05-05-1960	Mỹ công bố theo yêu cầu của Chính phủ miền Nam Việt Nam, Nhóm Hỗ Trợ Quân Sự và Tư Vấn [MAAG] cuối năm nay sẽ được tăng từ 327 đến 685 thành viên.
20-05-1960	Liên Xô đề nghị Vương quốc Anh rằng Chính phủ hai nước đã là Đồng

	Chủ tịch Hội nghị Genève, nên kêu gọi Mỹ kèm chế không tăng số cố vấn quân sự (MAAG) ở miền Nam Việt Nam và xem xét vấn đề rút MAAG Nam Việt Nam về. Sự hiện diện của họ ở miền Nam Việt Nam là mâu thuẫn với tinh thần của Hiệp định Geneva. Mục đích <i>[để nghị này]</i> là để thanh lý một trong những nguồn của sự bất ổn và để củng cố hòa bình ở Đông Dương.
Tháng 06, 1960	Hoạt động du kích của cộng sản ở miền Nam Việt Nam ngày càng gia tăng. (Tháng Sáu...Tháng Mười)
01-06-1960	Trung Tướng Lionel T. McGarr được bổ nhiệm làm người đứng đầu của MAAG Mỹ.
06-06-1960	Chương trình đào tạo chống nổi dậy của MAAG cho các lực lượng vũ trang Việt Nam bắt đầu.
30-06-1960	Chỉ còn 25 cố vấn thuộc MSU ở miền Nam Việt Nam.
12-10-1960	Bộ Trưởng Ngoại Giao nói với JCS rằng trách nhiệm đào tạo và hỗ trợ hậu cần cho lực lượng Bảo An phải được nhanh chóng chuyển giao cho MAAG và Bảo An cần được đặt dưới quyền Bộ Quốc phòng của Việt Nam hơn là Bộ Nội vụ.
29-12-1960	Bảo An được Bộ Nội chuyển giao cho Bộ Quốc phòng theo yêu cầu của MAAG. / JCS HIST.
Tháng 01, 1961	Số tăng đầu tiên của Bảo An bắt đầu được MAAG đào tạo
30-01-1961	Tổng Thống. Kennedy phê duyệt \$ 29.400.000 để mở rộng lực lượng vũ trang Việt Nam đến 170.000 người, cộng với \$ 12.700.000 cho Bảo An.
28-03-1961	Công văn từ Trapnell gửi JCS cho thấy sự thất bại của CG và VNA trong việc đối phó với Việt Cộng, đề nghị Mỹ hỗ trợ đầy đủ cho một lực lượng Bảo An 68.000 người
03-04-1961	Hiệp ước Hữu nghị và quan hệ kinh tế Mỹ-Việt Nam được ký kết tại Sài Gòn. Quốc hội phê chuẩn hiệp ước vào ngày 14 tháng Sáu.
04-04-1961	Tổng thống Diệm kêu gọi ICC thực hiện một điều tra ngay lập tức và triệt để về chủ nghĩa khủng bố và lật đổ đang tăng trên khắp miền Nam Việt Nam
09-04-1961	Tổng thống Diệm và Phó Tổng thống <i>[Nguyễn Ngọc]</i> Thơ đã được bầu bởi một đa số áp đảo trong cuộc bầu cử Tổng Thống Việt Nam.

29-04-1961	Tổng thống Kennedy ủy quyền cho MAP hỗ trợ cho tất cả 69.000 Bảo An. MAAG Việt Nam được chỉ thị lo hỗ trợ và tư vấn cho SDC. Sức mạnh của MAAG phải được tăng lên khi cần thiết.
Tháng 05, 1961	Số nhân viên MAAG ở miền Nam Việt Nam lên con số 685. Khoảng một nửa là Biệt Kích Nhảy Dù
05-05-1961	Tổng thống Kennedy tuyên bố tại một cuộc họp báo rằng việc sử dụng lực lượng quân sự Mỹ đã được xem xét, nếu cần thiết, để giúp miền Nam Việt Nam chống lại áp lực cộng sản. Ông tuyên bố rằng đây sẽ là một trong những đề tài được thảo luận trong chuyến thăm sắp tới của Phó Tổng thống Johnson tại miền Nam Việt Nam.
11-05-1961	Phó Tổng thống Johnson đến miền Nam Việt Nam.
13-05-1961	Tại Việt Nam, Phó Tổng thống Johnson đưa ra một thông cáo chung tuyên bố rằng Mỹ sẽ tăng viện trợ quân sự và kinh tế để giúp miền Nam Việt Nam trong cuộc chiến chống lại các lực lượng du kích cộng sản.
Tháng 06, 1961	Có khoảng từ 7.000 đến 15.000 du kích cộng sản ở Nam Việt Nam được ước tính.
	Lực lượng quân sự địa phương ở miền Nam Việt Nam là 50.000 người, giống như năm 1959
09-06-1961	Diệm yêu cầu hỗ trợ cho một gia tăng quân đội Việt Nam để thành một lực lượng với 270.000 quân.
02-08-1961	Tổng thống Kennedy tuyên bố rằng Mỹ sẽ làm tất cả có thể để cứu Nam Việt Nam khỏi nạn Cộng Sản.
04-08-1961	Tổng thống Kennedy cho phép tăng quân đội Việt Nam lên mức 200,000.
15-08-1961	VNA: 150.000, Bảo An: 60.000 người, Nhân Dân Tự vệ: 45,000, Việt Cộng: 12.000 người. / NIE 254.
01-09-1961	Một loạt các cuộc tấn công của 1000 du kích cộng sản ở tỉnh Kontum. Một thông cáo của quân đội cho biết rằng trong tháng Tám đã có 41 cuộc giao tranh giữa lực lượng chính phủ và phiến quân cộng sản ở miền Nam Việt Nam.
17-09-1961	Phái bộ Tư vấn Anh trên các vấn đề hành chính và chính sách, đứng đầu

	là H. Thompson (cựu Bộ trưởng Quốc Phòng tại Malaysia) rời miền Nam Việt Nam.
18-09-1961	Lực lượng cộng sản ước tính khoảng 1.500 người đánh chiếm thủ phủ của tỉnh Phước Thành chỉ cách Sài Gòn 60 dặm
25-09-1961	Tổng thống Kennedy, phát biểu tại Đại hội đồng LHQ tại New York, tuyên bố rằng mối đe dọa đối với hòa bình là cục than đang âm ỉ cháy của cuộc chiến tranh ở Đông Nam Á
01-10-1961	Chuyên gia quân sự SEATO đã gặp nhau tại Bangkok, Thái Lan, để xem xét các mối đe dọa ngày càng tăng của cộng sản ở miền Nam Việt Nam. Đô Đốc Harry D. Felt, Tư Lệnh Hạm Đội Thái Bình Dương, tuyên bố rằng không có triển vọng trước mắt về việc sử dụng quân đội Mỹ để ngăn chặn cộng sản bành trướng ở Đông Nam Á, nhưng ông cho biết rằng trong số các kế hoạch được phát triển cho tình huống, một số có liên quan đến việc sử dụng quân đội Mỹ.
02-10-1961	Tổng thống Diệm tuyên bố "nó không còn là một cuộc chiến tranh du kích mà kẻ thù tiến hành tấn công người Mỹ mà với các đơn vị chính quy đầy đủ và rất nhiều trang bị và đang tìm kiếm một quyết định chiến lược ở Đông Nam Á, phù hợp với lệnh của Quốc tế Cộng sản. Tổng thống cũng cho biết Ủy ban Hoa Kỳ đứng đầu bởi Tiến Sĩ. Eugene Staley đề nghị tăng viện trợ cho cả về mặt quân sự và việc phát triển kinh tế và xã hội
11-10-1961	Tổng thống Kennedy công bố (trong buổi họp báo) rằng ông đã gửi Tướng Maxwell D. Taylor, cố vấn quân sự của ông, đến miền Nam Việt Nam để điều tra tình hình quân sự và báo cáo thẳng cho cá nhân ông.
18-10-1961	Tình trạng khẩn cấp ở miền Nam Việt Nam được công bố bởi Tổng thống Diệm.
16-11-1961	Theo sát những khuyến nghị trong báo cáo của Tướng Taylor, Tổng thống Kennedy (với phê duyệt của Hội đồng an ninh quốc gia) đã quyết định tăng cường sức mạnh quân sự của miền Nam Việt Nam, nhưng không cam kết lực lượng chiến đấu Mỹ tại thời điểm này
Tháng 12, 1961	quân đội Việt Nam đã đạt 170.000
	Lực lượng Bảo An ở miền Nam Việt Nam đã tăng lên 60.000.
08-12-1961	Bộ Ngoại giao Mỹ công bố một bạch thư khẳng định rằng Nam Việt Nam

	đang bị đe dọa bởi một nguy hiểm rõ ràng và có thực là bị cộng sản chinh phục
14-12-1961	Tổng thống Kennedy cam kết tăng viện trợ cho miền Nam Việt Nam
29-12-1961	Đại sứ Mỹ tại Việt Nam rút lại sự phản đối trước đó của ông về việc tăng lực lượng Việt Nam.

IV-A-4

HOA KỲ HUẤN LUYỆN QUÂN ĐỘI VIỆT NAM CÔNG HÒA

1954 – 1959

Tóm Lược

"Hà Nội được sơ tán vào ngày 9 tháng Mười [1954]. Nhóm [liên lạc của Mỹ] cùng rời đi với toán quân Pháp cuối cùng, họ đã xao xuyến bởi những gì mà họ nhìn thấy về hiệu năng nghiêm ngặt của Việt Minh khi vào tiếp quản, sự tương phản giữa cái im lặng của quân chiến thắng Việt Minh trong những đôi giày vải và tiếng kêu lách cách của khí cụ mà quân Pháp được trang bị tốt mà chiến thuật và trang thiết bị phương Tây đã không chống lại được chiến dịch quân sự-chính trị-kinh tế của cộng sản. " **1/**

Cho đến năm 1960, Việt Nam là một trong những nước nhận viện trợ kinh tế và quân sự của Hoa Kỳ lớn nhất trên thế giới: không kể NATO, xếp hạng thứ ba nhận hỗ trợ, và xếp hạng thứ 7 trên toàn thế giới. Nhóm Tư vấn Hỗ trợ Quân sự Mỹ, Việt Nam (MAAG: Military Assistance Advisory Group, Vietnam), là phái bộ quân đội duy nhất được chỉ huy bởi một trung tướng, [*cũng là*] phái bộ viện trợ kinh tế tại Việt Nam là lớn nhất so với bất cứ đâu. Trong những năm 1955 thông qua 1960, hơn 2 tỷ USD viện trợ đã đổ vào Việt Nam, và hơn 80% hỗ trợ đó đã hướng tới việc cung cấp an ninh cho Chính phủ Việt Nam. Tuy nhiên, vào năm 1960 các Tham Mưu Trưởng Liên Quân xác định rằng

các lực lượng vũ trang của Việt Nam Cộng Hòa (QLVNCH) không được đào tạo và tổ chức đầy đủ và MAAG chỉ đạo hành động khẩn cấp để cải thiện khả năng chống du kích của họ. **2/**

Như vậy, mặc dù chi phí viện trợ của Hoa Kỳ đầu tư cho Việt Nam trong giai đoạn 1954-1960 là lớn, nhưng rất ít đã được thực hiện theo hướng xây dựng được một lực lượng Nam Việt Nam thành một công cụ phù hợp để đối phó với "chiến dịch quân sự-chính trị-kinh tế" của cộng sản nhằm lật đổ Chính phủ Việt Nam.

Vấn đề chủ yếu để xem xét ở đây là vai trò và hiệu quả của tư vấn và hỗ trợ của Mỹ cung cấp cho các lực lượng vũ trang của Chính phủ Việt Nam trước năm 1960.

Mục tiêu chủ yếu là sự giúp đỡ của nước Mỹ cho Quân đội Quốc gia Việt Nam - sau đó được gọi là QLVNCH [Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa] - mặc dù kế hoạch và hỗ trợ cho một lực lượng Bảo An và Nhân dân Tự vệ cũng được xem xét.

Những câu hỏi kế tiếp bao gồm:

- Tại sao Mỹ phải lo việc đào tạo cho Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa?
- Quyết định này sẽ được thực hiện như thế nào?
- Mối đe dọa đối với miền Nam Việt Nam là gì?
- Nhiệm vụ của quân đội miền Nam Việt Nam là gì?
- Tình trạng quân đội miền Nam Việt Nam ra sao?
- Làm thế nào Hoa Kỳ thay đổi được tình trạng này?
- Liệu kết quả của hỗ trợ Hoa Kỳ đến năm 1960 đã tạo ra một quân đội miền Nam Việt Nam giống như quân đội Hoa Kỳ?

Kết luận chính là nỗ lực của Mỹ trong giai đoạn 1954-1959 đã không thành công để tạo dựng một lực lượng chống nổi dậy có hiệu quả ở Việt Nam do những nhận thức lúc đó và những phản ứng đối với các mối đe dọa, do ước tính phóng đại các giá trị và cái

“đáng làm” theo tiêu chuẩn của quân đội Mỹ trong việc đối phó với các mối đe dọa đó, do thiếu kỹ thuật thương lượng với Chính phủ Việt Nam, và do việc phân mảnh và những bất cập khác trong hệ thống xác định và quản lý một chương trình tổng thể về hỗ trợ Mỹ có hiệu quả cho Việt Nam.

Những nỗ lực của Mỹ trong giai đoạn 1954-1960 để tạo dựng ra một định chế quốc phòng Việt Nam có hiệu năng - và đặc biệt là một quân đội quốc gia có hiệu năng – đã bị ảnh hưởng nặng nề bởi những yếu tố sau:

-- Lý do để Mỹ tiến hành đào tạo các lực lượng vũ trang Việt Nam có nguồn gốc ở chỗ Mỹ không chỉ mong muốn ngăn chặn cộng sản và bảo vệ tự do cho miền Nam Việt Nam, mà còn ở chỗ Mỹ bất mãn và thất vọng với chính sách của quân đội Pháp trong Chiến tranh Đông Dương. Mong muốn mạnh mẽ để sửa chữa những sai lầm của Pháp đã phát sinh ra những bận tâm đáng kể nặng tính quan liêu cộng với những nhận thức không đúng về những thiếu sót của Pháp, từ đó đã đánh giá thấp những vấn đề người Pháp phải vượt qua - bao gồm cả những chia rẽ nội bộ và sự miễn cưỡng của chính phủ - trong việc phát triển một đội quân có hiệu năng cho Việt Nam, và đã sửa chữa quá mức những sai lầm của Pháp bằng việc tạo ra một lực lượng quân sự chính quy truyền thống. Rằng quân đội Việt Nam phải được tổ chức thành những sư đoàn – chuyện mà Hoa Kỳ đã rất thường xuyên và không thành công kêu gọi người Pháp làm – *[tổ chức như thế]* sẽ có khả năng tốt để chống lại các sư đoàn của Việt Minh ở đồng bằng sông Hồng năm 1954, hoặc có lẽ là chống lại được các đơn vị cộng sản có *[sức mạnh ở]* mức tương đương ở mức năm 1954, vượt qua vĩ tuyến 17. Nhưng cuộc chiến tranh Đông Dương của Pháp đã kết thúc, hoàn cảnh đã thay đổi hoàn toàn.

-- Quyết định đào tạo quân đội miền Nam Việt Nam được dựa trên một thỏa hiệp giữa Bộ Ngoại Giao và Bộ Quốc phòng: "cân nhắc chính trị" không dính dáng gì đến sự phản đối của quân đội *[Mỹ]* về một quyết định đã mang tính khẳng định, và không ảnh hưởng theo bất kỳ cách thức nào đến xác suất thành công của cam kết, *[chỉ]* được phép quản lý *[việc thi hành]* chứ không phải để xem xét những hạn chế

trong các nguồn lực và khả năng của Hoa Kỳ, và những khó khăn cơ bản của nhiệm vụ được giao. Càng ngày càng thấy quá trình làm quyết định của Mỹ càng mang đặc tính thỏa hiệp, và thỏa hiệp như thế sẽ tối đa hóa xác suất việc lựa chọn những điều ít mong muốn nhất trong diễn trình hành động.

-- Nhận thức về mối đe dọa cho Việt Nam là từ các giáo phái và cán bộ Việt Minh còn nằm vùng lại ở miền Nam, và các lực lượng chính quy của VNDCCH ở miền Bắc, mặc dù đã có ước tính vững chắc rằng VNDCCH có khả năng tràn ngập Nam Việt Nam, cũng đã có ước tính vững chắc rằng Bắc Việt không cần và cũng không có ý định làm như vậy. Tuy nhiên, học thuyết ước tính về khả năng lại trái ngược với ước tính về ý đồ chủ yếu của nó với đặc trưng là nhấn mạnh trên dữ liệu trình tự của chiến tranh (phần quá nhỏ trong vấn đề tình báo thực sự trong chiến tranh chống nổi dậy) đã dẫn đến việc phải lo giải quyết mối đe dọa lớn hơn, nhưng ít có khả năng xảy ra, *[đó là ý đồ]* cuộc xâm lược công khai.

-- Nhiệm vụ kép được dự kiến cho quân đội Việt Nam là việc bảo vệ trong nước và *[chống xâm lược từ]* bên ngoài, so với những nguồn tài lực và nhân lực chuyên nghiệp bị hạn chế, là không phù hợp với *[tình hình]* nội bộ. Với tư duy chiến lược của Mỹ vào những năm 1950, từ bản chất của SEATO, với sự rút lui của Quân Viễn Chinh Pháp, với những tác động do áp lực của Diệm, và từ nền tảng của MAAG Mỹ, bắt nguồn từ những kinh nghiệm gần đây của *[chiến tranh]* Hàn Quốc, hầu như đã nhất định dẫn đến một cơ sở quân sự chính quy được thiết kế để chống lại một mối đe dọa truyền thống *[cũng chính quy]*. Trong thực tế, dưới sức mạnh của những ảnh hưởng này và sự thiếu quen thuộc của Mỹ với các kỹ thuật chống nổi dậy có hiệu quả, đã có thể đặt vấn đề là: liệu việc giao nhiệm vụ *[đào tạo và xây dựng định chế quốc phòng cho Nam Biệt Nam]* cho một phái bộ độc nhất và duy nhất chỉ liên quan đến vấn đề an ninh nội bộ có thể đưa ra bất kỳ loại hình quân sự cơ bản khác biệt nào để kết quả được thành hình từ đó.

-- Quân đội miền Nam Việt Nam vào năm 1954 đã trong một tình trạng cực kỳ yếu kém, triển vọng của nó còn tồi tệ hơn, với các nguồn lực bị giới hạn, đặc biệt là về

mặt nhân sự, Mỹ đã có thể củng cố hiến để tổ chức và đào tạo lại nó. Ngoài ra, như các Tham Mưu Trưởng Liên Quân đã nói, "Trừ khi Việt Nam tự mình cho thấy một khuynh hướng hy sinh cá nhân và tập thể cần thiết để chống lại chủ nghĩa cộng sản, điều mà họ đã không thực hiện cho đến nay, thì không có một số lượng áp lực và hỗ trợ lâu dài nào từ bên ngoài nào có thể trì hoãn được chiến thắng hoàn toàn của Cộng Sản ở Nam Việt Nam "* Không có một thay đổi nổi bật nào trong tư tưởng hy sinh trong khoảng thời gian cuối những năm 1950, cộng thêm nhiệm vụ nặng nề là *[làm sao]* tạo ra một định chế quân sự hiệu quả.

-- Cách thức mà MAAG Mỹ tiến hành để tạo ra một định chế quân sự hiệu quả có bốn đặc điểm chính: tập trung vào nhiệm vụ kháng chiến chống xâm lược công khai, đào tạo từ trên xuống, xử dụng tiêu chuẩn và kỹ thuật của Hoa Kỳ, và đánh giá lạc quan về khả năng tương lai của các tổ chức bán quân sự bên ngoài phạm vi hoạt động của MAAG.

-- Kết quả của các nỗ lực của Mỹ là một sự phản ánh của các cơ sở quân sự của Mỹ hơn so với các loại hình đe dọa hoặc nơi thực địa. Liên quan đến hiệu quả tổng thể của viện trợ của Hoa Kỳ, có vẻ như đã có, không may, tất cả các về bề sâu của một "hình ảnh được phản chiếu" được ám chỉ đến!. Hơn nữa, việc hoàn thành nhiệm vụ của Mỹ nhằm tạo ra một định chế quân sự Việt Nam có hiệu quả đã bị ảnh hưởng xấu do việc thiếu những kỹ thuật *[không biết cách]* thương lượng với Chính phủ Việt Nam, và do việc phân cực và những bất cập khác trong hệ thống xác định và quản lý một chương trình tổng thể của Mỹ về hỗ trợ có hiệu quả cho Việt Nam.

-- Cam kết của Hoa Kỳ cho chính phủ Diệm nhanh chóng trở nên sâu rộng và công khai đến nỗi bất kỳ đối phần lợi ích *[cái "hưởng được gì"]* nào trong chương trình hỗ trợ đều nhanh chóng trở thành số không. Có lẽ là minh họa tốt nhất của việc thiếu đối phần lợi ích liên quan đến việc xây dựng định chế quốc phòng là trường hợp của lực lượng Bảo An, trong đó các tác động chủ yếu của Mỹ trong các thỏa ước *[với VN]* là yếu kém và đa phần là đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến chính tổ chức mà Mỹ đã cố gắng để cải thiện.

-- Trường hợp của Bảo An, lực lượng sơ đẳng về an ninh nội bộ, là một ví dụ tuyệt vời của hai loại phân cực ảnh hưởng đến nỗ lực của Hoa Kỳ: sự cạnh tranh giữa các cơ quan liên ngành của Mỹ (CG cuối cùng đã chuyển giao cho MOD trên khuyến nghị của MAAG) không những trái với khuyến nghị của đội ngũ tư vấn MSU [*Đại Học Quốc Gia Michigan – Michigan State University*] mà còn chống lại mong muốn của Đại Sứ Quán (**); và việc thiếu sự phối hợp ở cấp độ Đại Sứ Quán mà theo đó toàn bộ nỗ lực hỗ trợ quân sự có thể được đánh giá và các nguồn lực được phân bổ hợp lý hơn (Bảo An đã được đánh giá hoàn toàn khác nhau giữa MAAG và Đại Sứ Quán).

(**) sự phân cực trong cộng đồng Hoa Kỳ đã có một ảnh hưởng rõ ràng và bất lợi vào khả năng mặc cả của Mỹ với Chính phủ Việt Nam. Bằng cách dành ra tối thiểu sự sẵn đón để lựa chọn các quan chức Mỹ mà ông sẽ nói chuyện đầu tiên, Diệm đã thường trở thành trọng tài, chứ không phải là một người tham gia trong quá trình thương lượng. Vì vậy, Tướng Williams nói: "*Tôi không thể nhớ có lần nào mà Tổng thống Diệm đã làm bất cứ điều gì quan trọng liên quan đến quân sự mà tôi khuyến cáo.*"

"Tại sao Mỹ thua ở Việt Nam" *Theo US News and World Report, 09 tháng 11 năm 1964.*

Thứ phân cực loại thứ ba được thể hiện ngay trong quan hệ giữa Washington và các đại diện khác nhau của họ ở Việt Nam. Cả hai Chính phủ Việt Nam và một số cơ quan của Mỹ đều dựa rất nhiều vào Washington để làm trọng tài cho các tranh chấp sinh ra ở Sài Gòn, Diệm đứng ở vị trí cao nhất để chọn lựa đi với cơ quan nào, trong khi đại diện Mỹ đã phải tìm kiếm nhân vật chính ở các cấp độ khác nhau trong chính cơ quan mình. Những tác động [*đó*] đã ảnh hưởng lên chính sách của Mỹ ở Việt Nam là hiển nhiên.

Bởi vì những chia rẽ và mất tập trung như đã nói ở trên, viện trợ Mỹ, trong giai đoạn đến năm 1960 đã thất bại trong việc tạo ra một lực lượng chống nổi dậy có hiệu quả trong Quân đội Quốc gia, hoặc trong các tổ chức bán quân sự. Điều này không có nghĩa là các nguồn lực đã bị chuyển dịch từ việc tạo dựng một quân đội chính quy thành một lực lượng chống nổi dậy có hiệu quả là các vấn đề của Việt Nam đã có thể giải quyết. Trước một kẻ thù mà về cả hai tính linh hoạt và thích ứng đã được chứng minh, tuyên bố như thế là một điều ngớ ngẩn. Tuy nhiên, nó là một đề nghị, trong tình hình thế giới ở một giai đoạn thích ứng và tình hình khu vực Đông Nam Á, có vẻ như VNDCCH, dù họ

chọn bất cứ chiến lược nào, xâm lược công khai của họ đều sẽ không bị cản trở bởi bất kỳ quân đội nào của Việt Nam được hình thành trong phạm vi khả năng của Hoa Kỳ và Chính phủ Việt Nam. Lực lượng chống nổi dậy có hiệu quả, mặt khác, có thể đã giới hạn sự lựa chọn của mình: ngăn chặn chiến tranh du kích của Việt Cộng là giải pháp mà Bắc Việt đã chọn để làm.

PRINCIPAL PERSONALITIES, 1954-1960

UNITED STATES

<u>OFFICE</u>	<u>TERM OF OFFICE</u>	<u>NAME</u>
President	20 Jan 1953 - 20 Jan 1961	Dwight D. Eisenhower
Secretary of State	21 Jan 1953 - 15 Apr 1959	John Foster Dulles
"	16 Apr 1959 - 20 Jan 1961	Christian A. Herter
Ambassador to GVN	25 Jun 1952 - 20 Apr 1955	Donald R. Heath
"	20 Apr 1955 - 14 Mar 1957	G. Frederick Reinhart
"	14 Mar 1957 - 14 Mar 1961	Elbridge Durbrow
Secretary of Defense	28 Jan 1953 - 8 Oct 1957	Charles E. Wilson
"	9 Oct 1957 - 2 Dec 1959	Neil H. McElroy
"	3 Dec 1959 - 8 Jan 1961	Thomas S. Gates, Jr.
Chairman, JCS	14 Aug 1953 - 15 Aug 1957	Admiral Arthur W. Radford, USN
"	15 Aug 1957 - 30 Sep 1960	General Nathan F. Twining, USAF
"	1 Oct 1960 - 30 Sep 1962	General Lyman L. Lemnitzer, USA
Chief of Staff, Army	15 Aug 1953 - 30 Jun 1965	General Matthew B. Ridgway
"	30 Jun 1955 - 30 Jun 1959	General Maxwell D. Taylor
"	1 Jul 1959 - 30 Sep 1960	General Lyman L. Lemnitzer
"	1 Oct 1960 - 30 Sep 1962	General George H. Decker
Chief of Naval Operations	16 Aug 1953 - 17 Aug 1955	Admiral Robert B. Carney
"	17 Aug 1955 - 31 Jul 1961	Admiral Arleigh A. Burke
Chief of Staff, Air Force	30 Jun 1953 - 30 Jun 1957	General Nathan F. Twining
"	1 Jul 1957 - 30 Jun 1961	General Thomas D. White
Commandant, Marine Corps	28 Jun 1952 - 31 Dec 1955	General Lemuel C. Shepherd, Jr.
"	1 Jan 1956 - 31 Dec 1959	General Randolph McC. Fite
"	1 Jan 1960 - 31 Dec 1963	General David M. Shoup
Chief, MAAG	24 Oct 1955 - 31 Aug 1960	Lt. Gen. Samuel T. Williams, USA
"	1 Sep 1960 - 5 Mar 1962	Lt. Gen. Lionel C. McGarr, USA

GOVERNMENT OF VIETNAM

Head of State/President	Mar 1949 - 26 Oct 1955	Emperor Bao Dai
"	26 Oct 1955 - 1 Nov 1963	Ngo Dinh Diem
Prime Minister	12 Jan 1954 - 16 Jun 1954	Prince Buu Loc
"	7 Jul 1954 - 1 Nov 1963	Ngo Dinh Diem
Minister of Foreign Affairs/ Secretary of State for Foreign Affairs	17 Dec 1953 - 16 Jun 1954	Nguyen Quoc Dinh
"	5 Jul 1954 - May 1955	Tran Van Do
"	Jul 1955 - 1 Nov 1953	Vu Van Mau
Minister of Defense/Minister of National Defense	25 Jun 1952 - 1954(?)	Ngien Van Tri

IV-A-4

HOA KỲ HUẤN LUYỆN QUÂN ĐỘI VIỆT NAM CÔNG HÒA

1954 – 1959

Dàn bài và các tiêu đề

- A. Tại sao Mỹ phải thực hiện việc đào tạo Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa?
- B. Làm thế nào để quyết định tổ chức và huấn luyện các lực lượng Việt Nam được thực hiện?
- C. Mối đe dọa cho miền Nam Việt Nam là gì?
 - 1. Các lực lượng Giáo Phái
 - 2. Việt Minh còn bám lại
 - 3. Quân Đội Nhân Dân Việt Nam
- D. Nhiệm vụ của các lực lượng Việt Nam là gì?
 - 1. Chính sách quân sự chiến lược của Mỹ
 - 2. Bản chất của SEATO
 - 3. Quân Viễn Chinh Pháp
 - 4. Những áp lực gây ra bởi Chính phủ Diệm
 - 5. Kinh nghiệm gần đây của U.S. ở Hàn Quốc.
- E. Tình trạng của quân đội miền Nam Việt Nam ra sao?
- F. Làm thế nào Mỹ có thể thay đổi tình trạng của quân đội Việt Nam?
- G. Liệu kết quả của hỗ trợ Hoa Kỳ thông qua 1960 đã tạo ra một Quân Lực Việt Nam theo hình ảnh của quân đội Mỹ?
 - 1. Sự phát triển của nhiệm vụ
 - 2. Chiến lược của một định chế quân sự chính quy
 - 3. Ở cấp độ chiến thuật
 - 4. Tổ chức các cơ sở quốc phòng
 - 5. Chính sách nhân lực

6. Các thiết bị cung cấp cho các lực lượng chính quy tại Việt Nam
7. Việc đào tạo các lực lượng vũ trang Việt Nam

Bảng: So sánh 7T ROCID Sư đoàn Bộ binh Mỹ (1956) và Sư Đoàn Tiêu chuẩn Quân Lực VNCH (1959)

Biểu đồ: Sư đoàn Bộ binh Hoa Kỳ TOE 7T ROCID (ngày 20 Tháng 12 năm 1956)
Sư đoàn Bộ binh Quân Lực VNCH tổ chức lại, 1959 (tiêu chuẩn Sư Đoàn)

Chú Thích

Tài liệu tham khảo

IV-A-4

HOA KỲ HUẤN LUYỆN QUÂN ĐỘI VIỆT NAM CÔNG HÒA

1954 – 1959

A. Tại sao Mỹ phải thực hiện việc đào tạo Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa?

Cơ sở quyết định của Mỹ để đào tạo QLVNCH là những mục tiêu rộng lớn và niềm tin chính trị liên quan đến Châu Á, cùng với những cân nhắc thu hẹp hơn liên quan đến các phương án để đạt được các mục tiêu của Mỹ ở Đông Nam Á. Cả hai, những cân nhắc [mục tiêu] rộng và hẹp của họ đều có nguồn gốc từ sự hỗn loạn của Thế Chiến II ở Châu Á, cả hai xuất phát từ **mục tiêu tổng thể là ngăn chặn hoặc đánh bại xâm lăng của cộng sản ở bất cứ nơi nào và bất cứ khi nào** mà nó có thể xảy ra, và cả hai đã trở thành trụ cột của chính sách của Mỹ ở Đông Dương với sự sụp đổ của Trung Hoa đại lục vào tay Cộng sản năm 1949.

Ở cấp độ rộng hơn, quyết định của Mỹ để đào tạo các lực lượng vũ trang Việt Nam được xem là cần thiết để bảo vệ nền Độc lập và Tự do của phần Việt Nam phía Nam của vĩ tuyến 17, một điều kiện tiên quyết cần thiết để ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản. Ngăn chặn - gần đây là một chức năng của SEATO cũng như của Hoa Kỳ - đã được xem là cần thiết để bảo vệ các phần còn lại của khu vực Đông Nam Á khỏi sự thống trị và kiểm soát của cộng sản. Việc Cộng sản thống trị khu vực này đã được xem như là kết quả liên quan đến sự sụp đổ của Việt Nam Tự Do bởi những người ủng hộ lý thuyết domino, vẫn tiếp tục là một ảnh hưởng lớn trên chính sách đối ngoại của Mỹ trong suốt phần nghiên cứu ở đây. *"Theo quan điểm về tầm quan trọng của Việt Nam cho tất cả các nước Đông Nam Á, tôi tin chắc rằng Hoa Kỳ nên mở rộng kinh phí, trang thiết bị, và nỗ lực cần thiết để tăng cường cho Quốc gia này và giúp họ giữ lại nền Độc lập của mình,"* theo báo cáo của Tướng J. Lawton Collins *"Nếu cơ hội thành công là rất khó để tính toán, thì kết quả của việc rút viện trợ Mỹ sẽ quá chắc chắn, không chỉ là Việt Nam, nhưng toàn khu vực Đông Nam Á. Việc rút đi như thế sẽ đẩy nhanh tiến độ của cộng sản ở toàn vùng Viễn Đông và có thể dẫn đến việc mất khu vực Đông Nam Á vào tay cộng sản. Theo tôi, cơ hội thành công không chỉ có giá trị cho việc đánh cược; chúng ta không thể tự cho phép mình buông Việt Nam Tự Do đi vào thất bại"* **3/**

Ở mức độ hẹp, nhiều cân nhắc có xu hướng đưa ra một quyết định có tính khẳng định về vai trò đào tạo của Mỹ:

1. Trong suốt cuộc chiến tranh Pháp ở Đông Dương, chính quyền Mỹ liên tục kêu gọi Pháp tạo dựng và đào tạo một quân đội quốc gia Việt Nam. Biện pháp này

đã được nhấn mạnh không chỉ vì Mỹ tin rằng đây là một cử chỉ chính trị cần thiết (bằng chứng về nền Độc Lập thực sự của các nước Đông Dương), mà còn vì các chuyên gia Mỹ xem nó như là một biện pháp quân sự quan trọng để tiến hành thành công cuộc chiến. 4/

2. Mỹ không bao giờ hài lòng với những nỗ lực của Pháp liên quan đến quân đội quốc gia Việt Nam và đã liên tục thất vọng bởi sự miễn cưỡng rõ ràng của Pháp để hành động về điểm này. Đặc biệt gây bối rối cho các quan chức Mỹ là việc người Pháp không hành động gì liên quan đến việc hình thành quân đội Việt Nam với các đơn vị cấp sư đoàn, quy trình huấn luyện của Pháp, và sự miễn cưỡng của Pháp để phát triển lực lượng sĩ quan người Việt Nam trong ngắn hạn, nói tóm lại, nỗi thất vọng sâu sắc do việc Pháp từ chối bắt đầu các thay đổi làm các quan chức Mỹ tin rằng, đúng hay sai, rằng Hoa Kỳ, có thể và sẽ khởi động nếu Mỹ phụ trách.
3. Hoa Kỳ có khả năng đào tạo ra một "quân đội bản địa", như đã được chứng minh qua [*việc hình thành*] các lực lượng Hàn Quốc. Mặc dù áp lực của Mỹ lên Pháp đã lên đến đỉnh điểm trong chuyến viếng thăm của Pháp đến Hàn Quốc để quan sát các phương pháp và các quy trình đào tạo của Mỹ, người Pháp có ấn tượng nhất về sự bất tài của các lực lượng Hàn Quốc và các phương pháp được sử dụng để đào tạo họ cho tình hình ở Đông Dương. 5/
4. Mỹ đã xem xét ý tưởng về việc Mỹ sẽ huấn luyện cho quân đội Việt Nam kể từ đầu chiến tranh Đông Dương, trên thực tế, Mỹ đã được yêu cầu vào đầu năm 1950 để tham gia vào một kế hoạch về Việt Nam [*trong đó*] có phần quân đội Quốc gia Việt Nam sẽ được Hoa Kỳ đào tạo và trang bị mà không cần Pháp tham gia. 6/ Thái độ của Mỹ là rõ ràng. Đầu tháng 4 năm 1952, Văn Phòng Thư Ký đã đề nghị rằng Mỹ sẽ mở rộng MAAG Indochina để đào tạo và trang bị cho một quân đội quốc gia một khi Pháp tuyên bố ý định rút lui khỏi Đông Dương, 7/ Trong tháng 1 năm 1954, Tướng Erskine đề nghị nâng cao quy chế của MAAG thành một sứ mệnh "để giúp đào tạo." 8/ Mặt khác, mặc dù chủ đề của Mỹ huấn luyện quân đội Việt Nam trở nên ngày càng nổi bật từ đầu năm 1953, một ủy ban cấp cao trong Bộ Quốc phòng khuyến nghị chống lại việc tìm kiếm việc Mỹ trực tiếp tham gia đào tạo vào tháng Giêng năm đó, và Tham Mưu Trưởng Liên Quân đã đồng ý với đề nghị này, có lẽ là do sự phản đối của Pháp với Hoa Kỳ về bất kỳ vai trò nào như thế, do trình độ chuyên môn tương đối cao hơn của Pháp để đào tạo các lực lượng địa phương, và do vấn đề ngôn ngữ. 9/ Khi lúc chiến tranh gần chấm dứt, tuy nhiên, Chủ tịch của MAAG là Tướng O' Daniel, đối mặt với sự phản đối mạnh mẽ và liên tục của Pháp, đã thúc ép ngày càng mạnh hơn việc Mỹ tham gia trực tiếp vào việc đào tạo quân đội Việt Nam. Tháng 5

năm 1954, Tướng Ely, Tư Lệnh Tối Cao của Pháp, dường như đã chịu thua áp lực của O'Daniel và đồng ý với việc Hoa Kỳ sẽ đào tạo, và bố trí các cố vấn Mỹ vào các đơn vị Việt Nam. **10/** Ngày 9 Tháng 6 năm 1954, Ely, thông qua O'Daniel, đã yêu cầu Hoa Kỳ tổ chức và giám sát việc đào tạo các sư đoàn Việt Nam, và tương tự cho tất cả các chương trình đào tạo khác cho Việt Nam. **11/** Đến thời điểm này, tuy nhiên, các nhà làm quyết định của Hoa Kỳ tin rằng "tình hình tại Việt Nam đã bị suy sụp đến mức" mà bất kỳ cam kết nào tại thời điểm đó để gửi huấn luyện viên Mỹ trong một tương lai gần có thể làm cho chúng ta phải ra đối mặt với tình hình đó, điều đó là trái với lợi ích của chúng ta là phải thực hiện đầy đủ các cam kết như vậy," **12/** và họ lo sợ rằng, "Nó có thể nằm trong nỗ lực [của Pháp] nhằm kéo Mỹ vào cuộc xung đột vô điều kiện, Pháp có thể đã không nhằm tìm kiếm trước tiên việc đào tạo của Mỹ mà muốn Hoa Kỳ cam kết can thiệp với các lực lượng chiến đấu của mình... Chúng tôi quyết không để mình bị kéo vào chương trình đào tạo để đảo ngược lại tình hình của một chương trình đào tạo mà hầu như nó không có cơ hội để thành công...." **13/** Mặc dù O'Daniel đã nhiều lần yêu cầu rút lại quyết định, đã đi xa tới mức đòi hỏi là yêu cầu của ông phải được đưa đến "cơ quan cao nhất" vào ngày 26 tháng 6, **14/** Sự từ chối vẫn không thay đổi cho đến cuối cuộc chiến tranh Đông Dương.

5. Việc tham gia bị kéo dài với các vấn đề về khả năng hỗ trợ của Mỹ trong việc đào tạo Quân đội Quốc gia Việt Nam hầu như đã bị mất đà mà Tướng O'Daniel đã xây dựng được trong những ngày cuối của cuộc chiến tranh Đông Dương, mặc dù vào ngày 30 Tháng Bảy năm 1954 Mỹ đã quyết định ngưng tất cả các chuyển hàng viện trợ cho Đông Dương và xét lại toàn bộ vấn đề các hoạt động của Hoa Kỳ liên quan đến Đông Dương. **15/** Ngày 27 tháng Bảy, Tướng O'Daniel một lần nữa kêu gọi Mỹ thực hiện một chương trình ưu tiên đào tạo quân đội Việt Nam, mà không có sự can thiệp của Pháp, và đã có những bước đi để mở rộng danh sách các nhân viên có thẩm quyền MAAG trước khi mức trần các lực lượng được [Hiệp Định] Geneva ấn định sẽ có hiệu lực từ ngày 11 tháng 8, mà không cần Washington phê chuẩn chương trình. **16/** Người ta tin rằng đà này, được tạo ra ở Sài Gòn và được hỗ trợ bởi Bộ Ngoại giao, nó tự chính bản thân đã có tầm quan trọng đáng kể trong việc lấy quyết định thực tế để tổ chức và huấn luyện các lực lượng Việt Nam.

B. Làm thế nào để quyết định tổ chức và huấn luyện các lực lượng Việt Nam được thực hiện?

Đại sứ Heath và cấp trên của ông ở Bộ Ngoại Giao "mạnh mẽ đồng tình" với đề nghị ngày 27 tháng 7 của Tướng O'Daniel rằng Hoa Kỳ sẽ thực hiện một chương trình ưu tiên đào tạo quân đội Việt Nam." **17/** Tuy nhiên Tham Mưu Trưởng Liên Quân đã khuyến nghị rằng "trước khi Hoa Kỳ nhận trách nhiệm đào tạo các lực lượng của bất kỳ nước nào trong ba nước Đông Dương, bốn điều kiện tiên quyết nhất định phải có là: "[nước đó] được kiểm soát bởi một chính phủ dân sự mạnh tương đối ổn định ", mỗi nước Đông Dương yêu cầu Mỹ "lấy trách nhiệm đào tạo và cung cấp trang thiết bị quân sự cho lực lượng của họ, hỗ trợ tài chính và tư vấn chính trị cần thiết để đảm bảo sự ổn định nội bộ", sắp xếp với Pháp nhằm "trao Độc lập cho ba nước Đông Dương và thực hiện rút từng giai đoạn có trật tự các lực lượng [*Viễn Chinh*], các quan chức, và các cố vấn Pháp ra khỏi Đông Dương ", và "kích thích và thành phần của các lực lượng... nên được quyết định bởi các yêu cầu quân sự địa phương và bởi lợi ích tổng thể của Mỹ " **18/** Những khuyến nghị này đã được chuyển qua cho Bộ trưởng Quốc Phòng với Bộ trưởng Ngoại Giao bằng thư. **19/**

Để trả lời cho thư này, Ngoại trưởng Dulles nêu lên rằng, Campuchia đã đáp ứng các điều kiện được đề nghị, và mặc dù Việt Nam đã không làm được như vậy, dù sao Mỹ cũng nên thực hiện một chương trình đào tạo khi mà củng cố cho quân đội trong thực tế lại là điều kiện tiên quyết cho sự ổn định "một trong những phương tiện hiệu quả nhất để cho phép Chính phủ Việt Nam trở nên mạnh mẽ là hỗ trợ họ trong việc tổ chức lại và đào tạo cho quân đội quốc gia. **20/** Mặc dù phê duyệt NSC 5429/2, đã xác định việc duy trì các lực lượng ở Đông Dương như là một điều cần thiết để bảo đảm an ninh nội bộ của khu vực, Hội Đồng An Ninh Quốc gia dường như đã quyết định ủng hộ Bộ Ngoại Giao, sự bất đồng giữa Bộ Ngoại Giao và Bộ Quốc phòng lại tiếp tục có thêm một vụ tranh chấp liên quan đến khổ cỡ của các lực lượng được duy trì. Trong khi đồng ý trong việc đào tạo lực lượng Campuchia, Tham Mưu Trưởng Liên Quân trên thực tế đã tái khẳng định vị trí trước đó của họ về Việt Nam:

Tuy nhiên, các Tham Mưu Trưởng Liên Quân lưu ý rằng mối quan tâm về tình hình chính trị bất ổn hiện nay tồn tại ở miền Nam Việt Nam, và từ đó cho rằng đây không phải là thời gian thuận tiện để tiếp tục tiến hành cho thấy ý định [*của Mỹ*] về việc sự hỗ

trợ và đào tạo hoặc cho lực lượng chính quy hay lực lượng cảnh sát. Theo đó, các Tham Mưu Trưởng Liên Quân khuyên nghị nên chống lại việc đưa ra một sứ mệnh đào tạo MAAG Sài Gòn. **21/**

Trong khi đề xuất khổ cỡ quân đội cho Việt Nam, Tham Mưu Trưởng Liên Quân nhắc lại đề nghị trên và nêu lên rằng MAAG Mỹ, sẽ được giới hạn theo thỏa thuận ngừng bắn Geneva, "việc phát triển các lực lượng được đề xuất sẽ đòi hỏi những *[chương trình]* đào tạo tốn kém và chi tiết, sẽ kéo dài một khoảng thời gian từ 3-5 năm, " và rằng " theo cái nhìn về khả năng không chắc chắn của *[lực lượng]* Pháp và Việt để chiếm, giữ và tổ chức lại các lực lượng đang phân tán ở Việt Nam, việc đó có thể sẽ mất vài năm trước khi một lực lượng quân sự có hiệu năng tồn tại. Vì vậy, hỗ trợ quân sự của Mỹ cho khu vực, bao gồm cả đào tạo và trang bị cho các lực lượng, nên được thực hiện ở mức ưu tiên thấp và không được lấy chi phí từ các chương trình quân sự khác của Hoa Kỳ và không được phép làm ảnh hưởng tới sự phát triển của các lực lượng hiệu quả và đáng tin cậy ở các nơi khác, thông qua các chương trình MDA " **22/**

Các Tham Mưu Trưởng Liên Quân đề nghị các lực lượng Việt Nam gồm 184,000 người (5 sư đoàn bộ binh hạng nhẹ bao gồm 1 tiểu đoàn pháo binh nhẹ cho mỗi sư đoàn - 41.000; 12 trung đoàn - 24,000; lực lượng cảnh sát - 9, 000; Bộ Chỉ Huy Trung ương, các lực lượng Dịch vụ và Hậu Cần - 110, 000), một lực lượng dân quân 50.000, và một lực lượng nhỏ Không quân và Hải quân, và đề xuất rằng "các lực lượng Pháp bao gồm tối thiểu là 4 sư đoàn... nên được giữ lại ở đất nước này cho đến khi được thay thế bởi các đơn vị Việt Nam được Mỹ đào tạo." **23/**

Bộ Trưởng Ngoại Giao, vẫn còn tin tưởng vào sự cần thiết cần có một nhiệm vụ đào tạo của Mỹ, đã không đồng ý với khổ cỡ lực lượng quân sự mà Tham Mưu Trưởng Liên Quân đề xuất, xem chúng là quá mức yêu cầu cho việc duy trì an ninh nội bộ đã được thể hiện trong NSC 5429/2. **24/** Ngày 19 Tháng 10, Tham Mưu Trưởng Liên Quân lập luận rằng đề xuất của họ là được chứng minh bởi các mục tiêu cuối cùng của các lực lượng của Việt Nam và lặp đi lặp lại phản đối của họ, từ một quan điểm quân sự nhìn vào việc Mỹ sẽ tham gia đào tạo quân đội Việt Nam. Biên bản ghi nhớ của họ đã kết

luận, tuy nhiên, bằng cách đưa ra những nhượng bộ mà Bộ Ngoại giao đã phải hăm hờ đi tìm:

Tuy nhiên, nếu các cân nhắc chính trị được coi là lấn lướt, các Tham Mưu Trưởng Liên Quân sẽ đồng ý sự phân công của một sứ mệnh đào tạo MAAG, Sài Gòn, với các biện pháp bảo vệ chống lại sự can thiệp của Pháp vào nhiệm vụ đào tạo của Mỹ. **25/**

Với sự sụp đổ này ở vị trí của Quốc phòng, OCB đề nghị, và NSC đã phê duyệt chương trình đào tạo hạn chế và tạm cho Việt Nam. Ngày 22 Tháng 10 một công điện của liên Bộ Ngoại Giao và Quốc Phòng đã được gửi đến Sài Gòn cho phép Đại sứ Heath và Tướng O'Daniel "cùng cộng tác trong việc tiến hành một chương trình cấp tốc được thiết kế nhằm cải thiện sự trung thành và hiệu quả của các lực lượng Việt Nam Tự Do," **26/** Ngày 26 tháng Mười, thể theo lời yêu cầu của Tổng Thống, Bộ trưởng Quốc Phòng đã hướng dẫn Tham Mưu Trưởng Liên Quân chuẩn bị một chương trình dài hạn cho việc sắp xếp, tổ chức lại và đào tạo một lực lượng Việt Nam Tự Do tối thiểu cần thiết cho an ninh nội bộ (đoạn 10D/I của NSC 5429/2). " **27/** Quyết định, chỉ còn phải làm cho tinh tế hơn, còn phải thương lượng lại với Pháp, và những nghiên cứu mới dưới ánh sáng của những phát sinh mới đã được thực hiện ... và đã được thực hiện chủ yếu trên cơ sở của thái độ mở của Bộ Quốc phòng, xa rời việc đối phó với những phản đối cụ thể và hợp lý về việc Mỹ huấn luyện cho quân đội Việt Nam, mà chỉ đơn giản là *[họ muốn]* tránh những phản đối bằng những nhượng bộ trên những cơ sở hoàn toàn khác nhau. **28/**

Quyết định không giúp Pháp bằng cách ném bom Điện Biên Phủ và từ chối cho phép đưa một lực lượng Mỹ vào các khu vực Hà Nội-Hải Phòng sau khi sự sụp đổ Điện Biên Phủ của Tổng thống theo như đề nghị của Chủ tịch Tham Mưu Trưởng Liên Quân dường như đã góp phần vào sự nhượng bộ này. Theo báo cáo của James Gavin, "... có một sự thỏa hiệp. Chúng ta sẽ không tấn công miền Bắc Việt Nam, nhưng chúng ta sẽ hỗ trợ một chính phủ miền Nam Việt Nam bằng cách giúp họ có một chính phủ ổn định, độc lập đại diện cho nhân dân. Như tôi đã nói, chúng ta đã nói với nhau chúng ta là những người tốt. Người Pháp đã bỏ chúng ta, nhưng chúng ta sẽ tiếp tục cuộc chiến.

Ngoài ra, chúng ta trong quân đội đã được rất nhẹ nhõm rằng ông [Tổng thống] đã chặn quyết định đưa lực lượng bộ binh đến Việt Nam mà chúng ta đã không vui thú gì để ngụy biện cho sự thỏa hiệp." **29/**

Những cải tiến của quyết định về việc tổ chức và đào tạo quân đội quốc gia, chuyện phải lo với các cơ quan đại diện và khổ cỡ lực lượng, đã được hoàn thành bởi Tham Mưu Trưởng Liên Quân 17 tháng 11 năm 1954, với một sự thay đổi thú vị về quan điểm (xem ghi chú 28), Bộ Tổng Tham Mưu khẳng định rằng "MAAG Indochina với khả năng hỗ trợ đào tạo để phát triển một quân đội và các lực lượng Hải quân cho an ninh trong nước, đã cung cấp: một phần tối đa các nhân viên quân sự của MAAG được dành cho đào tạo và b, việc hợp tác và cộng tác của MAAG Pháp được bảo đảm. **30/**

Các cuộc đàm phán với Pháp đã được hoàn thành khi biên bản hiểu biết được sự đồng ý giữa Tướng J. Lawton Collins và tướng Paul Ely đã được phía Mỹ phê duyệt ngày 13 tháng 12 1954 và, sau đó là chính phủ Pháp. Các thỏa thuận, trong đó có việc trao quyền tự chủ hoàn toàn cho các lực lượng Việt Nam ngày 01 tháng bảy 1955 và MAAG Mỹ nhận hoàn toàn trách nhiệm giúp Chính phủ Việt Nam trong việc tổ chức và đào tạo lực lượng vũ trang (dưới sự giám sát chung của Tư Lệnh tối cao Pháp và với sự giúp đỡ của các cố vấn Pháp), đã dẫn đến việc Tướng O'Daniel nhận trách nhiệm này vào ngày 12 tháng 2 năm 1955.

Việc tái thẩm định lại quyết định, theo báo cáo của Tham Mưu Trưởng Liên Quân, ngày 21 tháng 1 năm 1955 đã cho rằng "mặc dù chính sách quốc gia đã quy định là phải thực hiện mọi nỗ lực có thể để ngăn chặn miền Nam Việt Nam rơi vào tay cộng sản, mức độ mà Hoa Kỳ sẵn sàng để hỗ trợ chính sách này với nhân lực, tiền bạc, vật liệu, và chấp nhận rủi ro chiến tranh bổ sung là không rõ ràng ", và kêu gọi rằng:" Trước khi xem xét các động thái quân sự liên quan đến khu vực này, một quyết định vững chắc ở cấp quốc gia để thực hiện chính sách của Mỹ ở Đông Nam Á là bắt buộc." Mặc dù vẫn không có quyết định như vậy được đưa ra, và ngay cả việc tái thẩm định về quyết định hỗ trợ người Việt Nam cũng đã không chọn bất kỳ một phương án hành động nào khác, nó cũng đã bao hàm bởi những tiếng kèn domino lập đi lập lại rằng việc Hoa Kỳ phải hỗ

trợ cho Việt Nam đã được yêu cầu. Đến khi, một tuần sau đó, Tướngng Collins phát biểu tích cực hơn về nhu cầu này, con đường đã trở nên rõ ràng để NSC xác nhận một chính sách mạnh mẽ của Mỹ tại Việt Nam, 31/ xác nhận việc Tướng O'Daniel sẽ tiếp quản [việc đào tạo] vào ngày 12 - nhưng ở mức độ nào mà Mỹ đã được chuẩn bị để hỗ trợ chính sách này (sau đó hoặc bây giờ) cũng chưa bao giờ được làm rõ.

C. Mỗi đe dọa cho miền Nam Việt Nam là gì?

Ngoài những cân nhắc làm cơ sở cho quyết định của Mỹ để đào tạo lực lượng Việt Nam là việc xem xét cụ thể của các mối đe dọa thù địch đối với miền Nam Việt Nam. Như đã được nhận thức trong thời điểm mà quyết định này đã được thực hiện, các mối đe dọa bao gồm ba yếu tố: lực lượng giáo phái bất đồng chính kiến ở miền Nam Việt Nam; các lực lượng cộng sản ở miền Nam Việt Nam, chế ngự bởi các nhà làm quyết định ở Hà Nội; và Quân đội Nhân dân Việt Nam của Bắc Việt Nam.

1. Các lực lượng Giáo Phái

Các lực lượng Giáo Phái được ước tính bao gồm khoảng 10.000 Cao Đài, 2.500 Hòa Hảo, và 2.600 lực lượng Bình Xuyên, cộng với lực lượng cảnh sát đô thành tại thời điểm đó cũng dưới sự kiểm soát của Bình Xuyên, là phe đối lập với chính quyền Diệm còn non trẻ 32/ các nhóm vũ trang chính trị-tôn giáo có tên là Cao Đài, Hòa Hảo, và Bình Xuyên đó là các nhóm chống Cộng sản trong định hướng, nhưng phong kiến và lạc hậu trong tất cả các khía cạnh khác. Hiện nay, họ có một quyền phủ quyết thực tế về mọi hành động của chính phủ. Quyền lực mà họ sử dụng để ngăn chặn những cải cách nào có thể đe dọa về mặt quân sự, kinh tế và chính trị trên những ưu đãi đang có của họ. Họ sẽ giữ lại quyền lực của mình để đe dọa và quấy nhiễu chính quyền cho đến khi quân đội Quốc gia là đủ mạnh để vô hiệu hóa các lực lượng của họ " 33/

Vì vậy, các giáo phái được coi như là một đe dọa cho an ninh nội bộ và cụ thể hơn như là một đe dọa cho chính quyền Diệm. Theo một số người ở Sài Gòn, họ được coi là một đe dọa nội bộ lớn. 34/ đã từ lâu trợ cấp của người Pháp là đối tác của họ trong cuộc chiến tranh Đông Dương, và phải đối mặt với sự kết thúc hỗ trợ tài chính của Pháp, các

yếu tố chính của các lực lượng giáo phái đã được hòa nhập vào Quân đội Quốc gia Việt Nam, các yếu tố khác, bao gồm cả lực lượng Hòa Hảo của Ba Cut, đã bị các lực lượng chính phủ đánh tan thành những mảnh nhỏ và thành những nhóm chống chính quyền không đáng kể, theo ước tính của tình báo đương thời năm 1956. **37/** Tuy nhiên đã có một số bằng chứng cho thấy những nhóm bị phân mảnh đã bị cộng sản thâm nhập, và rằng họ đã bị những người cộng sản lợi dụng trong suốt thời gian. Trong vai trò này, các giáo phái đại diện cho một... sự tiếp tục, tuy ở mức độ thấp, của mối đe dọa nổi dậy như là một yếu tố trong tổng thể vấn đề an ninh nội bộ mà chất lượng không khác gì chất lượng của chính những người cộng sản.

2. Việt Minh còn bám lại

Một lực lượng Việt Minh còn nằm vùng lại ở Nam Việt Nam thường được coi đó là công cụ mà "Cộng sản" sẽ sử dụng để theo đuổi "mục tiêu đảm bảo việc thống trị tất cả Đông Dương." **36/** Báo cáo tình báo thời đó (1954) cho thấy niềm tin rằng

... Việt Minh sẽ tìm cách giữ lại những tài lực về quân sự và chính trị khá lớn ở miền Nam Việt Nam. Mặc dù thỏa thuận [Geneva] đưa ra việc tập kết về phía bắc tất cả các lực lượng Việt Minh, nhiều chiến sĩ Việt Minh chính quy và không chính quy còn đang ở phía nam là người địa phương trong vùng, và một số lượng lớn trong số họ có thể đã chọn dấu vũ khí của họ và vẫn còn ở lại miền Nam Việt Nam. Ngoài ra, các cán bộ hành chính của Việt Minh đã kiểm soát chặt chẽ một số khu vực lớn ở miền Trung và miền Nam Việt Nam trong nhiều năm. Những cán bộ này có thể sẽ vẫn còn ở lại vị trí... **37/**

Những báo cáo khác sau đó xác nhận tuyên bố này và tiếp tục mô tả tình hình là "bấp bênh". **38/**

Những ước tính trong khoảng thời gian liên quan đã thống nhất về vấn đề kiểm soát của phong trào Việt Minh ở miền Nam: Họ không đặt vấn đề về mục đích thống nhất giữa những người cộng sản ở phía bắc và phía nam (hoặc, cho rằng vấn đề đó, trong

số các thành viên của khối Cộng sản), họ đã tiếp tục khẳng định hoặc suy ra rằng Việt Minh ở miền Nam là nằm dưới sự kiểm soát của Việt Minh ở miền Bắc. **39/**

Đã có nhiều ước lượng khác nhau của Hoa Kỳ trong giai đoạn này về tầm cỡ các lực lượng Việt Minh ở miền Nam nhưng không bao giờ vượt quá 10.000, theo ước tính của Chính phủ Việt Nam, có xu hướng bao gồm tất cả tổ chức của những người bất đồng chính kiến, luôn thấp so với tính toán của Mỹ, thì không bao giờ vượt quá 8.000. Theo những ước tính đối nghịch bởi bất kỳ ước tính nào của chính phủ có sẵn trong giai đoạn 1954-1960 thì không nhiều hơn con số 2,000 được coi là "tích cực". Các lực lượng này luôn bị ước tính tăng cường con số với các cán bộ chính trị và hành chính; **40/**. Cái phương án của họ là lật đổ và hoạt động du kích ở quy mô nhỏ.

Vì vậy, mối đe dọa cho nội bộ miền Nam Việt Nam đã được xem xét trong suốt giai đoạn là hoạt động lật đổ và du kích quy mô nhỏ thực hiện dưới sự điều khiển của Hà Nội, chủ yếu là do cán bộ quân sự và chính trị của Việt Minh.

3. Quân Đội Nhân Dân Việt Nam

Quân đội nhân dân Việt Nam "tiếp tục tiến hóa" thành một lực lượng quân sự chính quy trong năm cuối cùng của cuộc chiến tranh Đông Dương thuộc Pháp, **41/** và trong khoảng thời gian trong thời gian đó, Mỹ đã quyết định có trách nhiệm tổ chức và đào tạo cho quân đội miền Nam Việt Nam. Khả năng của VPA được đánh giá là đã gia tăng ghê gớm. **42/** Trong tháng 4 năm 1955, VPA thường xuyên ", tổ chức lại và tăng cường kể từ Geneva," được ước tính đã tăng tới số lượng 240,000 quân (phần lớn gồm *[hay không gồm – vì chữ "in expense of" không biết dịch thế nào]* các lực lượng địa phương 37.000 và các lực lượng tự vệ 75.000) và được tổ chức thành 10 sư đoàn bộ binh, 2 sư đoàn pháo binh, 1 lực lượng Phòng không *[AAA: Antiaircraft Artillery]*, và 25 trung đoàn bộ binh độc lập. **43/** Trong suốt thời gian 1954-1960, VPA tăng trưởng chậm, và "nhiều ước tính liên tục là với khả năng đánh bại các lực lượng cả của Pháp và Việt Nam, lực lượng VPA có thể thực hiện một cuộc xâm lược miền Nam Việt Nam.

Thường được giả định rằng các lực lượng này có thể được tiếp sức bởi các lực lượng Cộng sản Trung Quốc, nếu sự tiếp sức như vậy là cần thiết.

Cũng cao như các ước tính về khả năng của VPA là các ước tính về ý định VPA: những người cộng sản, mặc dù tiếp tục theo đuổi mục tiêu của họ kiểm soát tất cả Đông Dương, sẽ "không vi phạm các hiệp ước đình chiến mức độ phát động một cuộc xâm lược vũ trang ở phía Nam hoặc phía Tây, sẽ theo đuổi mục tiêu của mình bằng những phương cách chính trị, tâm lý, và bán quân sự. **44/** Vào mùa thu năm 1954, đã có báo cáo rằng " có lẽ bây giờ Việt Minh đang cảm thấy rằng họ có thể kiểm soát được toàn cõi Việt Nam mà không cần khởi xướng một chiến tranh quy mô lớn. Theo đó, chúng tôi tin rằng cộng sản sẽ phát huy mọi nỗ lực để hoàn thành mục tiêu của họ qua các phương án mà không có chiến tranh.... nếu, mặt khác, miền Nam Việt Nam trở nên mạnh hoặc nếu các cuộc bầu cử đã bị hoãn lại trong sự phản đối của Cộng sản, Cộng Sản có lẽ sẽ tiến tới các hoạt động lật đổ và du kích ở miền Nam và nếu cần thiết sẽ xâm nhập thêm lực lượng vũ trang trong một nỗ lực để giành quyền kiểm soát khu vực. Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng họ sẽ không công khai xâm lược miền Nam Việt Nam ít nhất là trước tháng 7 năm 1954... " **45/**

Chủ đề của hoạt động chính trị, tâm lý, và bán quân sự là phương pháp mà Cộng sản tiến hành để đảm bảo mục tiêu của họ đã được nhấn mạnh trong tất cả các ước tính có sẵn trong suốt những năm 1954 -1960. Báo cáo ước tính cho rằng có khả năng là VPA sẽ công khai xâm lược miền Nam Việt Nam trong thời gian đó đã được tìm thấy, ngược lại, mặc dù Diệm đã khẳng định rằng việc VNDCCH xâm lược là một khả năng nghiêm trọng, **46/** Ước tính liên tục của Mỹ nhấn mạnh rằng một cuộc xâm lược là khó xảy ra. Qua những lời của các Tham Mưu Trưởng Liên Quân, tham gia vào việc xác định chính sách của Mỹ trong trường hợp của có cuộc xâm lược Việt Nam ", Tham Mưu Trưởng Liên Quân có ý kiến cho rằng tại thời điểm này, mối đe dọa lớn cho miền Nam Việt Nam tiếp tục vẫn là dự lật đổ... " **47/**

Trong một thời gian sau đó, đã có tin rằng "quân đội Bắc Việt Nam đã tăng gần gấp đôi kích thước của quân đội miền Nam Việt Nam. Mối đe dọa bởi kích thước to lớn của các

lực lượng phía Bắc đã liên tục gây áp lực tâm lý lên chính quyền VNCH. **48/** Dưới vói nhìn về bản chất của các phản ứng của Mỹ với các mối đe dọa này kết hợp với đe dọa gây ra bởi các giáo phái, bởi Việt Minh tại miền Nam Việt Nam, và tất cả như được phản ánh trong sức mạnh của nhiệm vụ được giao nhiệm vụ tại miền Nam Việt Nam, có thể thấy rằng " áp lực tâm lý liên tục " đã tác động lên Mỹ cũng như các nhà hoạch định chính sách Chính phủ Việt Nam.

D. Nhiệm vụ của các lực lượng Việt Nam là gì?

Nhiệm vụ ban đầu được hình dung cho các lực lượng của Việt Nam Tự Do bởi những ủng hộ chính về một vai trò tổ chức và đào tạo của Mỹ cho các lực lượng này; Bộ Ngoại Giao, chỉ đơn giản là cung cấp và duy trì nền an ninh trong biên giới của đất nước họ, 49 / và căn cứ vào quyết định này mà việc đảm nhận trách nhiệm về việc đào tạo và tổ chức cho Quân đội Quốc gia Việt Nam đã được thực hiện. Tuy nhiên, khái niệm đơn giản đã bị tranh chấp trước khi, trong khi, và sau khi nó được công bố, Các Tham Mưu Trưởng, trong một cố gắng tìm kiếm cái logic của quyết định nay thông mang nhận rồi vò của các cam kết của Mỹ để, phần lớn là từ Bộ Ngoại giao, đã được ghi nhận là đối lập với nó, **50/**, trong thực tế, đầu năm 1956 một nhiệm vụ với gấp hai hoặc ba lần lực lượng cho Nam Viet Nam đã ít nhiều được coi là đã được thiết kế bởi những người khác bên phía các Tham Mưu Trưởng có trách nhiệm trực tiếp tổ chức các lực lượng đào tạo cho Việt Nam. **51/**

Quá trình tiến hóa của nhiệm vụ [đào tạo] quân đội Việt Nam, từ đó duy trì an ninh nội bộ để (a) giữ gìn an ninh nội bộ, (b) chống lại sự xâm lược từ bên ngoài, và (c) góp phần vào việc phòng thủ khu vực với các nước không Cộng Sản khác, đã bị ảnh hưởng sâu sắc bởi năm yếu tố: tình trạng chính sách quân sự chiến lược nhà nước của Mỹ trong giữa thập niên 1950; bản chất của SEATO và Mỹ về quan điểm thực hiện đầy đủ các cam kết quy định trong hiệp ước; việc rút quân viễn chinh Pháp; áp lực gây ra bởi chính quyền Diệm, và kinh nghiệm gần đây của Mỹ ở Hàn Quốc.

1. Chính sách quân sự chiến lược của Mỹ

Chính sách quân sự chiến lược của Hoa Kỳ giữa những năm 1950, các hồ sơ tài liệu đã được giữ tốt 52/ cả hai phức tạp và lẫn lộn, và sự nhầm lẫn về vấn đề trả đũa quy mô so với quốc phòng của địa phương là đặc biệt tăng mạnh. Tham Mưu Trưởng Liên Quân - trong số nhiều người khác – đã không thể giải quyết tình trạng tiến thoái lưỡng nan do chính sách Mỹ đặt ra về vấn đề liên quan đến quốc phòng của khu vực Đông Nam Á.

Các Tham Mưu Trưởng Liên Quân đã tranh đấu, đầu tiên, đó là "từ cái nhìn của Hoa Kỳ, tham chiến đến vùng Viễn Đông như một khối, Đông Dương không phải là mục tiêu quân sự có tính chất quyết định [Có lẽ theo một nghĩa thu hẹp về quân sự] " 52/ Khi đang xem xét việc can thiệp vào chiến tranh Đông Dương, và mục tiêu của Không quân và Hải quân Hoa Kỳ phải là nguồn gốc của xâm lược (tức là, Trung Quốc). Họ đã hội ý cho cả trước và sau cuộc chiến tranh Đông Dương bom nguyên tử phải nên được sử dụng trong Việt Nam trong việc phòng thủ nội địa của đất nước đó - và nếu việc sử dụng vũ khí đó "đã bị từ chối (một lo ngại liên tục xuất hiện để ám ảnh các Tham Mưu Trưởng), nhu cầu về lực lượng Mỹ và yêu cầu về thời gian cần thiết để đạt được chiến thắng sẽ tăng cao. 53/ Cuối cùng, sau khi Pháp bị thua trận, các Tham Mưu Trưởng lập luận rằng việc chống lại sự xâm lược từ Bắc Việt Nam bởi quân lực Nam Việt, sẽ là cần thiết để cung cấp đủ thời gian cho Hoa Kỳ can thiệp với các lực lượng Bộ Binh, một lần nữa sử dụng vũ khí nguyên tử cho quốc phòng địa phương. 56/

Vì vậy, mặc dù chính sách quốc phòng Mỹ giữa những năm 1950 là phụ thuộc vào vũ khí hạt nhân là chính nhưng không phải là duy nhất, và việc sử dụng lực lượng trả đũa quy mô lớn để đáp trả lại các hành động thù địch chống lại lợi ích của Hoa Kỳ; việc định nghĩa và quy hoạch việc sử dụng loại vũ khí như vậy, để trả đũa hay gì khác, đã trở nên quá tham vọng, và ngay bản thân các khái niệm cũng đã không rõ ràng, đặc biệt là khi đưa ra áp dụng cho một tình huống quốc phòng ở một địa phương xa xôi, giá trị chủ đạo của nó, xem như hoàn toàn là khoảng không.

2. Bản chất của SEATO

Bản chất của SEATO, và các quan điểm của Hoa Kỳ về việc thực hiện các nghĩa vụ của họ theo hiệp ước SEATO, nhất thiết là sự rối loạn được phản ánh trong chính sách tổng

thể và hoạch định quốc phòng của Mỹ. Thêm vào vấn đề chung đó là vấn đề cụ thể hơn là làm sao nguồn lực của Mỹ có thể đáp ứng đầy đủ các cam kết trên toàn thế giới, bao gồm cả SEATO, mà Mỹ đã lo toan kể từ khi kết thúc Thế chiến thứ II. Vì vậy, các Tham Mưu Trưởng đã nêu rõ là " cam kết của Mỹ ở Đài Loan, Nhật Bản và Hàn Quốc, là những quốc gia không nằm trong Hiệp ước SEATO, đã buộc Hoa Kỳ không được hạn chế các cam kết về lực lượng trong những vùng được Hiệp Ước bảo vệ; 56/ ngoài những cam kết đó phải được bổ sung vô số nghĩa vụ khác của Mỹ ngoài châu Á."

Như đã biết rõ, hiệp ước SEATO, áp lực lên sự tồn tại của Hoa Kỳ và dự kiến để ngăn chặn sự xâm lược công khai từ Trung Quốc hay các quốc gia Cộng sản khác, đã dựa rất nhiều vào các khái niệm can thiệp quân sự của Hoa Kỳ. Đối mặt với mức độ cam kết của Hoa Kỳ, đặc biệt liên quan đến khả năng của định chế quốc phòng, và liên tục phải đối mặt với các cân nhắc và những đòi hỏi của một cuộc chiến tranh toàn diện, Tham Mưu Trưởng Liên Quân tìm kiếm một cách nào đó mà nghĩa vụ của Mỹ trong SEATO có thể được thực hiện như:

5. a. Tiếp tục phát triển các lực lượng chiến đấu hiệu quả bản địa, với cấu trúc của họ và cùng giúp nhau phối hợp để đào tạo các cấp chỉ huy bản địa và tạo uy tín, và với khả năng cải tiến để tạo ra các lực lượng chiến đấu nhuần nhuyễn qua việc lồng ghép các hoạt động của họ [*SEATO*] với các lực lượng bản địa, và được hỗ trợ bởi các hoạt động của các lực lượng khác của thành viên Hiệp ước Manila.
- b. Sẵn sàng nhanh chóng trả đũa các cuộc tấn công bởi việc kết hợp có hiệu quả nhất của lực lượng vũ trang Hoa Kỳ chống lại sức mạnh quân sự của kẻ thù xâm lược.
- c. Khuyến khích các quốc gia khác trong Hiệp ước Manila duy trì sẵn sàng lực lượng để chống xâm lược.
- d. Thảo luận, tên những nét lớn, kế hoạch quân sự đơn phương của các đại diện quân sự để Hội Đồng trong phạm vi cần thiết đảm bảo được sự tham gia và hợp

tác tối đa của các quốc gia thành viên khác, nhưng chưa đến mức có thể tiết lộ ra kế hoạch chiến lược của Mỹ, [hay] lực lượng sẵn sàng của Mỹ dành cho việc thực hiện kế hoạch đó.

e. Các chuyến thăm định kỳ của quân đội Mỹ vào khu vực này để thể hiện ý định, và để liên kết và kết hợp các bài tập huấn luyện.

f. Có sẵn sàng các cơ chế thích hợp để lực lượng Mỹ có thể hỗ trợ của các lực lượng bạn người bản địa trong khu vực chung.

6. Khái niệm về tấn công trả đũa không tính đến xem xét việc tấn công vào các mục tiêu nằm trong các quốc gia xâm lược ngoại trừ các mục tiêu quân sự có tham gia trực tiếp hỗ trợ các hành động xâm lược. Nếu được cho phép, vũ khí nguyên tử sẽ được sử dụng, ngay cả trong một tình huống ở bản địa, nếu việc đó sẽ mang lại việc chấm dứt nhanh chóng và tích cực cuộc xâm lăng, và nếu, với sự cân bằng giữa chính trị và quân sự đã được xem xét, việc sử dụng [bom nguyên tử] đó thúc đẩy tốt nhất lợi ích an ninh của Mỹ. Nếu giả định rằng quyền sử dụng vũ khí nguyên tử không được bảo đảm, thì khái niệm trên không có yêu cầu để thay đổi, nhưng với giả định rằng sẽ không cho phép sử dụng ở mức hiệu quả nhất các lực lượng vũ trang của Mỹ, và hậu quả là một lực lượng có thể được yêu cầu lớn hơn mà Mỹ có thể cung cấp được, theo cái nhìn từ mọi phía. **57/**

Mục đích rõ ràng của khái niệm này - theo mục tiêu của SEATO là răn đe và để đáp ứng với sự xâm lược công khai chống lại Nam Việt Nam, trong số các nước khác, trong giới hạn tài nguyên của Hoa Kỳ, và vấn đề này được công nhận trong NSC 162/2, "dự kiến dựa trên lực lượng mặt đất bản địa, trong mức độ tối đa có thể," **58/** và các áp lực tâm lý tạo ra bởi sức mạnh của VPA, hệ quả logic về việc phân công một sứ mệnh "chống lại xâm lược từ bên ngoài" ở bản địa được giao cho quân đội Nam Việt hầu như không thể tránh khỏi. Do đó, Tham Mưu Trưởng Liên Quân đã đưa ra quan điểm của họ - và quan điểm đó được giữ trong suốt thời gian 1954-1960 " rằng mục tiêu cuối cùng của sức mạnh quân sự của các quốc gia Đông Dương phải là:

VIỆT NAM - đạt được và duy trì an ninh nội bộ và ngăn chặn xâm lược của Việt Minh, giới hạn đến đường phân định ranh giới định bởi Hiệp Định đình chiến Geneva. **59/**

Mặc dù đó không phải cho đến khi NSC 5612/1 được phổ biến vào giữa năm 1956 phê duyệt chính sách của Mỹ xác nhận nhiệm vụ này bằng nghị quyết "hỗ trợ Việt Nam Tự Do xây dựng lực lượng vũ trang bản địa, bao gồm dịch vụ hành chánh và hậu cần độc lập, để họ có thể lo toan cho an ninh nội bộ và có thể đưa ra kháng cự hạn chế ban đầu chống lại tấn công của Việt Minh," **60/** những chính sách không chính thức của Mỹ, từ Tham Mưu Trưởng Liên Quân ở Washington thông qua MAAG ở Việt Nam, đã đưa vào vận hành các chương trình được ngầm giao phó nhiệm vụ kháng cự đầu tiên hạn chế cho các lực lượng Việt Nam, cố gắng đáp ứng được cả hai: yêu cầu của SEATO và nhận thức về nguồn tài nguyên hạn chế của Mỹ.

3. Quân Viễn Chinh Pháp

Quân Viễn chinh Pháp, với một sức mạnh 176,000 người vào tháng 10 năm 1954, mà hình ảnh đã xuất hiện rất nhiều kế hoạch Mỹ - Pháp nhằm bảo vệ miền Nam Việt Nam. Trong thực tế, Quân Viễn Chinh Pháp đã được lên kế hoạch để giữ vai trò lá chắn cho việc đào tạo QLVNCH có thể được tiến hành mà không lo việc đối phó với một cuộc tấn công của Việt Minh tràn qua vĩ tuyến 17. Chuyện không may trên quan điểm của kế hoạch này là các tranh cãi quan trọng gây hại - và cuối cùng đã làm hại - cho hoạt động chung Mỹ-Pháp tại Việt Nam.

Nỗ trối trong số các bất đồng Mỹ - Pháp là sự miễn cưỡng của Pháp trong việc hỗ trợ Chính phủ Diệm và thái độ rõ ràng của Pháp nhằm tiến tới hoà giải với Cộng sản ở cả hai miền: Bắc và Nam Việt Nam phụ thuộc ở mức tối thiểu vào một thể hiện ban đầu và thuyết phục bởi sự "hỗ trợ hết mình" của người Pháp. **62/** Thật không những chỉ đặc biệt bức bối là không có "hỗ trợ hết mình" nào đến mà còn có những bằng chứng đáng kể có xu hướng hỗ trợ cho niềm tin rằng người Pháp đã tích cực cố gắng lật đổ Diệm trong thời gian họ vẫn còn ở lại Việt Nam. **63/**

Việc Pháp miễn cưỡng hỗ trợ Diệm, hoặc như Mỹ dự kiến, hay "bất kỳ chính phủ dân tộc" nào **64/** - được xem là phù hợp thái độ của họ đối với Cộng sản Bắc Việt Nam. Mặc dù Tướng Collins và Ely đã có một qua hệ thân mật tin cậy lẫn nhau, có bằng

chứng đáng kể là Ely, trong một ý nghĩa nào đó, đã là nạn nhân của cấp trên của mình trong Chính phủ Pháp và các nhân viên dưới quyền của mình tại Việt Nam. Vì thế, trong khi Collins hầu như không bao giờ bày tỏ nghi ngờ những gì Ely nói với ông (và không bao giờ nghi ngờ về tính thanh liêm của Ely), thì chính trị nước Pháp ở cả hai cấp cao và cấp thấp, đặc biệt là đồn dập và đường như để hướng dẫn nhằm tới: bảo quản các doanh nghiệp và ảnh hưởng văn hóa của Pháp trong cả hai miền Bắc và Nam Việt Nam. Phái Bộ cao cấp Pháp đến Hà Nội, phái bộ Sainteney, đặc biệt được xem như là những bằng chứng của việc ăn ở hai lòng của Pháp, mặc dù Tướng Ely, trong hồi ký của mình, chối bỏ là đã có việc ăn ở hai lòng như vậy. **65/** Những nghi ngờ về việc Pháp hỗ trợ cho các lực lượng giáo phái chống đối Chính phủ Diệm và những hoạt động của Pháp tham gia trong liên phái bộ Pháp-Mỹ về Đào Tạo Và Hướng Dẫn cũng phù hợp với chính sách bảo toàn quyền lợi của Pháp [*ở Việt Nam*].

Trong một thời gian, các nhà hoạch định chính sách Mỹ đã suy nghĩ nghiêm túc về việc Mỹ sẽ tiến hành một mình mà không cần có người Pháp ở Việt Nam. Trong khi Hội nghị Washington trong tháng 9 năm 1954, phái đoàn đại biểu Pháp đã thảo luận ý định của họ là sẽ cắt giảm Quân Viễn Chinh Pháp còn đến mức 100.000 vào cuối năm 1955 và yêu cầu Mỹ giúp 330 triệu USD để giữ Quân Viễn Chinh Pháp ở mức đó, phản ứng trong số các nhà hoạch định chính sách Mỹ "là tiêu cực. Vào ngày 05 tháng mười một, sau những cân bằng các bên, có lẽ sẽ tốt hơn nếu Mỹ tiến hành một mình mà không cần sự hiện diện của Pháp ở Việt Nam, và nó đã được dự kiến rằng Mỹ không nên tiếp tục những hỗ trợ như họ [*Pháp*] đã yêu cầu, phải giới hạn sự đóng góp ở mức 100 triệu USD. Theo cái nhìn của họ, việc rút hoàn toàn Quân Viễn Chinh Pháp vào năm 1955 sẽ tạo ra một khoảng không mà chỉ có Việt Minh mới có thể trám đầy, làm cho QLVNCH "có thể không có khả năng đối phó ngay cả với lực lượng không chính quy của Việt Minh, ít nhất là trong thời gian đó. Hơn nữa, sự hợp tác của Pháp là thiết yếu cho sự thành công của bất kỳ dự án nào của Mỹ tại Việt Nam, và mọi quyết định hỗ trợ cho Quân Viễn Chinh Pháp sẽ làm tổn hại đến sự hợp tác của Pháp.

Mặc dù Heath và Collins đã chiếm ưu thế và 100 triệu USD đã được phân bổ để hỗ trợ cho Quân Viễn Chinh Pháp trong năm 1955, Pháp đã được thông báo rằng có thể sẽ không có hỗ trợ gì thêm ngoài số tiền dự kiến cho thời gian đó. **67/** Pháp phản ứng bằng cách rõ ràng quyết liệt giảm Quân Viễn Chinh Pháp là sắp diễn ra – giảm còn 50,000 quân vào cuối năm 1955, và Bộ Ngoại Giao nhấn mạnh mặc dù việc giảm quân này đã dựa trên những cân nhắc mang tính tiền bạc, nhưng cũng có nhiều tình cảm của Pháp nhằm chuyển Quân Viễn Chinh Pháp sang Bắc Phi. Ở Việt Nam, rõ ràng là quân Pháp đang phục vụ cho các lợi ích của Thế Giới Tự Do, nếu Thế Giới Tự Do không muốn trả chi phí của họ: thì quân [*Pháp*] sẽ được gửi đến Bắc Phi, là nơi mà họ có thể phục vụ cho lợi ích của Pháp và Liên minh Pháp. **68/**

Những áp lực được Diệm đưa ra cũng góp phần vào sự ra đi của người Pháp. Không che giấu tinh thần bài Pháp của mình, ông Diệm đòi hỏi Pháp rút hết Quân Viễn Chinh Pháp ra khỏi Việt Nam sớm từ đầu tháng 9 năm 1954, và vào tháng 3 năm 1955, Thủ Tướng Pháp Faure công bố Pháp sẽ rút Quân Viễn Chinh Pháp theo yêu cầu của Chính phủ Việt Nam. Đến tháng 10 năm 1955, Quân Viễn Chinh Pháp đã được giảm xuống còn 45.000 người, 69/ tháng 2 năm 1956, chỉ còn 15,000, 70/ và vào ngày 1 tháng 4 năm 1956, phần Quân Viễn Chinh Pháp còn lại rời Saigon và chỉ để lại sau lưng một phái bộ nhỏ về đào tạo Không quân và Hải quân.

Với việc giải tán Bộ Tư Lệnh Tối Cao của Pháp ngày 23 tháng 4, chỉ còn lại là QLVNCH để bảo vệ miền Nam Việt Nam chống lại xâm lược từ miền Bắc, một sứ mạng mà Pháp đã dự kiến thực hiện.

4. Những áp lực gây ra bởi Chính phủ Diệm

Các áp lực thúc đẩy liên tục bởi Chính phủ Diệm lên Mỹ để có một lực lượng Quân đội Quốc gia Viet Nam lớn hơn so với mức mà Mỹ sẵn sàng hỗ trợ 71/ và trong những năm cấp bách xây dựng 1954 và 1955 đã theo định hướng tới một quân đội chính quy để chống lại cuộc xâm lược từ phía Bắc cũng như để lo cho an ninh nội bộ. Diệm chỉ muốn Quân Viễn Chinh Pháp được triển khai dọc theo vĩ tuyến 17 72/ Diệm cho rằng QLVNCH phải được lèo lái và tổ chức theo cách như vậy là chống lại bất kỳ cuộc xâm lược như vậy, mặc dù từ những ngày đầu tiên, lập luận các quan chức cao cấp của Việt Nam, gồm cả Tướng Minh, là việc thành lập tổ chức an ninh cơ sở hiệu quả ở nông thôn. Họ đã biết phải làm thế nào vì họ đã chiến đấu trong chiến tranh đã và bị thua trận. Diệm đã không có ý tưởng gì lúc đầu tiên. Trong khi chiến thuật của Việt Minh đã thay đổi từ chiến tranh tiêu hao [*du kích*] qua chiến tranh hủy diệt. Diệm thì lung tung. Ông trở lại với ý kiến dung hòa và không quân là cần thiết và thậm chí bộ binh là không cần thiết. Sau đó, Diệm lại gắn kết tới việc phát triển pháo binh... Tới lúc Diệm mạnh dạn chấp nhận lời khuyên của các Tướng của mình, Hoa Kỳ đã bắt tay vào những kế hoạch quy mô để tổ chức quy mô lại các lực lượng bán quân sự mà Diệm đã thành lập một cách nửa vời, đang tàn úa nhưng những cây nho. 73/

5. Kinh nghiệm gần đây của U. S. ở Hàn Quốc.

Kinh nghiệm gần đây của U. S. ở Hàn Quốc gồm hai loại: một nỗ lực to lớn để chống lại cuộc xâm lược bởi một lực lượng lớn của quân chính quy Cộng sản trên một vĩ tuyến với một quân đội chính quy lớn chủ yếu gồm U. S. và quân đội "bản địa" do U.S. huấn luyện, và một nỗ lực rất nhỏ của Mỹ đã được dành chống chiến tranh du kích và một

đoạn ngắn trong 291 trang sách về cuộc chiến tranh Triều Tiên của Tướng Matthew B. Ridgway 's viết lại:

... Vì vậy, dường như đây là thời điểm tốt [tháng 11 năm 1951] để lo cho thứ phiền toái liên tục này - sự tồn tại của nhiều nhóm du kích lớn tại Hàn Quốc, đặc biệt là ở miền núi phía Tây Bắc của Chinju, nơi họ đã làm nơi ẩn náu có hiệu quả sau khi Cộng sản rút lui. Van Fleet đã bổ nhiệm Trung tướng Paik CN Yup và hai sư đoàn Quân Đội Đại Hàn cho chiến dịch RATKILIER [*Giết Chuột*], để loại bỏ mối đe dọa tiềm năng nguy hiểm này cho chúng ta. Đến cuối tháng Giêng 1952 gần 20,000 chân đất – gồm kẻ cướp và quân du kích có tổ chức - đã giết hoặc bị bắt giữ và chuyện phiền hà này đã được kết thúc tốt. 74/

Qua kinh nghiệm của Hàn Quốc, chưa được hai năm cho tới thời điểm mà Tướng O'Daniel đảm nhận trách nhiệm đào tạo cho Quân đội Quốc gia Việt Nam, chuyện hầu như không có gì đáng ngạc nhiên khi sứ mạng quốc phòng, tuy hạn chế, vĩ tuyến 17 đã được hình dung ra cho quân đội Việt Nam kèm theo một nhiệm vụ hạn chế hơn là đạt được và duy trì an ninh nội bộ. Cũng đáng ngạc nhiên khi sứ mệnh cũ kia [*ở Hàn Quốc*] đã thống trị việc tổ chức và đào tạo cho QLVNCH.

E. Tình trạng của quân đội miền Nam Việt Nam ra sao?

Trong khi Mỹ vẫn đang còn trong quá trình lấy quyết định về trách nhiệm tổ chức và huấn luyện cho quân đội Viet Nam, NIE-63-7-5-4 báo cáo về tình trạng của quân đội này. Tài liệu liên quan đưa ra ước lượng mà không có lý do nào để nghi ngờ tính chính xác của nó hoặc được tin rằng ước tính đã phóng đại tầm quan trọng của nhiệm vụ mà Hoa Kỳ sẽ thực hiện:

23. Sức mạnh quân đội Quốc gia Việt Nam được ước tính có 170.000 quân chính quy và 10,000 lực lượng phụ trợ. Sức mạnh của hải và không quân là không đáng kể. Chính quy gồm 5 trung đoàn bộ binh, 152 tiểu đoàn chiến đấu, trong đó có 69 bộ binh, bộ binh nhẹ 61, 8 bảo vệ, 5 Nhảy Dù, 8 pháo binh và một tiểu đoàn thiết giáp trinh sát. Việc tập kếp [*các lực lượng quân sự*] quy định bởi Hiệp định Geneva làm cho nhiều đơn vị bị buộc phải rời khỏi quê nhà của họ lần đầu tiên, kết quả là một số lượng đáng kể đã đào ngũ kể từ ngày 01 tháng 6 (lên đến 25% tổng sức mạnh của quân đội). Một số phụ trợ và các lực lượng bán quân sự khác được xuất ngũ, ngoại trừ các lực lượng vũ trang của các giáo phái.

Các Tướng Lãnh Việt Nam đã quá tham gia trong các vấn đề chính trị nên đã bỏ bê yêu cầu hoạch định nhằm thúc đẩy sự tiến bộ đầy đủ cho an ninh nội bộ. Sự

bỏ bê này đã nuôi dưỡng tinh thần bất phục tùng và vô trách nhiệm trong toàn Quân đội. Quân đội, trong một số trường hợp, đã không có khả năng chiếm và bình định được các vùng trước đây dưới sự kiểm soát của Việt Minh. Hầu như tất cả các đơn vị, đặc biệt là những người từ miền Bắc Việt Nam, đòi hỏi phải có thời gian để đào tạo chuyên sâu và tổ chức lại để mang lại sức mạnh và cải thiện hiệu quả của họ.

24. Tư vấn và hỗ trợ đào tạo được cung cấp bởi khoảng 4800 sĩ quan và hạ sĩ quan Pháp hiện đang phục vụ trong Phái đoàn Quân Sự Pháp ở Việt Nam. Số lượng này được tăng lên đến 6.000 vào cuối năm 1954. Những cá nhân này phục vụ trong vai trò chỉ huy, nhân sự và tư vấn cho Bộ Tổng Tham Mưu Việt Nam trong hệ thống chỉ huy lãnh thổ, và trong các cơ quan đào tạo.

25. Lý do chính cho sự không hiệu quả quân đội Quốc Gia Việt Nam là họ thiếu sĩ quan huấn luyện đầy đủ. Chỉ có khoảng một phần trăm được đào tạo một cách tổng tương đương với một sĩ quan tác chiến của quân đội Mỹ và hầu như không một ai có kinh nghiệm thể so sánh được [với Mỹ] về điều động nhân lực và chỉ huy. Rất ít các sĩ quan Việt Nam là có khả năng dù việc bổ nhiệm họ đã được biện minh bởi đào tạo và kinh nghiệm của họ, và thậm chí còn có thể ít người hơn có thể thực hiện trách nhiệm một cách đầy đủ ở vị trí cao hơn mà họ hiện đang nắm giữ. Nền tảng của họ là [đã quan] lệ thuộc vào lệnh chỉ huy của Pháp, và họ có xu hướng phụ thuộc nhiều vào các cố vấn Pháp, ngay cả khi họ đã có chức vụ, quyền hạn và trách nhiệm. Mạng này vẫn còn hoạt động dưới sự kiểm soát của Pháp và tiếp tục hoàn toàn phụ thuộc vào người Pháp về hậu cần và hỗ trợ.

26. Sự khiếm khuyết nghiêm trọng quân đội Quốc Gia miền Nam Việt Nam, và tổ chức và đào tạo không hiệu quả, thiếu các dịch vụ hậu cần và kỹ thuật, là liên quan đến việc thiếu lãnh đạo và xuất phát từ nguyên nhân cơ bản giống nhau, đó là Pháp đã không đào tạo và phát triển được các lãnh đạo có năng lực. Tình thế này chỉ có thể được giải quyết được qua một khoảng thời gian và chỉ nếu có sự tiến bộ sâu sắc và dần dần phát triển một tầng lớp sĩ quan có khả năng được khởi sự sớm.

28. Chúng ta có rất ít thông tin về tình trạng và sức mạnh của các lực lượng bán quân sự và cảnh sát...

29. Dự trữ nhân lực có thể huy động được của miền Nam Việt Nam được ước tính khoảng 1,5 triệu nam giới trong độ tuổi quân sự, khoảng 20% trong số đó không phải là dưới quân ngũ. Cộng thêm khoảng 10% có thể có thể được huy động lúc đầu mà không làm giảm bớt các hoạt động kinh tế cần thiết. Chính phủ

Việt Nam gần như hoàn toàn phụ thuộc vào viện trợ nước ngoài để có thể lo cho một lực lượng như thế.

30. Chính phủ Diệm đề xuất mở rộng quân đội đến 200.000 quân vào cuối năm 1954, và 225,000 đến cuối 1955. Cho tới thời gia đó [*cuối 1955*], quân đội có thể bao gồm 10 sư đoàn cộng với 60 tiểu đoàn địa phương quân. Chi phí để duy trì lực lượng đó thông qua 1955 là vào khoảng 450 triệu US\$ mà hầu hết chi phí đó là đến từ viện trợ của nước ngoài. Pháp đã ủng hộ đề xuất này như theo yêu cầu.... Đề nghị phát triển một Lực lượng Cảnh sát Quốc gia trực thuộc Bộ Nội Vụ đã bị hoãn lại để chờ kết quả của các cuộc thảo luận giữa Pháp - Việt - Hoa Kỳ,

31. Mặt khác, Mỹ đang xem xét việc giảm quân đội Việt Nam còn khoảng 80.000, bao gồm 3 sư đoàn chiến đấu nhẹ. Lực lượng giảm này sẽ có nhiệm vụ chủ yếu là lo cho an ninh nội bộ. Đối với một cuộc xâm lược quy mô lớn của Việt Minh, họ sẽ chỉ phục vụ như là một lực lượng để trì hoãn, chi phí duy trì lực lượng giảm ở mức độ đó đã được dự kiến ước tính khoảng \$ 200 triệu USD mỗi năm. Chi phí này không kể những ước tính về quỹ tài chính, các quỹ kinh tế, quân sự và phương tiện truyền thông, cả thảy có thể tổn tổng cộng \$150 triệu mỗi năm. **75/**

Sau đó, một danh sách các vấn đề cần được xử lý gồm ít nhất là: kích thước và cấu trúc của lực lượng, các Tướng lãnh phải cách xa chính trị, vấn đề nhân sự, quy hoạch, chương trình an ninh nội bộ, quy hoạch một chiến lược nhằm trì hoãn cuộc xâm lược đến từ phía bắc, sửa chữa thần bất phục tùng và tinh thần thiếu trách nhiệm, thay thế chỉ huy Pháp; phát triển một tầng lớp sĩ quan tự lực cánh sinh, phát triển một khả năng hậu cần độc lập; phát triển các dịch vụ kỹ thuật xứng đáng, phát triển một hệ thống và chương trình đào tạo, học tập và đối phó với các vấn đề về các lực lượng quân sự bán bán quân sự và Cảnh sát, giải quyết vấn đề về Vệ Binh Quốc Gia [*lực lượng Bảo An?*].

F. Làm thế nào Mỹ có thể thay đổi tình trạng của quân đội Việt Nam?

Với các đề nghị của Tham Mưu Trưởng Liên Quân về sức mạnh quân sự của Đông Dương được gửi đến Bộ trưởng Quốc phòng ngày 22 Tháng Mười Một năm 1954, mức cao nhất cho các lực lượng chính qui Việt Nam là 180.000 quân, **76/** với phản đối của Bộ trưởng Ngoại giao, sức mạnh như thế là "quá mức" với nhiệm vụ xây dựng và duy trì an ninh nội bộ, **77/** đặt các mục tiêu dài hạn với khoảng 88.000 quân. Hành động sớm nhất mà Mỹ làm đối với QLVNCH là dành cho việc giảm QLVNCH cho đến mức thấp này, trong khi sửa sai càng nhiều càng tốt những vấn đề được liệt kê ở trên.

Mặc dù vào giai đoạn này, MAAG chỉ được giao nhiệm vụ hỗ trợ để giúp Việt Nam có được một lực lượng có khả năng đạt và duy trì an ninh nội bộ, với nhiệm vụ thứ hai là

đưa ra một kháng cự hạn chế chống lại tấn công dữ dội đến từ phía Bắc đã được phản ánh trong đề nghị của Tướng Collins vào ngày 15 tháng Mười Một. Khi đưa ra đề xuất một mức quân số là 88.000, Tướng Collins tin rằng các sư đoàn chiến đấu [Việt] phải được đưa vào cơ cấu quân sự để giúp Quân Viễn Chinh Pháp chịu được các cú sốc của cuộc xâm lược nếu chiến tranh tái phát, nếu được gọi đến, họ sẽ được tăng cường cho các lực lượng an ninh trong các hoạt động bình định. Tướng Collins cũng đã nói thêm là nếu QLVNCH bị giảm một nửa mà cùng lúc không tổ chức họ lại thành lực lượng chiến đấu mà chỉ dành họ để làm nhiệm vụ an ninh chắc chắn là sẽ gây tác động xấu đến tinh thần [chiến đấu] của quân đội Việt Nam. **78/**

Theo đó, Tướng Collins đã đề nghị là Mỹ hỗ trợ cho một lực lượng an ninh nhỏ, cân bằng bao gồm 13 trung đoàn và một RCT [Regiment combat team] nhảy dù dành cho mục đích an ninh nội bộ và lực lượng Hải-Lục-Không quân để tri hoãn bất kỳ cuộc xâm lược nào của Cộng sản cho đến khi hỗ trợ bên ngoài từ các cường quốc Manila đến. Một lực lượng hải quân và không quân nhỏ đã được đề nghị cho một định chế quốc phòng đầy đủ của Việt Nam. **79/**

Ngày 17 tháng 11, Tham Mưu Trưởng Liên Quân chấp thuận đề nghị của Collins, tuy nhiên đã nhấn mạnh rằng chương trình này sẽ không bảo vệ được đầy đủ các nước Đông Dương chống lại sự xâm lược từ bên ngoài khi các lực lượng Pháp rút lui. Với việc Việt Minh tăng cường kích thước và hiệu quả của các lực lượng của họ và không có một lực lượng nào được cam kết theo Hiệp ước Quốc phòng Đông Nam Á, chương trình dài hạn nói trên có thể không đáp ứng đủ được những gì hơn là việc truy cản hạn chế ban đầu chống một cuộc tấn công quân sự có tổ chức của Việt Minh. " **80/** Trong báo cáo ngày 20 tháng 1, Collins đề nghị mở rộng cơ cấu quân sự này: một cấu trúc dựa trên khái niệm một lực lượng tương đối nhỏ được đào tạo đúng đắn, được trang bị và lãnh đạo tốt có thể thực hiện những nhiệm vụ trên hữu quả hơn và với chi phí thấp so với một lực lượng lớn hơn nhưng không cân xứng với nguồn lực kinh tế và nhân sự của đất nước. " **81/**

Lực lượng đặc nhiệm có trách nhiệm đảm bảo cho quân đội Việt Nam được đào tạo đúng đắn, được trang bị và được lãnh đạo chỉ huy tốt ban đầu do cơ quan Liên Lạc Hướng Dẫn Đào Tạo (TRIM), một tổ chức Pháp - Mỹ cùng làm dưới quyền của Tướng O'Daniel đứng đầu MAAG. Mặc dù biên bản hiểu biết giữa Collins và Ely chỉ có hiệu lực ngày 12 tháng Hai 1955, nhưng O'Daniel đã bắt đầu thực hiện thỏa thuận đó vào năm 1954 bằng cách tiến hành tổ chức TRIM, tất cả bao gồm cố vấn và huấn luyện viên Pháp và Mỹ với cán bộ cấp cao Pháp trong các đơn vị Việt Nam, cho mục đích này. **82/** Trong năm 1955, TRIM đích thân tổ chức hệ thống các quân trường, thiết lập chương trình đào tạo cán bộ, chuyên gia kiểu Mỹ và các nước khác, và làm giảm vấn đề rào cản ngôn ngữ. Nhiều thời gian và suy nghĩ dành cho kế hoạch đào tạo và tổ chức lại quân

đội theo cấp sư đoàn chứ không ở cấp một tiểu đoàn nhưng TRIM đã thực hiện không nhiều việc này vào năm 1955 bởi vì QLVNCH được dùng vào việc chống lại các giáo phái và việc rút quân của Pháp xảy ra đều đặn vào năm đó. **83/**

Xung đột tiếp tục với các lực lượng giáo phái, và việc rút quân cuối cùng của Quân Viễn Chinh Pháp, thiếu khả năng thực hiện việc giải ngũ có hiệu quả, mối quan tâm về quá tải kinh tế với các cựu chiến binh thất nghiệp (tiềm năng sử dụng cho các giáo phái và cho Cộng sản), và trên thực tế 88.000 quân số đã được xem là chỉ lớn hơn một chút so với một mình các lực lượng giáo phái đã đưa đến việc lãnh đạo Bộ Quốc Phòng Việt Nam (MOD) phản đối mức 88.000 quân năm 1954. Như một thỏa hiệp đầu tiên chủ tịch MAAG đề nghị là Mỹ đồng ý mục tiêu là 100.000 đến cuối năm 1955; cũng những lý do đó đã dẫn đến đề xuất của O'Daniel là Mỹ sẽ hỗ trợ một lực lượng 150.000 quân (cộng với 10,000 quân giáo phái) ngày 01 tháng Bảy 1954. **84/** CINCPAC và Đại sứ Reinhardt hoàn toàn ủng hộ đề nghị O'Daniel, và Tham Mưu Trưởng Liên Quân đề nghị chấp thuận sức mạnh cơ bản này. **85/** Sau khi Bộ Quốc Phòng phê duyệt, MAAG ngay lập tức bắt đầu lập kế hoạch cho việc tổ chức lại lực lượng Việt Nam "theo khái niệm Mỹ" **86/** và ở tầm cỡ mới được phê duyệt. Việc tổ chức và đào tạo lại một lực lượng gồm 4 sư đoàn chiến đấu, 6 sư đoàn khinh binh, 13 trung đoàn địa phương, 1 trung đoàn nhảy dù, và lực lượng hậu cần, một lực lượng không quân và một lực lượng hải quân với kích thước giới hạn, là công việc của MAAG cho đến khi tổ chức lại vào năm 1959. **87/**

Để hoàn thành nhiệm vụ này, MAAG có một nhân lực tổng số 342 cán bộ và nhân viên, trong đó 220 đã được bổ nhiệm cho TRIM vào tháng Hai năm 1955. Với việc Pháp rút đội ngũ nhân viên đang tham gia vào việc xử lý các thiết bị với MDAP [Major Defense Acquisition Program], MAAG đã gặp khó khăn để giám sát và phân phối lại số khí tài này để đưa vào sử dụng. **88/** Vào đầu tháng Hai, trước khi người Pháp bắt đầu rút, O'Daniel báo cáo cần gấp hai lần số lượng nhân viên có thẩm quyền của MAAG để hoàn thành nhiệm vụ này **89/** Cả hai CINCPAC (Commander IN Chief PACific) [Bộ Tư Lệnh Thái Bình Dương] và O'Daniel đều lập luận chống lại giải thích của Bộ Ngoại giao về Điều 16 Hiệp định Giơ-ne-vơ cầm chân MAAG ở mức trần là 342 nhân viên và Tham Mưu Trưởng Liên Quân đề nghị "Bộ trưởng Quốc phòng thông báo với Hội Đồng An Ninh Quốc gia tính nghiêm trọng của tình hình Việt Nam, cơ quan yêu cầu nâng cao giới hạn ở mức 342, **90/** và Bộ trưởng Quốc phòng, khi chuyển tiếp các quan điểm bất đồng với Bộ Ngoại Giao, đã đồng tình với những người không đồng ý. **91/** Trước khi có trả lời của Bộ Ngoại Giao theo yêu cầu của Bộ Quốc phòng, một nhóm công tác tính toán chi phí liên bộ trở về từ Việt Nam báo cáo vì sự giảm sút số nhân viên người Pháp trong công tác kiểm tra trong MDAP và nhiều kho bãi đã bị mất và kết quả là "khả năng

các lực lượng hậu cần cho chiến trường trong trường hợp chiến tranh xảy ra lại vào giữa năm 1956, là hầu như hoàn toàn không tồn tại. " 92/

Ngày 03 tháng 2 năm 1956, Bộ Ngoại Giao nhượng bộ trong việc thành lập Sứ Mệnh Phục Hồi Tạm Thời Thiết Bị (TREM). 93/ Đến cuối 1956, nhóm này nhân viên quân sự gồm 350 người này đã làm dễ dàng rất nhiều việc thu hồi và tái phân phối các thiết bị MDAP, mặc dù họ không thuộc MAAG, họ cũng đã tổ chức cải tiến các dịch vụ hậu cần và đưa ra chương trình gấp rút nhằm đào tạo về hậu cần. Ngoài ra, TERM đã giúp cho MAAG khỏi phải lo nhiệm vụ hậu cần, do vậy MAAG đã có thêm nhân viên để lo cho việc đào tạo. 94/ Sau đó, chương trình đào tạo của MAAG đã được "tăng tốc." 95/

Đà tăng này.... trong hướng đào tạo và tổ chức lại sao cho QLVNCH có thể tự mình lo đầy đủ vai trò thích hợp của mình trong việc bảo vệ chung cho Việt Nam như đã hình dung bởi MAAG từ năm 1955:

(1) Tổ chức và nhiệm vụ của Quân đội Quốc gia, của Bảo An và Tự Vệ và phụ trợ, tất cả là để đảm bảo đầy đủ an ninh nội bộ cho Việt Nam Tự Do. Quân đội Quốc gia giữ trách nhiệm chung về an ninh nội bộ phù hợp với nhiệm vụ đã được giao. Sự phát triển của Bảo An và Tự Vệ là những tổ chức an ninh nội bộ có tính cách bổ sung, với danh nghĩa, là lo cho an ninh nội bộ, tăng cường và đồng thời khi cần thiết thay thế cho các đơn vị quân đội để đi dự huấn luyện chiến đấu cần thiết; từ đó làn tăng đáng kể tiềm năng của quân đội Việt Nam Tự Do để chống lại xâm lược từ bên ngoài phối hợp với các hoạt động du kích và phá hoại từ bên trong.

(2) Bảo An..sẽ chịu trách nhiệm cho (a) thực thi pháp luật dân sự trong phạm vi cả nước ngoại trừ ở những thành phố có cảnh sát, (b) bổ sung cho các trung đoàn quân đội địa phương trong việc giữ gìn an ninh nội bộ, và (c) phục vụ cơ quan Điều tra của Việt Nam trong việc thu thập tin tức tình báo chống lật đổ. Bảo An sẽ sở hữu tính di động cần thiết để tập trung chống lại các hoạt động lật đổ mạnh mẽ, tiếp sức cho các Tiểu Đoàn địa phương quân.

(3) Không phải quân đội, cũng không lực lượng Bảo An sẽ có đủ sức mạnh cần thiết, có sự dàn trải và quen thuộc đường đi nước bước để cung cấp bảo vệ chống các hoạt động lật đổ rộng rãi rải rác và rất nhiều (khoảng 6,000) làng xã mà cán bộ Việt Minh và các giáo phái bất đồng chính kiến đang có mặt. Quân tự vệ, từng đơn vị gồm 10 người có vũ trang hoạt động trong mỗi làng với yêu cầu cần thiết là tìm ra và loại bỏ những hoạt động phá hoại hiện có hay tiềm năng. Quân... tự vệ và quân đội... sẽ nằm chung trong một hệ thống chỉ huy.... có phối hợp chặt chẽ quân tự vệ và các đơn vị Cảnh sát dân sự ở tầng thấp hơn. 96/

Không có khái niệm bảo vệ cho Việt Nam Tự Do nào có thể rõ ràng hơn: "để chống lại sự xâm lăng vũ trang từ bên ngoài" quân đội chính quy sẽ chỉ huy (hoặc phối hợp chặt chẽ với) những lực lượng không chính quy, là lực lượng có khả năng làm cho quân đội được rảnh tay mà thực hiện vai trò quân đội của họ. Tuy nhiên, thật không may, một số khái niệm này có thể đã không được - và dưới cái nhìn về "tính linh hoạt đã được chứng minh của Việt Cộng và Bắc Việt – xem rõ ràng là một khái niệm hoàn toàn lành mạnh, nó không bao giờ được thực hiện thành công. QLVNCH, dần dần biến đổi thành Quân Lực VNCH, đã được tổ chức và đào tạo theo kiểu Mỹ (ít nhất là trong quan điểm của những người làm công tác đào tạo và báo cáo về sự tiến bộ của họ) 97/ và vào cuối năm 1958, MAAG đã có thể tuyên bố "tư thế chiến đấu của lực lượng vũ trang Việt Nam đã được cải thiện đến mức đáng kể mấy năm gần đây. Năm 1958, quân đội Việt Nam so với quân đội khác ở Đông Nam Á, đã đạt đến một mức tương đối cao về hiệu quả chiến trận... " 98/ Nhưng lực lượng Bảo An và quân tự vệ không bao giờ đạt được giai đoạn phát triển mà lúc đó họ có thể gánh vác bớt cho quân đội các nhiệm vụ an ninh nội bộ việc mà từ đó chính họ được tổ chức, đào tạo, trang bị mới đây để thích hợp với.

Tối đa mà chúng tôi có thể phân tích trên cơ sở những thông tin sẵn có, việc đào tạo tại Việt Nam là tập trung đến mức có thể theo hình mẫu của Mỹ. Việc thiếu nhân viên và sự chống đối của Chính phủ Việt Nam ngăn không nhận các cố vấn Mỹ đến mức độ thấp hơn cấp lữ đoàn Nhảy Dù cho đến năm 1961, mặc dù nhu cầu về cố vấn ở các cấp thấp hơn đã được rõ ràng công nhận. 99/ Phương pháp đào tạo, theo như đánh giá cao nhất, là theo tiêu chuẩn tối thiểu phương pháp Mỹ thích nghi với bối cảnh của Việt Nam; chu kỳ đào tạo tiêu chuẩn tương tự như Mỹ đã được sử dụng trong các chương trình; đào tạo tập trung sâu xữ dụng các tài liệu dịch [ra tiếng Việt] của Mỹ và những bộ phim trong lĩnh vực đào tạo và những tài liệu hướng dẫn sử dụng. Mở rộng đào tạo cán bộ Việt Nam tại Mỹ đã được tiến hành. Các đơn vị chiến đấu và hỗ trợ, đặc biệt là các đơn vị hậu cần, đều được hưởng các phương pháp và qui trình làm việc của Mỹ. Trang thiết bị (bao gồm cả thiết bị cá nhân) phản ánh mọi thứ như Mỹ, nếu không phải là chất lượng. Và cách tổ chức giống Mỹ đã trở thành thực hiện đầy đủ khi mà, vào năm 1959, những biến động bắt đầu khởi bởi Tướng O'Daniel trong chiến tranh Đông Dương được nở hoa đầy đủ của việc tổ chức lại quân đội Việt Nam với một Tổng Hành Dinh chung, Bộ Chỉ Huy Hành Quân (Field Command), sáu Bộ Tư Lệnh Quân khu chính, hai Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn và Quân đoàn, một Bộ Tư Lệnh Quân Đoàn Tạm, và bảy Sư đoàn tiêu chuẩn với mỗi Sư đoàn có 10,500 người. Năm 1959, các lực lượng này được đánh giá là đủ mạnh để có thể bảo đảm an ninh nội bộ và tổ chức được những kháng cự hạn chế đầu tiên chống lại bất kỳ sự xâm lăng mới nào từ miền Bắc. 100/

Mặc dù với tất cả những tiến bộ này, tuy nhiên, vào năm 1959 báo cáo của MAAG cho thấy có nhiều vấn đề và kiểm khuyết như đã từng thấy trong QLVNCH vào năm 1954 vẫn còn được thấy trong Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa vào năm 1959: **101/** mặc dù kích thước của lực lượng đã được giải quyết như đã thừa nhận, nó vẫn còn là một vấn đề rắc rối nhất là đối với Chính phủ Việt Nam luôn luôn mong muốn có một lực lượng lớn hơn, cấu trúc lực lượng vẫn chưa rõ ràng, đặc biệt liên quan đến chỉ huy và kiểm soát, như cú đảo chánh hụt năm 1960 đã cho thấy, là các sĩ quan cao cấp vẫn còn hoạt động chính trị, **102/** kế hoạch về an ninh nội bộ dựa rất nhiều vào khả năng hầu như không tồn tại của lực lượng Bảo An và quân tự vệ.

Việc sửa chữa tinh thần bất phục tùng và vô trách nhiệm không hoàn thành, ở mức thấp hay mức độ cao như đã thấy (theo "cú [đảo chánh]"), **103/** các chỉ huy Pháp đã được thay thế, nhưng nói chung sĩ quan Việt Nam cũng ít thích nghi với vai trò của họ, một tầng lớp sĩ quan có tự lực tự cường vẫn còn là một cái nhìn về tương lai, cũng giống như các đơn vị độc lập có khả năng đầy đủ về hậu cần và kỹ thuật, và mặc dù đã có những gì đó được rút tĩa trong các vấn đề của lực lượng bán quân sự và lực lượng Cảnh Sát, vẫn không có gì được thực hiện để đối phó với chúng một cách đầy đủ nhằm cung cấp một an ninh nội bộ thật sự.

Trên thực tế, đã có một số quan điểm về vai trò và nhiệm vụ của các lực lượng bán quân sự. Đại Học Michigan State University, nhóm tư vấn theo hợp đồng với USOM Vietnam cung cấp tư vấn và hướng dẫn về việc phát triển các lực lượng bán quân sự (Civil Guard), xem tổ chức này như là cảnh sát quốc gia, dân sự trong tính cách và chức năng, trang bị nhẹ nhưng đầy đủ, được giao phó thẩm quyền đầy đủ và được đào tạo để thực thi tất cả các Luật, kiểm soát lật đổ, và thu thập dữ liệu tình báo trong khu vực không được bảo vệ bởi cảnh sát thành phố, giữ mối quan hệ chặt chẽ với nhân dân trong khu vực nông thôn dân số với những căn cứ cố định trong khu vực các các làng đã được bình định. **104/** Diệm dự kiến lực lượng bán quân sự là một tổ chức quân sự rộng lớn và mạnh mẽ chịu trách nhiệm với ông thông qua các tỉnh trưởng bổ nhiệm bởi ông – để chống lại với quân đội trong cuộc đấu tranh quyền lực -- mà cũng bảo vệ được tình qua tính di động các đồn bót an ninh nằm bên ngoài các làng ấp. Với quan điểm này, Diệm đã chuyển các lực lượng bán quân sự từ Bộ Nội Vụ sang Tổng thống vào năm 1956. MAAG Mỹ cũng xem các lực lượng bán quân sự cũng như Diệm - không, tất nhiên, mục đích các lực lượng bán quân sự không phải là để chống đảo chánh – mà là một lực lượng di động chống lật đổ, một món thuốc hỗ trợ cho quân đội để giảm bớt cho họ nhiệm vụ giữ gìn an ninh nội bộ, được rộng tay để lo chuyện tìm cách chống lại các mối đe dọa từ miền Bắc. **105/** Tính đến cuối năm 1956, các lực lượng bán quân sự được đào tạo tại quân trường Quang Trung để hỗ trợ cho quân đội trong những trường hợp bị khủng hoảng hoặc bị công khai tấn công, **106/** vào cuối năm 1957, họ đã tiến

hành các hoạt động chung với Quân Lực VNCH trong những khu vực chưa được bình định. **107/**

Nhóm Tư Vấn Đại Học Michigan, trong một báo cáo năm 1956, **108/** đã vạch ra sự tồn tại những vấn đề có liên quan đến nhiều cơ các cơ quan thi hành pháp luật của Việt Nam, bao gồm cả các lực lượng bán quân sự, và đưa ra nhiều khuyến cáo sâu rộng, một số trong đó đã được tái khẳng định trong Kế hoạch Chống Nổi Dậy năm 1960. **109/** Việc tái xác định lại đã hỗ trợ cho giả thuyết là chỉ có ít các khuyến nghị của Nhóm Tư Vấn Đại Học Michigan đã được thực thi một cách có hiệu quả trong những năm can thiệp.

Tháng Bảy năm 1957, Chính phủ Việt Nam yêu cầu các thiết bị nặng trị giá \$60 triệu USD cho CG, trước đây chỉ được trang bị với những vũ khí thặng dư không phải của Mỹ mà quân đội không dùng. MAAG và MSU đề xuất \$ 14 - 18 triệu thiết bị nhẹ hơn, vào năm 1958, một thỏa hiệp đã đạt được, với mục tiêu chỉ \$ 14 triệu bao nhưng gồm thêm một số thiết bị nặng sẽ được phân phát trong khoảng thời gian 4 năm với sự hiểu biết rằng CG sẽ được tổ chức lại thành một hoạt động dân sự do Bộ Nội Vụ quản lý và theo đường lối mà các cố vấn Mỹ đề xuất. **110/** Tuy nhiên, không nhiều biến chuyển đã được thực hiện trong việc thay đổi CG, mặc dù Mỹ đã thúc đẩy, kết quả là 14 triệu đã bị giữ lại trong gần hết hai năm đầu. Tháng 1 năm 1959, Diệm đồng ý chuyển CG qua cho Bộ Trưởng Bộ Nội vụ, và U. S. đồng ý tiến hành chương trình viện trợ. Phòng An Ninh Công Cộng mới của USOM chịu trách nhiệm huấn luyện CG vào tháng Sáu, nhưng bế tắc trên các khái niệm về CG vẫn tiếp tục cho đến tháng 12 năm 1960, khi Diệm, bị thúc hối bởi MAAG, đồng ý chuyển giao CG cho Bộ Quốc Phòng. **101/**

Tự Vệ Đoàn (SDC: Seft Defense Corps), giống như CG được trang bị với những vũ khí thặng dư không phải của Mỹ mà quân đội không dùng. Được thành lập bởi Diệm như là một phần của Bộ Quốc Phòng, Tự Vệ Đoàn nhận được hỗ trợ của Mỹ từ khi thành lập được trợ cấp \$6 triệu USD mỗi năm dưới hình thức tiền lương. Tất cả các báo cáo đều cho rằng Tự Vệ Đoàn thậm chí còn tồi tệ hơn CG. Cuộc tranh cãi đã nhấn chìm cả hai cách tổ chức trong năm năm để sản xuất ra hai đơn vị bán quân sự mà khả năng đầy đủ để giúp cho quân đội được rảnh tay để "chiến đấu" là quá xa vời. Đó chỉ là những tổ chức loạng choạng, trang bị không đầy đủ, huấn luyện kém, lãnh đạo kém và...ngay cả khi so sánh với Quân Lực VNCH. **112/**

Theo tài liệu "Nghiên cứu về các khía cạnh của Quân đội trong Chương Trình Hỗ Trợ Quân Sự Tại Việt Nam" của Bộ Chỉ Huy Quân Đội và Trưởng Tham Mưu Cao Cấp, được xuất bản vào năm 1960, **113/** "Các lực lượng vũ trang của Việt Nam Cộng Hòa đang suy tính về việc tấn công và tiến về Hà Nội. Trưởng MAAG, và các trợ lý chính của mình, là những người có tiếp xúc trực tiếp với Bộ Tư lệnh Tối Cao [*Quân Đội*] Việt Nam,

cần phải liên tục cảnh giác để phát hiện suy tính này và bất kỳ bằng chứng nào, cũng như những hậu quả của một hành động quá sớm như vậy, không chỉ số lượng của lực lượng vũ trang miền Nam Việt Nam đã kém hơn, nhưng cũng *[so với]* với toàn bộ khu vực và có thể là cả thế giới, có thể trở thành nghiêm trọng nhất "Với những khiếm khuyết còn tồn tại trong 7 sư đoàn chính quy tiêu chuẩn phải lo chiến đấu, và tình trạng của các lực lượng bán quân sự, các tác giả của nghiên cứu này đã được khuyên nên thêm, trong ngoặc đơn và có lẽ là đây mơ ước: "(thống nhất bằng phương cách hòa bình là điều để hy vọng đến...)"

G. Liệu kết quả của hỗ trợ Hoa Kỳ thông qua 1960 đã tạo ra một Quân Lực Việt Nam theo hình ảnh của quân đội Mỹ?

Trong khi có thể nói không sai khi khẳng định rằng Mỹ đã tạo ra một "hình ảnh phản chiếu" đầy đủ về mình *[khi xây dựng và đào tạo]* các định chế quốc phòng của Việt Nam, từ việc xem xét nhiệm vụ, chiến lược, chiến thuật, tổ chức, chính sách nhân lực, trang thiết bị và đào tạo. Quân đội Việt Nam đã được thành lập với những nỗ lực có ý thức và vô ý thức của Mỹ chú tâm vào một lực lượng quân sự truyền thống (mà quên đi các lực lượng bán quân sự) ", những nỗ lực bị chi phối bởi các khái niệm về chiến tranh quy ước cho phép sử dụng sức mạnh vượt trội về vũ khí và công nghệ của phương Tây để chống lại một sức mạnh du kích làm mũi nhọn *[tấn công]* để *[dọn đường]* một lực đẩy lớn hơn của miền Bắc Việt Nam, " **114/**

1. **Tiến triển của nhiệm vụ** của QLVNCH đã được mô tả. Thực tế việc giao phó một nhiệm vụ kép cho QLVNCH đã nhanh chóng dẫn đến việc hình thành một quân đội chính quy chủ yếu được thiết kế để đối phó với mối đe dọa xâm lược công khai từ miền Bắc, chống lại các mối đe dọa nội bộ - thường là những trường hợp như vậy - đã được hạ cấp xuống tình trạng "có ít khả năng được bao gồm trong [nhiệm vụ] của các lực lượng chính quy." **115/**

2. **Chiến lược của một định chế quân sự chính quy** đã được định nghĩa sớm từ năm 1956 như là:

phòng thủ trong bản chất và tham gia vào những hành động trì hoãn để chống lại sự xâm lược từ bên ngoài giữ càng nhiều vùng đất càng tốt và giữ lại các thực

thể chiến lược quan trọng, khu vực Sài Gòn, cầm cự đủ thời gian và có hiệu quả để các lực lượng quân sự nước ngoài đến hỗ trợ, cần thiết để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền quốc gia... Chiến lược phòng thủ này phải gồm cả việc xem xét không chỉ các mối đe dọa của kẻ địch dưới các hình thức xâm lược quân sự công khai từ bên ngoài biên giới, mà đến cả chiến tranh du kích rộng lớn riêng rẽ hay có phối hợp và các hoạt động bí mật thực hiện bởi các nhóm bản địa bất đồng chính kiến hoặc các cán bộ quân sự và chính trị nước ngoài đã có mặt hay thâm nhập vào trong nước, **116/**

Mối đe dọa sau đã bị chống lại bởi các trung đoàn địa phương vào năm 1956, các trung đoàn này đã bị bãi bỏ vào năm 1959, với sự ra đời của lực lượng 7 sư đoàn tiêu chuẩn, vì thế, trên mức độ chiến lược, các lực lượng chính qui đã phản ánh chiến lược phát triển của Mỹ ở Hàn Quốc và ở những nơi khác.

3. **Ở cấp độ chiến thuật** các lực lượng Việt Nam cũng phản ánh học thuyết tiêu chuẩn Mỹ - với một trường hợp ngoại lệ có thể có, đó là "việc bình định",

Vì vậy, với học thuyết chiến thuật mà lẽ đã nổi lên trong hiện tại [1956] giai đoạn tổ chức lại và đào tạo dường như phản ánh qua các đơn vị tương đối nhỏ, với loại hình hoạt động bộ binh theo kiểu Pháp; tính năng di động của bộ binh của các lực lượng hiện tại chịu ảnh hưởng bởi việc tăng cường hỏa lực; một khả năng hoạt động phối hợp cấp sư đoàn và cuối cùng là cấp quân đoàn, và việc gia tăng các dịch vụ và hỗ trợ hậu cần cho một lực lượng mà cơ bản là loại hình bộ binh. Tính di động và hỏa lực của bộ binh sẽ có tính quyết định về việc sử dụng các chiến thuật bộ binh cơ bản... VNA sẽ vận dụng một học thuyết chiến thuật di động cao đặc trưng bởi sự chuyển vận và sự vận động tối đa của lực lượng chính kèm với chính với phục kích và gài mìn mở rộng. **117/**

Bằng chứng vượt trội lợm lặt từ kinh nghiệm chống Việt Cộng của QLVNCH đã hỗ trợ cho giả thuyết rằng chiến thuật QLVNCH, chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố được liệt kê ở trên, nhanh chóng phát triển với các hoạt động quy mô tương đối lớn, phụ thuộc nhiều vào việc gia tăng tiền hỏa lực hỗ trợ bao gồm cả pháo binh và không quân, và tránh xa

"những hoạt động tương đối nhỏ của các đơn vị thuộc loại hình bộ binh," một lần nữa phản ánh các thực hành của Mỹ, nếu không là học thuyết của Mỹ, trong việc chống lại xâm lược quy mô lớn.

Khái niệm và chiến thuật của nhiệm vụ bình định, không giống như việc chống xâm lược, các yêu cầu đặc biệt tập trung vào các phương pháp chuyên biệt để đối phó với dân chúng địa phương cũng như chống lại quân nổi dậy. Vì vậy, Phái Bộ Quân Sự Sài Gòn đã báo cáo rằng, như kết quả của những nỗ lực giảng dạy của họ,

Quân đội cư xử lịch sự. Họ đã xây dựng một trường học và tổ chức các lớp học cho cả trẻ em và người lớn, với như giáo viên là các tình nguyện viên quân đội, họ đã giúp xây dựng lại ngôi chợ và nhà thờ, họ thực hiện các hoạt động tuần tra và họ đã đặt hộp thư có khóa để nhận thông tin và những đề xuất từ dân chúng. Họ đã đáp ứng với sự đỗi ngộ. Trong một vài ngày, họ bắt đầu tỏ ra thân thiện với quân đội (một cái gì đó thường được dành riêng cho quân đội Cộng sản ở các nước châu Á). Sau một cuộc tấn công bằng lựu đạn bởi Việt Minh vào ngôi chợ, thông tin về tên và chỗ ở của cán bộ Việt Minh đã bắt đầu được nhân dân tuồn cho quân đội. **118/**

Mặc dù với khởi đầu có vẻ tốt đẹp này, báo cáo quốc gia của MAAG từ năm 1955 đến 1959 đã im lặng về chủ đề đào tạo cho bình định, mặc dù là Hoạt Động An Ninh Quốc Gia, tên gọi về chương trình bình định vào thời gian đó, thực sự đang xảy ra. Đây là một dấu hiệu hợp lý tốt cho thấy việc tập hợp các khái niệm và chiến thuật quan trọng như thế nào đối với các quan chức của MAAG. **118/** Trong thực tế, câu chuyện là hoàn toàn ngược lại: báo cáo của MAAG liên tục phàn nàn về sự chuyển hướng của quân đội Việt Nam từ việc đào tạo các đơn vị đã trở thành bình định, mà không đưa ra rằng việc đào tạo chuyên ngành các chiến thuật của nhiệm vụ này có thể có ích. **119/** Cái suy luận rõ ràng là tính chính thống của học thuyết chiến thuật của Hoa Kỳ chiếm ưu thế.

4. Tổ chức các định chế quốc phòng [quân đội] nói chung phản ánh các tổ chức của Mỹ cho đến nay là khả thi để thuyết phục chính phủ Diệm áp dụng chúng. **130/**

Những bằng chứng sẵn có cho thấy rằng một sư đoàn tiêu chuẩn Quân Lực VNCH năm 1959 đã được sao chép mô hình của quân đội Mỹ vào năm 1956 với qui mô nhỏ hơn, và không có thiết giáp, không quân và ban nhạc cơ hữu riêng. Mỗi sư đoàn tiêu chuẩn Quân Đội VNCH đã có 10.450 người được tổ chức thành ba trung đoàn, mỗi trung đoàn có khả năng hoạt động độc lập và có thể được chia thành các lực lượng đặc nhiệm có kích thước cấp đại đội. Mỗi sư đoàn có hai tiểu đoàn pháo binh được trang bị với đại bác 105 ly và súng cối 4.2 inches (106 mm), 1 tiểu đoàn công binh, và các đại đội hỗ trợ kỹ thuật và hậu cần. Bảy sư đoàn chia thành hai quân đoàn. Ngoài ra còn có bốn tiểu đoàn thiết giáp, một lữ đoàn nhảy dù, một nhóm Thủy Quân Lục Chiến, một lực lượng không quân với phi đội ném bom chiến đấu, hai phi đội vận tải c-47, hai phi đội máy bay quan sát nhẹ, và 1 phi đội máy bay trực thăng **121/**

Năm 1964, Trung tướng Samuel T. Williams (trưởng MAAG Việt Nam 1955 - 60) trong một cuộc phỏng vấn đã được hỏi liệu MAAG đã tạo ra một sư đoàn Việt Nam như hình ảnh của một sư đoàn Mỹ. Phản chối kịch liệt của ông gồm câu phát biểu "Trên thực tế, đã có chút giống nhau giữa các sư đoàn miền Nam Việt Nam qua thời gian tồn tại của họ trước đó [1959] hay lúc này [1964] **122/** Tuy nhiên, kiểm tra các bảng và con số sau đây cho thấy rằng có những tương đồng hơn là sự khác biệt trong cấu trúc tổng thể của hai tổ chức. Tất cả các dịch vụ kỹ thuật đã được tìm thấy trong các sư đoàn QLVNCH 1959, mặc dù ở cường độ có phần giảm trong một số trường hợp, pháo binh của sư đoàn bằng 50% của sư đoàn Mỹ và được tập trung vào các tiểu đoàn pháo 105 mm với một ít vũ khí 155 mm, 8-inch và 763 mm. Ngoài tiểu đoàn pháo 105 mm, sư đoàn còn có một tiểu đoàn súng cối 4,2-inch. Về vận động, các trung đoàn của Mỹ và sư đoàn của ARVN, có sức mạnh bằng nhau. Cả hai trung đoàn [Mỹ, ARVN] đều có một đại đội sung cối. Có nhiều trung đoàn trong một sư đoàn Mỹ (5) hơn với một sư đoàn Quân Lực VNCH (3) và các trung đoàn Mỹ được chia thành đại đội tác chiến (4 cho mỗi trung đoàn). Sư đoàn ARVN còn một cấp tiểu đoàn nằm ở giữa. Trong lĩnh vực này năm 1959, sư đoàn ARVN giống khít khao như Trung Đoàn *[theo mô hình]* 7-11R nằm trong sư đoàn *[theo mô hình]* 7R của Quân đội Mỹ (1955). Loại trung đoàn này là nặng hơn cả loại Trung đoàn 7-11T của ROCID và loại Trung Đoàn của ARVN năm 1959

và rõ ràng có khả năng hoạt động bền vững hơn, vì nó có các đơn vị hỗ trợ hữu cơ gắn liền với nó bao gồm cả một đại đội xe tăng. Một trung đoàn tương tự (7-11R) không có các đơn vị hỗ trợ kỹ thuật được xem như có thể linh động cung cấp cho sư đoàn các hoạt động với các lực lượng với bất cứ kích thước nào, một mục tiêu đã được các tác giả việc tổ chức lại sư đoàn VNCH đã nêu ra. **123/** Vì vậy, trong khi những lời buộc tội *[ARVN là]* hình ảnh phản chiếu *[của quân đội Mỹ]* là không hoàn toàn chính xác, cũng không phải có từ chối rằng không có sự tương đồng giữa các sư đoàn Mỹ và ARVN. Các bằng chứng hiện có cho thấy rõ kế hoạch chi tiết cho việc sắp xếp, tổ chức lại Sư Đoàn 1959 đã được tìm thấy trong các TOE [table of organization and equipment của Quân đội Mỹ.

5. **Chính sách nhân lực** tại Việt Nam vào cuối những năm 1950 kết quả là đã phân bổ các nhân viên tốt nhất cho các lực lượng vũ trang tại Việt Nam.

Hướng một nhân lực hợp lý đã không được đề xuất bởi các cố vấn Mỹ và đã có những tin tưởng sai lầm vượt quá khả năng tổ chức của Chính phủ Việt Nam Cộng Hòa, tất cả các sinh viên tốt nghiệp chuyên môn trẻ tuổi đều phải gia nhập vào quân đội. Quân đội sau đó đã kiểm soát hầu hết nhân lực làm việc và đã gây ra việc thiếu nhân lực dân sự vì họ đã bị cưỡng bách nhập ngũ. **124/**

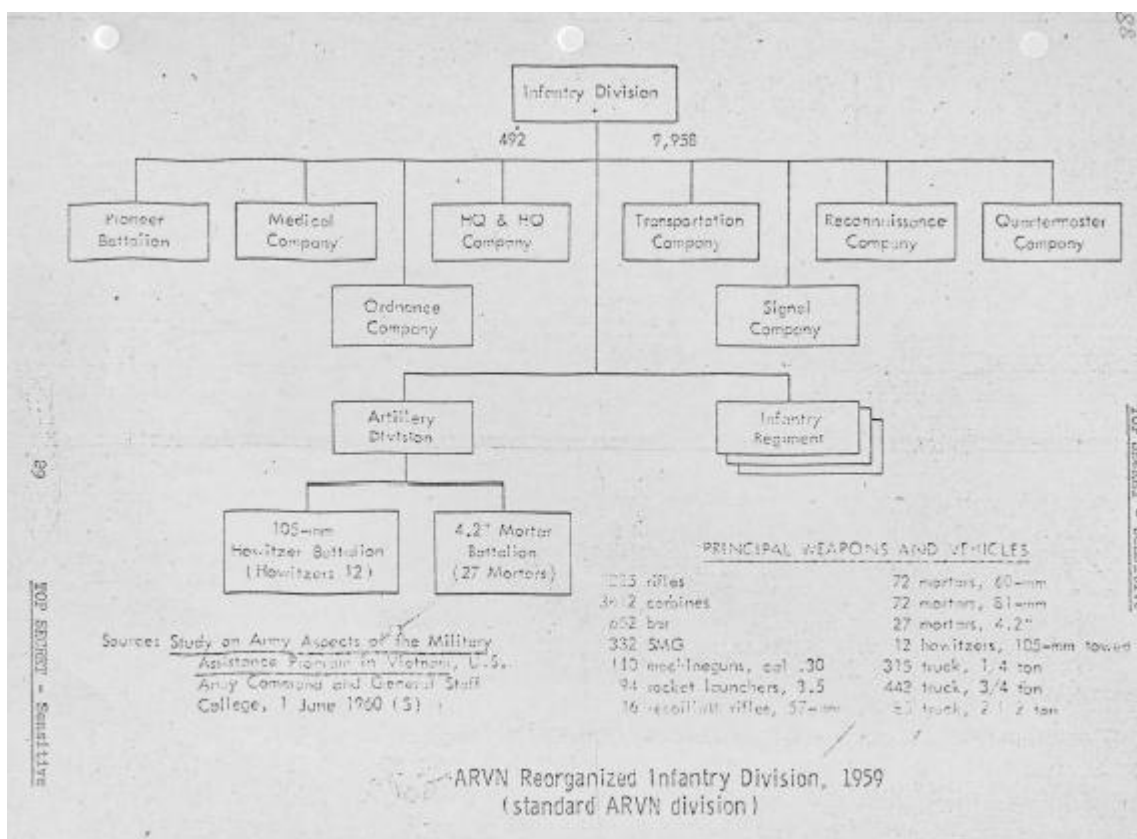
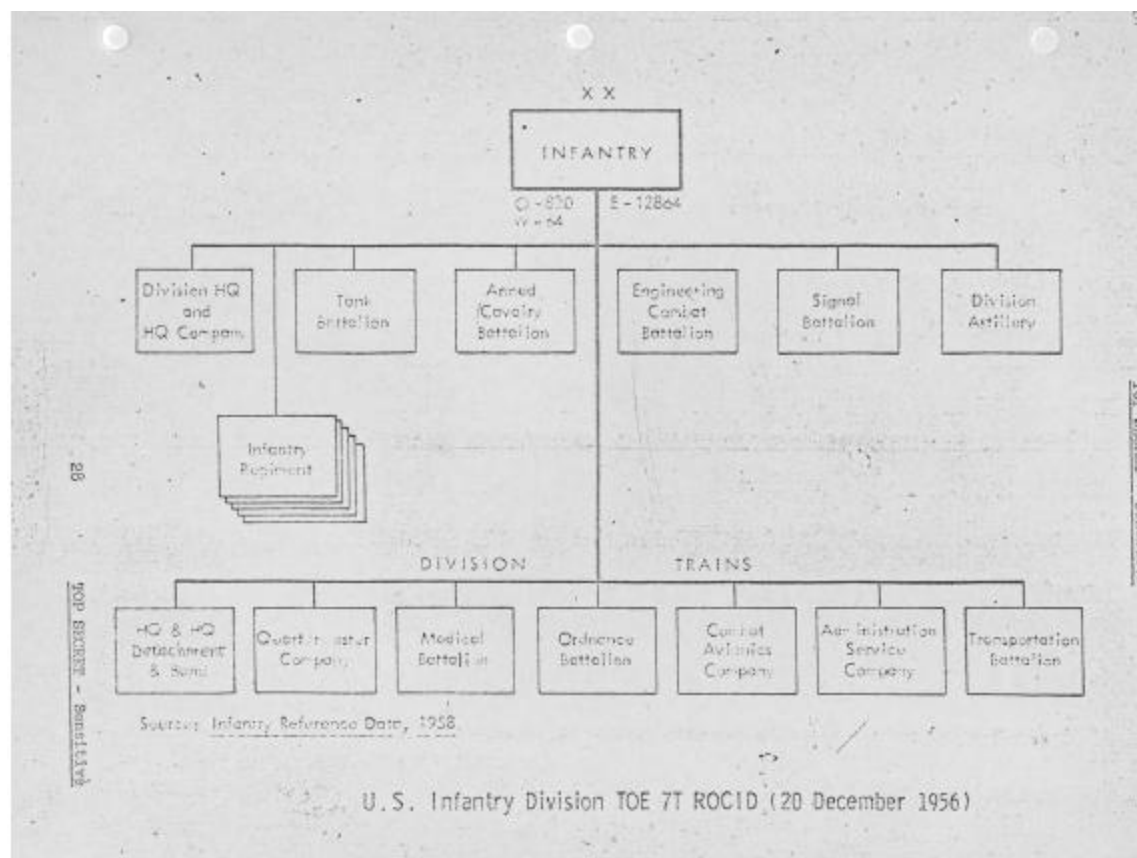
Yêu cầu vô độ về nhân sự "tốt nhất" để xây dựng tầng lớp sĩ quan một phần phản ánh các yêu cầu của cấu trúc xã hội của Nam Việt Nam, trong bất kỳ trường hợp nào, nó rất gần với quan điểm truyền thống của Mỹ về tầng lớp sĩ quan hơn là quan điểm của Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp, và phản ánh quan điểm cho rằng đàn ông có học phải được trưng dụng để quản lý một phức hợp quân đội hiện đại.

COMPARISON OF U.S. 7TH ROCID INFANTRY DIVISION (1956) AND
ARVN STANDARD DIVISION (1959) (U)

Item or Unit	U.S. 7TH ROCID Inf Div 1956			ARVN 1959 Inf Div		
	Have		Strength	Have		Strength
	Yes	No		Yes	No	
Division Total Strength			13,748			11,076
Div Hq & Hq Co	x		222	x		186
Tank Bn	x		763		x	
Arm'd Car Bn	x		669		x	
Engineer Combat Bn	x		791	x		466
Signal	x		Bn 525			Co 164
Division Arty	x		1,763	x		976
105 mm How Bn	x		897	x		420
4.2" Mortar Bn	.	x	-	x		531
Infantry Regiment	x		7,135	x		7,353
Hq & Hq Spt Co	x		1,550	x		a
Rifle Co	x		4,860	x		a
Heavy Mort 81 mm	x		725	x		a
Hq & Hq Det & Band	x		70		x	
Quartermaster Company	x		194	x		65
Medical	x		Bn-302	x		Co 151
Ordnance	x		Bn-327	x		Co 114
Combat Aviation Co	x		223		x	
Administrative Service Co	x		162		x	
Transportation	x		Bn 532	x		Co $\frac{105}{1100}$ c.v

"Not known.

[Source: Infantry Reference Data, 1958 (U); Weekly Intelligence Digest, PACOM, 3-28-58, p. 15 (s)]



6. **Các thiết bị cung cấp cho các lực lượng chính quy tại Việt Nam** phù hợp để chống lại sự xâm lăng từ miền Bắc hơn là để bảo đảm an ninh nội bộ ở miền Nam. Trong khi QLVNCH không được trang bị nhiều như Mỹ - họ không có xe có bánh xích (như xe tăng hay thiết vận xa) - có ít quân xa hơn, và các loại vũ khí thông thường nhẹ hơn - 727 quân xa, 660 xe kéo - để làm cơ giới chuyển vận trên đường nhưng không thuộc cơ hữu của sư đoàn.

Viện trợ quân sự của Hoa Kỳ đã được lập trình theo một cách thức ít nhiều tương tự ở các nước *[mà họ đã làm]* như Thổ Nhĩ Kỳ và Hàn Quốc, nơi mà chiến tranh du kích không phải là mối đe dọa. Các lực lượng vũ trang Việt Nam được trang bị với xe tăng, máy bay, pháo binh và các trang thiết bị tương tự chỉ có giá trị tương đối ít để chống lại một cuộc chiến tranh du kích mà người Pháp đã rất đau đớn khi phát hiện ra và Lầu Năm Góc dường như cũng đã không nhận thấy điều đó. Họ được đào tạo để phụ thuộc vào loại hỗ trợ "nổ lớn" (Big Bang) trong trận chiến, bị giảm cả khả năng và tâm lý sẵn sàng của mình để xông ra và chống lại quân du kích với cách duy nhất là làm việc với súng cá nhân, và cận sát. **125/**

7. **Việc đào tạo các lực lượng vũ trang Việt Nam** được tiến hành cùng bài bản của Mỹ đã được ghi nhận như ở trên. Từ năm 1950 đến năm 1959:

(1) 3296 nhân viên quân sự Việt Nam đã được đào tạo tại các cơ sở quân sự ở Hoa Kỳ, trong khi 747 đã được đào tạo tại các trường quân sự khác của Thế Giới Tự Do. **124/**

(2) các bộ phim về đào tạo, tài liệu hướng dẫn sử dụng và kế hoạch bài học là những thứ được sử dụng bởi quân đội Mỹ đã được thích nghi với văn hóa và môi trường Việt Nam. **125/**

(3) Hoa Kỳ là đặc biệt tự hào về thành tựu của mình trong việc đào tạo lực lượng vũ trang tại Hàn Quốc, nơi mà bản thân một tổ chức lực lượng chính quy lớn đã chứng minh được trong chiến đấu trong thời gian gần đây đã trải qua và có được. **126/**

Những yếu tố này, thời gian đó – là nhiệm vụ kép, chiến lược, chiến thuật, tổ chức, chính sách nhân sự, thiết bị, và đào tạo - tất cả trực tiếp đóng góp vào sự hình thành

của định chế quân sự của Việt Nam, và đặc biệt là Quân Lực VNCH, năm 1960 khá giống trong tổng thể việc thành lập quân đội Mỹ và đặc biệt gần gũi giống quân đội Mỹ. Bất hạnh thay, các sự kiện từ năm 1960 đã chứng minh rằng Quân Lực VNCH là không phù hợp để chống lại các mối đe dọa an ninh nội bộ; hiệu năng của họ trong việc chống lại sự xâm lược công khai vẫn còn phải được kiểm tra lại.

Bảng: So sánh 7T ROCID Sư đoàn Bộ binh Mỹ (1956) và Sư Đoàn Tiêu chuẩn Quân Lực VNCH (1959)

Biểu đồ: Sư đoàn Bộ binh Hoa Kỳ TOE 7T ROCID (ngày 20 Tháng 12 năm 1956) Sư đoàn Bộ binh Quân Lực VNCH tổ chức lại, 1959 (tiêu chuẩn Sư Đoàn)

Chú Thích

1. Báo cáo Phái Bộ Quân Sự Saigon (SMM), tháng 8 năm 1954-tháng 8 năm 1955 (s).
2. điện tín của JCS gửi cho CINCPAC 974.802) 30 tháng 3 1960 JCSM-906-60 ngày 15 Tháng Chín 1960. Cf: Ducanson, Dennis J., Chính phủ và cách mạng ở Việt Nam, 1968, trang 290-305.
3. J. Lawton Collins, Đại diện đặc biệt của Hoa Kỳ tại Việt Nam, "Báo cáo về Việt Nam cho Hội đồng An Ninh Quốc Gia", January 20, 1955 (TS). Xem thêm tài liệu NSC trong suốt thời gian 1950-1960 phù hợp với tuyên bố về các mục tiêu và hậu quả này
4. Chìa khóa cho vấn đề này [chiến tranh Đông Dương] là một quân đội quốc gia mạnh mẽ và hiệu quả với sự hỗ trợ của dân chúng đứng sau nó. "Cuộc trao đổi, Trung Tướng Thomas J.H Trapnell Jr, ngày 03 tháng 5 năm 1954, trong các tập tin OSD 092/092.2 Đông Dương. Các nhà làm quyết định Mỹ dường như nhất trí đồng ý với tuyên bố này.
5. Trong tháng 4 năm 1953 Trưởng MAAG, Tướng Trapnell báo cáo rằng các quan sát viên người Pháp đã trở về từ Hàn Quốc với rất ít [ý kiến] ngoại trừ một danh sách các lý do tại sao cách thức đào tạo của Mỹ không thể áp dụng một cách có hiệu quả ở Đông Dương được. Msg, CHMAAG Indochina AC S G-3 và CINFE, MG6I9A, DA-IN-25770I, 15 April 53. Mặc dù biên bản Thảo luận giữa hai bên Mỹ-Pháp (Phiên đầu, April 22, 1953, 03:30, Quai d'Orsay) báo cáo rằng "Phái đoàn Pháp nhận thấy việc ở Hàn Quốc là rất hữu ích. Hổng Tướng Juin đã đích thân mang các thông tin mà Pháp đề xuất lại để sử dụng trong việc xây dựng quân đội Việt Nam, "những tiêu chí loại bỏ được thêm vào, ngay cả ở mức độ ngoại giao cao," Nhưng vấn đề ở Đông

Dương là không giống nhau với Hàn Quốc. Những vấn đề mà hai quân đội phải đối mặt với nhau là không thể so sánh, nhưng một số bài học có thể được áp dụng ") đã tạo sức ép cho giải thích của Tướng Trapnell rằng các chuyển thăm của Pháp đến Hàn Quốc phần lớn là một sự lãng phí thời gian (S).

6. This plan, outlined to then Chargé d'Affaires Gullion, was dismissed as "fantastic," although it was seen that this Vietnamese attitude raised serious problems. Msg, Gullion to Acheson, 204, 25 March 1950 (S). History of the Indochina Incident, Historical Section, JCS. Series H, 1 February 1955 (TS). (Herein after referred to as JCS History,) In May 1954, Ngo Dinh Luyen, Bao Dai's personal representative, told Philip H. Bonsai that Bao Dai seeks U.S. help for the National Army. Hemcon, May 18 and 20, 1954 (TS), OSD Files 1954.
7. Memorandum for SECDEF from Service Secretaries, "Draft State Department Statement on Indochina, dated 27 March 1952" 8 April 1952 (TS).
8. Memorandum for Record, Meeting of President's Special Committee on Indochina, 29 January 1954," 30 January 1954 (TS).
9. Report by the Ad Hoc Committee to the Assistant to the Secretary for International Security Affairs..., " ND, Encl to (TS) Memorandum, Acting SECDEF to Service Secretaries, "Forty Additional Vietnam Battalions," 19 February 1953. JCS History.
10. Msg, CHHAAG IC to CSUSA, MG 1651(DA, 091515Z June 54, DA-IN-64188 (9 June 1954) (S).
11. Msg, Murphy to AmEmb (Paris), TOSEC 392, 10 June 1954 (TS).
12. Msg, SECSTATE to Amb (Paris), 4551, TEDUL 191, 12 June 1954 (1'S).
13. JCS History.
14. Memorandum for SECDEF from JCS, "Suspension of U.S. Military Aid to Indochina in Event of a Cease Fire," April 30, 1954; Memorandum from SECDEF to Service Secretaries and JCS, July 30, 1954.
15. Msg, CMHAAG Indochina to DEPTAR, Mg 2062A, 271130Z July 1954, DA-IN-74737, (TS). JCS History. Although interpretations of the Geneva. Agreements with regard to ceilings as they applied to U.S. military forces varied, the Department of State interpreted the agreement as fixing the number of forces at or below the level existing on 11 August 1954.
16. JCS History...

17. Memorandum for SECDEF,- "U.S. Assumption of Training Responsibilities in Indochina," 4 August 1954 (S).
18. Letter, SECDEF to SECSTATE, 12 August 1954 (S).
19. Memorandum SECSTATE to SECDEF, 18 August 1954 (S). JCS History
20. Memorandum for SECDEF from JCS, "U.S. Assumption of Training Responsibilities in Indochina," 22 September 1954 (TS).
21. Memorandum for SECDEF from JCS, "Retention and Development of Forces in Vietnam," 22 September 1954 (TS).
22. Memorandum for SECDEF from JCS, "Retention and Development of Forces in Indochina," 22 September 1954 (TS).
23. Memorandum, SECSTATE to SECDEF, October 11, 1954 (TS).
24. Memorandum, SECDEF from JCS, "Development and Training of Indigenous Forces in Indochina," 19 October 1954 (TS).
25. Msg, SECSTATE to AmEmb. (Saigon) 1679, 22 October 1954 (TS).
26. Memorandum, SECDEF to JCS, 26 October 1954 (TS).
27. Tham chiếu vấn đề đào tạo cho lực lượng Việt Nam, Tham mưu Trưởng Liên Quân mong muốn nêu lên rằng công thêm vào tình hình chính trị bất ổn hiện nay ở Việt Nam, là các điều khoản của Hiệp định Đình Chiến Geneva đã được giải thích để hạn chế sức mạnh của MAAG Indochina ở mức 342 nhân viên. Ngay khi tất cả các nhân viên quân sự được thay thế bởi dân sự Mỹ để thực hiện các chức năng bình thường của MAAG và các nhân viên quân sự được dành riêng cho các nhiệm vụ huấn luyện, thì số lượng nhân viên Hoa Kỳ chỉ đủ để tham gia giới hạn trong chương trình đào tạo tổng quát mà thôi. Dưới những điều kiện này, hiệu quả của sự tham gia của Hoa Kỳ trong việc đào tạo không những chỉ có mang lại lợi ích hạn chế nhưng lại bảo đảm sẽ phải chịu trách nhiệm cho bất kỳ sự thất bại nào của chương trình. (phần chữ in nghiêng) - Biên bản ghi nhớ từ JCS gửi SECDEF, "Phát triển và Đào tạo lực lượng bản địa ở Đông Dương", ngày 19 Tháng 10 năm 1954 (TS)
28. James H. Gavin, Crisis Nmv, p. 49.
29. Memorandum to SECDEF from JCS, "Indochina,". 17 November 1954 (TS).
30. NSC Record of Action 131b, 27 January 1955 (TS). JCS History. Memorandum, SECDEF to Service Secretaries and JCS, "Report on Vietnam
31. for the NSC," 3 February 1955 (TS).
32. NIE 63-7-54, 23 November 1954 (S). Excluded from this estimate are those Hoa Hao forces under the control of the VNA or the French.
33. Report to SECSTATE by J. Lawton Collins, Special Representative in Vietnam, January 20, 1955 (TS).
34. Discussions with a member of US MAAG in 1951-1955 period (U).

35. ... the government by force and bribery has drastically reduced the importance of these groups to challenge its authority." NIE 63.1-3-55, 11 October 1955.. "All significant sect resistance in South Vietnam has been eliminated.... " NIE 63-56, 17 July 1956. (S)
36. NIE 63-5-54, 03 Tháng Tám năm 1954. (S)
37. Ibid.
38. NIE 63-7 -54, 23 tháng 11 năm 1954 (S).
39. Trong thực tế, nhiều ước tính đã không đưa ra sự khác biệt giữa các lực lượng phía Bắc và phía Nam. Xem phần trình bày của MAAG ngày 23, 1958 (S), ước tính "Việt Cộng sức mạnh ở miền Bắc Việt Nam" ở mức 268.000.
40. Đối với các dự toán chi tiết đặc biệt của tổ chức Việt Minh ở miền Nam Việt Nam, Sở văn bản của nhà nước, " Cộng sản lật đổ: Mối đe dọa ở Việt Nam, Cam-pu-chia và Lào, "DR / SP 57.1, 29 Tháng 12 1955 (S), và" Mối đe dọa Cộng sản lật đổ ở các vùng thuộc Hiệp ước SEATO, II. Các mối đe dọa lật đổ ở miền Nam Việt Nam, DRF SP-62, 24 tháng 10 năm 1956 (S).
41. NIE 91, ngày 04 Tháng 6 năm 1953 (S).
42. NIE 63-7-54, 23 Tháng 11 1954 (S).
43. NIE 63.1-2-55, ngày 26 tháng 4 năm 1955 (TS).
44. NIE 63-5-54, ngày 3 tháng 8 năm 1954 (phần in nghiêng) (S)
45. NIE 63-7-54, 23 tháng 11 năm 1954 (S).
46. Biên bản cuộc họp giữa TT Diệm và Phó Bộ Trưởng Ngoại Giao Quarles - May 1957, ngày 15 tháng 5 năm 1957 (S).
47. Biên bản ghi nhớ gửi SECDEF, "Chính sách của Mỹ trong sự kiện đảo ngược lại xâm lược ở Việt Nam", ngày 09 Tháng 9 năm 1955 (TS).
48. NIE 14.3/53-61, 15 tháng 8 năm 1961 (S).
49. Biên bản ghi nhớ, SECSTATE gửi SECDEF, 11 tháng 10 năm 1954 (TS).
50. Xem chú thích 27 nói trên.
51. Bản ghi nhớ JCS gửi SECDEF, "Phát triển Thông tin Quốc phòng Liên quan đến Một số chương trình viện trợ Hoa Kỳ (cho Việt Nam) ", ngày 13 tháng tư 1956 (TS).
52. Xem, ví dụ, WW Kaufmann, Chiến lược McNamara, esp. chương I
53. Bản ghi nhớ JCS gửi SECDEF, "Nghiên cứu Tôn trọng đến hành động có thể Về Đông Dương," 26 tháng Năm 1954 (TS).
54. Bản ghi nhớ JCS gửi SECDEF, "Khái niệm và kế hoạch thực hiện, nếu cần thiết, Điều IV, I, Hiệp ước Manila," ngày 11 tháng Hai năm 1955 (TS), các khoản 6 và 7.
55. Ibid... đoạn 6-9.
56. Bản ghi nhớ JCS gửi SECDEF, "Tham khảo quân sự theo Hiệp ước Quốc phòng tập thể Tây Nam Á," 08 Tháng 10 năm 1954 (TS).

57. Bản ghi nhớ JCS gửi SECDEF, "Khái niệm và kế hoạch thực hiện, nếu cần thiết, Điều IV, 1, Hiệp ước Manila, ngày 11 tháng 2 năm 1955 (TS).
58. Biên bản ghi nhớ lực lượng bản địa
59. Ibid.
60. NSC 5612/1, Ngày 5 tháng Chín, 1956 (TS). "*Trong cuộc họp của NSC ngày 7 tháng 6, 1956 điểm b. Lưu ý rằng quan điểm của Tổng thống là mong muốn có những thẩm quyền quân sự thích hợp của Hoa Kỳ: (1) để khuyến khích các kế hoạch quân sự của Việt Nam trong việc phòng chống xâm lược từ bên ngoài là cùng đường hướng phù hợp với các khái niệm lập kế hoạch của Hoa Kỳ dựa trên chính sách của Hoa Kỳ.*" Biên bản ghi nhớ từ ASD(ISA) gửi Bộ Trưởng Ngoại Giao và JCS, "*Khả năng để đối phó với xâm lược địa phương ở Việt Nam,*" không có ngày (TS). "*kháng cự giới hạn ban đầu*" sau đó đã được định nghĩa là "*khả năng chống xâm lăng của Cộng sản bằng cách bảo vệ hoặc triển khai theo cách đó để bảo tồn và duy trì tính toàn vẹn của chính phủ và các lực lượng vũ trang cho giai đoạn thời gian cần thiết để gọi Hiến chương LHQ và /hoặc Đông Nam Á tập quốc phòng Hiệp định hoặc thời gian của thời gian cần thiết cho Chính phủ Hoa Kỳ để xác định rằng cân nhắc an ninh quốc gia yêu cầu đơn phương hỗ trợ của Mỹ và comrnit Mỹ hoặc các lực lượng an ninh tập thể...*" - Bản ghi nhớ JCS gửi SECDEF, "Chính sách của Mỹ tại lục địa Đông Nam Á ", ngày 21 tháng 12 năm 1956 (TS).
61. Từ tháng Mười Hai, 1955, báo cáo MAAG hoặc ngầm hay rõ ràng được giao nhiệm vụ chống sự xâm lược của quân đội Việt Nam. Trong tháng mười hai năm 1955 MAAG báo cáo VNA sẽ có khả năng trì hoãn một Việt Minh tấn công qua vĩ tuyến 17 trong vòng 60 ngày sau khi tập trung huấn luyện một năm của một lực lượng 10-chia. MAAG Trữ Country for 1955, tháng 12 năm 1955 (S).
62. SNIE 63-6-54, ngày 15 tháng 9 năm 1954 (S)
63. cf. đặc biệt là "Báo cáo của tháng Tám SMM 1954-tháng 8 năm 1955 (S). 1956, NIE 63.1-2-55 (TS) báo cáo rằng" chính sách Pháp công khai cam kết thay thế của ông Diệm trong các cơ hội sớm nhất có thể.... " Mặc dù chính sách của Mỹ đối với Diệm là thay đổi, chính sách của Pháp, tuy nhiên là tiêu cực, dường như tận hưởng đức tính nhất quán
64. NIE 63.1-2-55, 26 April 1955 (TS).
65. Ely, Général D'Armée Paul, Memoires, L'Indochine Dans La Tourmente, Chapters XI and XII.
66. Msg, Heath to SECSTATE, 1761, 8 November 1954 (S); Msg, Collins sgd Kidder to SECSTATE, 1830, 15 November 1954, DA-IN-99015 (16 November) (TS). JCS History.. __
67. Msg, ROA Washington sgd Stassen to USAHB Paris, USAHB Saigon, USFOTO 263, 24 November 1954 (C). JCS History.
68. Msg, Dillon to SECSTATE; 2433, 8 December 1954 (TS).

69. NIE 63.1-3755, 11 October 1955 (S).
70. JCS History.
71. NIE 63.1-3-55, 11 October 1955 (S).
72. New York Times, May 12, 1955.
73. Denis Warner. The Last Confucian. Pp. 107-108.
74. Matthew B. Ridgway, The Korea War, p. 191.
75. R1E 63-7-54, 23 November 1954 (S)
76. Memorandum for SECDEF from JCS, "Retention and Development of Forces in Indochina," 22 September 1954 (TS).
77. Msg, Collins sgd Kidder to SECSTATE, 1830, 15 November 1954, DA-IN-99015, (16 November) (TS), JCS History.
78. Ibid.
79. Ibid.
80. Memorandum for SECDEF from JCS, "Indochina," 17 November 1954 (TS).
81. Report to SECSTATE from J. Lawton Collins, Special Representative in Vietnam, "Report on Vietnam for the National Security Council, January 20, 1955 (TS). The above is from "Supplement to the Report on Vietnam by Gen. J. Lawton Collins," (S).
82. TRIM Tóm lược, trong "Báo cáo chuyến thăm của Trung tướng Bruce C. Clarke, Tư Lệnh quân đội Mỹ Thái Bình Dương gửi Bộ chỉ Huy Tây Thái Bình Dương và Đông Nam Á, 06-29 tháng Chín năm 1955, (S). JCS History.
83. Chủ đề sự lạc hướng của VNA về đào tạo trong chiến đấu suốt giai đoạn. Suy giảm trong việc tham gia của Pháp trong TRIM được tiết lộ bởi bảng sau: TRIM Officers Strengths, tháng Ba 1955 đến tháng Ba năm 1956 [Nguồn: "Nghiên cứu về các khía cạnh quân sự của Chương trình hỗ trợ quân sự tại Việt Nam,"

	U.S. Officers	French Officers
3/55	68	209
5/55	121	225
7/55	124	108
9/55	125	66
11/55	142	58
1/56	149	53
3/56	189	0

84. Msg, CHMAAG Indochina to CINCPAC, 091330Z, August 1955 (TS). JCS History.
85. Memorandum for SECDEF from JCS, "sửa đổi Force Base cho Việt Nam", 19 1955 (TS). Trong biên bản ghi nhớ của ông ngày 29 Tháng Bảy 1955 cho JCS yêu cầu

JCS đánh giá của cơ sở lực lượng 150.000, ACTG ASD (ISA) đặt câu hỏi về nhiệm vụ "để kiểm tra sự xâm lược từ bên ngoài," nhấn mạnh rằng trường hợp nếu nó là có thể chấp nhận để Chính phủ Hoa Kỳ nhà chức trách "(TS) sau đó Bộ Quốc phòng phê duyệt mức này lực lượng được thành lập, có hiệu lực, phê duyệt nhiệm vụ chống xâm lược.

86. JCS History.
87. điểm mạnh thực tế của các lực lượng Việt Nam như sau: [Nguồn: "Nghiên cứu về các khía cạnh quân đội...", US Army Command and General Staff College, 1 Tháng Sáu 1960, p. C-5 (S)].
88. Sự dư thừa quá lớn các thiết bị quân sự tại Việt Nam là kết quả của việc giảm số lượng của cả hai Quân Viễn Chinh Pháp và VNA, VNA hoàn toàn không có khả năng chịu trách nhiệm hậu cần và thu hồi trang thiết bị từ tay Quân Viễn Chinh Pháp đã dẫn đến việc đổ tháo hàng núi thiết bị vào Việt Nam; hơn nữa, Pháp đã phải đối mặt với một tình hình đang xấu đi ở Bắc Phi và chỉ lo quan tâm đến việc tận dụng các thiết bị tốt nhất để họ sử dụng riêng và từ chối cho phép các quân nhân Mỹ được vào kho bãi và chỗ bỏ rác của họ để kiểm kê cả tình trạng chất lượng và số lượng hàng tồn kho. ["Nghiên cứu về các khía cạnh quân đội...", US Army Command and General Staff College, ngày 01 Tháng 6 năm 1960, trang D-6 - D-8. (S)]

	<u>Army</u>	<u>Navy</u>	<u>Air Force</u>
1/55	170,000	1,500	3,500
1/56	152,000	4,200	3,400
1/57	138,600	4,900	3,500
1/58	131,500	4,900	3,500
1/59	135,500	5,000	4,600
12/59	132,000	5,200	4,800

89. Msg, CHMAAG Indochina CNA, MG125A 100810A Tháng 2 năm 1955, DA-IN-117.629 (S). JCS History
90. Biên bản ghi nhớ cho SECDEF, "Nâng cao trần quân nhân Mỹ MAAG Việt Nam", 9 năm 1955 (S).
91. Letter, SECDEF đến SECSTATE, 13 năm 1956 (S).
92. Biên bản ghi nhớ cho SECDEF từ ASD (ISA), 25 tháng 1. 1956, lá thư, SECDEF SECSTATE, ngày 31 tháng 1 năm 1956 (S).

93. Xem thư từ Phó trưởng Ngoại giao SECDEF ngày 01 tháng năm 1956 (S), trong đó chi tiết hạn chế về TERM cũng như quan điểm của Bộ Ngoại giao tóm tắt về TERM.
94. TERM bản thân đã bị giải tán và nhân viên được giao cho MAAG năm 1960. TERM đã được một số người dán nhãn là "né tránh" (subterfuge) trên quan điểm quân sự (xem "Nghiên cứu về các khía cạnh quân đội..." trang D-1FF), có lẽ nó cũng là một thứ né tránh hữu ích trên quan điểm tình báo như Allen H. Dulles đã tiết lộ bởi và đã mạnh mẽ chứng thực ham muốn của SECDEF để tăng cường MAAG Việt Nam, trong đó kết luận của ông cho thấy sự cần thiết có thêm nhân viên CIA dưới vỏ bọc quân sự tại Việt Nam. Biên bản ghi nhớ cho SECSTATE từ Giám đốc CIA, 16 Tháng 12 1955 (S).
95. JCS-History.
96. Tuyên bố của MAAG về các nước Việt Nam và Lào ngày 31 Tháng Mười Hai 1955 (S). Phần in nghiêng.
97. Các báo cáo của MAAG: " Tổ chức lại vĩnh viễn... theo lối Mỹ và những tập trung có liên quan chưa hoàn thành (31 tháng 12, 1955);" Tiếp tục tổ chức lại và tập trung... theo lối Mỹ... Việc sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở hậu cần theo lối Mỹ bị chậm...(30 tháng 6 năm 1956), "Trong khi tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại, đào tạo theo lối Mỹ..." (12 Tháng 12, 1956), "Tổ chức lại quân đội Việt Nam theo lối Mỹ đang tiến triển nhưng vẫn chưa hoàn thành...(Ngày 30 tháng sáu năm 1957); "Tổ chức lại quân đội Việt Nam dọc theo lối Mỹ đang tiến triển nhưng vẫn chưa hoàn thành....TOE và TD cho các đơn vị QLVNCH đã được chuẩn bị bởi MAAG và chuyển tiếp đến QLVNCH để xem xét.(31 Tháng 12 1957), " Hầu hết các yếu tố mong muốn theo cách thức Hoa Kỳ, đem áp dụng cho các lực lượng vũ trang Việt Nam, cuối cùng sẽ được phản ánh trong các qui trình được quân đội sử dụng " (24, tháng 8 năm 1958); "Việc đào tạo được tiến hành thường theo cách Mỹ... (Ngày 25 tháng 11 năm 1958 đến 31 tháng Ba 1959) (Tất cả S).
98. Tường thuật MAAG Việt Nam. Tuyên bố, tháng 11 năm 1958, sửa đổi để bao gồm tất cả các thay đổi đã thông qua ngày 31 tháng Ba 1959 (3). Rõ ràng là quân Bắc Việt đã được loại trừ trong sự so sánh này.
99. "Tốt hơn, hai cố vấn Mỹ nên được giao cho từng đơn vị cấp tiểu đoàn". MAAG National Statement, 30 tháng 6 1956 (S). Vị trí Cố vấn ủy quyền như sau:

AUTHORIZED NUMBER OF ADVISORS, AUTHORIZED STRENGTH PER UNIT
 [Source: Research Analysis Corporation, Cost Analysis of Counterinsurgency Land Combat Operations: Vietnam, 1957-1964 (U) Volume II, Appendix G, pp. 210-211, August 1967 (S)]

	<u>1956</u>	<u>1957</u>	<u>1958</u>	<u>1959</u>	<u>1960</u>	<u>1961</u>
Corps	-	5 (5)	10 (5)	15 (5)	15 (5)	100 (33)
Division	30 (3)	30 (3)	30 (3)	35 (5)	35 (5)	35 (4)
Regiment	35 (1)	35 (1)	31 (1)	26 (1)	26 (1)	29 (1)
Battalion	-	-	-	-	-	672 (7)
Abn Brigade	1 (1)	1 (1)	1 (1)	1 (1)	1 (1)	4 (4)
Ranger Co.	-	-	-	7 (7)	7 (7)	18 (.5)
Schools and Tng Centers	26 (6)	26 (6)	26 (6)	22 (6)	22 (6)	42 (3)
Sectors	-	-	-	-	-	39 (1)
Total	<u>92 (11)</u>	<u>97 (16)</u>	<u>98 (16)</u>	<u>106 (25)</u>	<u>106 (25)</u>	<u>939 (53.5)</u>

Những thông tin sẵn có không cho phép việc kết toán về tầm cỡ của MAAG cho bất kỳ năm nào trong các năm được xem xét. Theo RAC, "Không có dữ liệu về thực tế số lượng cố vấn quân đội Mỹ ở Việt Nam Cộng Hòa trước ngày 30 Tháng 11 năm 1961."

100. MAAG Vietnam Narrative Statement, November 1958, revised to include all changes through November 1959 (S).
101. Ibid.
102. "Thực tế rằng quân đội hành quân, như nó đang làm, đầu sao nó cũng không bị Quỹ Đối Ứng đảm bảo loại trừ khỏi chính trị, do đó, và cuối cùng quân đội đã giết chết Ngô Đình Diệm khi Mỹ đình chỉ CIP để làm ông ta trở nên biết điều. " Duncanson, op.cit, p. 293.
103. "... kỷ luật đã bị ảnh hưởng bởi việc không ưa bị trừng phạt vì chểnh mảng hay bất tuân thượng lệnh, và việc phạt đó đã làm mất mặt, do đó, tội nhẹ như vắng mặt không phép (hạng người dứt khoát đào ngũ) và bỏ bê không thi hành lệnh đã trở nên rất phổ biến " ibid. p. 290.
104. Memorandum, Dr. Edward W. Heidner to Nr. Leland Barrows, USOM, "Recommendation for American and Vietnamese Action Re Civil Security, " October 11, 1955.
105. NIE 63-56 (S).
106. MAAG Country Statement for Vietnam as of 31 December 1956, pp. 12 and 18 (S).
107. MAAG Vietnam Country Statement for Vietnam as of 31 December 1957 (S), p. 16.
108. "Report on the Proposed Organization of the Law Enforcement Agencies of the RVN," MSU Police Advisory Staff, Saigon, Vietnam, April 1956.
109. Despatch. Saigon to State 276. 4 January 1960 (S).
110. Despatch. Saigon to State, 400. 29 May 1959 (S). JCS History.
111. "The best available account of the Civil Guard dispute is contained in John D. Montgomery, The Politics of Foreign Aid, pp. 64-70.
112. PACOM Weekly Intelligence Digest 30-58 (S)

113. page C-22..
114. Duncanson, op. cit., p. 305..
115. Speaking in 1954, President Eisenhower gave eloquent testimony to this type of reasoning: "If you could win a big one, you would certainly win a little one."
(Quoted in Kaufmann, op. cit., p. 25).
116. PACOM Weekly Intelligence Digest, 18 May 1956 (S), p.16.
117. Ibid., p. 17.
118. Báo cáo của SMM, tháng 8 năm 1954 đến tháng 8 năm 1955 (S). Phái Bộ, đứng đầu lúc đó là Đại tá Edward Lansdale, Không quân Hoa Kỳ, đặc biệt quan tâm với các phương pháp không chính thống để chống lại Cộng sản. Đại tá Lansdale sau đó phục vụ như là một thành viên của TRIM dưới quyền O'Daniel, nhưng hoạt động của ông là chuyên ngành.
119. Thí dụ, nhân viên đơn vị chiến thuật và trang thiết bị đã được sử dụng nhiều lần trong chương trình phát triển nông nghiệp của chính phủ trong khuôn khổ chương trình phát triển, di dân và tái định cư và trong chương trình bình định và nhiệm vụ an ninh. Các hoạt động này làm giảm hiệu quả các chương trình đào tạo chính thức.... Lực Lượng Bảo An cuối cùng sẽ chịu trách nhiệm hoàn toàn cho an ninh nội bộ của quốc gia” Lời Tường Thuật của MAAG, tháng 11 năm 1958 (S), sửa đổi để bao gồm các thay đổi đến 31 tháng 3 năm 1959 (S).
120. Xem xét, ví dụ, không chỉ nỗ lực của Mỹ để thiết lập ranh giới rõ ràng thẩm quyền của Chính phủ Việt Nam cho các lực lượng vũ trang, mà còn rằng cuộc thảo luận không được tìm thấy trong các dữ liệu có sẵn liên quan đến mong muốn của một cơ sở dịch vụ ba bên hoàn chỉnh, với một binh chủng Thủy Quân Lục Chiến đầy đủ.
121. Tạp Chí Thông tin Quân đội, tháng 11 1960, trang 36 -37.
122. "Why U.S. is losing in Vietnam," U.S. News and World Report, November 9, 1964, p. 64.
123. "The Practical Demands of MAAG," Lt. General Samuel T. Williams, Military Review, Vol. 41, No.7, July 1961, p. 7.
124. Duncanson, op. cit., p. 293.
125. John Mecklin, Mission in Torment, p. 12.
126. Cost Analysis of Counter insurgency Land Combat Operations: Vietnam 1957-1964 (U), Research Analysis Corporation, RAC ID-232, August 1967. Vol. II, pp. 54-56.
127. "The Armored School South Vietnam," Armor, January-February 1958, pp. 42-43; also MAAG Country Statement for Vietnam and Laos as of 31 December 1955, p.23 (S)
128. "For some reason," wrote General Samuel T. Williams, " many advisors seem more ready to assist in drawing up division and corps problems than they are in building

and supervising problems for the smaller unit." Military Review Vol. 41, July 1961, p.13.

Tài liệu tham khảo

BIBLIOGRAPHY

I. Unclassified Materials

A. Books and Reports

Bain, Chester, Vietnam: The Roots of Conflict, Prentice Hall, Englewood Cliffs, New Jersey, 1967.

Bator, Victor, Vietnam, a Diplomatic Tragedy: The Origins of the United States Involvement, Oceana Publications, Inc., Dobbs Ferry, New York, 1965.

Bodord, Lucian, (trans. by Patrick O'Brien), The Quicksand War: Prelude to Vietnam, Little, Brown and Company, Boston, Massachusetts, 1967.

Buttinger, Joseph, Vietnam: A Dragon Embattled: Volume I, From Colonialism to the Vietminh, Frederick A. Praeger, New York, 1967.

Buttinger, Joseph, Vietnam: A Dragon Embattled: Volume II, Vietnam at War, Frederick A. Praeger, New York, 1967.

Chatham House Study Group, Collective Defence in Southeast Asia: The Manila Treaty and its Implications, Oxford University Press, London, 1956.

Duncanson, Dennis J., Government and Revolution in Vietnam, Oxford University Press, London, 1968.

Ely, General D'Armee Paul, Memoires L'Indochine Dans La Tourmente, Librairie Plon, Paris, 1964.

Fall, Bernard B., Street Without Joy: Insurgency in Indochina, 1946-1963, Stackpole Company, Harrisburg, Pennsylvania, 1961.

Fall, Bernard B., The Two Viet-Nams: A Political and Military Analysis, Frederick A. Praeger, New York, 1964.

Fall, Bernard B., Vietnam Witness 1953-66, Frederick A. Praeger, New York, 1966.

Gavin, James C., Crisis Now, Random House, New York, 1968.

Gettleman, Marvin E., ed., Vietnam: History, Documents, and Opinions on a Major World Crisis, Fawcett World Library, New York, 1965.

Gurtov, Melvin, The First Vietnam Crisis: Chinese Communist Strategy and the United States Involvement 1953-1954, Columbia University Press, New York, 1967.

- Halberstam, David, The Making of a Quagmire, Random House, New York, 1965.
- Hammer, Ellen J., The Struggle for Indochina 1940-1955, Stanford University Press, Stanford, California, 1966.
- Jordan, Amos, Foreign Aid and the Defense of Southeast Asia, Frederick A. Praeger, New York, 1962.
- Kahn, George McTurnan, John W. Lewis, The United States in Vietnam, Dial Press, New York, 1967.
- Kaufmann, W. W., The McNamara Strategy, Harper and Row, New York, 1964.
- King, John Kerry, Southeast Asia in Perspective, MacMillan Company, New York, 1956.
- Lacouture, Jean, (trans. by Konrad Keller and Joel Carmichael), Vietnam: Between Two Truces, Vantage, New York, 1966.
- Lancaster, Donald, The Emancipation of French Indochina, Oxford University Press, London, 1961.
- Lindholm, Richard W., ed., Vietnam, The First Five Years: An International Symposium, Michigan State University Press, East Lansing Michigan, 1959.
- McCarthy, Joseph E., Illusion of Power; American Policy Toward Vietnam 1954-1966, Carlton Press, New York, 1967.
- Mecklin, John, Mission in Torment: An Intimate Account of the U. S. Role in Vietnam, Doubleday and Company, Garden City, New York, 1965.
- Montgomery, John D., The Politics of Foreign Aid, Frederick A. Praeger, New York, 1962.
- Nguyen Cong Vien, Seeking the Truth; the Inside Story of Vietnam After the French Defeat by a Man Who Served in Dai's Cabinet, Vantage Press, New York, 1966.
- Nutt, Anita Lauve, Troika on Trial: Control or Compromise?, Vol. I, Defense Documentation Center, Virginia, September 1967.
- Nutt, Anita Lauve, Troika on Trial: Control or Compromise?, Vol. II, Defense Documentation Center, Virginia, September 1967.
- Nutt, Anita Lauve, Troika on Trial: Control or Compromise?, Vol. III, Defense Documentation Center, Virginia, September 1967.

Pan, Stephen, Daniel Lyons, Vietnam Crisis, Robert Speller & Sons, New York, 1966.

Raskin, Marcus G. and Bernard B. Fall, eds., The Vietnam Reorder: Articles and Documents on American Foreign Policy and the Vietnam Crisis, Random House, New York, 1965.

Ridgway, Matthew B., Soldier: The Memoirs of Matthew B. Ridgway; as told to Harold H. Martin, Harper, New York, 1956.

Ridgway, Matthew B., The Korean War, Doubleday, Garden City, New York, 1967.

Salmon, Malcolm, Focus on Indo-China, Foreign Languages Publishing House, Hanoi, 1961.

Scigliano, Robert, South Vietnam: Nation Under Stress, Houghton Mifflin, Boston, 1964.

Scigliano, Robert, Guy H. Fox, Technical Assistance in Vietnam: The Michigan State University Experience, Frederick A. Praeger, New York, 1965.

Shaplen, Robert, The Lost Revolution: The Story of Twenty Years of Neglected Opportunities in Vietnam and of America's Failure to Foster Democracy There, Harper and Row, New York, 1955.

Warner, Denis, The Last Confucian; Vietnam, Southeast Asia, and the West, Penguin, Baltimore, Maryland, 1964.

Zagoria, Donald S., Vietnam Triangle: Moscow, Peking, Hanoi, Pegasus, New York, 1967.

B. Articles

Conner, Judson, J., "Teeth for the Free World Dragon," Army Information Digest, November 1960.

Harriman, W. Averill, "What Are We Doing in Southeast Asia," New York Times Magazine, May 27, 1962.

Myers, Samuel L., "Building a Strong National Vietnamese Army," Free World Forum, May 1959.

Williams, Samuel T., "Why the U. S. is Losing in Vietnam: An Inside Story," U. S. News and World Report, November 9, 1964.

C. Other

Fourth Semiannual Report to Congress on the Mutual Defense Assistance Program: Message from the President of the United States, House Document No. 352, 82nd Congress, 2nd Session, Government Printing Office, Washington, D. C., February 1952.

House Committee on Foreign Affairs, Special Study Mission to Southeast Asia and the Pacific, House Report No. 2024, 83rd Congress, 2nd Session, Government Printing Office, Washington, D. C., July 1954.

Mansfield, Mike, Indochina: Report on a Study Mission to the Associated States of Indochina, Vietnam, Cambodia, Laos, 83rd Congress, 1st Session, Government Printing Office, Washington, D. C., October 27, 1953.

New York Times issues throughout the period.

Subcommittee on State Department Organization and Public Affairs, United States Aid Program in Vietnam: Report to Senate Committee on Foreign Relations, 86th Congress, 2nd Session, Government Printing Office, Washington, D. C., February 26, 1960.

Memo: Dr. Edward W. Weidner to Mr. Leland Barrows, USOM, "Recommendation for American and Vietnamese Action re. Civil Security," October 11, 1955.

"Report on the Proposed Organization of the Law Enforcement Agencies of the RVN," Michigan State University Police Advisory Staff, Saigon, Vietnam, April 1956.

(Vol. II.) Supplement to the Composite Report of the President's Committee to Study the United States Military Assistance Program, William H. Draper, Chairman, Government Printing Office, Washington, D. C., August 17, 1959.

U. S. Foreign Assistance and Assistance from International Organizations: Obligations and Other Commitments, ICA, Office of Statistics and Reports, July 1, 1945 through June 30, 1960.

U. S. Foreign Assistance and Assistance from International Organizations: Obligations and Other Commitments, ICA, Office of Statistics and Reports, July 1, 1945 through June 30, 1961 (Preliminary).

U. S. Army Infantry Reference Data, 1956.

U. S. Army Infantry Reference Data, 1957.

U. S. Army Infantry Reference Data, 1958.

II. Classified Materials

A. National Security Council Documents

NSC 48, June 10, 1949.(TS)

NSC 41/1, December 23, 1949.(TS)

NSC 64, February 27, 1950.(TS)

NSC 64/1, December 21, 1950.(TS)

NSC 64, Progress Report, April 27, 1951.(TS)

NSC 124, February 13, 1952.(TS)

NSC 124/1, June 10, 1952.(TS)

NSC 124/2, Progress Report, August 5, 1963.(TS)

Memorandum for Defense Members, NSC Planning Board, "Draft
Revision NSC 124/2," December 8, 1953.(TS)

NSC 177, December 30, 1953.(TS)

"Army Position on NSC Action," No. 1074-a, April 1954.(TS)

NSC Action 1074-a, April 5, 1954.(TS)

NSC Action 1086-a,b,c, April 15, 1954.(TS)

NSC Action 1147-b, June 4, 1954.(TS)

NSC 5421, June 1, 1954.(TS - Special Security Precautions)

NSC Record of Action 1316, January 27, 1955.(TS)

NSC 5519, May 17, 1955.(TS)

NSC 5405/5429/5, "Progress Report," July 11, 1956.(S)

NSC 5612, Draft, August 15, 1956.(TS)

NSC 5612/1, September 5, 1956.(TS)

NSC 5612/1, Progress Report, November 6, 1967.(S)

OCB Report in NSC 5809, August 12, 1959.(S)

NSC 5612, Draft, August 15, 1956.(TS)

NSC 5612/1, September 5, 1956.(TS)

NSC 5612/1, Progress Report, November 6, 1967.(S)

OCB Report in NSC 5809, August 12, 1959.(S)

NSC 6012, July 25, 1960.(S)

B. National Intelligence Estimates

NIE 5, December 29, 1950.(S)
NIE 20, March 20, 1951.(S)
NIE 35, August 7, 1951.(S)
NIE 35/1, March 3, 1952.(S)
NIE 35/2, August 27, 1952.(S)
NIE 47, October 31, 1952.(TS)
NIE 91, June 4, 1953.(S)
NIE 10-2-54, March 15, 1954.(S).
NIE 63, April 30, 1954.(S)
NIE 63-3-54, May 21, 1954.(S)
NIE 10-3-54, June 1, 1954.(TS - Limited Distribution)
NIE 63-4-54, June 15, 1954.(S)
NIE 63-5-54, August 3, 1954.(S)
NIE 63-7-54, November 23, 1954.(S)
NIE 10-7-54, November 23, 1954.(S)
NIE 63.1-2-55, April 26, 1955.(TS)
NIE 63.1-3-55, October 11, 1955.(S)
NIE 63-56, July 17, 1956.(S)
NIE 63.2-57, May 14, 1957.(S)
NIE 63-59, May 26, 1959.(S)
NIE 14.3/53-61, August 15, 1961.(S)

C. Special Estimates and Special National Intelligence Estimates

SE 22, March 4, 1952.(TS)
SE 32, October 3, 1952.(S)

SE 52, November 10, 1953.(TS)

SE 53, December 18, 1953.(TS)

SNIE 63-2-54, June 9, 1954.(S)

SNIE 10-4-54, June 15, 1954.(TS - Limited Distribution)

SNIE 63-6-54, September 15, 1954.(S)

SNIE 63.1-2/1-55, May 2, 1955.(S)

SNIE 63.1-4-55, September 13, 1955.(TS)

SNIE 58-2-61, July 5, 1951.(TS - NO FORN)

D. State Department Documents

Documentary History of United States Policy Toward Indochina,
1940-53, Research Project 354, April 1954, Historical Division,
Department of State.(TS)

Message, Murphy to AmEmb (Paris), TOSEC 392, June 10, 1954.(TS)

Message, SECSTATE to Amb (Paris), 4551, TEDUL 191, June 12, 1954.(TS)

Memorandum, SECSTATE to SECDEF, August 18, 1954.(S)

Memorandum, SECSTATE to SECDEF, October 11, 1954.(TS)

Message, AmEmb (Saigon), from State/Defense, October 21, 1954,
Draft.(TS)

Message, SECSTATE to AmEmb (Saigon), 1679, October 22, 1954.(TS)

Message, Heath to SECSTATE, 1761, November 8, 1954.(S)

Message, Collins signed Kidder to SECSTATE, 1830, November 15, 1954,
DA-IN-99015 (November 16).(TS)

Message, Dillon to SECSTATE, 2433, December 8, 1954.(TS)

J. Lawton Collins, Special Representative of The United States in
Vietnam, "Report on Vietnam for the National Security Council,"
January 20, 1955 (TS) with Supplement (S).

Department of State, INR, "The Communist Subversive Threat in Vietnam,
Cambodia, and Laos," DR/SP 57.1, December 29, 1955.(S)

Letter, Deputy Under-Secretary of State to SECDEF, dated May 1, 1956.(S)

Department of State, INR, "The Communist Subversive Threat to the SEATO Treaty Area, II. The Subversive Threat in South Vietnam," DRF SP-62, October 24, 1956. (S)

Dispatch, Saigon to State, 400, May 29, 1959. (S)

Dispatch, Saigon to State, 276, January 4, 1960. (S)

Chronology on Vietnam, 1950-1965, Research Project No. 747, Historical Studies Division, Historical Office, Bureau of Public Affairs, Department of State, November 1965.

E. Defense Department Documents

Memorandum for SECDEF from Service Secretaries, "Draft State Department Statement on Indochina, of March 27, 1952," April 8, 1952. (TS)

Enclosure to Memorandum, Acting SECDEF to Service Secretaries, "Forty Additional Vietnam Battalions," February 19, 1953. Report by the Ad Hoc Committee to the Assistant to the Secretary for International Security Affairs.

Message, CINFE, MG619A, DA-IN-257701, April 15, 1953.

"Report of U. S.-Joint Military Mission to Indochina," July 15, 1953. (TS)

"Progress Report on Military Situation in Indochina," November 19, 1953. (TS)

"Comments on 'Progress Report on Military Situation in Indochina,' November 19, 1953," (Comments by Army Attache, Saigon), December 24, 1953. (S)

"Report of U. S. Special Mission to Indochina," February 5, 1954. (TS)

Memorandum for SECDEF from JCS, "Suspension of U. S. Military Aid to Indochina in Event of a Cease Fire," April 30, 1954.

"Debriefing, Major General Thomas J. H. Trapnell, Jr., May 3, 1954, OSD File No. 092/092.2, Indochina. (TS)

Memorandum for SECDEF from JCS, "Studies with Respect to Possible U. S. Action Regarding Indochina," May 26, 1954. (TS)

Message, CHMAAGIC to CSUSA, MG 165 1 DA, 0915 15Z, June 1957, DA-IN-64188 (June 9, 1954). (S)

Message, CHMAAG Indochina, to DEPTAR, MG 2062A, 271130Z, July 1954, DA-IN-74737. (TS)

Memorandum from SECDEF to Service Secretaries and JCS, July 30, 1954.

Memorandum for SECDEF from JCS, "U. S. Assumption of Training Responsibilities in Indochina, August 4, 1954.(S)

Letter, SECDEF to SECSTATE, August 12, 1954.(S)

Memorandum for SECDEF from JCS, "U. S. Assumption of Training Responsibilities in Indochina," September 22, 1954.(TS)

Memorandum for SECDEF from JCS, "Retention and Development of Forces in Vietnam," September 22, 1954.(TS)

Memorandum for SECDEF from JCS, "Military Consultation under the Southeast Asia Collective Defense Treaty," October 8, 1954.(TS)

Memorandum, SECDEF from JCS, "Development and Training of Indigenous Forces in Indochina," October 19, 1954.(TS)

Memorandum, SECDEF to JCS, October 26, 1954.(TS)

Memorandum for SECDEF from JCS, "Indochina," November 17, 1954.(TS)

Memorandum for JCS from SECDEF, "Reconsideration U. S. Military Programs in Southeast Asia," January 5, 1955.(TS)

Memorandum for SECDEF, "Reconsiderations of U. S. Military Programs in Southeast Asia," January 21, 1955.(TS)

History of the Indochina Incident, Historical Section, JCS, Series B, February 1, 1955.(TS)

Draft, History of the Indochina Incident, Supplements 1-3, Series B, Historical Section, n.d.(TS)

Message CHMAAG Indochina to CNO MG 125A 100810A, February 1955, DA-IW 117629.(S)

Memorandum, SECDEF to SERVICE SECRETARIES and JCS, "Report on Vietnam for the NSC," February 3, 1955.(TS)

Memorandum for SECDEF from the JCS, "Concept and Plans for the Implementation If Necessary of Article IV, 1, of the Manila Pact," February 11, 1955.(TS)

Report of the Saigon Military Mission, August 1954 - August 1955.(S)

Memorandum for SECDEF from the JCS, "U. S. Policy in the Event of a Reversal of Aggression in Vietnam," September 9, 1955.(TS)

Report of Visit of Lt. General Bruce G. Clarke, Commanding General, U. S. Army Pacific to Western Pacific and Southeast Asia, September 6-29, 1955.(S)

Memorandum for SECDEF, "Raising U. S. Military Personnel Ceiling of MAAG Vietnam," December 9, 1955.(S)

Memorandum for SECDEF from ASD (ISA), January 25, 1956.(S)

Letter, SECDEF to SECSTATE, January 31, 1956.(S)

Memorandum for SECDEF from JCS, "Development of Defense Information Relating to Certain U. S. AID Programs (Vietnam)," April 13, 1956.(TS)

Letter, SECDEF to SECSTATE, December 13, 1956.(S)

Memorandum for SECDEF from JCS, "U. S. Policy in Mainland Southeast Asia," December 21, 1956.(TS)

Minutes of Meeting between President Diem and Deputy Secretary Quarles, May 10, 1957, May 15, 1957.(S)

Memorandum for the Record by Colonel Edward G. Lansdale, "Pacification in Vietnam," July 15, 1958.(S)

"Study on Army Aspects of the Military Assistance Programs in Vietnam," U. S. Army Command and General Staff College, June 1, 1960.(S)

Notes on U. S. Policy Toward Vietnam since 1945, OCMH, TS-62-5-3, May 24, 1962.(TS)

MAAG Country Statement for Vietnam and Laos as of December 31, 1955.(S)

MAAG Country Statement for Vietnam as of June 30, 1956.(S)

MAAG Country Statement for Vietnam as of December 31, 1956.(S)

MAAG Country Statement for Vietnam as of June 30, 1957.(S)

MAAG Vietnam Country Statement for Vietnam as of December 31, 1957.(S)

MAAG Vietnam Narrative Study, August 23, 1958.(S)

MAAG Vietnam Narrative Statement, November 1958, Corrected to March 31, 1959.(S)

Weekly Intelligence Digest, Joint Intelligence Division, PACOM, April 27, 1956; January 4, 1957; July 5, 1957; March 28, 1958; December 9, 1960.(All Secret)

F. Other Official Documents

Memorandum for the Record, "Meeting of President's Special Committee on Indochina, January 29, 1954," January 30, 1954.(TS)

"Report of Working Group of Special Committee on Indochina," February 6, 1954.(TS)

President's Special Committee Report, April 5, 1954.(TS)

Memcon, May 18 and 20, 1954, OSD Files 1954.(TS)

Message FOA Washington, signed Stassen to USAMB Paris USAMB Saigon, USFOTO 263, November 24, 1954.(C)

Memorandum for SECSTATE from Director, CIA, December 16, 1955.(S)

"Supplement to the Composite Report of the President's Committee to Study the United States Military Assistance Program," Volume III, August 17, 1959.(S)

G. Other

Bykerk, Norman H., MAAG Vietnam: Manacled by Geneva (U), Army War College, Pennsylvania, March 19, 1958.(S)

Erickson, John L., Impact of the United States Military Assistance Advisory Group in Vietnam (U), U. S. Army War College, Log No. 61-2-54 S, Pennsylvania, February 10, 1961.(S)

Heymont, Irving, Ronald B. Emery, John G. Phillips, Cost Analysis of Counterinsurgency Land-Combat Operations: Vietnam, 1957-1964, Volume I, Main Body (U), Research Analysis Corporation, McLean, Virginia, June 1967.(S)

Heymont, Irving, Ronald B. Emery, John G. Phillips, Cost Analysis of Counterinsurgency Land-Combat Operations: Vietnam, 1957-1964, Volume II, Appendixes (U), Research Analysis Corporation, McLean, Virginia, August 1967.(S)

Heymont, Irving, James W. Lash, Planning Factors for Counterinsurgency Land-Combat Operations, Based on RVN Experience, FY 1958-FY 1964 (U), Research Analysis Corporation, McLean, Virginia, November 1967.(S)

Nees, Charles M., The Establishment of a United States Joint Task Force, Southeast Asia (U), U. S. Army War College, Log No. 57-2-124 S, Pennsylvania, February 18, 1957.(S)